NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 197 • SEPTEMBER 2005

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 -USA
EMAIL: theky21@mail.nguoi-viet.com
ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 657- 8051
TOÀ SOẠN: (714) 839- 8746

VỀ TÌNH TRẠNG NGHIÊN CỨU VĂN HỌC TẠI MIỀN BẮC NHỮNG NĂM 60

Trò chuyện giữa

THỤY KHUÊ và GS. NGUYỄN HUỆ CHI

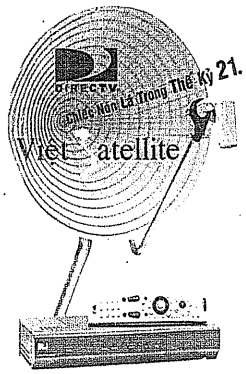

VIỆT SATELLITE
AMERITRAN USA INC.

www.vietsatellite.com
15567 Brookhurst Street
Westminster, CA 92683

1-866-277-0748
1-714-775-5400

Công ty duy nhất do người Việt làm chủ
Đại Diện Chính thức cho DIRECTV
DIRECTV AUTHORIZED DEALER

Mở cửa 7 ngày trong tuần

BIG SALE!!!
BIG SALE!!!

Chúng tôi có nhân viên lắp ráp
trên toàn quốc Hoa Kỳ

Miễn phí Satellite DISH + RECEIVER cho 4 phòng + Installation
Quý khách có thể xem đài SBTN 24/24 phát hình từ Orange County, California
với nhiều tiết mục thật hấp dẫn và độc đáo như: Tin tức với Diệu Quyên-Việt Dũng,
thể thao với Đỗ Tân Khoa, tâm tình nghệ sỹ với Giáng Ngọc, tân nhạc, cải lương,
khoa học kỹ thuật, phim Trung Hoa và Đại Hàn chuyển âm qua tiếng Việt v..v...

DIRECTV
AUTHORIZED DEALER

LỆ PHÍ HÀNG THÁNG THẤP NHẤT:

$24.99* gồm đài SBTN và các đài địa phương
$44.99* đài SBTN và 80 đài Mỹ (PREFER CHOICE)
$60.99* đài SBTN và 140 đài Mỹ (TOTAL CHOICE PLUS)
$84.99* đài SBTN và NFL SUNDAY TICKETS, FREE 7 đài HBO,
9 đài SHOWTIME, 3 đài CINEMAX, 12 đài STARZ và
25 đài SPORTS PACK (cho 4 tháng đầu)
$36.99* gồm 5 đài nói tiếng Quãng Đông. FREE 2 tháng đầu (End 11/5/05)

** Tất cả giá ghi trên chỉ áp dụng cho Receiver thứ nhất.
Receiver thứ 2 trở đi, thêm $4.99/tháng/receiver

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

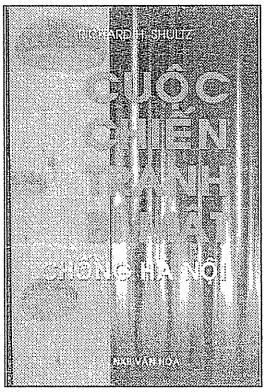

CUỘC CHIẾN TRANH BÍ MẬT CHỐNG HÀ NỘI

RICHARD H. SHULTZ, không ghi tên người dịch Chiến tranh Việt Nam còn một phần quan trọng lâu nay chưa được ai trình bày: đó là cuộc chiến bí mật của Hoa Kỳ tổ chức để chống phá miền Bắc. Cuốn sách này được viết dựa trên kinh nghiệm và hồi ức của những người trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh bí mật và những quan chức cao cấp vạch chính sách và chỉ đạo chiến dịch này ở Washington. Giá 22 Mỹ kim

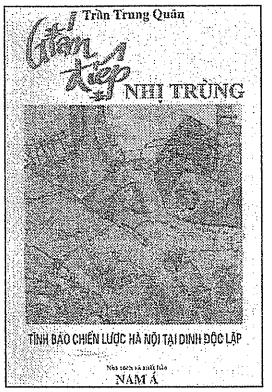

GIAN ĐIỆP NHỊ TRÙNG

TRẦN TRUNG QUÂN

Tình báo chiến lược Hà Nội tại dinh Độc Lập được tiểu thuyết hóa. Người tình báo đó là Nguyễn Ngọc Nhạ, người gián điệp cộng sản đã đóng vai trò con chiên ngoan đạo một cách khéo léo, nịnh nọt lấy lòng các cha cố có thế lực, và từ đó xâm nhập vào dinh Độc Lập làm cố vấn cho TT Nguyễn Văn Thiệu. Cuốn truyện trình bày khá sát thực và hấp dẫn các sinh hoạt của Nhạ, từ dinh Độc Lập cho đến khi bị CIA và Cảnh sát VNCH bắt giữ. Giá 13 Mỹ kim.

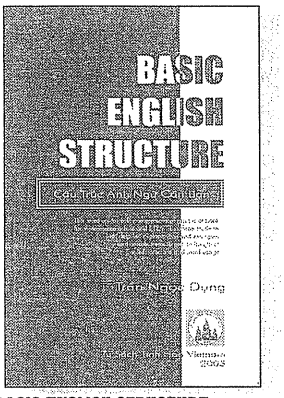

BASIC ENGLISH STRUCTURE

Cấu trúc Anh ngữ căn bản

TRẦN NGỌC DỤNG

Người học ngoại ngữ phải bắt chước cách nói của người bản ngữ để có cùng cách diễn đạt tư tưởng như họ. Đó là mục tiêu của cuốn sách này, dạy những cấu trúc căn bản trong tiếng Anh, rất cần cho sinh viên các trường đại học cộng đồng, những ai cần trau dồi tiếng Anh theo phương pháp đối chiếu. Sách được giảng giải bằng tiếng Việt, trình bày sáng sủa dễ hiểu, rất thuận tiện cho người Việt nắm vững những nguyên tắc dạy trong sách. Giá 20 Mỹ kim.

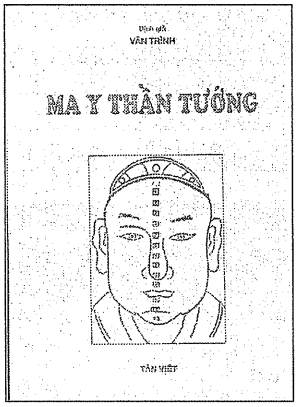

MA Y THẦN TƯỚNG

Dịch giả VÂN TRÌNH

Ai cũng biết tính tình số phận của từng con người đều hiện ra trong những nét đặc biệt trên toàn thân thể họ. Phải trải qua nhiều đời quan sát, con người mới đi đến kết luận sự tương quan giữa tướng và số như thế nào. Người Trung Quốc xưa đã có những thành tựu xuất sắc về môn coi tướng, và đã đúc kết vào cuốn Ma Y Thần Tướng, trình bày cách xem từ mặt, đầu, cổ, xuống tay, chân v.v... để biết cá tính và số phận của một con người như thế nào. Giá 7 Mỹ kim.

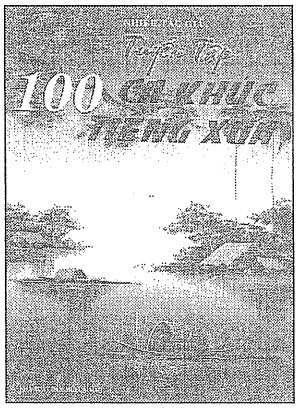

TUYỂN TẬP 100 CA KHÚC TIẾNG XƯA

Tập nhạc của nhiều tác giả

Đây là một tuyển tập các ca khúc nổi tiếng của âm nhạc Việt Nam, bản xưa nhất sáng tác từ năm 1939, còn lại hầu hết được viết khoảng cuối thập niên 40, đầu thập niên 50 của thế kỷ trước. Tuy không phải quy tụ tất cả những nhạc sĩ danh tiếng của đất nước, cuốn sách này cũng là một tập tài liệu phong phú về nhạc bản Việt Nam, với các tác giả như Hùng Lân, Dương Thiệu Tước, Lưu Hữu Phước, Phạm Đình Chương, Hoàng Trọng, Trịnh Công Sơn v.v... Những người yêu nhạc nên có quyển sách này. Giá 16 Mỹ kim.

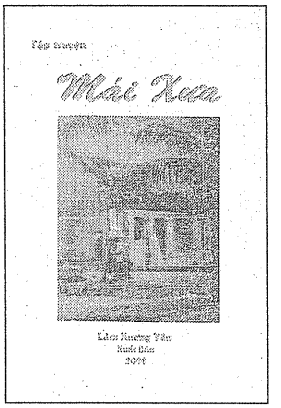

MÁI XƯA

Tập truyện của LÂM XƯƠNG YÊN

Ghi lại ít lời của chính tác giả về tập truyện này: "Là thơ, văn, nó có cái riêng, dễ là riêng nhưng cuối trăm nhánh sông cũng chảy vào biển mặn. (...) Này ai, ta rất bàng hoàng, không sao nói thẳng chặng đường ta đi. Đường đi đầy vết tích bi thương, không những ta mà cả lương dân nghèo. Nên ta viết lại đôi chương, góp thành tập truyện gọi hồn 'Mái Xưa'. Giá 13 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 657-8051
Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Book)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)*

Century 21

Newtek Realty
15576 Brookhurst St., #A
Westminster, CA 92683
(714) 290-7747, 943-9864
hoangmaidat@yahoo.com

Minh Thủy
Hoàng Mai Đạt
Realtor®

MUA BÁN NHÀ ĐẤT – CƠ SỞ THƯƠNG MẠI
TÀI TRỢ ĐỊA ỐC– ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN
Làm Việc Với Lương Tâm

DẠY HỌC và PIANO

Nhận dạy
Anh ngữ, Việt ngữ,
Toán, SAT, và Piano.

Xin liên lạc
Cô THANH
điện thoại:
323- 868- 2120

Tìm đọc

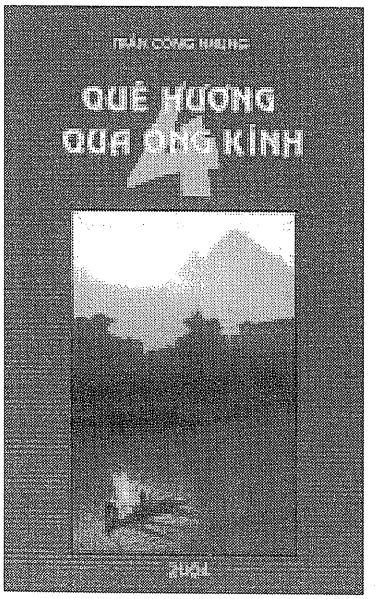

Mọi chi tiết xin liên lạc: **Trần Công Nhung**
P.O. Box 2197
Hawthorne, CA 90250 - USA
Email: trancongnhung@yahoo.com
Website:www.ltcn.net

Tìm đọc ba tác phẩm mới của Trần Trung Đạo:

- **Tâm Bút**
- **Giấc Mơ Việt Nam**
- **Thơ Trần Trung Đạo**

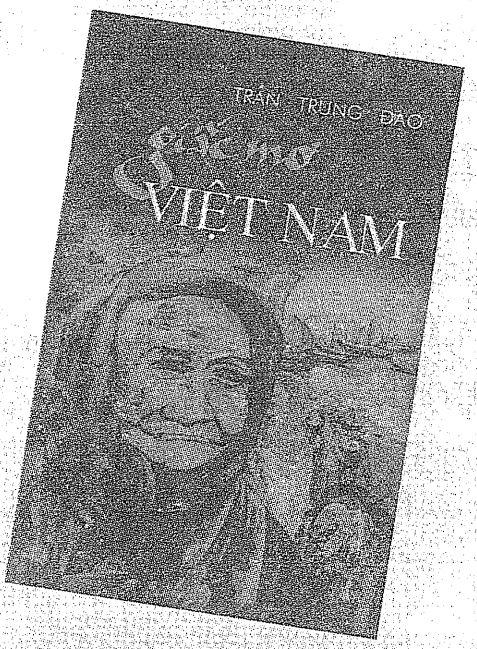

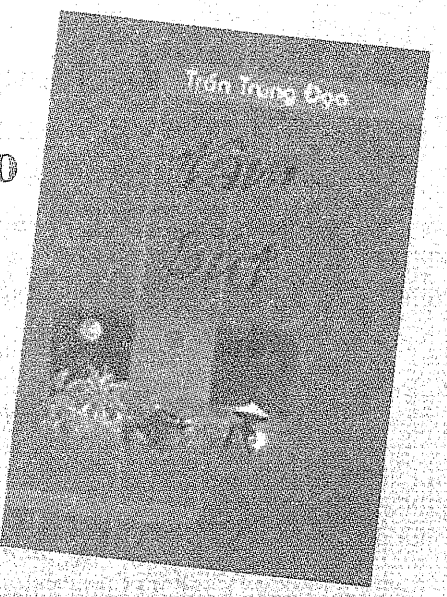

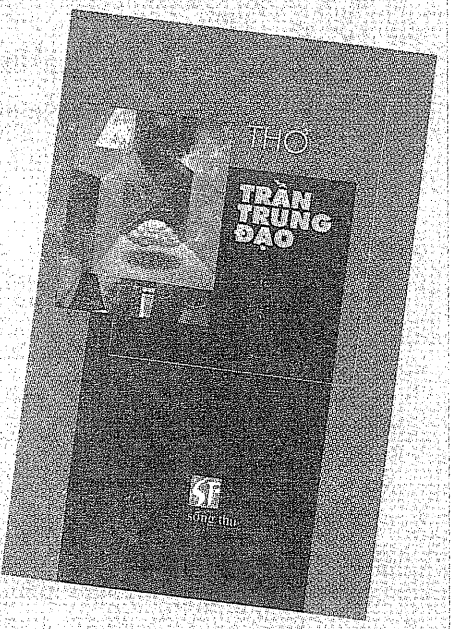

"Sao lại là tâm bút? Tâm bút là bài viết xuất phát từ trái tim của mình. Đó là tấm lòng, là hoài bão. Dường như tất cả những gì Trần Trung Đạo viết ra, ít nhiều và cách này hay cách khác, đều có tính cách tâm bút: da diết, bứt rứt, trằn trọc, dằn vặt, thao thức, ước mơ và hy vọng.
...Đặc điểm của văn thơ Trần Trung Đạo là nhiều bài thơ của anh đượm hơi văn, và ngược lại, nhiều đoạn văn của anh lại đượm hơi thơ."

Trần Doãn Nho

Liên lạc với tác giả:

TRẦN TRUNG ĐẠO
774 Granite Street, Braintree, MA 02184 USA
781-848-0344
Email: trantrungdao@aol.com
www.trantrungdao.com

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 657-8051
E-mail: **theky21@mail.nguoi-viet.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: Trung Thu, tranh Bé Ký
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường
Hí họa: Babui
Kỹ thuật: Võ Thành Điểm
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 197 – Tháng Chín 2005

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
8. Giải phóng các lực lượng sản xuất – **Ngô Nhân Dụng**
14. Ảnh hưởng của việc gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) và nạn nghèo đói ở nông thôn VN – **Nguyễn Quốc Khải**
21. Sửa soạn bầu cử tại Afghanistan – **Đinh Xuân Quân**
35. Chuyện nhà máy lọc dầu Dung Quất – **Trần Văn Khởi**
42. Trung Hoa: một đe dọa lớn? – **Cổ Lũy**
87. Từ Ủy ban sông Mekong tới Tuyên ngôn Côn Minh – **Ngô Thế Vinh**
VĂN HỌC – NGÔN NGỮ
23. Về tình trạng nghiên cứu văn học tại miền Bắc những năm 60 – **Thụy Khuê, Nguyễn Huệ Chi**
72. Từ Thép Đã Tôi Thế Đấy đến Nhật Ký Đặng Thùy Trâm – **Trần Trung Đạo**
78. Ha Jin, một nhà văn di dân ngoại hạng – **Trần Hữu Thục**
113. Chữ Việt gốc Tàu – **Nguyễn Hữu Phước**
VĂN
93. Trở lại Hồng Kông – **Lê Đại Lãng**
97. Vào đời – **Nguyễn Đức Tường**
101. Bên bờ vực – **Trần Công Sung**
107. Ám ảnh – **Xuân Đỗ**

THƠ
75. Về thăm sông Thu Bồn, Dòng sông cát lở – **Phùng Minh Tiến.** 81. Quán bên đường – **Quang Dũng.** 85. Niềm thản nhiên trong vườn – **Trần Mộng Tú.** 91. Khóc Trần Kiêu Bạt – **Lý Thừa Nghiệp.** 95. Đêm Hội An – **Tường Linh.** 99. Phố Bụi, những tình thơ – **Trần Huy Sao.** 103. Hè xưa – **Nguyễn Văn Cường.** 109. Buổi sáng qua đồi – **Trần Trung Đạo.** 111. Chiều – **Mạc Phương Đình**
MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và Bạn đọc, Thư Trị sự
49. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
55. Đời sống quanh ta – **Trần Quán Niệm, Nguyễn Không Đức, Thu Hiền, Từ Nguyên, Lê Mạnh Hùng**
66. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Bún bò Huế

Nên gọi bài Bún Bò Huế của Trần Kiêm Đoàn là gì? Một khảo luận về bún? Một bài thơ về Huế và tuổi nhỏ? Một loại truyện kể dân gian có tính cách truyền kỳ về những gì đã xảy ra trên một vùng đất, có sức sống dai dẳng liên tục và biến thể theo thời gian? Nhưng nghĩ lại, cần gì phải đặt cho nó một cái tên, sắp xếp cho nó một thể loại! Nếu đã ăn bún bò Huế và biết thưởng thức nó thì bây giờ thưởng thức tiếp, dưới một dạng khác. Dạng chữ.

Dạng chữ có thể kéo người ta đi vô tận. Thạch Lam hay Vũ Bằng thì không đi xa lắm, vẫn trung thành với "chủ đề" của mình là tả thức ăn. Đọc văn nhưng vẫn thưởng thức bằng miệng, hay đúng hơn bằng ý niệm về vị giác. Nhưng Trần Kiêm Đoàn thì đi từ lịch sử Nam tiến cho tới hiện đại, từ nhà quê ra thành phố, từ tuổi thơ tới tuổi trưởng thành, từ Việt Nam qua Hoa Kỳ... mà có cái hay là vẫn không rời tô bún bò Huế. Dĩ nhiên bún bò Huế nhiều khi chỉ là cái cớ cho tác giả phân trần, bày tỏ bao nhiêu chuyện khác, nhưng chính vì thế người ta mới nhận thấy rằng cái duyên nợ của bao nhiêu thứ trên đời này nó chằng chịt biết bao, bứt bất cứ sợi giây nào cũng động cả rừng. Với tác giả Trần Kiêm Đoàn, sau tô bún bò Huế quả là cả một khu rừng quá mênh mông.

Lăng Cô (Internet)

Dự tiếp tân

Nhìn những tấm hình chụp buổi tiếp tân nhân lễ Độc Lập Hoa Kỳ tại Tòa Lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn (bài "Đi dự ngày lễ Độc lập của nước Mỹ tại... Sài Gòn," Thế Kỷ 21 196, tháng Tám 2005), tôi giật mình. Đây là những hình ảnh thật lạ nhưng cũng thật quen. Lạ, vì những người đối lập trong chế độ cộng sản lại có ngày được đi dự một cuộc tiếp tân như thế. Quen, vì đó là những hình ảnh được lặp lại của một thời chưa xa xưa lắm trên đất nước Việt Nam, cũng tại thành phố Sài Gòn ấy, nhưng nay đã cách trở biết bao biển dâu.

Một thao tác bất hủ của các sứ quán ngoại giao của Hoa Kỳ tại các nước độc tài, là mời các nhà đối lập tranh đấu cho dân chủ dự tiếp tân! Một hành động có thể bị các chính thể độc tài kết án là "can thiệp vào việc nội bộ của chúng tôi." Nhưng có cái lạ là nay lại được nhà cầm quyền Việt Nam "thỏa hiệp" để cho nó diễn ra, thì quả là Mỹ đã lấn một bước thấy rõ. Sau vụ này, dĩ nhiên phe "tranh đấu" sẽ lên tinh thần, phe chính quyền lại nghĩ ra mưu kế đàn áp mới. Nhưng dù sao một kẻ vừa đem lại thịnh vượng vừa đem lại tự do cho một đất nước thì khó mà cứng rắn với họ hoài. Sau một chu kỳ nói "no" thì phải đến chu kỳ "yes". Hết chu kỳ này thì đến chu kỳ khác, và chu kỳ "yes" có lẽ đang bắt đầu với Việt Nam, còn như nước Nhật, sau một thời kỳ dài từ khi thế chiến thứ hai chấm dứt cứ "say yes" hoài, đến một lúc lại cảm thấy chu kỳ "say no" đã đến.

Lý Văn Mạnh (Australia)

Lá Diêu Bông và thời đại khủng bố

Đọc bài về Hoàng Cầm của Trần Công Nhung trong số tháng Tám vừa qua, tôi vô cùng kinh ngạc về đoạn "Tố Hữu tiếp tục ngấm ngầm hại nhà thơ Hoàng Cầm bằng cách không cho in tác phẩm suốt mấy mươi năm. Mãi đến năm 2003 nhà xuất bản Hội Nhà Văn mới sưu tầm in ba tập Hoàng Cầm: Tập 1: Thơ, tập 2: Truyện Thơ Kịch, tập 3: Văn Xuôi. Trong tập Thơ lại không có bài Lá Diêu Bông..."

Thật không thể nào tưởng tượng nổi. Chuyện Tố Hữu trù ẻo Hoàng Cầm thì còn hiểu được, khi sự đố kỵ, nhỏ nhen mà mặc cái áo quyền lực thì nó sẽ biến chứng ra nhiều hiện tượng rất ngoạn mục. Nhưng khi một cái hội gọi là Hội Nhà Văn đi gom tác phẩm của một... nhà văn đang sống ngay bên cạnh mình để in một loại sách gọi là "Hoàng Cầm – Tác Phẩm" (như ảnh trang 76 cho thấy), mà suốt một bộ ba quyển (chắc là dày cộm) mà lại thiếu một bài thơ có thể nói là nổi tiếng nhất của Hoàng Cầm, thì thật không thể nào hiểu được. Dĩ nhiên đây chỉ là một Hợp Tuyển về Hoàng Cầm, nghĩa là chỉ chọn một số văn thơ của ông để đăng thôi, nhưng khi chọn thì hẳn nhiên phải có tiêu chuẩn. Nhưng có trời mới biết tiêu chuẩn của Hội Nhà Văn ra sao khi loại bỏ bài Lá Diêu Bông! Theo tôi đó là bài thơ thuộc lại hay, nổi tiếng và lạ lùng nhất của thi ca Việt Nam. Nếu bây giờ có ai làm một cuộc điều tra rộng lớn nơi người yêu thơ trong và ngoài Việt Nam, hỏi rằng bài thơ nào của thi sĩ Hoàng Cầm anh, chị cho là hay nhất và nhiều người biết đến nhất, thì chắc chắn đa số (có thể gần tuyệt đối) sẽ trả lời là bài Lá Diêu Bông.

Hay là bài thơ bị loại vì tiêu chuẩn chính trị? Trong một chế độ độc tài thì đây là một tiêu chuẩn quan trọng. "Người ta bảo Hoàng Cầm làm bài 'Lá Diêu Bông' là ám chỉ Đảng. Chị là Đảng, em là Nghệ Sĩ, Nghệ Sĩ được Đảng yêu thương, Đảng bảo gì nghe nấy, nhưng chẳng bao giờ được gì (dù có bỏ xác vì Lá Diêu Bông)" (trang 77). Nhưng chẳng lẽ một giả thuyết sặc mùi chiến tranh lạnh như thế mà ngày nay vẫn còn ám ảnh chính quyền cộng sản và cái Hội Nhà Văn của họ? Chẳng lẽ chỉ vì tác giả đã

"lỡ" bị bỏ tù hơn hai năm vì bài Lá Diêu Bông mà ngày nay phải loại bỏ nó để chứng tỏ rằng Đảng tù Hoàng Cầm là đúng? Hình như sự cởi mở chỉ là "bề ngoài thơn thớt nói cười," thực chất tự trong cốt lõi Việt Nam ngày nay vẫn còn sống trong không khí u ám của thời đại Xít Ta Lin.

Nguyễn Văn Tâm (Chicago)

Lại bún bò Huế

Trên Thế Kỷ 21 số 196, tháng Tám, 2005 có bài viết về Bún Bò Huế của Trần Kiêm Đoàn, đọc xong có đôi điều muốn đóng góp...

Đối với một người Huế như tôi, rành "sáu câu" về bún bò Huế, đọc bài này thấy tô bún bò Huế... chẳng muốn ăn! Chẳng hạn tác giả viết: "Linh hồn của tô bún bò Huế là nước bún. Nước bún là nước được hầm từ xương heo, xương bò, gà tươi, và có khi là cây củ..."

Tên gọi "nước bún" là không đúng, có thể tạo cảm giác không ngon lành. Tên gọi thông thường là nước lèo, dễ nghe hơn. Về nguyên liệu, có thật có món gà tươi không? Và cây, củ là gì, ngoài cây và củ sả? Nhưng đó là gia vị, không phải là nguyên liệu làm cho nước lèo ngọt.

Vài ý kiến góp với tác giả và bạn đọc.

Nguyễn Vĩnh Xuân
(Redmond WA)

Một hành động dễ thương

Tôi là một độc giả đã nhận được bản sao phần I và II bài "Sáng Thế Ký đọc bởi một người Việt Nam" của tác giả Nguyễn Hoài Vân do Tòa soạn có lòng tốt gửi biếu không cho những độc giả nào cần. Đây là một hành động rất "dễ thương" của Tòa báo, chứng tỏ quý vị "care" đến sự hiểu biết của độc giả mà không quản ngại công sức cũng như tốn kém.

Là một người có đạo Chúa nhưng khi đọc bài của Bác sĩ Nguyễn Hoài Vân tôi vẫn khám phá ra nhiều khía cạnh mới mẻ và thú vị của một Sáng Thế Ký mà mình biết đã lâu, tưởng rằng đã hiểu nó rất kỹ, nhưng thật ra ý nghĩa của nó còn cao xa và bao trùm hơn nhiều. Thật ra những tác phẩm xưa như Sáng Thế Ký nghĩa lý rất uẩn áo, có thể khám phá và diễn dịch bằng rất nhiều cách nhìn khác nhau qua nhiều thời đại khác nhau.

Cuối cùng tôi muốn nói với quý vị một điều: Làm độc giả của Thế Kỷ 21 tôi thấy rất thú vị! Đôi khi giữa Tòa báo và người đọc có một cái tình như là tri kỷ!

Lê Thành Liêm (New York)

ĐÍNH CHÍNH

* Trong *Thế Kỷ 21* số 194, tháng Sáu 2005, bài "Vượt qua, vượt qua bờ kia" của Lê Anh Dũng, trang 99, cột trái, dòng thứ ba từ trên xuống, có câu:

"Sau đó có dịp học tập và làm việc tại Pháp, Ả Rập, Mỹ, đôi khi làm việc với **12 người quốc tịch khác nhau** trong cùng một nhóm..."

Xin sửa lại cho đúng với bản gốc của tác giả như sau:

"Sau đó có dịp học tập và làm việc tại Pháp, Ả Rập, Mỹ, đôi khi làm việc với **12 quốc tịch khác nhau** trong cùng một nhóm..."

Thành thật xin lỗi tác giả Lê Anh Dũng và quý độc giả.

* Bài thơ *Bông Sứ Úc châu* ở trang 73, Thế Kỷ 21 số 196 tháng Tám 2005, đã đánh máy sai tên tác giả là Nguyễn Thủy Quan. Xin sửa lại là Nguyễn Thủy Nam.

Thành thật xin lỗi tác giả Nguyễn Thủy Nam và quý độc giả.

Lời Cáo Lỗi

Số báo 196 tháng Tám 2005 vừa qua đã gặp phải một trục trặc lớn về phát hành, khiến một số đông độc giả dài hạn trong nước Mỹ mãi gần cuối tháng mới nhận được báo. Đây là một trục trặc có tính chất kỹ thuật giữa Tòa soạn và Bưu điện, chúng tôi đang điều chỉnh để việc gửi báo được song suốt trong tương lai.

Chúng tôi chân thành xin lỗi tất cả quý độc giả thân mến về việc chậm trễ này. Lâu lâu gặp chuyện trục trặc, Tòa báo mới thấy được lòng yêu mến của quý vị đối với tờ báo qua bao nhiêu cú điện thoại hỏi han, và sự rộng lượng của quý vị khi đã biết nguyên do. Xin thành thật cảm tạ quý vị.

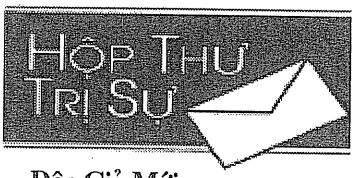

Độc Giả Mới

Lan Nguyen Ha – FL; Trương Văn Tấn – Germany; Nguyễn Huân Trứ – Canada.

Độc Giả Gia Hạn

Lê Văn Thái – CA; Trần Anh Tuấn – CA; Nguyễn Viết Lang – Canada; Phạm Băng Hồ – OR; Nguyễn Hoàng Khương – Denmark; Lac Toi Nguyen – VA; Phan Van Diep – CA; Nguyen Hieu De – MI; Charles Do – CA; Nguyen Hoang Hai – CA; Lê Minh Hằng – CA; Tran Thuy Myers – MO; Lâm Vĩnh Thế – Canada; Tạ Ánh Tuyết – FL; Hồ Phú Bông – FL; Swets Information Services – NJ; Nguyễn Công Thuần – WA; Nguyễn Thế Viên – WA; Nguyễn Văn Cung – CA; Hoang Kim Chau – CA; Trinh Long Viet – PA; Phùng Ngọc Hiếu – WA; Nguyễn Hữu Của – CA; Emerson H Lee – VA; Pham Phuong Minh – GA; Minh Nguyễn – CA; Nguyen Phuong – England; Tran Duc Chi – Canada; Lê Khánh Hoàng – TX; Tran Ngoc Ton – CA.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Nguyễn Thanh Trang – CA; Do Nguyen Thai – OK; Tran Thanh Phong – CA; Nguyễn Văn Toàn – CA.

Giải phóng các lực lượng sản xuất

NGÔ NHÂN DỤNG

Ở Montréal có một khu xóm nghèo nổi tiếng gọi là Point Saint Charles, hồi ở đây gần 30 năm tôi chưa bao giờ sống trong khu đó, năm nay mới có dịp. Buổi trưa trên đường đi ra trạm xe điện ngầm thấy những bức tường đầy các chữ viết, vẽ loạn lên; cũng giống các khu phố nghèo ở New York, Paris,London hay Los Angeles. Nhưng trong số các tác phẩm bích họa đó có nhiều khẩu hiệu chính trị – dân Québec ham chính trị như người Mỹ ham bóng chầy. Một câu: "It's right to rebel!" (Nổi loạn là phải! – là chính nghĩa!) Kế đó: "Vive la Révolution Communiste!" (Cách mạng cộng sản muôn năm!) "Oprressé-es, Révolté-es et Organisé-es!" (Những người bị áp bức, những người nổi loạn, và có tổ chức!) Sau mỗi khẩu hiệu có ký tên: PCR, tên Đảng Cộng Sản Cách mạng – để phân biệt với mấy đảng cộng sản khác còn hoạt động ở Canada.

Khi bước lên chuyến xe điện vào trung tâm thành phố, tôi thấy một đám thanh niên, phần lớn có vẻ học sinh trung học, người da đen. Mấy cậu mặc đồ thể thao ngồi chật nửa toa tầu, không còn chỗ. Một cậu ôm quả bóng bầu dục cứ lăn tròn quả bóng trong tay không nghỉ, lâu lâu nhổm đứng lên. Tôi đứng nhìn cậu, làm bộ cúi khom xuống, đưa hai tay như muốn đỡ quả banh. Cậu bé giơ cao tay giả vờ sắp thẩy trái bóng lên trời, rồi nhoẻn miệng cười. Răng trắng nhởn. Coi cậu không có vẻ gì đang muốn làm cách mạng. Các nhà cách mạng thường phải có bộ mặt nặng nề trầm trọng lắm. Đến trạm sau, một bà già người Trung Hoa lễ mễ xách mấy cái giỏ ni lông bước vào toa tầu. Một cậu bèn đứng dậy nhường chỗ. Như vầy thì chắc chắn đây không phải là những nhà cách mạng rồi. Hôm nay tác giả của những khẩu hiệu hô hào cách mạng vô sản toàn thế giới chắc còn ngủ chưa dậy. Vive La Révolution! Nhưng trước khi làm cách mạng ai cũng phải ngủ ngon cái đã.

Ngày xưa, thấy ai hô những khẩu hiệu đó, người ta sẽ bảo: Sao không sang Liên xô sống cho thỏa chí tang bồng? Bây giờ đảng Cộng Sản Liên xô đã giải tán rồi, nước Nga đang trên đường xây dựng kinh tế tư bản và một chế độ dân chủ tự do. Mời họ đi Bắc Triều Tiên hay Cuba để hưởng nỗi hạnh phúc sống trong thế giới cộng sản, chắc họ sẽ nổi giận đánh mình vì tội xúi dại. Họ đang sống yên ổn ở một xứ bình an, tháng tháng lãnh trợ cấp xã hội, ngoài những giờ họp chi bộ, vẽ khẩu hiệu làm cách mạng thì họ chỉ ngồi nhà coi ti vi, uống la de và hút thuốc. Ai dại gì sang những xứ mà mỗi người phải có hộ khẩu, có tem phiếu mới có ăn? Bảo họ sang Trung Quốc hay Việt Nam, chắc cũng không được. Vì các nước này bây giờ họ sợ nhất là có người hô hào dân chúng cách mạng! Hô cách mạng vô sản càng nguy hiểm. Vì trong các nước đó vẫn còn nhiều người tin chủ nghĩa Cộng Sản, lỡ dại dột nghe theo lời đường mật thì càng nguy hơn!

Nhìn những khẩu hiệu trên tường, tôi chợt nghĩ: Thử đem viết những khẩu hiệu này lên tường ở đường phố Hà Nội hay Sài Gòn coi được không? Chắc thế nào công an cũng tìm cho ra tung tích thủ phạm rồi cho đi cải tạo sớm! Có ai muốn thử không?

Chắc không ai muốn thử. Không phải chỉ vì người ta sợ chế độ công an, nhưng vì chính người dân ở nước ta bây giờ nghe thấy hai tiếng "cách mạng" là sợ hết hồn. Họ đã nghe nói đến hai chữ cách mạng ra rả mấy chục năm trước, bây giờ giống như con chim sợ cây cong vậy. Giờ đảng lại cho phép các đảng viên buôn bán phát tài, nếu làm ăn giỏi đảng viên sẽ biến thành các nhà tư sản hết.

Khi cho các đảng viên làm ăn riêng và thâu nhận các nhà kinh doanh tư vào đảng, Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng như Đảng Cộng Sản Trung Quốc không còn là những "đảng cộng sản" nữa. Đáng lý họ phải đổi tên đi. Các nhà lãnh đạo hai đảng này đã cố gắng biện minh bằng những lý luận, như "Đảng phải là đại biểu của lực lượng sản xuất tiến bộ nhất trong xã hội Trung Quốc" (lý thuyết Giang Trạch Dân;) hoặc Đảng phải "giải phóng sức sản xuất" (Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội X, đảng Cộng Sản Việt Nam). Quả thực là, trong xã hội Trung Hoa hay Việt Nam bây giờ, giai cấp tư sản đang thành hình là lực lượng sản xuất tiến bộ nhất.

Khi Karl Marx quan sát sự chuyển biến từ thời

kỳ phong kiến sang thời kỳ tư bản, ông cũng thấy giai cấp tư sản lúc đó là lực lượng sản xuất tiến bộ nhất. Trong giai đoạn bắt đầu hiện đại hóa đó, giới tư sản góp công giải phóng sức sản xuất trong xã hội loài người. Trong thực tế, xã hội Trung Hoa và Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều di sản của thời phong kiến, cần tự giải phóng khỏi những trói buộc thời phong kiến thì mới tiến được. Đảng Cộng Sản công nhận sự đóng góp của giai cấp tư sản, thúc đẩy cho cuộc chuyển hóa nhanh hơn. Đó là một quyết định đáng được hoan nghênh.

Sau khi đón nhận quyết định lịch sử trên với thiện chí và tinh thần cởi mở, chúng ta vẫn phải đặt một câu hỏi. Câu hỏi là: Tại sao quý vị lãnh đạo trong các đảng Cộng Sản ở Trung Hoa và ở Việt Nam không thành thật một lần trong đời, bằng cách tuyên bố thẳng rằng từ nay trở đi họ thôi, ngưng, stop, xả, bỏ, không theo đuổi chủ nghĩa Mác Lê nin nữa?

PHỤC HỒI CHỮ TÍN

Khi một ông vua hay một đảng cầm quyền nói một đằng, làm một nẻo hết năm này sang năm khác, thì cả xã hội sẽ lấy đó làm gương, chữ TÍN không còn được ai tôn trọng nữa. Không lấy chữ TÍN làm căn bản của mọi tương quan, mọi giao tế giữa mọi người, thì xã hội đó không giữ được một hệ thống giá trị để chia sẻ cùng nhau nữa. Con không tin cha, vợ không tin chồng; chỉ vì nền luân lý không đề cao chữ TÍN. Hơn thế nữa, chữ TÍN là nền tảng của luật pháp. Không có chữ TÍN thì không thể phát triển tinh thần tôn trọng luật pháp, là cái khung cần thiết của mọi sinh hoạt kinh tế, chính trị trong thế giới hiện đại. Nước ta đang thay đổi trên mọi mặt, cái gốc chữ TÍN càng cần thiết.

Đảng Cộng Sản đã thay đổi trong đường lối căn bản, là do sức ép của những biến chuyển lớn. Về mặt chính trị, chế độ toàn trị (totalitarian) đã biến dần sang một chế độ độc tài (authoritarian) bình thường hơn. Guồng máy của đảng và nhà nước không kiểm soát toàn diện cuộc sống nữa. Xã hội đã tách khỏi chính trị. Giới lãnh đạo đảng đã nhận thức được giới hạn của quyền lực. Đời sống mỗi cá nhân được giải phóng một phần nào, không còn hoàn toàn tùy thuộc vào sự xếp đặt của đảng và nhà nước nữa.

Nhưng trong diễn trình chuyển hóa trên, giới lãnh đạo đảng Cộng Sản không đóng được vai trò chủ động như trước khi đổi mới. Họ vẫn còn khả năng kìm hãm không cho biến chuyển nhanh; nhưng không có khả năng hướng dẫn. Cứ như vầy, công cuộc đổi mới càng tiến thì họ càng bị tụt hậu.

Ở các nước như Ba Lan, Tiệp, Slovack, Hungary, những đảng viên Cộng Sản góp phần chủ động thúc đẩy cuộc "cách mạng nhung" để thiết lập thể chế mới, dù chính vì thế họ phải rời khỏi chính quyền. Nhưng sau đó, nhờ thay đổi toàn diện không ngần ngại, sau mười năm, kinh tế các nước này đã tiến rất nhanh. Các đảng viên cộng sản cũ đã trở lại nắm quyền hành dưới ngọn cờ khác, thí dụ, các đảng Dân Chủ Xã hội. Ở Trung Quốc và Việt Nam thì không như vậy. Giới lãnh đạo cộng sản không dám hy sinh rút khỏi chính quyền, họ tự mò mẫm con đường đổi mới từng bước một, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Riêng đảng Cộng Sản Việt Nam thì còn dè dặt hơn, đợi Trung Quốc thí nghiệm trước rồi mới theo sau.

Nhưng có những vấn đề mà chính đảng Cộng Sản Trung Quốc cũng không giải quyết nổi. Vấn đề lớn là guồng máy quản lý xã hội cũ vốn được vạch ra để cai trị trong một hệ thống máy móc, đơn giản, có cấp bậc trên dưới rõ ràng; bây giờ không còn thích hợp để cai quản một xã hội phức tạp, các tương quan cũ xã hội bị đứt, vỡ, và các tương quan mới nẩy sinh. Tương quan cũ dựa trên hệ cấp quyền hành, bây giờ thêm những tương quan đặt trên tiền bạc, lợi lộc. Đảng Cộng Sản không dám xóa bỏ hệ cấp quyền hành, trong lúc đó phải công nhận hệ thống tương quan duy lợi. Hệ cấp quyền hành dựa trên tổ chức đảng, trên tương quan quyền lực cá nhân. Hệ thống duy lợi dựa trên tiền. Nhưng mới sơ khai, không có các luật lệ ràng buộc để giới hạn lòng tham, như trong các nước tư bản lâu đời. Hai mạng lưới đó chồng chéo lên nhau, vừa thích tiền lại vừa sợ quyền lực; tất nhiên đẻ ra tham nhũng. Đó là một hiện tượng làm uy tín của đảng cầm quyền bị ở Trung Quốc và Việt Nam suy sụp.

Kể từ khi thành lập, nhất là khi chiếm được chính quyền, các đảng Cộng Sản Việt Nam và Trung Quốc đã tìm cách xóa bỏ giềng mối của xã hội cổ truyền. Những đức tính mà mọi cá nhân trong xã hội cũ phải học tập, những tương quan phải tôn trọng, những lý tưởng của thanh niên, cho đến niềm tin tôn giáo của các cụ già, tương quan vợ chồng, cha con, vân vân, các giá trị cũ đều bị xóa bỏ để xây dựng xã hội mới. Các đảng Cộng Sản Trung Hoa và Việt Nam đã thành công nhiều phần trong công tác xóa bỏ quá khứ. Nhưng sau đó, việc xây dựng xã hội mới, con người mới

của họ chỉ là những thí nghiệm bất thành, có những khẩu hiệu nói ra rất hay nhưng không biến thành sự thật được. Nhưng kể từ khi đổi mới kinh tế, thì ngay cả công trình xây dựng xã hội mới, con người mới cũng được quên dần, coi như bỏ. Chúng ta đang đứng trước một xã hội chông chênh. Đã mất nền tảng đạo lý cũ, lại mất luôn cả nền tảng mới đang xây chưa thành. Có thể đưa tới một thảm họa cho nhiều người: Vô pháp, vô thiên. Không có quy tắc đạo lý nào để bảo nhau, cũng không tin tưởng ở sự thưởng phạt của thần linh nữa. Các thần linh có thể tự động trở về ngôi vị cũ cho người ta vái lạy cầu xin; nhưng muốn tái lập các quy tắc đạo lý thì cần nhiều thời gian hơn.

Hiện nay, cuộc đổi mới kinh tế đang phục hồi tinh thần duy lợi và vị kỷ. Phục hồi những thứ đó không khó gì cả, chỉ cần thả lỏng ra là chúng tự biết phải bay nhẩy thế nào. Những khẩu hiệu hô người ta hy sinh vì tập thể, vì đại nghĩa, bây giờ vô nghĩa. Cuốn nhật ký của cô Đặng Thùy Trâm, một liệt sĩ chết trong khi đang tận lực làm việc nghĩa, đang được giới thanh niên trong nước tìm đọc. Đó là một dấu hiệu đáng khích lệ: Thanh niên bao giờ cũng muốn sống có lý tưởng. Nhưng ngọn lửa ngầm cháy trong tâm tư các thanh niên phải được khung cảnh xã hội nuôi dưỡng. Hoặc ít nhất, không hủy hoại.

Trong lịch sử loài người, óc duy lợi và tính ích kỷ luôn luôn phải được một hệ thống các quy tắc luân lý hoặc giáo lý hướng dẫn và luật pháp kiềm chế. Kinh tế tư bản phát sinh vào thế kỷ 18, 19 trong những xã hội đã có một nền luân lý cổ truyền và tinh thần trọng pháp đang thành hình. Chính các truyền thống đó giúp kiềm chế óc duy lợi, ích kỷ, để lái động lực tìm lợi lộc, không cho phá hoại các giá trị tinh thần. Khi kinh tế tư bản được

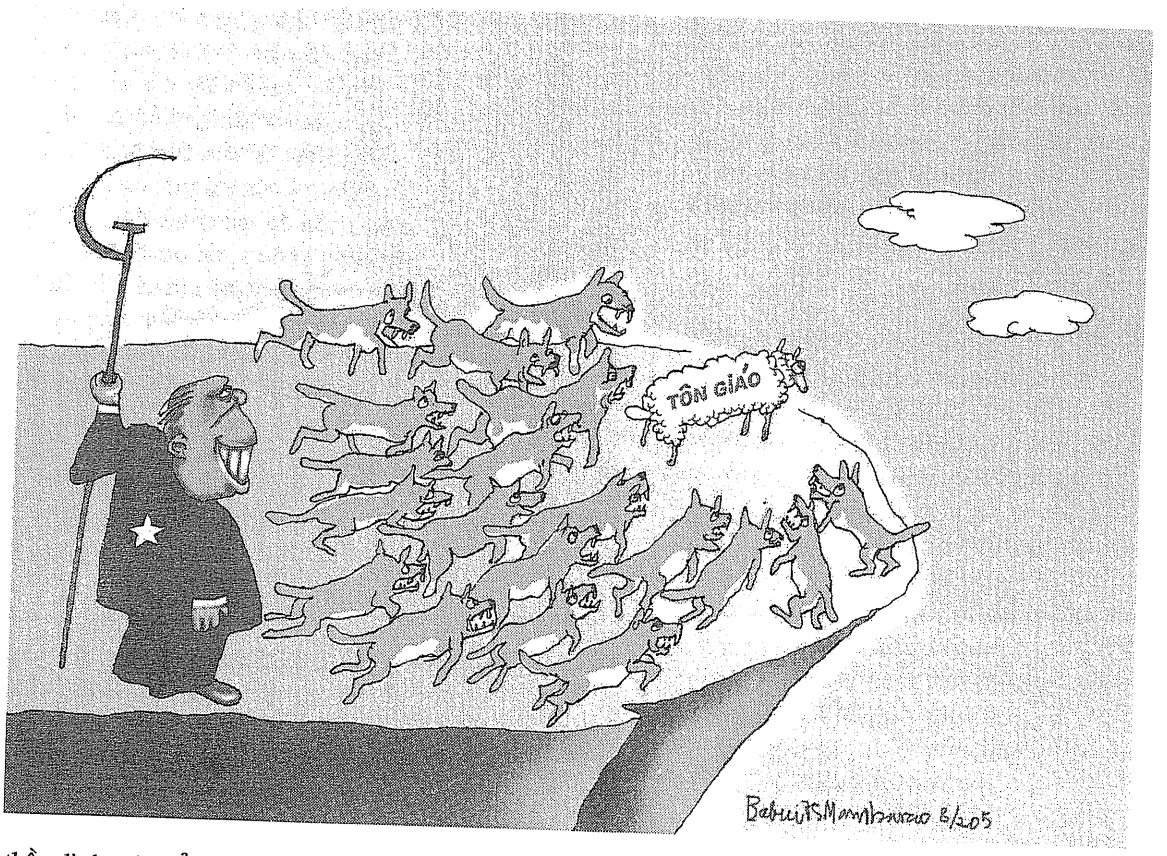

buông thả trong một xã hội mà nền tảng đạo lý đang tan rã, thì những yếu tố xấu xa nhất của lối làm ăn đó tha hồ nẩy nở và tung hoành. Đó là hoàn cảnh nước ta và Trung Quốc bây giờ.

Muốn lập lại chữ TÍN trong xã hội Việt Nam bây giờ, chính những người có trách nhiệm, tức là giới lãnh đạo đảng Cộng Sản phải nói thẳng, nói thành thật với mọi người: Chúng tôi từ bỏ chủ nghĩa Cộng Sản. Điều đó không có gì xấu, không có gì phải che đậy hoặc trì hoãn.

Các nền văn minh của nhân loại cũng có sinh, có tử, như Paul Valéry nói, thì các chủ nghĩa cũng vậy. Ngày nay không có mấy người tự nhận là theo đuổi các lý thuyết của Épicure, của Zenon,

của Trang Châu hay Mạc Tử nữa, nhưng các bậc hiền triết đó vẫn là những vĩ nhân mà hiện nay họ cũng vẫn mang lại hứng khởi cho bao nhiêu con người đi tìm lẽ sống. Marx, Lenin cũng có thể được xếp lên bàn thờ, vào thư viện như bao nhiêu danh nhân lịch sử khác.

Trong lịch sử Trung Quốc và lịch sử Việt Nam, đã có những thời kỳ một ý thức hệ chính thống bị đào thải. Các nhà Nho ở hai nước này, từ thế kỷ 19 đã đặt câu hỏi về giá trị của hệ thống tư tưởng, xã hội và chế độ chính trị đặt trên Khổng Giáo. Nhiều người đã dứt khoát từ bỏ những khẩu hiệu "tam cương, ngũ thường" để đi tìm con đường thích hợp với thời đại mới, mặc dù họ cũng vẫn giữ những lý tưởng là nguồn gốc các khẩu hiệu đó. Từ Phan Châu Trinh đến Phan Khôi, chúng ta không thiếu những tấm gương như thế. Vì vậy, còn chờ gì nữa mà hai đảng cộng sản ở Trung Quốc và Việt Nam không đổi tên đảng của họ đi khi chính trong hàng ngũ đảng viên cũng có nhiều người nêu lên ý kiến đó?

Nhiều tiền, không chắc là "tư bản"

Trong một xã hội có luật lệ, những người làm giầu không bị coi khinh. Dân Mỹ rất kính trọng các tỷ phú giầu nhất nước như Bill Gates, Warren Buffett – ở Việt Nam cũng có nhiều thanh niên coi ông Gates là thần tượng. Còn ở các nước chậm tiến thì khác.

Năm 1968, ông Hồ Chí Minh nói chuyện với các cán bộ, nhà văn, nhà báo ở Hà Nội, ông đã phê bình những người ham giầu: "Đã có xe rồi, lại 'phấn đấu' để có chiếc xe đẹp hơn, chiếm mất phần của người khác. Đã có nhà ở rồi, lại 'phấn đấu' theo kiểu như thế để có nhà đẹp hơn." (báo Cứu Quốc ngày 1 tháng 3 năm 1970.)

Nhiều người suy nghĩ như vậy: Ai giầu hơn tức là đã "chiếm mất phần của người khác." Quan niệm này phát xuất từ thói quen sống trong kinh tế nông nghiệp cổ truyền. Tài nguyên chính là ruộng đất thì có giới hạn, kỹ thuật canh tác đã tận lực, năng suất không thể cao hơn được nữa. Trong cảnh thiếu thốn như vậy, người nào ăn thêm một chén cơm tức là người khác phải bớt ăn một chén cơm. Trong ngôn ngữ toán học, người ta gọi đó là một trò chơi có ăn phải có thua, "zero-sum game," một cuộc chơi ăn bù thua, cộng lại thành số không. Kinh tế bây giờ là một cuộc chơi khác, những người tham dự đều có thể thắng cả, cộng lại thành số dương "positive-sum game."

Quyết định của các đảng Cộng Sản ở Trung Quốc và Việt Nam thu nhận các nhà kinh doanh tư vào đảng là một tiến bộ. Giới kinh doanh là một thành phần thiết yếu trong việc phát triển kinh tế. Cấm một số người không cho họ kinh doanh, chỉ vì họ là đảng viên, là làm thiệt hại chung cho quốc gia. Khuyến khích mọi người năng nổ kinh doanh, là giúp kinh tế quốc dân phát triển.

Tuy nhiên, phải phân biệt giữa "làm giầu" và "kinh doanh." Vì có nhiều cách làm ra tiền, rất nhiều tiền nhưng không phải kinh doanh. Phải phân biệt của cải với tư bản, vì không phải cứ nhiều tiền nhiều của là tạo thành tư bản.

Trước khi có cuộc cách mạng công nghiệp, các ông hoàng, bà chúa chỉ biết đem của cải ra trưng bầy xa xỉ nhưng họ không dùng làm vốn. Chỉ khi nào người ta biết dùng tiền của làm vốn tạo ra sản vật mới, tạo công việc làm mới, tạo ra lợi nhuận, lúc đó tiền bạc mới trở thành vốn, vốn tức là tư bản.

Cũng giống như vậy, một người có thể kiếm ra rất nhiều tiền nhưng không phải là nhà kinh doanh. Bán buôn quyền lực còn làm giầu nhanh mà không vất vả như kinh doanh. Đầu cơ tích trữ để chờ lên giá mà kiếm lợi cũng không phải là kinh doanh. Hiện nay ở Việt Nam có nhiều người làm giầu nhờ tình trạng đổi mới nửa trăng nửa đèn. Khi kiếm ra tiền rồi họ làm gì? Họ cũng không biến tiền của thành vốn, không dùng tiền để kinh doanh, mà còn chuyển ra ngoại quốc. Rất nhiều người giầu có ở Việt Nam đã mua nhà hàng triệu đô la Mỹ, mua đất ở California. Đó là góp vốn cho các nhà tư bản ở Mỹ sử dụng, tích lũy tư bản cho người Mỹ kinh doanh, người Việt Nam được hưởng gì cả.

Việc thâu nhận các nhà "kinh doanh" giả, cho phép đảng viên "kinh doanh" bằng quyền lực, có thể sẽ chỉ nuôi dưỡng và kéo dài một guồng máy làm xã hội tiến chậm hơn. Trong guồng máy đó, những người kinh doanh thật sẽ bị thiệt thòi, rồi nản chí, vì họ phải đá banh trên một sân chơi nghiêng lệch! Như vậy thì chỉ kéo dài tình trạng chậm phát triển thêm hàng chục năm nữa.

CẦN TẠO RA TƯ BẢN THẬT

Vậy khi nào tiền của biến thành tư bản thật? Trong cuốn "The Mystery of Capital," (Niềm Bí Mật của Tư Bản) của Hernando de Soto, xuất bản năm 2000, nhà kinh tế xứ Peru ví việc biến tiền của thành tư bản cũng giống như biến một hồ nước trên rặng núi Andes thành điện lực. "Tiền bạc giúp việc mua bán, nhưng tự nó không phải là tư

bản để tạo thêm sản xuất," de Soto viết. Ông nhận thấy ở những nước đang mở mang và các nước cựu cộng sản, "không thiếu các nhà kinh doanh." Người ta thiếu một hệ thống pháp lý về quyền tư hữu, một hệ thống giấy tờ, bằng khoán để xác định cái gì là tài sản và thuộc về ai. Như vậy mới có thể biến tài sản thành tư bản, đi tới sản xuất.

Nhà kinh tế người Peru đã tả sự biến chuyển từ "tiền của" thành "tư bản" trong các xã hội Âu Tây và Mỹ trong mấy trăm năm; bây giờ các nước chưa mở mang phải thực hiện trong mấy chục năm. Một định chế không thể thiếu được là hệ thống pháp luật bảo đảm quyền sở hữu và định danh quyền sở hữu một cách rõ ràng. Có được hệ thống đó mới tránh được cái cảnh trong một nước có hai loại người, một loại làm ăn có giấy tờ, trong vòng luật pháp; và một loại đứng bên lề. Chưa có hệ thống pháp luật như vậy thì của cải sẽ chỉ là những "vốn chết," dead capital.

Theo ông de Soto tính, vào năm 1999 tổng số những tài sản về địa ốc coi là "tư bản chết," ở các nước đang mở mang và các nước cựu cộng sản, có trị giá đến hơn 9 ngàn tỷ mỹ kim, nghĩa là gần bằng Tổng Sản lượng Nội địa của nước Mỹ trong năm đó. Gọi là tư bản chết, vì tình trạng giấy tờ không hợp lệ khiến các tài sản đó không thể đem thế chấp mà vay nợ, không thể dùng hệ thống tài chánh tư bản biến tài sản thành vốn liếng. Luật pháp và thủ tục hành chánh ở các nước này không thay đổi kịp với những biến chuyển nhanh chóng trong đời sống kinh tế, xã hội. Vì thế, đã ngăn cản sự phát triển kinh tế. Không thể giải phóng sức sản xuất được, vì chưa đổi mới toàn diện! Khi công nhận sức sản xuất do tư bản tạo ra, cần thay đổi cả hệ thống pháp lý và guồng máy hành chánh để khuyến khích tư bản thành hình thật sự.

Nhưng làm sao vẫn theo chủ nghĩa Mác, đồng thời vẫn khuyến khích các đảng viên làm kinh tế tư bản? Năm ngoái ông Lê Đăng Doanh ở Hà Nội tìm ra một công thức mới để giải thích Karl Marx. Marx nói cuộc cách mạng vô sản sẽ khiến quyền sở hữu các phương tiện sản xuất thuộc về giới lao động, tức là thuộc về tất cả nhân dân. Ông Lê Đăng Doanh nói ở Mỹ người ta đang thực hiện điều đó thật, qua hệ thống thị trường chứng khoán. Khi các công nhân làm chủ cổ phần của xí nghiệp, tức là cũng làm chủ các phương tiện sản xuất.

Điều này có thể hiểu được. Hãy coi công ty Microsoft chẳng hạn. Họ được tiếng là xí nghiệp tạo ra nhiều nhà triệu phú nhất nước Mỹ. Vì các công nhân và nhân viên được tặng hứa phiếu (option), tức là quyền mua các cổ phần của công ty với giá cố định, trong một khoảng thời gian định trước. Giới vô sản làm công cho công ty chỉ việc chờ, coi lúc nào giá cổ phần lên cao hơn giá cố định hứa hẹn thì đem thi hành những hứa phiếu đó. Họ trở thành triệu phú nhờ giá cổ phần lên. Họ làm chủ một phần những phương tiện sản xuất của công ty! Mà "phương tiện sản xuất" chủ yếu của các công ty tin học là gì? Chính là trí tuệ của các công nhân, nhân viên. Khi một nhân viên nghỉ việc, họ mang theo cả phương tiện sản xuất!

Ở nước Mỹ, ngay cả những người không làm cho Microsoft, ngay cả những công nhân và nhân viên không làm chủ cổ phần của xí nghiệp, thì họ vẫn làm chủ cổ phần các công ty khác, theo con đường khác. Họ để dành tiền qua những quỹ tiết kiệm hưu bổng công và tư do họ đóng góp. Rồi những quỹ này cũng mua các cổ phần trên thị trường chứng khoán, khi về hưu các công nhân được hưởng. Tức là các công nhân đó cũng gián tiếp làm chủ các phương tiện sản xuất ở khắp nơi! Hiện nay hơn một nửa dân số Mỹ đang làm chủ cổ phần của các công ty, trực tiếp hoặc gián tiếp như thế.

Ông Lê Đăng Doanh nói có lý. Karl Marx chỉ nói đến viễn tượng khi nhân dân thành chủ nhân các phương tiện sản xuất; nhưng Marx không biết họ làm chủ dưới hình thức như thế nào. Phải có một định chế nào đó cho phép nhiều người cùng làm chủ nhiều thứ như vậy. Những mảnh giấy ghi người nào làm chủ bao nhiêu cổ phần của công ty nào, bây giờ giấy cũng biến đi chỉ còn các tín hiệu trong máy điện toán; đó là một phần của hệ thống xác định quyền sở hữu. Thiếu hệ thống đó thì khó biến tiền của thành tư bản.

Nhưng trước khi nói đến những quyền sở hữu trừu tượng đó, hãy bắt đầu bằng việc trả lại quyền làm chủ ruộng đất cho dân đi đã. Khi người dân đã có tờ giấy xác định quyền làm chủ mảnh đất mình đang ở, hay đang cầy cấy, thì họ mới yên tâm tính chuyện làm ăn lâu dài, không đến nỗi những kẻ có tiền đem đổi lấy đô la đi mua nhà, mua đất ở California!

Những vấn đề như thế bao giờ được giải quyết? Người dân Việt Nam có quyền thảo luận về những vấn đề đó hay không? Ai nắm quyền quyết định coi hệ thống sở hữu nào là thích hợp nhất để giải phóng các lực lượng sản xuất ở nước ta? Ai dám bàn đến những ưu, khuyết điểm của từng phương pháp, từng hệ thống sở hữu? Hiện nay, người Việt

Nam ở trong nước không có quyền bàn cãi đó. Vì báo chí không được tự do. Một dân tộc 83 triệu người cứ ngồi đó chờ các ông bà trong Trung Ương Đảng họp trong phòng kín quyết định số phận của mình mãi hay sao?

Một thí dụ là các thủ tục hành chánh. Cải tổ mãi cũng chưa thấy khai thông. Chính guồng máy hành chánh đẻ ra những thủ tục để tạo ra việc cho các công chức có việc làm để lãnh lương, và có thêm quyền hành hạ người dân. Ông de Soto kể khi mới thiết lập Viện Nghiên cứu Tự do và Dân chủ ở Peru, ông và các đồng nghiệp đã tự mang mình làm thí nghiệm. Họ mở một xí nghiệp may nhỏ ở ngoại ô thủ đô Lima, sẽ chỉ có một công nhân thôi. Họ đến xếp hàng ở các công sở, điền vào các mẫu đơn, đi xin các thứ giấy chứng nhận, thị thực giấy tờ, vân vân. Cứ như vậy, họ dành sáu giờ mỗi ngày cho việc này, kể cả những giờ đi xe buýt vào thành phố; và xí nghiệp chỉ được chính thức ra đời sau 289 ngày! Chi phí giấy tờ tất cả bằng 1,231 mỹ kim, bằng 31 lần lương tháng của một công nhân lãnh lương tối thiểu. Ông de Soto cũng kể muốn xây một ngôi nhà trên mảnh đất của nhà nước bỏ trống thì phải mất sáu năm 11 tháng, đi qua 52 cơ quan chính phủ, làm đủ 207 thủ tục! Muốn được lái xe taxi hay xe buýt tư trên một lộ trình nào đó thì phải mất 26 tháng đi qua các thủ tục! Với một hệ thống hành chánh như vậy, ai có thể trở thành nhà tư bản, ai có thể dùng vốn để sản xuất, kiếm lời, nếu không phải là một thiểu số được ưu đãi? Trong khi đó thì ở các nước nghèo đến đâu chúng ta cũng thấy một đạo quân những người buôn thúng bán mẹt quyết tâm cải thiện đời sống của họ. Họ là những nhà kinh doanh tương lai nếu có cơ hội làm ăn. Nhưng với thủ tục, luật lệ chằng chéo thì họ không có đường nào khác, đành chọn "vỉa hè là của nhân dân anh hùng!" Ông de Soto kể thêm tình trạng ở các nước khác, từ Ai Cập đến Haiti, Phi Luật Tân, vân vân. Muốn biết một nước có giải phóng được các lực lượng sản xuất hay không, hãy thử đo để biết một người muốn mở cửa hàng, muốn lập xí nghiệp thì phải mất bao nhiêu thời gian, đi qua bao nhiêu cửa.

Trong khi đó, những nhà cách mạng cộng sản ở Canada vẫn có quyền viết khẩu hiệu Vive la Révolution Communiste! Viva La Revolucion! Thanh niên bao giờ cũng có quyền mơ mộng. Khi trưởng thành thì sẽ thấy rằng việc phá đổ một trật tự xã hội dễ hơn, việc xây dựng lại xã hội đã đổ vỡ khó hơn.

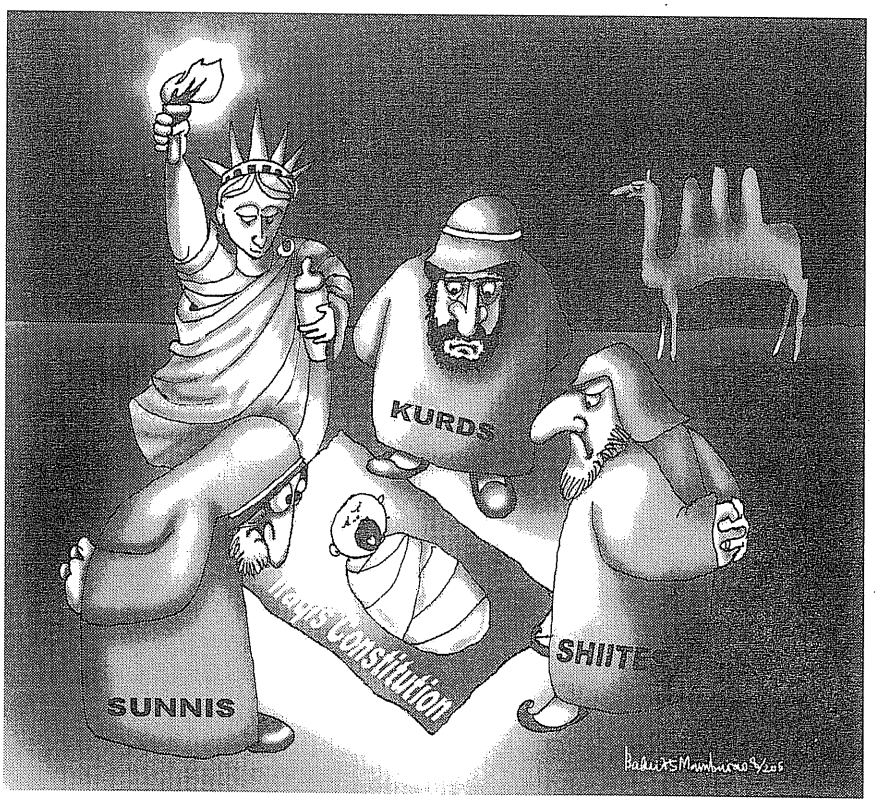

Công nhận sự đóng góp của giới tư sản vào kinh tế quốc gia là một bước tiến bộ. Nhưng nếu không thiết lập hệ thống pháp lý thích ứng, xã hội sẽ đi vào con đường mà Karl Marx mô tả: Một thiểu số nhà tư bản làm chủ các phương tiện sản xuất, họ làm chủ cả hệ thống pháp luật và họ có đặc quyền vượt qua những thủ tục. Trong khi đó, nhân dân anh hùng sẽ tiếp tục đứng ngoài hệ thống, chờ ngày làm cách mạng giải phóng các lực lượng sản xuất vậy!

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) VÀ NẠN NGHÈO ĐÓI Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC KHẢI

LGT: *Bài phân tích này được khai triển từ cuộc phỏng vấn tóm tắt do phóng viên Duy Ái của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) thực hiện vào sáng ngày 05/08/2005 tại Washington, DC. Cuộc phỏng vấn này đã được phát thanh về Việt Nam vào sáng ngày 08.08.2005, giờ Việt Nam.*

*

Sau khi kết thúc cuộc đàm phán song phương với Trung Quốc về việc gia nhập WTO hồi cuối tháng 7, giới hữu trách Hà Nội hiện đang ra sức hoàn tất những cuộc đàm phán song phương và đa phương còn lại, để có thể trở thành hội viên trước cuối năm nay hoặc trong năm 2006. Trong khi đó, các nhà phân tích cho biết, ở Trung Quốc, sau hơn ba năm rưỡi gia nhập tổ chức thương mại toàn cầu này, mức thu nhập của người dân nông thôn chẳng những không gia tăng mà lại còn bị sút giảm. Việc gia nhập WTO sẽ có những tác động nào đối với đời sống của nông dân Việt Nam? Liệu tình trạng tương tự có diễn ra ở nước ta hay không? Nhà nước có những nỗ lực nào nhằm bảo vệ cho quyền lợi của nông dân và người nghèo ở Việt Nam? Đó là những câu hỏi dành cho bài phân tích này.

1. Những tác động của việc gia nhập WTO đối với đời sống của nông dân và giới nghèo ở Việt Nam

Việc gia nhập WTO mang lại nhiều cơ hội cũng như nhiều thử thách cho Việt Nam. Những thử thách này liên hệ đến mọi khu vực kinh tế, nhưng đáng ngại nhất là đối với khu vực nông thôn nói chung và nông nghiệp nói riêng. Việt Nam đã và đang bị thử thách bởi Hiệp định Thương mại Mỹ Việt (US-VN Bilateral Trade Agreement), gọi tắt là BTA, và Khu vực Thương mại Tự do Đông Nam Á (ASEAN Free Trade Area), gọi tắt là AFTA. Nhưng ảnh hưởng của WTO sẽ mạnh mẽ hơn nhiều vì hai lý do chính: (1) Luật lệ của WTO đòi hỏi nhiều hơn AFTA và BTA, và áp dụng chung cho tất cả các nước hội viên buôn bán với Việt Nam; (2) Những nước hội viên đã gia nhập WTO có quyền áp đặt những điều kiện khắt khe hơn đối với những quốc gia đang thương lượng xin vào. Thí dụ Trung Quốc mới vào WTO hơn ba năm trước, đã gây một vài khó khăn cho Việt Nam. Khi gia nhập WTO, Việt Nam sẽ rất có thể phải chấm dứt mọi hình thức bao cấp nông dân, trong khi đó, những nước Tây phương, đặc biệt là Hoa Kỳ, Liên hiệp Âu Châu và Nhật Bản, là những nước hội viên ngay từ khi WTO thành lập vào năm 1995 vẫn có quyền chi tiêu khoảng 300 tỉ đô la để tài trợ nông dân của họ hàng năm. [1]

Khu vực nông thôn của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nặng nhất vì kỹ thuật nông nghiệp của Việt Nam vẫn còn thô sơ. Năng suất tương đối thấp, giá sản suất lại cao. Thí dụ giá bắp và đậu nành nội địa lần lượt vào khoảng trên US$140/tấn và US$350/tấn, so với giá trên thị trường quốc tế vào khoảng US$80/ tấn và US$180/ tấn vào năm 2001. [2]

Ngoài ra, hạ tầng cơ sở ở nông thôn Việt Nam vẫn còn lạc hậu, mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ trong vài năm qua. Đường xá và hải cảng thiếu phát triển làm gia tăng thời gian và chi phí chuyên chở. Theo ước tính, đưa một tấn gạo lên tàu tại hải cảng Việt Nam tốn gấp hai lần tại hải cảng Thái Lan. [3] Trong tình trạng như vậy, khu vực nông thôn và nông nghiệp của Việt Nam sẽ bị đe dọa bởi ảnh hưởng tiêu cực của làn sóng toàn cầu hóa, đặc biệt đối với những nông phẩm sản xuất với số lượng lớn như bắp, đậu nành, đường, và bông gòn.

Toàn cầu hóa có khuynh hướng biến đổi một nền nông nghiệp tự túc, đa canh và ở mức độ gia đình của một nước chậm tiến như Việt Nam thành một nền nông nghiệp doanh thương, hướng về xuất cảng và đơn canh. Như vậy, toàn cầu hóa

trong trường hợp này đe dọa đến an ninh thực phẩm quốc gia.

Những cuộc cải tổ và phát triển kinh tế, nhất là những dự án đầu tư ngoại quốc vào công nghệ, thường tập trung tại các khu vực thành thị, do đó nông thôn không được hưởng sự phát triển kinh tế đồng đều. Lợi tức không tăng bằng khu vực thành thị. Khác biệt giàu nghèo ngày càng lớn. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, lợi tức trung bình của một người ở nông thôn thấp hơn thành thị khoảng 3.7 lần, cách xa mức nghèo tối thiểu là US$1/ngày. Kết quả của cuộc điều nghiên của Tổng cục Thống kê Việt Nam vào năm 2002 cho thấy lợi tức của nhóm người thuộc 10% giàu nhất gấp 12.5 lợi tức của nhóm người thuộc 10% nghèo nhất ở Việt Nam. [4]

Nếu không có những biện pháp đặc biệt nâng đỡ nông thôn và giới dân nghèo, ảnh hưởng của WTO sẽ làm tăng thêm khoảng cách giữa thành thị và thôn quê một cách đáng kể. Lý do là phần lớn đầu tư mới của nước ngoài sẽ đổ vào vùng thành thị, đặc biệt là khu vực mới được mở cửa như các ngành dịch vụ bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, bán lẻ và bán sỉ, xuất nhập cảng, phân phối, chuyên chở, giải trí, pháp lý, xây cất, địa ốc, viễn thông, v.v...

Trong khi đó mức tiêu thụ của giới giàu có sẽ làm gia tăng giá cả. Tình trạng này kéo dài sẽ gây ra xáo trộn trong xã hội, như chúng ta thấy nổi loạn đã xảy ra ở vài nơi tại Việt Nam cũng như tại Trung Quốc. Lợi tức của nông dân tăng ít hơn lợi tức ở thành thị và chậm hơn tốc độ tăng của giá cả. Vì vậy, mãi lực và mức sống của nông dân sẽ giảm. Đó là trường hợp đã xảy ra tại Trung Quốc và rất có thể xảy ra tại Việt Nam như nhiều phân tách gia đã tiên đoán. [5]

2. Chính sách phát triển nhắm vào nông thôn và người nghèo

Như chúng ta được biết, nhiều tổ chức và cơ quan viện trợ quốc tế - như Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Cơ quan Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP)— ra sức hối thúc các nước đang phát triển trên thế giới áp dụng một sách lược phát triển gọi là "pro-poor growth" hay tăng trưởng nhắm vào giới dân nghèo. Chính phủ Hà Nội cũng đã đồng ý thực hiện một chính sách phát triển như vậy. Trong bối cảnh này, Việt Nam đã có những nỗ lực nào trong những cuộc đàm phán WTO để bảo vệ cho quyền lợi của nông dân hay không?

Câu hỏi này có hai phần. Phần 1 là phát triển nhắm vào người nghèo. Phần 2 về những biện pháp bảo vệ người nghèo của chính phủ Việt Nam trong tiến trình gia nhập WTO. Bài phân tích này sẽ bàn về phần 1 ở đây và phần 2 ở đoạn kế tiếp.

GS C. Peter Timmer đã từng nhận định rằng một chính sách phát triển kinh tế có thể không mang lợi lộc gì cho người nghèo, trừ phi chính sách này sử dụng một cách hữu ích nguồn tích sản dồi dào của giới nghèo - đó là nhân công — và cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho họ. Giới nghèo phải được tham dự vào suốt tiến trình phát triển kinh tế. Cách hiệu quả nhất để thực hiện những mục tiêu này là gia tăng năng suất của nông thôn và nông nghiệp. [6]

Thật vậy, có nhiều kế hoạch để gia tăng năng xuất của nông thôn và nông nghiệp, như khuyến khích đầu tư với nguồn vốn của tư nhân và chính phủ vào nông thôn và nông nghiệp trong những lãnh vực như khảo cứu canh nông, phát triển thủy lợi, đường xá, điện nước, và viễn thông. Theo ước tính, nếu nhà nước dành 1% GDP vào các chương trình đầu tư công cộng, mức nghèo đói sẽ giảm bớt xuống 0.5%. Cuộc nghiên cứu này cũng cho thấy có sự chênh lệch giữa các vùng. Đầu tư của nhà nước đổ vào các tỉnh giàu nhiều hơn các vùng nghèo. Trong khi đó, đầu tư của nhà nước vào những vùng nghèo mang lại nhiều kết quả hơn gấp 2-3 lần. [7]

Đã từ lâu, nông dân biết rằng đa canh và luân canh là những cách để tránh rủi ro và tăng gia lợi tức của nông dân. Ngoài ra, phát triển những ngành chăn nuôi hải sản, đánh cá, tiểu công nghệ và công nghiệp nhẹ như biến chế nông phẩm và sản xuất đồ gỗ là những phương cách tạo nhiều việc làm ngoài lãnh vực nông nghiệp và gia tăng lợi tức cho những người ở nông thôn. Đây là sở trường của Việt Nam và là giải pháp trực tiếp chính để giải quyết nạn nghèo đói ở thôn quê. Hai thí dụ sau đây liên quan đến công nghiệp nhẹ là ngành sản xuất muối và đồ gỗ.

Việt Nam hiện nay sản xuất khoảng 1.5 triệu tấn muối hàng năm, trị giá khoảng US$60 triệu. Tuy nhiên số lượng này không đủ để thỏa mãn nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất cảng. Do đó Việt Nam có thể bành trướng ngành sản xuất muối. Một số quốc gia ở trong đất liền có nhu cầu nhập cảng muối. Hàng năm, Việt Nam xuất cảng khoảng 60.000-80.000 tấn muối sang Lào và Kampuchea. Miến Điện và Nhật Bản cũng là khách hàng của Việt Nam. [8]

Kỹ nghệ sản xuất đồ gỗ là một thành công nhanh chóng của Việt Nam. Chỉ sau vài năm khởi sự, Việt Nam đã xuất cảng được một số đồ gỗ trị giá khoảng US$400 triệu vào năm 2001, US$567 triệu vào năm 2003, và US$1.054 tỉ vào năm 2004. Bốn khách hàng chính của Việt Nam là Liên hiệp Âu châu, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Đài Loan. Hầu như gần hết những cơ xưởng sản xuất đồ gỗ tập trung tại các tỉnh Gia Lai, Đắc Lắc, Bình Dương, Đồng Nai, và Sài Gòn. Một vài trở ngại lớn của Việt Nam trong ngành sản xuất đồ gỗ là thiếu nguyên liệu, thợ chuyên môn và kỹ thuật. Việt Nam phải nhập cảng 80% vật liệu gỗ từ Lào, Kampuchea, Nam Dương, Mã Lai, Tân Tây Lan, Úc, và một số quốc gia xa xôi như Nga, Ukraine, Hoa Kỳ, Canada, và Nam Phi. [9]

Một lãnh vực khác là phát triển con người qua chương trình đầu tư vào ngành giáo dục và y tế tại nông thôn. Đây là những chương trình đầu tư dài hạn và rất có hiệu quả. Nhiều cuộc nghiên cứu đã chứng minh rằng trình độ học vấn của gia chủ có ảnh hưởng rất rõ rệt vào mức sống của gia đình. Tỉ lệ chủ gia đình thất học giảm từ 62.6% vào năm 1993 xuống còn 55% vào năm 1998 và 37.01% vào năm 2002. Trong khi đó mức nghèo của Việt Nam cũng giảm lần lượt trong ba năm kể trên từ 58.1%, 37.4%, xuống còn 28.9%. [10] Kể từ năm 1989, Việt Nam bắt buộc học sinh đóng học phí trong các trường công. Hiện nay, hệ thống giáo dục Việt Nam bị xếp vào một trong những hạng thấp kém nhất so với những nước khác trong vùng Á châu. Điều bất hạnh này sẽ có ảnh hưởng xấu lâu dài cho tương lai của Việt Nam, và sẽ tiếp tục làm cho Việt Nam thua kém các nước láng giềng.

y tế công cộng. Nhà nước thành lập Quỹ Y tế cho người nghèo ở cấp tỉnh vào năm 2002 để nhắm thay đổi tình trạng trên. Quỹ này bắt buộc mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo hoặc trả phí tổn trực tiếp cho các cơ sở y tế.

Phát triển khu vực tư cũng là một biện pháp chính yếu và hiệu quả để xóa đói giảm nghèo. Việt Nam tăng trưởng thụt lùi -3.7% vào năm 1980 nhưng nhảy vọt lên 5.1% vào năm sau nhờ kế hoạch khoán sản phẩm. Bị nạn đói đe dọa, nhà nước buộc phải theo sáng kiến của nông dân và phải công nhận vai trò sản xuất của gia đình nông dân với việc ban hành Chỉ thị Số 100/CT/TU vào tháng 1/1981 của Ban chấp hành Trung ương Đảng CSVN. Đây là một quyết định quan trọng, đánh dấu một bước rẽ đầu tiên tách ra khỏi chính sách kinh tế chỉ huy cổ điển. [11] Vào năm 1986, với chính sách "Cởi trói" (Đổi mới), nhà nước chính thức công nhận một nền kinh tế nhiều khu vực bao gồm nhà nước, hợp tác xã, tư nhân và ngoại quốc. Hai năm sau, chế độ tập thể hóa nông nghiệp chính thức được chấm dứt. Chẳng bao lâu sau đó, Việt Nam xuất cảng gạo. Hơn ai hết, Việt Nam phải nhận thức được vai trò quan trọng của khu vực tư nhân trong việc phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Kinh nghiệm ở những nước trong vùng Đông Á cho thấy những xí nghiệp tư nhân cỡ nhỏ và trung bình đã và đang đóng góp một phần lớn vào việc tạo công ăn việc làm.

Nhưng khu vực tư nhân, đặc biệt ở thành thị, chỉ thực sự phát triển sau cuộc khủng hoảng kinh tế Á châu, tức là hơn một thập niên sau. Vào cuối năm 1999, Việt Nam ban hành Luật Doanh nghiệp. Luật này bắt đầu có hiệu lực vào đầu năm 2000. Riêng trong hai năm đầu 2000-2001, đã có 26,000

Table 1: Vietnam's Per Capita Income Relative to Selected Neighboring Countries

Vietnam's Per Capita Income Relative to (%)	1950	1960	1970	1975	1980	1990	1995	1998	2000	2002	2004
Thailand	50.5	74.1	43.4	36.2	29.7	22.4	21.1	27.0	29.1	32.6	33.3
Republic of Korea	55.5	72.3	37.6	22.5	18.4	11.9	11.6	13.8	12.1	11.6	14.1
Indonesia	72.3	75.4	61.6	47.2	40.5	41.3	42.1	54.6	67.2	72.6	77.1
China	149.9	118.7	93.9	81.2	71.0	56.0	52.9	52.3	54.2	51.1	46.2

Sources:
(1) Data for 1950-1998 are taken from Van Arkadie, Brant Hudson, R. (2003), Vietnam: A Transition Tiger, Canberra.
(2) Data for 2000-2004 are compiled from the CIA's World Factbook Online source (www.cia.gov).

Ở Việt Nam, tình trạng y tế của người nghèo có dấu hiệu đi xuống so với người giàu vì người nghèo ít có cơ hội được hưởng những dịch vụ y tế. Một phần vì tệ trạng tham nhũng tại các cơ sở

công ty nhỏ và trung bình ghi danh và sử dụng khoảng 500.000 công nhân. Khu vực tư nhân ngày càng lớn mạnh và đóng góp nhiều hơn vào tổng sản phẩm nội địa (GDP - gross domestic product).

3. Những nỗ lực nhằm bảo vệ cho quyền lợi của nông dân và người nghèo ở Việt Nam

Tổng số dân Việt Nam là 83 triệu, với lợi tức trung bình mỗi người là US$530 tính theo GDP vào năm 2004. [12] Nếu tính theo mãi lực bình quân (purchasing Power parity), lợi tức đầu người là US$2,700. [13] Khoảng 75% số này ở nông thôn, tức là khoảng 62 triệu. Khoảng 40% số người ở nông thôn phải sống trong cảnh nghèo túng. Dù có gia nhập WTO hay không thì Việt Nam vẫn cần phải thi hành chính sách phát triển nâng đỡ người nghèo. Trong năm 2004, GDP của Việt Nam tăng 7.7%. Ngành công nghiệp tập trung tại thành thị tăng 16% so với nông nghiệp là 3.5%. Do đó, kinh tế phát triển không có nghĩa là đương nhiên có sự phát triển cân bằng, và không có nghĩa là đương nhiên đời sống của giới nghèo sẽ khá hơn một cách tương xứng.

Kinh nghiệm cho thấy ở Việt Nam, cũng như ở nhiều nước khác, trong 20 năm vừa qua, nhờ chính sách cởi trói, mở cửa buôn bán với thế giới, và gia tăng xuất cảng nông phẩm, khoáng sản và kim loại, số người nghèo đã giảm từ 70% vào năm 1986 xuống còn 29% vào năm 2002. [14] Con số mới nhất là 11% trong năm 2003. [15] Nhưng khoảng cách sai biệt giữa giai cấp giàu và nghèo trong xã hội mỗi ngày một gia tăng. Bởi vì những dự án phát triển và đầu tư tập trung vào các khu vực thành thị, trong khi đó đa số người nghèo sống ở nông thôn. Theo tiêu chuẩn mới áp dụng từ năm 2005, tỉ lệ nghèo ở thành thị trong năm 2005 là 8.4%, so với nông thôn là 23.2% và vùng núi là 45.9%. [16]

Những chi tiết của những cuộc đàm phán song phương và đa phương trong khuôn khổ WTO không được phổ biến. Nhưng qua những tin tức nhận được thì nhà nước cố gắng làm một số việc: (1) thương thuyết để xin kéo dài thời gian chuyển tiếp, hầu có thêm thì giờ để thực hiện những biện pháp cải tiến nông thôn và giúp đỡ nông dân đối phó với cạnh tranh của những nông phẩm nhập cảng; (2) duy trì một mức thuế nhập cảng tối thiểu hầu bảo vệ nông dân; (3) hướng dẫn nông dân chuyển qua những ngành sản xuất nông sản có ưu thế hơn hoặc công nghiệp nhẹ ở nông thôn; và (4) phát triển thị trường xuất cảng nông phẩm.

Table 2: Dimension of Poverty and Inequality in Vietnam

		Poverty Rates (Headcount Index) (%)			Share of Population (%)		
		1993	1998	2002	1993	1998	2002
Entire country		58.1	37.4	28.9	100.0	100.0	100.0
Region	Northern Uplands	81.5	64.2	43.9	15.6	18.0	15.0
	* North East	86.1	62.0	38.4	--	--	12.0
	* North West	81.0	73.4	68.0	--	--	3.0
	Red River Delta	62.7	29.3	22.4	21.6	20.0	22.0
	North Central Coast	74.5	48.1	43.9	12.8	14.0	13.0
	South Central Coast	47.2	34.5	25.2	12.6	11.0	8.0
	Central Highlands	70.0	52.4	51.8	3.2	4.0	6.0
	South East	37.0	12.2	10.6	12.6	13.0	15.0
	Mekong Delta	47.1	36.9	23.4	22.4	21.0	21.0
Area	Urban Areas	25.1	9.2	6.6	19.9	20.9	23.2
	Rural Areas	66.4	45.5	35.6	80.1	79.1	76.8

Sources: World Bank and General Statistical Office's Statistical Yearbook.2003 as shown in Rainer Klump and Thomas Bonschab, "Operationalising Pro-Poor Growth," AFD, BMZ, DFID, and the World Bank, October 2004.

Kinh nghiệm của Kampuchea là một bài học cho Việt Nam. Là một nước chậm tiến gia nhập WTO, không kể 29 nước khác gồm cả Bangladesh và Miến Điện, tự động chuyển từ GATT (General Agreement on Tariffs and Trade) sang WTO vào năm 1995, Kampuchea đã không được tăng thuế nhập cảng nông phẩm lên quá 60% trong khi Liên hiệp Âu châu áp dụng thuế nhập cảng lên đến 262%, Hoa Kỳ 121% và Canada 120%. Cũng tương tự như Việt Nam, nông nghiệp nuôi sống 80% dân số của Kampuchea. Việc mở cửa thị trường nông phẩm quá sớm và hạ mức thuế nhập cảng quá nhiều sẽ có hại nhiều hơn là lợi so với số vốn đầu tư nước ngoài gia tăng. [17] Các chương trình an sinh xã hội có thể bị xáo trộn ít nhất trong ngắn hạn, nếu ngân sách của chính phủ thiếu hụt vì lợi tức từ thuế nhập cảng giảm đáng kể.

Với sự trợ giúp của những cơ quan viện trợ và tư vấn quốc tế, Việt Nam đã tổ chức những cuộc hội thảo, những cơ xưởng làm việc để trao đổi tin tức và ý kiến về việc gia nhập WTO, giữa các cơ quan nhà nước, khu vực tư nhân, các tổ chức dân sự của nhà nước ở trung ương và địa phương. Thêm vào đó, Việt Nam đặt kế hoạch về an sinh xã hội để bảo vệ giới nghèo trong trường hợp mức sống của họ bị đe dọa. Những nghiên cứu gần đây cho thấy rằng sự nghèo đói bị chi phối bởi những yếu tố liên quan đến kinh tế và xã hội như địa dư, sắc tộc và gia đình, v.v... Do đó đây là những lãnh vực ngoài phạm vi ngoại thương mà nhà nước cần có những chính sách thích hợp để giảm nghèo đói. [18]

Nhà nước có một số kế hoạch. Nhưng việc thực hiện tỏ ra rất chậm chạp. Việt Nam nộp đơn gia nhập WTO ngay từ năm 1995 khi cơ quan này thành lập. Nhưng mãi đến năm 2001 Đảng CSVN mới chính thức chấp thuận chính sách hội nhập vào nền kinh tế thế giới (Nghị Quyết 7 của Bộ Chính trị), và Việt Nam mới đệ trình WTO một chính sách đầu tiên về việc mua bán hàng hóa và dịch vụ. Vào năm 2002, Đảng CSVN mới ấn định thời gian gia nhập WTO vào tháng 1, 2005. [19] Thực tế cho thấy Việt Nam có rất ít hy vọng trở thành hội viên của WTO trong năm 2005, nhưng triển vọng cho năm 2006 sáng sủa hơn.

Kế hoạch cải tổ những doanh nghiệp nhà nước và khu vực dịch vụ rất cần thiết để gia tăng khả năng cạnh tranh, nhưng việc thực hiện tiến hành rất chậm và luôn luôn trễ hạn quá nhiều. Việt Nam đã đạt được những tiến bộ ở những ngành công nghệ dùng nhiều nhân công và nhằm vào thị trường xuất cảng như kỹ nghệ quần áo, giầy dép, v.v... Những công việc của những ngành này sẽ giúp giải quyết nạn nghèo đói ở nông thôn và thành thị.

Không những thế, việc cải tổ chậm trễ các doanh nghiệp nhà nước còn làm cản trở sự phát triển khu vực tư nhân vì nhà nước chủ trương dành tài nguyên quốc gia ưu tiên cho các doanh nghiệp này. Kinh nghiệm của các nước Đông Á cho thấy, những doanh nghiệp tư nhân nhỏ và trung bình là nguồn chính cung cấp việc làm cho thành thị cũng như nông thôn, nơi đa số dân nghèo sinh sống. Hy vọng rằng khi Luật Doanh nghiệp Thống nhất và Luật Đầu tư Thống nhất ra đời theo tiêu chuẩn của WTO, việc phân biệt đối xử giữa nhà nước và tư nhân, và giữa nội địa và nước ngoài, sẽ chấm dứt.

Trong dài hạn, việc gia nhập WTO sẽ giúp gia tăng công ăn việc làm ở Việt Nam và mức nghèo đói sẽ giảm. Nhưng trong giai đoạn chuyển tiếp, Việt Nam sẽ gặp một số khó khăn. Ngân hàng Thế giới tiên đoán rằng khoảng 400,000 (khoảng 25% của tổng số) công nhân sẽ mất việc làm tại các doanh nghiệp nhà nước do việc cải tổ. [20] Nhưng Việt Nam có thể giảm thiểu sự thiệt hại này bằng những kế hoạch an sinh xã hội, huấn luyện những người mất việc làm. Tuy nhiên, số việc làm ở Việt Nam sẽ tăng 4.7% sau khi cải tổ thuế nhập cảng theo WTO. [21] Các khu vực dịch vụ, thương mại, và nông nghiệp sẽ lần lượt đóng góp khoảng 50%, 20%, và 35% vào sự gia tăng số công ăn việc làm này.

Những ảnh hưởng tích cực của những cải tổ mậu dịch trong khuôn khổ AFTA, BTA, và WTO sẽ biến mất nếu Việt Nam không thi hành những biện pháp sâu rộng để sớm trở thành một nền kinh tế thị trường thật sự. Trong điều kiện như vậy mới có sự trao đổi tự do và nhanh chóng về hàng hóa và nhân công giữa các vùng thành thị phát triển với vùng nông thôn chậm tiến. Kết quả là sự cách biệt giàu nghèo giữa các vùng sẽ bớt đi.

Một cách giảm bớt mức nghèo đói hiệu quả ở nông thôn là đẩy mạnh các chương trình giáo dục và y tế tại đây. Đầu tư vào con người là một cách phát triển dài hạn. Về hai lãnh vực này, Việt Nam chưa đạt được những thành quả nào đáng kể, không những ở nông thôn mà ở ngay cả thành thị. Điều này gây nguy hại trực tiếp cho lớp người đang sống và vài thế hệ đang lớn lên ở Việt Nam.

Một điều bất hạnh là những nguy hại này tác dụng vào trí óc và cơ thể của chúng ta, và sẽ tiếp tục ảnh hưởng vĩnh viễn vào tất cả những thế hệ mai sau.

Kế hoạch di dân nội địa có tổ chức là một cách hữu hiệu để xóa đói giảm nghèo. Trong quá khứ, chính sách hộ khẩu có tác dụng kiểm soát và hạn chế di dân đã làm gia tăng nạn nghèo đói. Để làm cho tình trạng xấu trở nên tồi tệ hơn, nhà nước chủ trương độc quyền thu mua nông phẩm, cấm không cho hàng hóa di chuyển tự do. Chính sách này tiêu diệt sự phát triển và làm cho dân nghèo đói thêm. Từ ngày "Cởi trói" đến nay, chính sách hộ khẩu chấm dứt. Nhưng vì nhà nước không có một chính sách di dân có trật tự và hợp lý, những cuộc di dân lớn đã tạo gánh nặng cho khu vực thành thị. Kết quả là nạn nghèo đói tràn về thành thị, khiến nhà nước phải đặt ra những biện pháp mới để hạn chế.

Bốn bộ chịu trách nhiệm về việc di dân là Bộ Nông nghiệp và Xây dựng Nông thôn, Bộ Lao động, Bộ Công an và Bộ Xây dựng. Bộ Nông nghiệp và Xây dựng Nông thôn phụ trách về phát triển các Khu Kinh tế Mới. Bộ Lao động phụ trách việc làm và huấn luyện. Bộ Công an phụ trách về đăng ký gia đình. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm về việc thiết kế nông thôn và thành thị. Đấy là trên lý thuyết. Về mặt thực tế, không có sự phân chia trách nhiệm rõ ràng và không có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ.

Chính sách hộ khẩu cáo chung từ ngày "Cởi trói", nhưng chính sách thu mua của nhà nước chưa chấm dứt mà chỉ giảm bớt. Việc thu mua của nhà nước xuống tới cấp quận huyện. Từ quận huyện xuống tới xóm làng do trung gian tư nhân khai thác. Nông dân vẫn là nạn nhân của nạn dìm giá. Do ảnh hưởng của WTO, BTA, và AFTA, hi vọng rằng tình trạng áp bức nông dân này sẽ bớt đi.

Hiện nay, nhờ sự trợ giúp của các cơ quan quốc tế, Việt Nam đã có những chương trình giúp đỡ người nghèo như Chương trình Xóa Đói Giảm Nghèo (The Special Program for Hunger Eradication and Poverty Reduction), Chương trình Đầu tư Làng Xã 135 (Program 135 for Commune-Level Investments), và những chương trình đặc biệt dành cho đồng bào thiểu số. Một bất hạnh là mức nghèo của hầu hết các nhóm thiểu số đã cao, còn tiếp tục tăng. Phần lớn quỹ dành cho đồng bào thiểu số lại rơi vào tay người Kinh ở chung trong vùng thiểu số. Cách mưu sinh của hai sắc dân Kinh và Thượng khác nhau. Do đó, kế hoạch trợ giúp đồng bào thiểu số sẽ không có hiệu quả nhiều nếu nhà nước không cứu xét về sự khác biệt này.

Chương trình 135 được bắt đầu thi hành từ năm 1998, chú trọng đặc biệt đến việc giúp đỡ những dự án đầu tư vào hạ tầng cơ sở như dẫn thủy, trường học, và xây cất những trung tâm làng xã ở những nơi nghèo, đặc biệt tại những vùng núi xa xôi hẻo lánh. Trên thực tế chương trình này đã bị lạm dụng. Phần lớn số tiền của quỹ này dùng vào sản xuất canh nông và chỉ một phần nhỏ được chi tiêu vào những dự án khác. [22]

Những người trong Chương trình Xoá Đói Giảm Nghèo thành lập vào năm 1998 được cấp chứng chỉ nghèo và thẻ bảo hiểm sức khỏe, để không phải trả chi phí bệnh viện. Ngoài ra họ còn được vay tiền bao cấp tại Ngân hàng Chính sách Xã hội và con cái của họ không phải trả học phí hay chỉ trả một phần.

Những chương trình an sinh kể trên phải được cải thiện và tăng cường mới mong trợ giúp nông dân và giới nghèo một cách hiệu quả hơn, đặc biệt trong giai đoạn Việt Nam chuyển tiếp hội nhập vào thị trường thế giới. Ngân sách quốc gia thiếu hụt và các tệ nạn tham nhũng, lạm dụng quyền thế, và quan liêu là những trở ngại lớn cho việc thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

4. Kết luận

Dân nghèo ở nông thôn, và cả ở thành thị, là lớp người sau cùng trong xã hội được hưởng ít nhất những lợi ích của sự phát triển kinh tế, nhưng lại là lớp người đầu tiên bị thiệt thòi nhiều nhất khi có những cuộc khủng hoảng, vì họ không có khả năng tiết kiệm hầu có số vốn phòng thân khi trái gió trở trời. Trong giai đoạn chuyển tiếp hội nhập vào nền kinh tế thị trường thế giới qua WTO, lớp dân nghèo ở nông thôn và thành thị sẽ một lần nữa bị đặt vào một hoàn cảnh khiến đời sống của họ đã vất vả lại có thể khốn đốn thêm.

Rất không may là nhà nước CSVN đã bàn cãi rất nhiều trong ba năm qua, nhưng xem ra không chuẩn bị kịp, và không đủ khả năng về ngân sách và nhân lực để đối phó với trận cuồng

phong WTO sắp ào tới, một biến cố quá lớn đối với giới cầm quyền Hà Nội, một phần vì kinh nghiệm về kinh tế thị trường và WTO của họ rất giới hạn. Lớp nông dân và dân nghèo nói chung một lần nữa lại bị phó mặc cho rủi ro như trong thời kỳ 1975-1990. Trong giai đoạn đặc biệt khẩn trương này, dân nghèo cần được bảo vệ, nhưng mỉa mai thay "xã hội chủ nghĩa" chỉ là những khẩu hiệu rỗng tuếch của một dĩ vãng tang thương và không có một ý nghĩa gì ngay cả cho những dân nghèo hiện nay.

Phát triển nông thôn không những để xóa đói giảm nghèo mà còn giúp cho ngành công nghệ của Việt Nam phát triển. Nông thôn là một thị trường tiêu thụ nội địa khổng lồ với 75% dân số cho các sản phẩm công nghệ sản xuất trong nước.

Gia nhập WTO mang lại nhiều ích lợi cho Việt Nam như mở rộng thị trường xuất cảng, thu hút thêm nhiều đầu tư nước ngoài, được luật lệ WTO bảo vệ, và cơ hội cải tổ kinh tế nội địa. Nhưng đồng thời Việt Nam sẽ phải đối phó với nhiều thử thách như cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn, hàng hóa Việt Nam không được bảo vệ như trước, hàng nhập cảng sẽ xâm nhập thị trường nội địa nhiều hơn, khu vực dịch vụ và canh nông sẽ mở rộng hơn cho đầu tư nước ngoài, v.v... WTO chỉ là công cụ không hoàn hảo. Nó xấu hay tốt tùy thuộc phần lớn vào người sử dụng. Vai trò của nhà nước sẽ định đoạt lời lỗ tổng kết của cuộc hội nhập này.

7-8-2005

[1] Khai Q. Nguyen, "Vietnam — Global integration and Economic Development", Paper presented at the Vietnam Update 2004 Conference in Singapore, November 25-26, 2004.

[2] Le Van Lai and Phi Van Ky, "Challenge to the Vietnamese Agriculture", People's Army of Vietnam *newspaper, 2001.*

[3] Ministry of Agriculture and Rural Development, "Vietnam's Agriculture: A Strategy Toward WTO," Paper presented at the Forum on Vietnam's Accession to the WTO, Hanoi: May 3rd 2003.

[4] The Laborer, "Mức chênh lệch giàu nghèo ở Việt-Nam là 12.5 lần" (the Rich-Poor Gap in Vietnam is 12.5), reported by the News Forum on 1.5.2003.

[5] Peter S. Goodman, "Rural Poor Aren't Sharing in Spoils of China's Changes," Washington Post, *July 12, 2005.*

[6] C. Peter Timmer, "Agriculture and Economic Growth in Vietnam," Research in Domestic and International Agribusiness Management, Volume 12, JAI Press: 1996, 161-203.

[7] Rainer Klump and Thomas Bonschab, "Operationalising Pro-Poor Growth, A Country Case Study on Vietnam," AFD, BMZ, DFID, and the World Bank, October 2004.

[8] Vietnam News Brief, "Vietnam To Promote Salt Exports to Japan, ASEAN," November 13, 2003.

[9]Vietnam Brief Review, "Vietnam's Wood Exports Surpassed US$1 Billion in 2004," January 14, 2005.

[10] Rainer Klump and Thomas Bonschab, "Operationalising Pro-Poor Growth, A Country Case Study on Vietnam," AFD, BMZ, DFID, and the World Bank, October 2004.

[11] Vo Nhan Tri, "Vietnam's Economic Policy Since 1975," Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1990.

[12] IMF, "Vietnam: 2004 Article IV Consultation — Staff Report," IMF Country Report No. 05/148, May 2005.

[13] Central Intelligence Agency, "The World Fact Book," www.odci.gov, July 28. 2005.

[14] Khai Q. Nguyen, "Towards a Sustainable Rural Development Policy For Vietnam", Harvard Asia Quarterly, Fall 2003, Vol. Vii, No. 4. and IMF, "Vietnam 2003 Aticle IV Consultation — Staff Report," Washington, DC August 28, 2003.

[15] Vietnam News Briefs, "Vietnam To Raise Poverty Line," September 13, 2004.

[16] Vietnam News Briefs, "Vietnam To Raise Poverty Line," September 13, 2004. Theo đó mức nghèo ở thành thị là 211,000VNĐ/người/tháng (US$134.4) và ở nông thôn là 183,000 VNĐ (US$116.6).

[17] Alan Boyd, "The Heavy Price of the WTO Membership," Asia Times, *September 30, 2003.*

[18] John Thoburn, Richard Jones, "Globalization and Poverty in Vietnam," The UK Department for International Development (DfID), Globalization and Poverty Research Program, October 30, 2002.

[19] Khai Q. Nguyen, "Vietnam's WTO Accession," in the forthcoming book "Vietnam: Development Futures and Globalization," The Edwin Mellen Press, *New York: 2006.*

[20] Patrick Belser and Martin Rama, "State Ownership and Labor Redundancy." World Bank, Washington DC, May 2001.

[21] World Bank, "Vietnam Development Report 2002", Washington, DC December 4, 2001.

[22] Rainer Klump and Thomas Bonschab, "Operationalising Pro-Poor Growth, A Country Case Study on Vietnam," AFD, BMZ, DFID, and the World Bank, October 2004.

SỬA SOẠN BẦU CỬ TẠI AFGHANISTAN

ĐINH XUÂN QUÂN

Tháng Chín 2005 toàn Afghanistan sẽ bầu Quốc Hội (QH) và các Hội đồng tỉnh (HĐT). Phe Taliban (Hồi giáo quá khích) quyết phá cuộc bầu cử trong khi phe đồng minh do Liên Hiệp Quốc cầm đầu quyết giúp chính phủ xây dựng nền dân chủ mới cho cái xứ Hồi giáo còn ở thế kỷ 14 này (năm nay là năm 1384 theo lịch Hồi giáo).

Vận động tranh cử tại Afghanistan

Sau khi Liên xô xâm chiếm xứ này (lúc bấy giờ Hà Nội ủng hộ mạnh mẽ cuộc xâm lược này) thì toàn dân đã đứng lên chống lại. Phong trào nổi dậy được nhiều nước trợ giúp trong đó có Pakistan, Mỹ, Arập Saoudi, vv. Những người trong phong trào này còn gọi là mujahideen. Sau khi Liên xô rút khỏi Afghanistan vào 1991, các phe phái trong phong trào này lại tranh chấp lẫn nhau gây nhiều thiệt hại cho dân, trên 50,000 đã thiệt mạng trong cuộc nội chiến tại Kabul.

Phong trào Taliban đã dẹp được hỗn loạn do mujahieen gây ra và mang trật tự lại cho Afghanistan. Nhưng tới phiên mình, Taliban lại thiết lập một chế độ hà khắc, đàn áp phụ nữ và nuôi dưỡng khủng bố Hồi giáo trên thế giới. Cũng vì vậy mà sau vụ 9/11 Mỹ đã được LHQ ủng hộ và giúp phe nổi dậy lật Taliban.

Sau cuộc bầu Tổng thống năm 2004, cuộc bầu cử Quốc Hội tới đây sẽ là một mốc mới trong việc tái thiết xứ này sau 25 năm chiến tranh. Theo Cơ quan trợ giúp LHQ tại Afghanistan - còn gọi là UNAMA [UN Assistance mission in Afghanistan] - thì việc tổ chức bầu cử Quốc Hội và các Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐNDT) sẽ tốn khoảng $149 triệu. Hiện nay LHQ đã nhận được $100 triệu và còn thiếu khoảng $ 31 triệu để làm nhiệm vụ tổ chức bầu cử QH và HĐNDT.

Hiện nay có khoảng 6,000 người đã ghi danh ứng cử viên ra tranh cử Quốc Hội và các Hội đồng tỉnh vào cuộc bầu cử tháng Chín.

Theo cơ quan quản lí bầu cử còn gọi là Joint Electoral Management Body (JEMB), thì có 2,900 ứng cử viên ra tranh cho 249 ghế Hạ viện còn gọi là Wolesi Jerga. Trong số ứng cử viên có 350 phụ nữ và theo Hiến Pháp thì ít nhất 68 ghế Hạ viện sẽ dành cho phụ nữ.

Việc tổ chức bầu cử đã bị đình lại hai lần vì thiếu phương tiện và khả năng tổ chức. Sau 25 chiến tranh và trên 20 năm dưới chế độ Cộng sản, dân chúng Afghanistan không mấy am hiểu về quyền công dân cũng như việc thi hành nghĩa vụ công dân.

Cuộc vận động tổ chức bầu cử bắt đầu từ tháng Năm vừa qua, trên bốn triệu bích chương, bảy triệu truyền đơn và một triệu stickers nói về bầu cử Quốc Hội và bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh đã được quảng bá trong dân chúng. Cơ quan JEMB đã tích cực khuyến khích dân chúng tham gia cuộc bầu cử, với trên 2000 cán bộ vận động đã được tung ra trên khắp toàn quốc.

Việc tổ chức bầu cử là một việc khá nặng nhọc, trên 40 triệu phiếu phải in tại nước ngoài cho kịp thời hạn, và 140,000 nhân viên được huấn luyện lo cho cuộc bầu cử.

Phụ nữ và bầu cử

Nhiều nơi tại Afghanistan, phụ nữ còn bị kềm chế trong việc đi bầu hay bị những kẻ có đầu óc lạc hậu ngăn cản trong việc ra tranh cử, tuy rằng theo luật thì có 68 ghế dành cho phụ nữ trong Quốc hội.

Theo luật thì tranh cử vào QH bắt đầu vào ngày 17 tháng 8, hai ngày trước ngày độc lập của Afghanistan. Có trên 10 triệu cử tri và ngày bầu cử được định là ngày 18/9/2005. Mỗi ứng cử viên được tranh cử năm phút trên đài phát thanh, được phát hai lần, và hai phút trên đài truyền hình, cũng được chiếu hai lần.

Đối với các ứng cử viên HĐND mỗi người được bốn phút trên làn sóng phát thanh và hai phút trên truyền hình. Theo cơ quan JEMB [Cơ quan hỗn hợp về bầu cử] thì vấn đề công bằng là quan trọng.

Nhưng có một điều đáng ngại là bây giờ nếu có ai phỏng vấn các ứng cử viên QH thì nhiều người sẽ tỏ ra không biết trách nhiệm của họ là gì, nếu được bầu thì họ sẽ làm những gì, họ sẽ là một loại công chức của nhà nước hay là một chính trị gia. Vấn đề đáng chú ý nữa là các ứng cử viên phụ nữ. Một cơ quan nhân quyền quốc tế (Human Right Watch) cho là các ứng cử viên phụ nữ phải rất can đảm để đương đầu với Taliban và các bạo chúa địa phương khi ra tranh cử; họ đang làm một việc đi ngược lại truyền thống không cho phụ nữ tham gia công quyền. Tại nông thôn các ứng cử viên phụ nữ thường bị dọa nạt, không được ra khỏi nhà nếu chồng không cho phép. Các ứng cử viên nữ không giám in bích chương vì sợ tối Taliban đến ám sát hay là bị các lãnh chúa trù. Theo một báo cáo về 582 ứng cử viên phụ nữ (10% số ứng cử viên) và các vận động viên bầu cử thì "một bầu không khí lo sợ còn bao trùm các ứng cử viên phụ nữ."

Tàn quân Taliban trong vùng núi hiểm trở Nam Afghanistan muốn ảnh hưởng cuộc bầu cử này qua việc hăm dọa cử tri và các ứng cử viên phụ nữ. Theo tổ chức về nhân quyền tại Afghanistan thì "không lạ gì nếu các ứng cử viên phụ nữ lo sợ về an ninh của họ." Một nữ nhân viên lo về bầu cử đã bị ám sát và gần đây một số lãnh tụ tôn giáo thân chính phủ bị quân Taliban sát hại.

Tóm lại có hai đe dọa lớn nhất cho cuộc bầu cử này: các lãnh chúa muốn kiểm soát bầu cử và tàn quân Taliban luôn luôn cố phá cuộc bầu cử.

Tân đại sứ Hoa Kỳ tại Afghanistan ông Ronald Neumann tuyên bố kế hoạch của các lực lượng nước ngoài sẽ không để cho quân Taliban gây cản trở cho cuộc bầu cử Hạ viện của Afghanistan vào tháng tới. Ông Ronald Neumann cũng kêu gọi Pakistan, một nước láng giềng, hãy chống lại chủ nghĩa cực đoan Hồi giáo một cách tích cực hơn.

Ông nói tiếp, "Nhưng họ hoàn toàn không có cơ may nào trong việc ngăn chặn cuộc bầu cử này..." Theo ông thì kế hoạch an ninh có nhiều hiệu quả với khoảng 30,000 binh sĩ nước ngoài và gần 80,000 binh sĩ và cảnh sát Afghanistan, đã sẵn sàng để ngăn chặn bất cứ tình trạng bạo động nào có thể xảy ra.

Những lời bình luận của ông đã được lập lại bởi Bộ Trưởng Ngoại Giao Afghanistan Abdullah Abdullah, người đã tuyên bố trong một cuộc viếng thăm nước Úc rằng dân chúng muốn thấy những cuộc bầu cử được tiến hành. Nhân dịp lễ độc lập vào 20 tháng 8 vừa qua, TT Hamid Karzai kêu gọi các ứng cử viên Quốc Hội đoàn kết chống lại sự phá hoại của Taliban.

Tại sân vận động thành phố Kabul, nơi mà quân Taliban trước đây đã xử tử, cắt tay hay đánh dân, TT Karzai đã được bầu với nhiệm kỳ năm năm, đã nhắc nhở trách nhiệm của dân chúng và các ứng cử viên là phải vượt qua nạn bè phái, bộ tộc hay đảng phái để đặt quyền lợi của quốc gia Afghanistan lên trên hết. Trong quá khứ, các tranh chấp giữa bộ tộc Pashtun và Tajiks vẫn là những điểm nóng trong chính trường tại đây. Trong cuộc bầu cử QH này thì chính phủ hứa sẽ không gây ảnh hưởng vào các cuộc tranh chấp này. Ông Karzai cũng nói là á phiện là một đe dọa cho xứ sở.

Vấn đề quá khứ

Đây là một việc nhạy cảm vì xứ sở mới trải qua chiến tranh, và trong cuộc bầu cử này nhiều cựu lãnh chúa Mujahideen cũng ra tranh cử vào Quốc hội. Gần đây một cựu lãnh chúa ẩn nấp tại Anh đã bị xử chung thân vì đã gây nhiều tội ác trong thời chiến.

Chính phủ trong thâm tâm sợ là các kêu gọi đòi xử các tội ác thời chiến sẽ gây nhiều khó khăn do các thành phần mujahidee gây ra, vì họ vẫn tự coi mình có công chiến đấu chống Liên Xô. Nếu xử hết những kẻ gây tội ác trong thời chiến thì sẽ không thể bỏ qua được nhiều lãnh chúa đang tranh cử vào Quốc hội, và cũng có cơ may họ thắng cử. Nhiều người tại Afghanistan cho là chỉ thanh thỏa được vấn đề các tội ác thời chiến (dù người gây ra thuộc phe mujahideeen hay Taliban) nếu được mang ra xử công khai hay được phơi bày ra qua một tòa hòa giải tại Nam phi.

Dù sao đi nữa cuộc bầu cử này sẽ đánh giấu một mốc mới trong tiến trình tái thiết Afghanistan.

Kabul, tháng Tám 2005

VỀ TÌNH TRẠNG NGHIÊN CỨU VĂN HỌC TẠI MIỀN BẮC NHỮNG NĂM 60

(TRÒ CHUYỆN VỚI GIÁO SƯ NGUYỄN HUỆ CHI)

THỤY KHUÊ

Những buổi nói chuyện với Giáo sư Nguyễn Huệ Chi, trên đài RFI trong tháng 7 vừa qua, và được ghi lại trên "Thế kỷ 21", bắt nguồn từ cuộc trao đổi văn học giữa hai người đã từng giữ địa vị chủ chốt trong Viện Văn học trong nhiều năm qua: một bên là Phó giáo sư Nguyễn Văn Hoàn, nguyên Viện phó Viện Văn học. Một bên là Giáo sư Nguyễn Huệ Chi, nguyên Chủ tịch Hội đồng khoa học của Viện trong bảy năm và nguyên Trưởng ban văn học Cổ cận đại của Viện trong gần 30 năm.

Cuộc tranh luận này hàm chứa những vấn đề quan trọng trong việc nghiên cứu văn học ở miền Bắc những năm 60 mà ít người biết. Bài viết của Phó giáo sư Nguyễn Văn Hoàn đã đăng trên tạp chí "Nghiên Cứu Văn Học", Hà Nội, số 4 năm 2005. Bài trả lời của Giáo sư Nguyễn Huệ Chi được tạp chí đề nghị phải cắt xén một số đoạn, tác giả không chấp nhận việc cắt xén, nên bài viết cuối cùng đã không đăng trên tạp chí "Nghiên Cứu Văn Học". Vì lý do đó mà chúng tôi mời Giáo sư Nguyễn Huệ Chi phát biểu trên đài RFI, về một số vấn đề liên quan đến việc thực hiện các bộ toàn tập, và về tình trạng nghiên cứu văn học trong thập niên 60 ở miền Bắc.

Thụy Khuê

I- QUAN NIỆM VỀ MỘT BỘ TOÀN TẬP

Thụy Khuê: *Thưa anh Nguyễn Huệ Chi, xin thành thật cảm ơn anh đã nhận lời phát biểu trên RFI, về những vấn đề quan trọng liên quan đến Viện Văn học mà anh là một trong những người đã giữ những địa vị chủ chốt trong nhiều năm. Trước hết, xin hỏi anh: tại sao anh chấp nhận mở lại hồ sơ văn học này, ngày hôm nay?*

Nguyễn Huệ Chi: Thưa chị Thụy Khuê, chủ chốt gì đâu, gọi là có giữ một chức làng nhàng ở Viện thôi. Việc đài RFI phỏng vấn đối với tôi là một việc rất có ý nghĩa. Bởi vì đây là cơ hội giúp cho tôi được nói tường tận, nói sâu hơn vào một số vấn đề mà tôi muốn đặt ra, để chị và thính giả trong nước cũng như ngoài nước hiểu rõ ngọn ngành. Lúc đầu tôi nghĩ rằng: giữa thời buổi ngổn ngang bao nhiêu chuyện bất cập đang đặt ra trước mắt ngành nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học ở Việt Nam như thời buổi hôm nay - trong đó có việc xem xét lại chỗ đắc chỗ thất của giới nghiên cứu văn học mác-xít 60 năm qua - sự khác nhau trong cách nhìn nhận một hiện tượng nào đó cũng là dễ hiểu. Nhưng sau khi suy nghĩ lại, Viện Văn học là một cơ quan công quyền của nhà nước, và đã hoạt động với tư cách thực hành đường lối chỉ đạo của Đảng Cộng Sản về văn chương nghệ thuật trong bao nhiêu năm qua. Bây giờ là lúc cần phải nhìn lại việc làm ấy của Viện. Mặt khác thì tôi cũng nghĩ, tôi nói là nói những sự thật, mà sự thật xưa nay vẫn có một hấp lực mạnh mẽ đối với mọi đầu óc tỉnh táo, nên dù "vòng cương tỏa" có ghê gớm đến đâu thì sớm muộn bằng cách này cách khác người ta vẫn có cách tiếp cận và chuyển tải nó. Vì thế, tôi muốn hé lộ cho bạn đọc thấy một góc bức tranh sinh hoạt tinh thần ở một thời cách xa ngày nay đã chẵn bốn thập kỷ, trên mảnh đất miền Bắc những năm sau hiệp định Genève, vậy mà vẫn còn để ảnh hưởng nặng nề đến tận hôm nay. Phơi bày bức tranh ấy cho trung thực, theo tôi chính là khởi đầu mọi sự đổi mới thật sự trong công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học mà giới nghiên cứu ở Việt Nam hiện đang rất bức xúc.

T.K.: *Điểm đầu tiên mà anh muốn phơi bày là việc đặt lại quan niệm về việc làm toàn tập, và có thể nói: quan niệm này của anh khác hẳn với những bộ sách toàn tập đã được Nhà xuất bản Văn học in ra những năm gần đây?*

N.H.C.: Tôi băn khoăn về tình trạng các bộ toàn tập được Nhà xuất bản Văn học in ra trong khoảng mấy năm gần đây với sự tài trợ của Bộ Văn hóa Thông tin Việt Nam. Tôi biết rằng, toàn tập của một người có lúc không in trọn mọi tác

phẩm của người ấy vì những khó khăn nào đó, chẳng hạn có những tác phẩm đã bị mất mát chưa tìm lại được, hoặc có những tác phẩm quá lạc hậu, hoặc đôi khi quá tân tiến so với thời đại, đưa ra chưa hẳn đã hay; nhưng đấy chung quy cũng là tình thế cực chẳng đã. Còn theo nguyên tắc, đã gọi là toàn tập thì mọi tác phẩm của một tác giả nhất thiết phải đưa vào. Toàn tập còn có tư cách gì nếu trên thực tế đã bị cắt xén và chỉ còn là tuyển tập? Quan trọng hơn, nếu như cái gọi là toàn tập đó không giúp bạn đọc tìm hiểu thật chính xác tiến trình tư tưởng và văn chương của một nhà văn? Huống chi ở đây, tất cả những bộ toàn tập đã công bố của Nhà xuất bản Văn học mà tôi cố gắng đọc kỹ thì lại nhất loạt bỏ hết các bài viết trong cuộc đấu tranh chống nhóm Nhân văn-Giai phẩm, một sự kiện cực kỳ quan trọng trong suốt 20 năm xây dựng miền Bắc nước ta, thì thử hỏi có bình thường hay không?

T.K: *Anh đã từng sống trong thời kỳ mà các bài gọi là đấu tranh chống Nhân văn-Giai phẩm đã được viết ra. Vậy xin anh cho biết "không khí" thời đó.*

N.H.C: Tôi chắc bạn đọc ở nước ngoài không hiểu được tình hình của những năm ấy đâu, vậy tôi xin gợi lại một chút về cái thời kỳ ấy: Từ thành thị đến nông thôn có ai được phép bàng quan, đứng ra ngoài không khí sục sôi "đánh địch" trên mặt trận văn hóa văn nghệ của cả một nửa nước, nhất là tầng lớp văn nghệ sĩ và trí thức? Ở Trường đại học Tổng hợp Hà Nội mà tôi học, nơi cái nôi của Nhóm "Đất mới " và "lô cốt" của những vị trí thức đầu đàn "cứng cổ" như Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, nơi vốn đã nhen nhóm không khí đối thoại dân chủ khi sinh viên được phép tổ chức các buổi đăng đàn trao đổi với các thầy về những vấn đề đặt ra trong bài giảng và đôi khi cả những vấn đề thời sự (có lần một sinh viên Khoa Toán nêu câu hỏi: Cải cách ruộng đất căn bản thắng lợi hay thất bại?)... thì lúc này tổ chức Đảng họp riêng với Đoàn thanh niên Lao động phổ biến chủ trương phải kịp thời đối phó nếu như có biểu tình trong sinh viên, khi cần sẽ phát súng cho Đoàn viên nòng cốt (tất nhiên những kẻ ngoài Đoàn như tôi thì không được họp, chỉ nghe lóm mà thôi). Rồi bài giảng lý luận của một vị thầy ở Khoa Ngữ văn - ông Phan Ngọc - bị một sinh viên (anh HNC) đem ra "cật vấn" bằng một tiểu luận chuyền tay trong lớp, cho rằng "đích thị tư tưởng Hồ Phong." Các cơ quan văn hóa, giáo dục, nghệ thuật cũng bắt đầu kín đáo cô lập hoặc tỏ thái độ "lạnh nhạt" với những người có viết bài, vẽ tranh cho mấy tập *Giai phẩm* và tờ *Nhân văn*, cũng như có "đi qua về lại" với những "phần tử nguy hiểm" như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Lê Đạt, ông chủ Nhà xuất bản Minh Đức... (nhiều người như ông MH ở Ban Văn sử địa về sau không viết được nữa và chết trong lặng lẽ). Một số họa sĩ thời danh không chịu vẽ theo đường lối phục vụ công nông binh bị dư luận chính thống lên án khiến mọi người xa lánh. Một số bài hát như *Gửi người em gái miền Nam*... cũng ngầm có lệnh cấm lưu hành vì cho rằng quá ủy mị. Ngay trong một lá thư gửi cho Hồng Diệu đề ngày 29-IX-1960, chính nhà nghiên cứu Trần Thanh Mại đã nhắc đến những ngày "tất cả phải đổ dồn vào việc đấu tranh chống tư tưởng Nhân văn Giai phẩm" vào "nửa sau năm 1958", đến mức nếu "mở những cuộc tranh luận về lý luận văn học [trong thời gian này] thì không có lợi" - có nghĩa là đi lạc ra ngoài những gì xã hội quan tâm (bạn đọc có thể đọc lại *Trần Thanh Mại Toàn tập*, Tập III, trang 731-732). Năm 1960 nghĩa là hai năm qua rồi mà một trí thức như Trần Thanh Mại còn đầy ắp ấn tượng về những ngày "long trời lở đất", chứng tỏ cuộc đấu tranh chống Nhân văn-Giai phẩm đã tác động đến mọi người sâu sắc tới chừng nào.

T.K: *Theo anh thì những bài viết của các tác giả trong thời kỳ đó có tầm quan trọng như thế nào? Và tại sao người ta lại bỏ chúng đi khi in các bộ toàn tập ấy, ngày hôm nay?*

N.H.C: Bài viết của mỗi tác giả viết trong thời gian đó, tôi nghĩ sẽ là nơi kiểm nghiệm chân xác cái đúng cái sai trong nhận thức, tư tưởng và nói lên bản lĩnh, tầm nhìn, sự trung thực và tình người của mỗi người trước những vấn đề nổi cộm, diễn ra cách chúng ta gần 50 năm nhưng đến nay vẫn chưa phải đã hết ý nghĩa thời sự. Thế thì ta thử nghĩ, tất cả các bộ toàn tập đã lần lượt ra mắt đều nhất loạt bỏ các bài đó đi là vì lý do gì? Hãy cứ thành thực với lòng mình chứ đừng quanh co, chẳng phải là có một tâm lý chung chi phối người biên soạn, và cả người đứng ra chủ trương làm các bộ toàn tập hôm nay - một thứ tâm lý mặc cảm cho rằng những lời lẽ được nói ra vì động cơ chính trị nhất thời trong một lúc, nay in lại cho bạn đọc rộng rãi không còn "hợp" nữa. Thêm vào đấy, nếu chịu khó tìm lại văn bản gốc để đọc ở trên tất cả các báo chí vào thời kỳ ấy, tất ai cũng thấy ngay đó toàn là những lời lẽ lên gân đến tột mức, mang tính chất mạt sát, nhục mạ đối với

người bị phê phán, không thể nào có trong đời sống văn học bình thường. Phải ở vào một thời điểm hết sức căng thẳng, dưới một áp lực vô hình hoặc một sự phấn khích tinh thần đặc biệt nào thì người viết mới đủ "dũng khí" để nói ra những lời không mấy "văn chương" như thế. Vì thế mà ngày nay người làm toàn tập cân nhắc bỏ đi cũng chẳng phải là chuyện khó hiểu. Nó là bằng chứng của một sự "phản tỉnh" mà hễ ai có chút lương tri cũng cần có, nói cách khác, một thước đo giá trị mới trong lương tâm cộng đồng thời buổi hiện tại không cho phép người làm sách giữ lại những lời lẽ khiến người đọc thế hệ sau không thể thông cảm, thậm chí bất bình.

T.K: *Như vậy thì theo anh, việc không đưa những bài viết như thế vào các bộ toàn tập là một việc làm có hại hay có lợi cho người đọc?*

N.H.C: Tôi thấy đó là việc làm hại nhiều lợi ít. Nếu như cuộc đấu tranh chống nhóm Nhân văn-Giai phẩm trước sau là đúng, thì có phải chúng ta đã vô tình xóa mất một dấu son của nhân dân miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản trên cả một chặng đường tư tưởng hay không? Mà như thế thì, con cháu về sau làm sao có điều kiện tìm hiểu nhằm vinh danh những dấu mốc đáng nhớ của chặng đường này? Đó chẳng phải là một sai sót của công tác xuất bản khó lòng chấp nhận được? Còn nếu thực chất việc làm năm 1958 của giới văn nghệ sĩ, trí thức là sai, ta hãy cứ giả định như vậy, thì lại càng cần phải đưa vào, để người đọc - mà người đọc ở đây phải hiểu là cả một dân tộc có văn hóa hiểu theo nghĩa rộng chứ không phải là một số người nào đâu - qua đó rút kinh nghiệm, nhằm bớt đi những vấp váp ấu trĩ, cho chặng đường đang tới. Chính vì ta không chịu rút kinh nghiệm kịp thời nên không ít cái sai đã tái diễn. Tôi xin nêu lên một vài ví dụ: chẳng hạn việc đốt phá, tịch thu sách vở trong Cải cách ruộng đất là một tổn thất to lớn cho di sản văn hóa đất nước; ngay cả cái thư viện Mộng Thương thư trai của gia đình tôi được coi là một trong hai thư viện lớn nhất ở Hà Tĩnh, đã bị đốt phá. Ấy thế mà việc đó lại đã lặp lại ở miền Nam sau năm 1975. Cũng xin ngoặc lại một chút để nói về bố tôi, học giả Nguyễn Đổng Chi. Thời kỳ sau 75, bố tôi đang ở Viện Sử học được biệt phái vào công tác tại miền Nam và vì đã có kinh nghiệm về thời kỳ cải cách ruộng đất nên chính ông đã có những biện pháp rất tích cực để cho một số trí thức ở trong Nam như nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Y hay nữ sĩ Mộng Tuyết, về sau giữ được an toàn kho sách của họ.

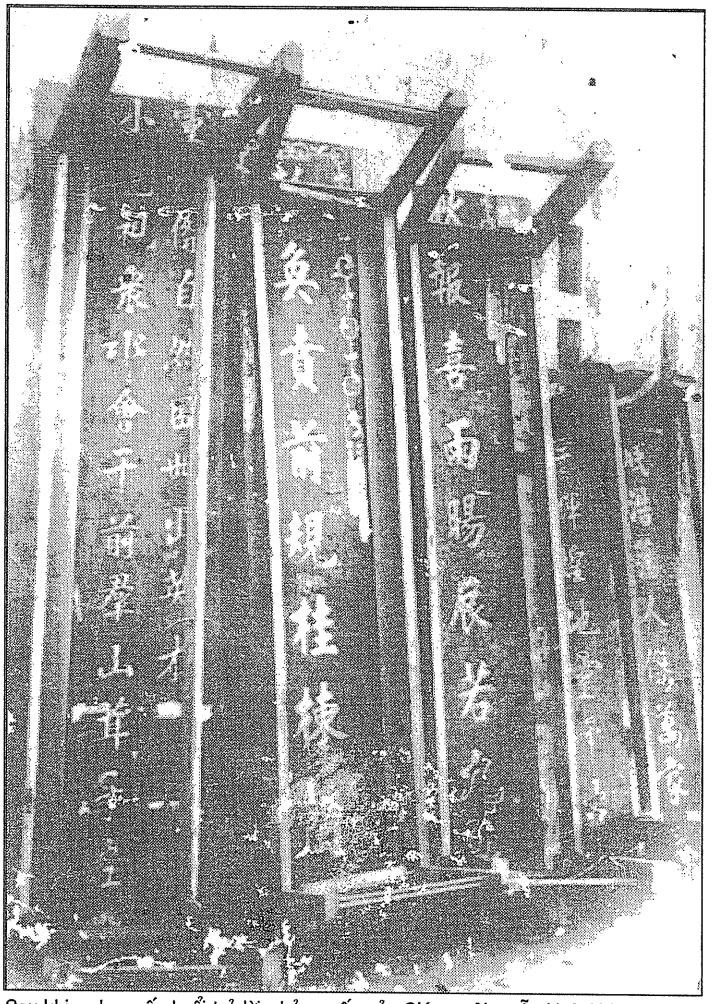

Sau khi nghe mấy buổi trả lời phỏng vấn của Giáo sư Nguyễn Huệ Chi trên RFI, một người quê ở Mai Động đã tìm đến gặp tác giả trao lại tấm ảnh duy nhất về các câu đối ở đình Mai Động bị đóng thành ghế ngồi cho hợp tác xã mà ông đã xin được từ nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Bá Khoản hơn 20 năm trước.

T.K: *Việc đốt phá sách, dường như đi đôi với việc phá phách các di tích lịch sử và anh cũng đã từng chứng kiến nhiều lần. Vậy có thể nói, chúng ta rút ra được những kinh nghiệm gì, về những vụ tàn phá di sản văn hóa này?*

N.H.C: Trong mấy chục năm đi điền dã để

làm bộ *Thơ văn Lý-Trần*, chúng tôi đã thấy không biết bao nhiêu di tích bị phá một cách vô tội vạ, mà cái người chủ trương tàn phá, phải nói, hoặc là, biểu hiện của một thứ cực đoan không thể chấp nhận được; hoặc nữa là, có một sự thù hằn gì ghê gớm đối với lịch sử, hay cũng có thể là *hách dịch đối với lịch sử*. Cho nên họ đã đập phá tàn bạo, chẳng hạn như di tích nơi vua Trần Nhân Tông tịch ở am Ngọa Vân phía Tây núi Yên Tử (một ông vua anh hùng khoáng đạt như thế có tội tình gì để họ phá cho tan tành? Hay vì đã không "cực quyền" như họ?). Lại chẳng hạn như việc phá đình phá chùa trong chủ trương "hợp tự" năm 1948, đã làm mất đi bao nhiêu di tích văn hóa quý giá có từ lâu đời ở Nghệ-Tĩnh. Ấy thế mà việc đó lại được lặp lại với quy mô rộng rãi hơn ở hầu khắp miền Bắc trong những năm 60 thế kỷ XX. Tôi còn nhớ là vào ngày 9/5 năm 1966, tôi đến thăm cụ Lê Thước, một học giả nổi tiếng ở chợ Hôm, thì gặp lúc nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Bá Khoản cũng đến và ông ấy đã trình bày với cụ việc một ngôi đền thờ nữ tướng của Hai Bà Trưng ở Mai Động (tức là sát ngay Hà Nội, bây giờ là trong nội thành) đã bị Đảng bộ chỉ đạo đem hoành phi câu đối và cỗ kiệu ra đóng bàn ghế và xe phân cho hợp tác xã. Ông Nguyễn Bá Khoản đã chụp trộm được mấy tấm ảnh và suýt nữa thì bị dân quân tự vệ bắt và tịch thu máy ảnh. Khi ông ấy đã chạy thoát rồi vẫn còn nghe vẳng đến lời ông Bí thư Đảng ủy: "Hãy bắt gông nó lại, tội vạ gì tôi chịu". Ông Nguyễn Bá Khoản đã kể lại với tất cả cái thảng thốt và cái bất bình của mình. Tối hôm ấy, tôi có ghi vào nhật ký như sau: "Có thể có một thứ duy vật cuồng tín hoành hành trên đất nước ta đến thế hay sao?" Thực ra lúc bấy giờ tôi cũng không thể giải thích được những việc làm như thế, và tôi chắc rằng trong kho ảnh của gia đình nghệ sĩ Nguyễn Bá Khoản hiện nay vẫn còn lưu những tấm ảnh mà cụ Lê Thước và tôi được xem hôm đó. Đấy! Nếu như chúng ta không giữ lại những gì mà chúng ta đã làm trong quá khứ dù đúng dù sai, để tự mình nhìn lại cho thấu đáo, cái hành vi, cái ý thức, cái nhận thức một thời của mình, thì làm sao chúng ta có được bước đi về sau tốt đẹp hơn bước đi của chặng đường trước?

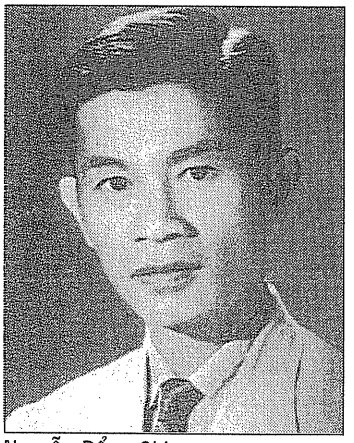
Nguyễn Đổng Chi

II - CHỨNG TỪ CỦA MỘT NGƯỜI CON

Trong những năm 1957-1958, hầu như toàn bộ văn nghệ sĩ trí thức miền Bắc đều có bài lên án Nhân Văn-Giai Phẩm. Những văn bản mà họ để lại là chứng từ của một giai đoạn lịch sử văn học. Sự việc ấy đã diễn ra như thế nào? Giáo sư Nguyễn Huệ Chi, là người đầu tiên trên diễn đàn văn học mở cửa cho chúng ta thấy hậu trường của một thời đại đen tối mà chính phụ thân ông, học giả Nguyễn Đổng Chi đã can dự vào.

TK: *Thưa anh Nguyễn Huệ Chi, Anh đã từng chứng kiến cảnh ông cụ thân sinh phải nhận viết bài chống cụ Phan Khôi, sự việc xảy ra như thế nào, thưa anh?*

NHC: Thưa chị Thụy Khuê, bản thân tôi, tôi đã chứng kiến người bố của tôi, tức là học giả Nguyễn Đổng Chi, viết bài phê phán học giả Phan Khôi, theo yêu cầu của người khác, khác với tính cách của ông, rồi sau đó đã không ngớt ân hận. Tôi phải nói lại chuyện này để chị hiểu câu chuyện cho có đầu đuôi một chút. Tức là kể từ thuở tôi còn là sinh viên, tôi và ông bố của tôi đã đối xử với nhau như bạn bè, có gì trong học thuật cũng trao đổi với nhau. Thời kỳ ấy, tôi nhớ là vào khoảng tháng 3 năm 1958, hai bố con tôi, nhân ngày chủ nhật cùng nhau đi chơi, từ Ô Đống Mác đi lên Tràng Tiền. Đến ngã tư Tràng Tiền, rẽ về phía Nhà Hát Lớn, tới gần hiệu Bodéga, nhìn thấy hai bên đường có những tờ báo treo, bởi vì ở đấy có chỗ bán sách báo, thì ông ấy mới nói với tôi thế này: "*Ông Liệu*, - tức là nhà sử học Trần Huy Liệu, thủ trưởng của bố tôi, Trưởng ban nghiên cứu Văn Sử Địa lúc bấy giờ -, *ông Liệu có nói với bố là: Phan Khôi thì rõ là sai rồi, bởi vì tự dưng lại đứng ra làm Chủ nhiệm báo "Nhân Văn", để cho những anh em trẻ nhân danh đòi tự do cho văn nghệ mà thoát ly đường lối lãnh đạo của Đảng, cho nên Phan Khôi phải chịu trách nhiệm về việc ấy. Thế nhưng đối xử với Phan Khôi như thế là không được, như thế là nặng, bởi vì Phan Khôi là một học giả nổi tiếng và là một trí thức lão thành, không thể đánh đồng với những người khác.*" Tôi nghe bố tôi nói vậy, tôi cũng chỉ để tâm thế thôi. Rồi hai bố con đi trở về.

Nhưng sau đó khoảng chưa đầy một tháng, tự nhiên một hôm bố tôi đi làm về, buổi chiều tôi

nhận thấy ông có một thái độ lặng lẽ khác thường, đi đi lại lại trên sân đình (hồi ấy chúng tôi còn phải ở nhờ đình An Cư trong xóm Thanh Nhàn) mà không nói gì. Tôi mới hỏi: hôm nay có chuyện gì mà bố có vẻ ưu tư thế? Bố tôi đáp: Bố mới nhận được một nhiệm vụ khó nghĩ quá. Tôi hỏi việc gì. Ông nói: Phải phê phán Phan Khôi. Tôi nghe hơi ngạc nhiên, bèn nói: Ủa, thế hôm trước bố đã nói thế rồi cơ mà? - Nhưng hôm nay thì yêu cầu đặt ra là tờ tập san *Văn Sử Địa* phải có một bài phê phán Phan Khôi mà bố được lãnh cái trách nhiệm ấy.

T.K: *Vậy ông cụ anh đã soạn bài viết ấy như thế nào? Anh có được đọc trước không và nếu anh được đọc, thì ý kiến của anh hồi ấy ra sao?*

N.H.C.: Vài hôm sau thì thấy bố tôi bắt đầu đi thư viện, đi lục lọi, sưu tầm ở thư viện rất miệt mài. Và độ chừng 15 ngày sau nữa thì nghe bố tôi bảo: "*Bố sẽ cố gắng chỉ nói về Phan Khôi trong giai đoạn từ 1945 về trước thôi. Còn giai đoạn sau, bố không nói, bởi vì xem ra, những bài ông ấy viết trên tờ "Nhân Văn", tờ "Giai Phẩm", thì không có gì để nói được, là bởi vì ông ấy phê phán lãnh đạo văn nghệ, mà việc ông ấy phê phán một cái tập thể đứng ra thẩm định giải thưởng, đồng thời lại đưa tác phẩm vào để xin được trao giải, thế thì cái tập thể ấy có còn đạt được tiêu chuẩn gì gọi là dân chủ, gọi là công bằng nữa hay không? Thì bố thấy ông Phan Khôi nói chuyện ấy rõ là được chứ. Cho nên bố chỉ nói về ông ấy từ 45 trở về trước.*" Sau đó thì bố tôi bắt đầu viết và tôi cũng tin là bố tôi sẽ nói một cách chừng mực thôi. Nhưng khi bài viết xong, đưa cho tôi, phải nói tôi có hơi choáng người, vì những lời lẽ ông ấy viết rất nặng. Nhưng vì kính trọng bố cho nên tôi không nói gì, vả chăng lúc bấy giờ tôi cũng nghĩ là Phan Khôi sai, tuy rằng thật tình tôi chưa biết nhiều lắm về cụ Phan Khôi, nhưng tôi vẫn nghĩ là cụ Phan Khôi sai lầm, cho nên bố tôi đã nói thế chắc là phải đúng.

T.K: *Thưa anh, đến khi nào thì ông cụ mới cảm thấy là mình lầm?*

N.H.C.: Thế mãi về sau, hai bố con không nói với nhau về chuyện ấy nữa. Nhưng có một lần nhân câu chuyện gì đó bố tôi có nói lại là: "*Bố ân hận quá, đã nói những chuyện không đúng về cụ Phan Khôi, bởi vì cụ Phan Khôi từ trước Cách Mạng đã được dư luận coi là Ngự sử văn đàn, là một người rắn rỏi, cứng cỏi, thẳng thắn. Cho nên những điều ông ấy viết bao giờ cũng có tính chất đối thoại với người khác. Mà đối thoại chính là cái biểu hiệu của sự dân chủ. Vì thế mà bố nghĩ, bố đã phê phán trúng vào chỗ đó chính là bố đã theo đuôi để đưa đến không khí mất dân chủ trong cái bài của bố.*" Bố tôi chỉ nói một lời ngắn gọn như thế rồi trầm ngâm rất lâu. Mãi cho đến trước khi mất, tức là năm 1984, vào mùa xuân thì bố tôi được đi Nga lần đầu, lúc bấy giờ với tư cách là chuyên viên Viện Văn hóa dân gian. Bố tôi đi đâu chừng hai tháng. Khi trở về, ông bị ốm vì bên Nga lạnh quá. Tôi lên thăm, thì bố tôi nói thế này: "*Bố thấy ở Nga có hai điều: Một là việc nghiên cứu Đông phương học của họ đến nơi đến chốn, chứ không phải là nóng đâu phủi đấy như chúng ta. Nhưng điều thứ hai bố thấy họ có chỗ này không được: tức là họ vẫn đặt công việc nghiên cứu vào một đường rãnh* (chính trị - HC thêm) *mà mọi người đều phải trượt trên cái đường rãnh ấy; cuối cùng thì người nào cũng quy về một điểm mà không còn nhìn thấy sự đa dạng trong nghiên cứu nữa.*" Bố tôi nhận xét thế. Đến khi khỏe lại, bố tôi có dịp trao đổi lâu hơn với tôi: "*Thật ra nước mình không phải là một nước có lý luận và cũng không có triết học, chỉ là một nước thực tiễn thôi. Cho nên việc nóng đâu phủi đấy là chuyện bình thường. Và việc mà bố gán cho Phan Khôi là học mót cái thực dụng của Hồ Thích mà Hồ Thích thì học mót của J. Dewey là sai. Bởi vì một chủ nghĩa thực dụng như của Dewey là lớn lắm chứ không phải nhỏ, và chuyện ông Hồ Thích cắt gọt chỗ này chỗ khác, ông ấy áp dụng vào Trung Hoa cho đúng theo điều kiện thực tiễn Trung Hoa, cái đó cũng bình thường. Còn chúng ta vốn quen học lại của Trung Hoa cũng chẳng có gì lạ. Do đó, nói rằng Phan Khôi đã học mót Hồ Thích và Hồ Thích thì đã học mót Dewey là một lời phê phán quá nóng vội.*" Và bố tôi nói thêm: "*Sau này nếu có điều kiện thì con cố gắng làm thế nào sửa được cái sai lầm của bố.*" Đấy, tôi phải nói một cách rõ ràng để chị và thính giả có thể thông cảm được tình hình hồi ấy là như thế. Mãi cho đến năm 84, ông bố tôi mới nói ra lời ấy.

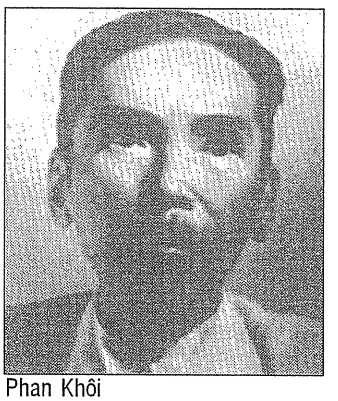
Phan Khôi

T.K: *Từ việc của ông cụ anh đã rút ra được kinh nghiệm gì riêng cho mình và cho đến bây giờ thì anh đã thực hiện được những lời cụ dặn dò chưa?*

N.H.C.: Quả thật về sau tôi càng ngày càng thấy là những điều bố tôi nói rất đúng, và sự ân hận của ông là sự ân hận của một người có lương tri, có tư cách của một trí thức. Gần đây có nhiều người gợi ý nên làm toàn tập cho bố, rất nhiều chứ không phải ít, nhưng tôi chỉ cười mà không nói gì, bởi vì tôi nghĩ rằng chưa thể làm được. Vì làm toàn tập thì nhất định là phải đưa hết các bài nghiên cứu của ông ấy vào, mà trong đó lại có một bài không vẻ vang gì cho bố tôi cả, là bài phê phán cụ Phan Khôi. Nhưng rất tiếc là... bài ấy đã được in ra trên giấy trắng mực đen. Đó là bài *Quan điểm phản động, phản khoa học của Phan Khôi phải chăng là học mót của Hồ Thích*, trên tập san *Văn Sử Địa*, số 41, tháng 6 năm 1958. Tôi không giấu giếm ai hết, mà xin nói rõ xuất xứ như thế, để bạn đọc thấy cái bài đó đã làm cho chúng tôi xấu hổ như thế nào. Cũng gần đây, trong thời gian biên tập bộ *Từ điển Văn học-bộ mới*, có nhận lời ủy thác của người bạn quá cố là anh Văn Tâm - một người cũng lao đao trong thời Nhân văn-Giai phẩm - tôi đã bổ sung và chỉnh sửa lại mục từ "Phan Khôi" do Văn Tâm viết từ nhiều năm về trước; về sau, anh Văn Tâm rất muốn sửa mục từ ấy đi, cho đúng thực chất, giá trị của đối tượng mình viết, nhưng bệnh tật khiến anh không làm được việc ấy nữa, nên anh ủy thác cho tôi. Tuy rằng nhận lời ủy thác của anh, nhưng trong thâm tâm chính là tôi muốn thực hiện cái di chúc của bố tôi để rửa mối nhục mà chính bố tôi đã tự gây cho mình.

Cũng trong *Từ điển Văn học-bộ mới*, các mục từ viết về những tác gia Nhân văn-Giai phẩm, tôi đều quan tâm và đều có sửa chữa hoặc trực tiếp viết, và những mục từ ấy, theo tôi, ít nhất cũng đã lấy lại một cái nhìn tương đối đúng đắn - tương đối thôi chứ vẫn chưa nói được hết giá trị thực mà họ có và bao nhiêu năm bị dập vùi, bị những nhận định officiel nó biến trắng thành đen và làm cho họ không có giá trị nữa trong tâm lý bạn đọc thông thường. Cũng ở *Từ điển Văn học-bộ mới*, có mục từ "Hồ Thích", tôi cũng tự mình đảm nhiệm, cốt là để giải oan phần nào cho cái gọi là chủ nghĩa thực dụng (le pragmatisme) học mót Dewey của Hồ Thích mà người bố của tôi đã cực lực phê phán. Hôm nay sách đã ra được nửa năm, tôi thành thực bộc bạch như thế.

T.K: *Khi anh đọc bộ "Trần Thanh Mại toàn tập" thì tâm trạng anh như thế nào?*

N.H.C.: Khi đọc bộ *Trần Thanh Mại toàn tập*, không thấy có bài mà ông Trần Thanh Mại đã phê phán Giáo sư Trương Tửu từng in trong liền ba số báo *Nhân dân* khoảng đầu năm 57, thì tôi gần như rơi vào một tâm trạng phân vân và nghi ngờ. Đọc tiếp các bộ toàn tập khác, cũng không thấy những bài cùng loại - họ đã bỏ một cách nhẹ nhàng tất cả những bài viết, mà phải nói là, những bài đã hằn đậm lên trong đầu óc của rất nhiều người về những ý kiến nặng nề đối với Nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm. Thấy họ bỏ đi một cách nhẹ nhàng đến thế thì tôi càng băn khoăn hơn. Bởi thế tôi đã nêu thắc mắc: "Những bài viết của Trần Thanh Mại phê phán Nhân Văn-Giai Phẩm đã không được đưa vào *Trần Thanh Mại toàn tập*, Nxb. Văn học năm 2004. Tôi để ý thì thấy hết thảy những bộ toàn tập của các tác giả được Nhà xuất bản Văn học công bố mấy năm nay, đều bỏ hẳn phần viết này, và cả một số phần khác nữa. Như vậy thì định nghĩa thế nào là "toàn tập"? Hay "toàn tập" chỉ là những gì còn ăn khách được với hôm nay? Còn những miếng xấu hổ, "khạc chẳng ra cho nuốt chẳng vào" thì thôi, đành theo ý ai đấy, giấu nhẹm đi, để người ta quên đi một thời người cầm bút phải thóa mạ nhau túi bụi cho vừa lòng bề trên. Có lẽ cách xử sự như thế là hữu lý chăng?"

T.K: *Anh có nghĩ rằng những người chủ trương các bộ toàn tập này không cho in lại những bài viết ấy có phải vì họ có một chủ trương khác anh hay không?*

N.H.C.: Có thể những người làm các bộ toàn tập này chủ trương cắt bỏ đi những bài về đấu tố trong cải cách ruộng đất hay những bài phê phán Nhân Văn-Giai Phẩm quá nặng nề thuở ấy là nằm trong một đường hướng có chỉ đạo từ trên mà ta vẫn gọi là "khép lại quá khứ". Một đường hướng như thế, theo tôi cũng có phần gọi là... *phải đạo* đấy! Nhưng nếu nghĩ cho thấu đáo thì không khỏi đơn giản và lầm. Bởi vì, ta thử nhìn lại mà xem, bao nhiêu người từng bị xử lý trong cuộc đấu tranh chống nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm, bị treo bút, bị cải tạo, bị tù đày, hàng chục, vài chục năm, cho đến nay đã người nào được lên tiếng nói lại một lời cho thỏa đáng? Mà khá nhiều người đã chết rồi chứ, như các anh Trần Dần, Phùng Quán, Phùng Cung, bà Thụy An... "Khép lại" kiểu ấy thì thử hỏi cái gọi là công bằng ở đâu? Cũng giống như hàng triệu người vì quẫn bức mà phải bỏ nước ra

đi, đầu những năm 80, lúc bấy giờ chúng ta ở trong nước, có thể nói là không làm gì cả. Mà trong khi đó thì họ đang chết, đang lênh đênh và rất nhiều người chết ở trên biển cả. Bây giờ chúng ta nói: Khép lại quá khứ! Đúng! Hoàn toàn đúng! Thế nhưng khép lại không có nghĩa là - tôi tin rằng không ai nghĩ là - như vậy là thôi, hãy quên hết cả đi, hãy quên cả những cái chết của những người ấy đi và không còn chiêu tuyết cho những con người đã chết cực chết tủi trên biển nữa. Tôi nghĩ khép lại như thế không ổn, không bao giờ ổn được.

III - HẬU TRƯỜNG CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU VĂN HỌC

Việc viết văn học sử cận đại trong 60 năm qua đã xẩy ra như thế nào?

Tại sao những tác giả như Phan Thanh Giản, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Trương Tửu v.v... đã phải chịu những lời nhục mạ nặng nề trong những bài được gọi là "nghiên cứu văn học" trong suốt bao nhiêu năm qua. Những nhà nghiên cứu tên tuổi như Trần Thanh Mại, Đặng Thai Mai, ĐĐH, TC v.v... đã có những đóng góp gì trong các công trình biên khảo như thế của Viện Văn học nói riêng, và của toàn bộ các công trình nghiên cứu khác, nói chung. Chúng tôi nhờ Giáo sư Nguyễn Huệ Chi soi rạng một số vấn đề xẩy ra trong nội bộ của các Viện nghiên cứu, thập niên 60, tại miền Bắc.

TK: *Thưa anh Nguyễn Huệ Chi, bây giờ chúng ta đi vào trung tâm của vấn đề, tức là nói về phương pháp viết nghiên cứu trong thập niên 60 ở miền Bắc. Về điểm này, thì trong bài viết về Trần Thanh Mại, anh có nhắc đến một chi tiết là: "Ở thời điểm ấy, tủ tư liệu của Tổ văn học Cổ cận đại Viện Văn học chất đầy những bài viết của những nhà nghiên cứu tên tuổi, làm điểm tựa cho cho việc viết văn học sử cận đại, mà bài nào cũng mang những dòng tít sắt đá." Xin anh giải thích rõ hơn về chi tiết này.*

NHC: Thủa bấy giờ Trần Thanh Mại say mê nghiên cứu về Miên Thẩm, nhưng mà ông không được phép công bố một bài viết nào về Miên Thẩm cả, trừ có hai bài thơ dịch, có liên quan đến Cao Bá Quát. Vì Cao Bá Quát là một người rất được đề cao, thế nên Miên Thẩm có hai bài thơ viết về Cao Bá Quát cũng được đăng, tức là dựa vào tiếng thơm của Cao Bá Quát mà được đăng đấy thôi. Tôi giải thích việc đó là: *"Bắt nguồn từ hòn đá tảng "quan điểm giai cấp" mà ai cũng không được vi phạm", một người như ông tất nhiên làm gì có thể "chuyển lay".* Để dẫn chứng, tôi nói thêm: *"Ngay như trong chiếc tủ tư liệu của Tổ tôi vào lúc đó vẫn chất đầy những bài viết, do Viện đặt cho nhiều nhà nghiên cứu "tên tuổi", tuy không in ra nhưng là những bài được xếp vào hồ sơ nghiên cứu, có ý nghĩa "điểm tựa" cho việc viết văn học sử cận đại, mà bài nào cũng mang dòng tít "sắt đá"*: Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh chỉ là những con số không trong lịch sử văn học (ĐĐH); Bộ mặt phản động của Trương Tửu trong cuốn "Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam" (VT); Trương Vĩnh Ký, nhà bác học hay là kẻ đóng vai đặc vụ, tình báo, làm tay sai đắc lực cho thực dân Pháp (MQ); Triều Nguyễn, một thời đại phản động và thoái hóa trong lịch sử dân tộc (TC); Thơ văn Phan Thanh Giản chỉ là tiếng thở dài của chủ nghĩa đầu hàng (TC)..."

T.K: *Thế nhưng Nguyễn Văn Hoàn, trong bài "Mấy ý kiến nhân đọc "Trần Thanh Mại toàn tập" in trên tạp chí Nghiên cứu Văn học số 4 năm 2005, thì quả quyết rằng:"Trong tủ tư liệu của Tổ Cổ cận Viện Văn học, không hề có những bài như vậy." Vậy anh có thể chứng minh được rằng: những tư liệu này có thực hay không?*

N.H.C: Nguyễn Văn Hoàn quả quyết: hoàn toàn không có những bài như Huệ Chi kể trong tủ tư liệu của Tổ hồi đó. Lời phản bác quả đẩy tôi vào một tình thế khá là nan giải, vì sau bao cuộc biến thiên: mấy phen tách nhập từ Tổ văn học Cổ cận dân (tức là Cổ đại, Cận đại và Dân gian) sang Tổ văn học Cổ cận đại, rồi sang Ban văn học Việt Nam, lại trở về Ban văn học Cổ cận đại; mấy phen chuyển đổi nơi làm việc từ tầng hai nhà chính xuống tầng một, rồi lại lên tầng hai nhà phụ; ba lần sơ tán hết Hà Bắc đến Hà Tây lại trở lại Hà Bắc; một lệnh quy tập mọi thứ Tổ đang giữ về Phòng Tư liệu thư viện v.v... cũng đủ cho mớ tài liệu mà Tổ sở hữu từ đầu những năm 60 đâu còn nguyên vẹn mặt mũi thuở xưa.

T.K: *Thế thì anh dựa vào đâu, để chứng minh rằng những tư liệu này có thật?*

N.H.C: Tôi vẫn đinh ninh trong trí, là khi mình vừa về Tổ, được phép mở tủ tư liệu của Tổ ra thì trong tủ chứa đầy các bài viết ở dạng bản thảo, trong đó có các bài mà tôi đã dẫn. Khi chị Lê Ngọc Chương, chị ấy về trước tôi, nhưng một thời gian sau chị ấy không thích thời kỳ Cổ cận đại, cho nên chị ấy xin chuyển sang Tổ văn học Hiện đại vào đầu năm 1962, thì tôi được Tổ giao cho việc thay chị phân loại lại các tài liệu này. Tôi đã

tìm thấy chúng xuất phát từ hai nguồn: 1. Những di sản do Ban Văn, thuộc Ban nghiên cứu Văn sử địa cũ, chuyển giao lại mà ông Vũ Ngọc Phan - nguyên Tổ trưởng Tổ văn học Cổ cận dân của Viện - mang về: gồm một bài phê phán Trương Tửu của VT (Nguyễn Văn Hoàn đã nói rõ là Văn Tân nên tôi cũng không phải ngại ngần khi trưng tên thật của ông ấy, còn những tên viết tắt khác, bởi vì tôi vẫn nghĩ là đối với những người viết ra các bài nói trên, về sau có thể họ đã thay đổi cách nghĩ, mình không cốt phê phán họ mà chỉ phê phán cái "thời ấy" đã làm cho họ phải nói như vậy; cho nên tôi vẫn xin được giữ nguyên tên tắt của họ), một bài lên án Trương Vĩnh Ký của MQ (Nguyễn Văn Hoàn đã nói rõ là Mẫn Quốc), một cụm sưu tập văn thơ Cần vương của Đinh Xuân Lâm, và một số bài của những người khác. Một nguồn thứ hai là: Những bài vở do các cán bộ Ban Tu thư Bộ Giáo dục cũ chuyển tới: gồm hai bài về Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh của ĐĐH, hai bài về triều Nguyễn và Phan Thanh Giản của TC, một bài về tuồng của Huỳnh Lý, một tập biên khảo về Huỳnh Thúc Kháng của Lê Trí Viễn, một tập sưu tầm và giới thiệu thơ văn Phan Châu Trinh của Huỳnh Lý và Hoàng Ngọc Phách, một xấp tư liệu về Đông Kinh nghĩa thục của Hoàng Ngọc Phách v.v... Bài Văn Tân đã in trên tập san *Văn sử địa* cũng có lưu bản đánh máy trong tủ tư liệu của Tổ chính là từ Ban nghiên cứu Văn *sử địa* chuyển sang, còn bài Mẫn Quốc mãi về sau mới in nhưng đã có ngay từ dạo ấy. Nhưng mà chỗ này thì cũng chưa được chắc chắn lắm bởi vì bên cạnh bài của Mẫn Quốc, tôi nhớ là còn có bài của Võ Văn Nhung, mà bài của Võ Văn Nhung thì gửi sang muộn hơn.

Nguyễn Văn Vĩnh

Trong số những bài liệt kê ở trên thì hai bài phê phán Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh của ĐĐH, và bài phê phán Trương Vĩnh Ký của Mẫn Quốc là những bài gây "sốc" cho tôi rất mạnh, khiến tôi nhớ lâu nhất, và đã phải đắn đo không dám mạnh dạn đề cao đúng mức Trương Vĩnh Ký, cũng như không dám đưa Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh vào *Từ điển văn học* (bộ cũ) in năm 1983-84, mà tôi đóng vai thường trực.

T.K: *Bởi vì Nguyễn Văn Hoàn cho rằng không có những bài viết ấy, vậy thì anh có thể chứng minh bằng văn bản, là những tài liệu ấy có thật hay không?*

N.H.C: Nguyễn Văn Hoàn trong bài phản đối tôi đã quả quyết rằng:"Hoàn toàn không có những bài như Huệ Chi kể, trong tủ tư liệu của Tổ hồi đó." Ông nói chắc nịch như vậy. Vậy sự thực thế nào? Mấy ký ức tôi vừa viện dẫn có lẽ chưa đủ sức thuyết phục bạn đọc tin vào sự tồn tại có thực của những bài viết mà tôi nhắc tới. May sao trời không phụ người ngay. Mới đây, khi kiên nhẫn bỏ ra ngót một tuần lễ để lục tìm lại trong ba tủ tư liệu của Ban văn học Cổ cận đại của Viện Văn học (tức là Tổ văn học Cổ cận đại cũ), tôi đã gặp đúng cái mình định tìm. Trong một cặp tư liệu có ghi ở ngoài "Tài liệu văn học sử cận đại", tuy không còn đủ hết những bài mà tôi đã nêu, song hai bài phê phán Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh của ĐĐH - cái đinh của vấn đề - cùng với các bài của Huỳnh Lý, Lê Trí Viễn, Hoàng Ngọc Phách, Đinh Xuân Lâm... thì còn đầy đủ. Chỉ thiếu hai bài phê phán nhà Nguyễn và phê phán Phan Thanh Giản của TC. Tôi phải nói rõ một chút như thế này: Hai bài của ĐĐH nằm chung trong một phong bì bằng giấy xi măng, ngoài bì đề: *Ghi chép, sưu tầm, nhận định về Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh: 1. Tối phản động về chính trị; 2. Số không về học thuật; 3. Lỗi thời về dịch thuật* - ở dưới ký ĐĐH. Bên trong phong bì là hai tập bản thảo liên hoàn, bài trước có tên *Đông-dương tạp chí và Nguyễn Văn Vĩnh*, 22 trang, dưới ghi rõ *Ghi chép của ĐĐH*; bài sau có tên *Tài liệu về Phạm Quỳnh*, 27 trang, dưới ghi *ĐĐH sưu tầm*. Cả hai đều được đánh máy trên giấy pơ-luya, đã ố vàng, trên góc bên phải đầu mỗi bài đều có đánh chữ H, tên tắt của Từ Quang Hàm, một cán bộ đánh máy lão luyện lâu năm của Viện đã quá cố. Tuy chia thành hai song hai bài có nội dung liền mạch, vì ở một trang gần cuối bài thứ hai, người viết nhắc lại luận điểm "phản tác dụng" mà ông nói "đã trình bày bên trên" (trang 23), tuy vậy lần ngược trở lên thì phải đến trang 20 của bài thứ nhất ta mới bắt gặp luận điểm ấy. Có lẽ cũng vì thế, cuối bài thứ hai tác giả mới ghi thời gian biên soạn: 8-

1960, là thời gian chung cho cả hai bài.

T.K.: *Xin anh nói qua về nội dung của hai bài viết này.*

N.H.C: Trong bài *Đông-dương tạp chí và Nguyễn Văn Vĩnh*, tác giả chia ra ba phần: "1. Mở đầu; 2. *Đông-dương tạp chí; 3.* Nguyễn văn Vĩnh dịch thuật." Phần nào cũng khảo sát tỷ mỷ có kèm theo trích dẫn. Để khỏi làm bạn đọc vất vả, bởi vì nghe có thể rất nặng đầu óc, nên tôi chỉ xin chọn dẫn ra đây hai đoạn có tính chất đánh giá tổng kết của người viết.

Đoạn thứ nhất:

"Từ hành vi làm mật thám cho thực dân, Vĩnh thoạt tiên dùng con đường văn học, báo chí để leo lên thang giàu sang, danh vọng, bợ đỡ chính sách của thực dân, tuyên truyền cho sự "bảo hộ" của Pháp. Năm 1907, Vĩnh làm Chủ bút tờ *Đại Nam đăng cổ tùng báo*, là một thứ công báo, tuyên truyền chính sách thuộc địa của Pháp tại Đông-dương. Những tờ báo tiếng Việt hoặc tiếng Pháp do Vĩnh chủ trương đều là tiếng nói của tư tưởng thực dân, được thực dân đứng đầu hoặc được trợ cấp của chúng: *Đông-dương tạp chí* (1913-1917), *Annam Nouveau* (1931). Tủ sách Âu Tây tư tưởng, được thành lập dưới sự chỉ huy của E. Vayrac, từ năm 1927, nhằm truyền bá tư tưởng phục tùng văn minh Tây Âu, khinh miệt tư tưởng dân tộc. Từ 1930 trở đi, Vĩnh từ bỏ dần dần con đường tiến thân bằng văn học để trực tiếp tham gia chính trị; y chủ trương thuyết "trực trị" tức là muốn mời thực dân Pháp cai trị trực tiếp toàn Đông-dương như ở Nam-kỳ dạo ấy. Y được thực dân cử vào Đại Hội đồng kinh tế lý tài Đông-dương. Sau đó ít lâu, con đường "trực trị" không thực hiện được, Vĩnh bỏ cả nghề báo, nghề chính trị đi sang Lào tìm mỏ vàng và chết ở đấy. Vết nhơ cuối cùng trong cuộc đời bợ đỡ thực dân Pháp của Vĩnh là việc y phỉ báng nhà ái quốc Phan bội Châu đang bị giam lỏng ở Huế" (trang 1).

Phạm Quỳnh

Đoạn thứ hai:

"Nhận định chung cả cuộc đời và tất cả "sự nghiệp" văn học của Nguyễn Văn Vĩnh, ta thấy Vĩnh đại biểu cho từng lớp tư sản mại bản khoảng những năm 1910-30. Suốt đời Vĩnh ca ngợi nền thống trị của thực dân Pháp, phản lại dân tộc, khinh miệt dân tộc. Con đường tiến thân của Vĩnh không phải con đường quan lại như Quỳnh, kẻ đại diện cho tư tưởng phong kiến bảo thủ. Cuộc tranh giành địa vị trong cuộc cãi vã "trực trị" biểu hiện rõ điều ấy. Ta biết rằng thực dân Pháp lấy cơ sở thống trị của chúng trong chế độ phong kiến, lấy bọn vua quan làm tay sai, để đìm nhân dân ta trong ngu dốt, cho nên con đường của Vĩnh gặp nhiều khó khăn; chính Phạm Quỳnh mới là kẻ tay sai đắc lực, hợp thời nhất của thực dân Pháp. Mâu thuẫn giữa Quỳnh và Vĩnh phản ánh những cuộc tranh giành quyền lợi bỉ ổi giữa những bọn tay sai khác nhau của chính sách thực dân. Ngay từ những năm đầu, trước Đại chiến I, con đường "nghiên cứu", "dịch thuật" văn học của hai người ấy cũng biểu lộ rõ con đường [chính trị] của mình. Quỳnh dịch những tư tưởng bảo thủ, thần bí, phong kiến trong văn học Pháp (Pascal, Bossuet), còn Vĩnh lại chuyên dịch những loại văn khác, bề ngoài có vẻ tiến bộ, như Balzac, Molière, La Fontaine, nhưng sự thực bị Vĩnh xuyên tạc, lấy nó làm lợi khí tuyên truyền cho tư tưởng đầu hàng, cho chính sách thực dân của Pháp [...] Cuộc đời chính trị và "sự nghiệp" văn học của Vĩnh không thể tách rời nhau. Nói chung, đó là tư tưởng đầu hàng, phản dân tộc, bợ đỡ thực dân, biểu hiện dưới nhiều hình thức, khi trắng trợn, khi tinh vi" (trang 2-3).

T.K.*Trên đây anh vừa đọc hai đoạn trong bài viết về Nguyễn Văn Vĩnh của ĐĐH mà Viện Văn học dùng làm tài liệu biên khảo những năm 60. Bây giờ xin anh nói qua về bài viết về Phạm Quỳnh, cũng của ĐĐH.*

N.H.C: Về Phạm Quỳnh, thì tác giả cũng chia ra làm 6 mục: "1. Con người Phạm Quỳnh; 2. Chính trị; 3. Nghiên cứu văn học Việt-nam; 4. Nghiên cứu văn học Pháp; 5. Dịch thuật; 6. Triết học"; và một lời kết luận. Giống như trên, ở đây tôi cũng chỉ xin dẫn 2 đoạn thôi.

Đoạn thứ nhất:

"Nhận định chung về tiểu sử Phạm Quỳnh, ta thấy những hoạt động văn học cũng như chính trị của hắn chỉ phục vụ cho một mục đích là cố hết sức duy trì nền thống trị của thực dân ở Việt-nam, dưới nhiều hình thức, khi thì bằng con đường văn hóa, khi thì "đấu tranh" chính trị, khi thì bằng thực

tế hành động. So sánh với những tay sai khác ta thấy Phạm Quỳnh có mấy đặc điểm sau đây: Phạm Quỳnh là một tên tay sai *phản động nhất* về mặt tư tưởng; những năm 30 là những năm "gay go" nhất cho thực dân - vì nhân dân đứng lên đấu tranh rất anh dũng ở khắp nơi - hắn vẫn tỏ ra một tên bảo thủ, hắn đối lập cả với bọn cải cách nhỏ giọt chủ trương "trực trị"; và những năm 40, quay trở về với chế độ quân chủ độc tài thối nát. Hắn cũng là một tay sai *nguy hiểm nhất*; dưới chiêu bài "gây một nền văn hóa tiến bộ", hắn một phần nào đã đạt mục đích ru ngủ thanh niên, trí thức ta suốt gần 20 năm trời; hắn dùng vũ khí văn hóa để đè bẹp ý chí dân ta, chống lại tinh thần dân tộc của ta, tuyên truyền cho nền "văn minh" châu Âu, đặc biệt cho "văn minh" Pháp. Nói tóm lại, cả "sự nghiệp văn học" của Quỳnh, ngày nay ta nghiên cứu lại, đã soi tỏ những chính sách thâm độc của thực dân Pháp từ giữa cuộc Đại chiến thứ I đến Cách mạng tháng Tám" (trang 4).

Đoạn thứ hai:

"Qua một số tài liệu trên, ta có thể kết luận rằng sự nghiệp văn học của Phạm Quỳnh, đến nay, về mặt tích cực, **là một con số không** (tôi xin nhấn mạnh: một con số không - NHC), còn về mặt tác hại thì quả là lớn; phải công nhận rằng ảnh hưởng của Phạm Quỳnh đối với thanh niên, trí thức từ 1917 đến 1930 không phải là nhỏ. Hắn dựa vào uy thế của thực dân, chiếm được địa vị lớn trong làng báo lúc bấy giờ, có cơ quan ngôn luận được thực dân nuôi dưỡng, nên đã hoành hành một thời, dù có bị các nhà cách mạng công kích cũng chỉ bị sứt mẻ ít nhiều. Nhân dân ta đã xử tử Phạm Quỳnh, tưởng cũng đã đến lúc kết án toàn bộ "sự nghiệp" văn học của hắn một cách có hệ thống và xứng đáng với tội của hắn" (trang 27).

Nói có sách mách có chứng, bây giờ thì chị và thính giả đã thấy rồi nhé. Với 4 đoạn trích trên, 2 đoạn về Nguyễn văn Vĩnh, và 2 đoạn về Phạm Quỳnh của ĐĐH, rõ ràng những gì tôi dẫn ra trong bài hồi ức về Trần Thanh Mại, tuy dựa vào trí nhớ nên có chỗ không thật chính xác về câu chữ, song tuyệt nhiên không phải là tùy tiện.

IV- TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI TRÍ THỨC

Những nhà nghiên cứu tên tuổi như Trần Thanh Mại, Đặng Thai Mai v.v... đã giữ vai trò như thế nào trong những công trình nghiên cứu văn học. Họ có trách nhiệm gì trong việc chôn vùi những tên tuổi như Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... Những câu hỏi này sẽ được Giáo sư Nguyễn Huệ Chi trả lời trong phần chót của buổi nói chuyện.

TK: *Thưa anh Nguyễn Huệ Chi, anh đã mô tả một số tài liệu được các nhà nghiên cứu văn học tên tuổi viết ra, cốt ý làm điểm tựa cho việc nghiên cứu văn học sử cận đại, chủ yếu là hai bài phê phán Nguyễn văn Vĩnh và Phạm Quỳnh của ĐĐH v.v... Vậy xin anh cho biết cụ thể những bộ sách nào, đã sử dụng những loại tư liệu như vậy?*

NHC: Đầu tiên là cuốn *Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX* do Tổ biên soạn với sự cộng tác của một số người ngoài Viện. Cuốn này được Nhà xuất bản Văn học in xong vào cuối tháng 5 năm 1964, nhưng đã được chuẩn bị ròng rã trong hai năm 1962-1963, dưới sự chỉ đạo chung của Đặng Thai Mai, mà phần trông nom và biên tập cụ thể thì phải nói do Trần Thanh Mại đảm nhiệm.

Ngay khi *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn 1900-1930* (là cuốn viết tiếp cuốn trên) còn dang dở, Tổ và Viện đã lại phải bắt tay vào một công việc quy mô hơn: biên soạn bộ *Lịch sử văn học Việt Nam* ở cấp quốc gia, dưới sự chỉ đạo của Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn. Nhóm biên soạn là một tập thể đông đảo gồm nhiều cán bộ ở hai Trường đại học Tổng hợp và Sư phạm Hà Nội, về phía Viện có Cao Huy Đỉnh (văn học dân gian) Nguyễn Văn Hoàn (văn học cổ cận đại), Vũ Đức Phúc (văn học hiện đại). Sách chia làm hai tập, Tập I từ khởi thủy đến giữa thế kỷ XIX; Tập II từ nửa cuối thế kỷ XIX đến tận thập kỷ 70 thế kỷ XX. Công việc chuẩn bị được tiến hành trong nhiều năm, với rất nhiều loại đề cương, rất nhiều hội thảo, viết đi viết lại nhiều lần, cuối cùng in ra được Tập I, do Nhà xuất bản Khoa học xã hội ở Hà Nội công bố năm 1980, còn Tập II thì không hiểu vì sao sau bao nhiêu rục rịch khởi động vẫn phải dừng. Mặc dầu thế, qua mỗi chặng, mỗi lần góp ý, bản thảo đều được Nhóm biên soạn chỉnh lý, viết lại khá công phu.

T.K: *Vì thì giờ không cho phép chúng ta đi sâu vào chi tiết cả hai bộ sách ấy. Chúng tôi chỉ xin hỏi anh về cuốn đầu, tức là cuốn "Sơ thảo lịch sử văn học Việt nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX", mà anh cũng có tham dự, vậy xin anh nói qua về việc soạn bộ sách này.*

N.H.C: Giáo sư Đặng Thai Mai nhận viết *Chương khái quát* bao gồm hai mục: "Bối cảnh lịch sử" và "Tình hình văn học". Để giúp đỡ ông, Tổ cử tôi làm một tư liệu viên, có nhiệm vụ vào thư viện đọc trong sách sử và các văn tập của thế kỷ XIX, rút lấy những đoạn có thể gợi ý cho người

chấp bút nắm được quang cảnh chung về lịch sử và về văn học trong vòng gần năm thập kỷ cuối của thế kỷ XIX. Sau nhiều tháng trời khổ công lục lọi ở cả hai Thư viện Khoa học và Quốc gia, tôi biên soạn xong đâu vào đấy, đem về đánh máy được ngót nghét 100 trang, nộp lên cho Tổ và Đặng Thai Mai. Nhưng điều không ngờ - và bởi thế cũng đặt tôi vào một tình thế khó khăn - là sau khi đọc xong, Đặng Thai Mai cho họp Tổ lại, đánh giá cao việc tôi làm, rồi đi đến quyết định: phân công tôi viết luôn *Chương khái quát*. Trần Thanh Mại cũng đồng ý. Tôi lại đành phải gò gẫm thêm mấy tháng nữa để hì hục viết, một bài viết mà về tư tưởng chủ đạo chính mình không thực hiểu rõ, dù đã làm tư liệu không kém kỹ lưỡng. Bài viết hoàn thành, đem ra Tổ đọc, bị đánh giá là yếu về quan điểm và không chặt về lập luận, nên không thể dùng. Giữa tình hình một bài viết then chốt bị đổ, lại rất bức bách về thời gian, tất nhiên chỉ có một người là Trần Thanh Mại mới làm được việc "chữa cháy". Ông thoải mái nhận, và yêu cầu tôi cung cấp bài đã viết cho ông, đưa cho ông cả 100 trang tư liệu mình làm, cùng với một số tài liệu khác mà Tổ có sẵn, trong đó có hai bài của TC về nhà Nguyễn và về Phan Thanh Giản (cũng vì thế trong hồ sơ của Tổ hiện không còn hai bài này - sau khi viết xong ông đã quên không trả lại). Và ông chỉ viết trong vòng một tháng rưỡi là hoàn thành.

T.K: *Về chương khái quát mà Trần Thanh Mại đã viết lại bài của anh, hôm nay đọc lại bài ấy anh có những nhận xét gì?*

N.H.C: Đọc lại *Chương khái quát* trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX*, tôi còn nhận ra dấu vết ít nhiều đoạn trích từ tập tư liệu của tôi (tập tư liệu này do đánh máy nhiều bản nên vẫn còn lưu một bản trong cặp hồ sơ văn học sử của Ban văn học Cổ cận đại ngày nay); một vài nhận định non nớt của tôi trong bản thảo bài viết bị Tổ bác bỏ cũng được Trần Thanh Mại dùng lại sau khi đã nâng cấp; và nhất là một số đoạn ông thâu tóm ý kiến cốt tủy từ hai bài của TC, mà tôi xin trích dưới đây:

Đoạn trích 1:

"Đời sống văn hóa đã hết sức tệ lậu trong buổi đầu triều Nguyễn, càng về sau càng có xu hướng suy sụp hơn. Những năm 30 của thế kỷ, Minh Mạng còn có ý định cho người ra nước ngoài học, và xét lại lối học cử nghiệp, nhưng rồi cũng đánh trống bỏ dùi, không vươn nổi ra khỏi tập tục bảo thủ. Từ đó về sau, trong nước ngày càng đi sâu vào lối học nhồi sọ. Vua và triều đình mỗi khi bàn chính sự thì chỉ biết có *Tứ thư, Ngũ kinh*, cho đó là thiên kinh địa nghĩa, tin rằng bất luận vấn đề lớn nhỏ nào cũng được giải đáp trong ấy. Họ đem những châm ngôn của Khổng Mạnh Chu Trình ngày xưa để làm phương sách giải quyết mọi vấn đề đang đặt ra. Như ếch ngồi đáy giếng, giai tầng trí thức nho sĩ vẫn tự cao tự đại với cái mà họ gọi là "thánh đạo nho phong" và coi các nước không "đồng chủng đồng văn" với mình là chó dê, mọi rợ. Có ai đi ra ngoài về kể chuyện đời sống đó đây thì cho là đi xa về khoe bề nói khoác, hoặc vu khống là có ý mê hoặc lòng người, hủy hoại kỷ cương. Rốt cục lại, trình độ hiểu biết về đời sống, về thiên nhiên thuở bấy giờ thấp kém một cách khủng khiếp. Do đó, trong lề lối xử thế, trong quan hệ giữa con người và con người, chúng ta thấy nhiều điều ngu xuẩn, u mê, thậm chí vô nhân đạo" (trang 12-13).

Đoạn trích 2:

"Loạt đại bác bắn vào cửa Hàn ngày 31-VIII-1858 quả đã gây một nỗi kinh khủng khó tả cho bọn người cầm đầu chế độ phong kiến. Những người đứng đầu triều đình như Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành, Nguyễn Bá Nghi, Đoàn Thọ đều chủ trương "nghị hòa" nghĩa là đầu hàng. Trương Đăng Quế và Phan Thanh Giản dẫn sách cũ, phát biểu: "Nhược bằng cho rằng lũ chúng tôi (chủ trương hòa nghị) là làm cho Đức vua phải lo lắng, thì thử hỏi từ xưa nhà Hán chẳng đã tự hòa với Hung-nô đó hay sao? Nhà Tống chẳng đã tự hòa với Khiết-đan đó hay sao? Nhiều lập luận lẩm cẩm ngớ ngẩn chứng tỏ những người đưa nó ra đã hốt hoảng đến mất hết lý trí bình thường" (trang 17).

Nếu nói quan điểm của TC đã làm "điểm tựa" cho Trần Thanh Mại thì hẳn là hơi quá, song thực tế là như vậy đấy - hai ông đã "gặp nhau" bởi đều cùng bắt nguồn từ "hòn đá tảng" quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin vốn thấm sâu trong lòng họ.

T.K: *Những điều mà anh vừa trích dẫn trên đây, phải chăng nó tiêu biểu cho cách viết nghiên cứu của một thời?*

N.H.C: Sở dĩ tôi trích như trên là để muốn nói rằng: không phải vô cớ, khi tôi nói là những bài lưu trong tủ hồ sơ của Tổ văn học cổ cận đại của Viện Văn học đầu những năm 60 là điểm tựa cho người viết văn học sử thủa ấy. Tôi chỉ nêu lên như một nhận định khái quát thế thôi, nhưng Nguyễn Văn Hoàn lại nói là không hề có chuyện đó. Nếu có thì giờ trích dẫn thêm bản thảo còn lưu của những tập viết mà chưa công bố (như tập II, do Nguyễn Khánh

Toàn chỉ đạo) trong đó chứa đựng không ít những lời "chỉ mặt vạch tên" Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh chẳng kém gì ĐĐH và Mẫn Quốc thì thính giả hẳn càng thấy tôi không bao giờ nói điều gì sai sự thật. Có thể tập thể soạn giả viết ra những trang này chưa hề được đọc các tài liệu của ĐĐH, của Mẫn Quốc, vậy mà họ vẫn không khác ĐĐH, Mẫn Quốc bao nhiêu ở cách nhìn, cách suy nghĩ, ở lời lẽ lên án có tính chất quy chụp nặng nề, ở giọng điệu thậm xưng, bêu riếu... đối với bộ phận văn học mà một thời chúng ta đều nhất trí gọi là văn học nô dịch. Vì sao? Chính chỗ thống nhất về "quan điểm giai cấp" bắt buộc phải dùng làm hành trang tư tưởng đối với nhà nghiên cứu, và phương pháp nghiên cứu đồng nhất văn học với chính trị một cách tuyệt đối (một thứ tâm lý thấy mình "vẻ vang" hơn khi chuyển từ người làm học thuật sang người đi minh họa cho chính trị) đã dẫn đến một sự gặp gỡ căn bản giữa mọi người cầm bút mà cái khẩu hiệu bất thành văn ai cũng phải nhập tâm là: "Hễ thấy địch là đánh, đánh bao nhiêu cũng chưa đủ."

T.K: *Thưa anh, cách viết bêu riếu đó, phải chăng là đã trở thành cách viết chung của những người làm công việc nghiên cứu, kể cả những người tên tuổi nhất?*

N.H.C: Chẳng nói đâu xa, ngay trong cuốn *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX* của nhà nghiên cứu đáng kính Đặng Thai Mai, người thủ trưởng khá nhiều năm của tôi ở Viện Văn học, ta cũng bắt gặp những lời đánh giá chưa thỏa đáng về Phạm Quỳnh, khi ông gọi Phạm Quỳnh là "tên Việt gian đội lốt "học giả" nguy hiểm", hoặc "cái mà Phạm Quỳnh giới thiệu lên trên tờ báo *Nam phong* không hề có một mặt nào có thể gọi là có hệ thống, và cũng chưa hề có một phần nào đã đi sâu vào vấn đề mà phê phán, mà nghĩ đến việc áp dụng vào thực tế Việt-Nam. Ông Chủ bút *Nam phong*, nói cho cùng chỉ là một ông tham biện của tòa Liêm phóng, đủ tư cách để chiếu theo mặt hàng mà quảng cáo cho chính sách thực dân", hoặc nữa "Phạm Quỳnh đã đọc khá nhiều sách, đã viết về rất nhiều vấn đề. Nhưng y chưa hề nghiên cứu về một vấn đề gì. (Tôi nhấn mạnh: y chưa hề nghiên cứu về một vấn đề gì - NHC) Và về mọi mặt, chỗ "độc đáo" của y là điểm lạc hậu của bọn học giả phản động Pháp! Cảm tưởng cuối cùng của người đọc *Nam phong*, nếu họ chịu khó suy nghĩ, thì Phạm Quỳnh là một người đã đọc khá nhiều sách và đã đem học thức ra bán rẻ cho bọn thống trị; là một nhà "học giả" có đủ chữ Hán và tiếng Việt để bịp người Tây; và cũng có đủ chữ Tây để lòe người An-nam." Tất cả những đoạn trên, trích lời của Đặng Thai Mai, tôi đều lấy ở *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1964, trang 97 đến 98.

T.K: *Thưa anh, câu chuyện đã dài, xin anh một lời kết.*

N.H.C: Xin Nguyễn Văn Hoàn và bạn đọc, cũng như thính giả nghe đài RFI rộng lượng thông cảm, tôi không có ý trưng ra đây để châm chích gì một học giả nổi tiếng như Đặng Thai Mai. Tôi cũng không nghĩ những gì Phạm Quỳnh, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh từng nói, viết và làm đều hay đều tốt cả. Từ bình diện lịch sử văn học mà xét, vốn là sản phẩm của một giai đoạn giao thời, đầy éo le bất trắc: đất nước mất chủ quyền, chuyển đổi không triệt để từ mô hình phong kiến sang mô hình thuộc địa tư bản, và trong tư cách những nhân vật ngẫu nhiên *được lịch sử lựa chọn để đóng vai trò tiêu biểu trong giao thoa văn hóa Á-Âu* - là một nhu cầu tất yếu của mô hình xã hội ấy, những giá trị tinh thần do các học giả Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh tạo ra có phần được và phần chưa được, có cái đẹp và cái chưa đẹp lắm, có mặt thật và mặt ngày nay ta đã thấy là ảo, có nhiều điều mới mẻ và cũng có nhiều điều với thời gian đã cũ đi, có chỗ rất đáng ghi nhận và cũng có chỗ còn phải gạn lọc, phê phán, chuyện đó bình thường. Tôi chỉ muốn lưu ý rằng vào những năm 60-70, và cả đến 80, 90 cho đến gần đây nữa, trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa và sau này trên cả nước, khi nhìn lại những **hiện tượng văn hóa** nói trên, cách tư duy của rất nhiều người trong giới nghiên cứu chúng ta đều rốt ráo phủ định theo hướng "căng", "cương" như đã dẫn. Nó là phương pháp tư tưởng quen thuộc của cả một thời. Nếu nói như anh Hoàng Ngọc Hiến là "cái nước mình nó thế", thì tôi cũng xin bắt chước anh mà nói "cái thời ấy nước mình nó thế". Tiếc thay mình lại không nhận thức ra cái thời ấy nó như thế, hay nếu có nhận thức ra thì cũng không dám ngay thẳng thừa nhận về một cái thời nó bó buộc mình phải làm như thế, chưa nói có đủ quả cảm để suy nghĩ cho đến tận cùng, rằng do đâu mà phần lớn trí thức lại tự nguyện bắt mình phải làm như thế!

T.K: *Xin thành thật cảm ơn Giáo sư Nguyễn Huệ Chi.*

***Thụy Khuê** thực hiện*
Paris tháng 7 / 2005
Văn bản đã được Giáo sư Nguyễn Huệ Chi xem lại và bổ sung.

Chuyện Nhà Máy Lọc Dầu
DUNG QUẤT

TRẦN VĂN KHỞI

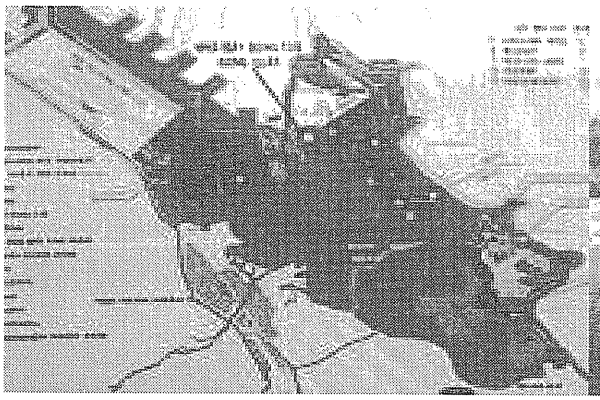

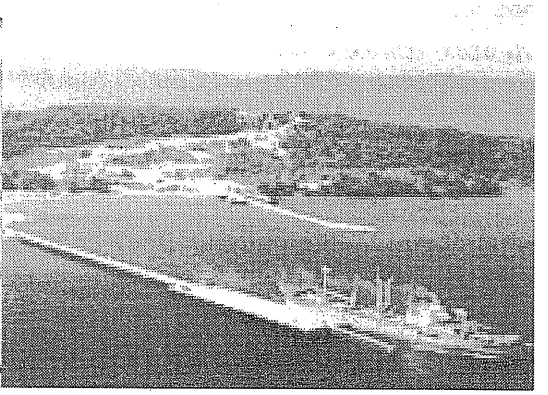

Trong khoảng mười năm gần đây, ai theo dõi tin tức kinh tế Việt Nam thỉnh thoảng cũng có nghe tới dự án nhà máy lọc dầu đầu tiên ở Dung Quất. Thoạt đầu, vào giữa thập niên 90, nhiều người cũng ngạc nhiên như tôi, không biết Dung Quất đích thực là ở đâu ngoài Trung, và sao lại dự định xây nhà máy lọc dầu ở đây.

Lâu lâu lại có tin về dự án nhà máy lọc dầu ở Việt Nam, mà toàn là tin không hay: khi thì công ty Total của Pháp bỏ không tham gia tổ hợp, khi thì không kiếm ra nguồn tài trợ, khi thì công trình đê chắn cát cảng Dung Quất thiết kế sai, khi thì cả Tổng Giám Đốc lẫn Phó Tổng Giám Đốc PetroVietNam bị cách chức vì tội tham nhũng trong vụ đấu thầu công tác xây cất nhà máy, và khi thì công ty Zarubezhneft của Nga rút khỏi liên doanh để rồi chính phủ Việt Nam một lần nữa lại quyết định đầu tư xây cất nhà máy một mình.

Gần đây, thấy công tác càng ngày càng trễ nãi, từ ba năm tới năm năm rồi bảy năm, phí tổn đầu tư gia tăng từ 1.5 tỉ lên tới 2.5 tỉ Mỹ kim, trong khi chi phí xăng nhớt nhập cảng mỗi ngày một lên cao, Chính Phủ quyết định thành lập hồi cuối năm 2003 một Ban Chỉ Đạo Nhà Nước do Phó Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng làm Trưởng Ban để tìm mọi cách đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án lọc dầu.

Nhưng tiến triển cũng không khả quan hơn. Rồi Quốc Hội cũng bắt đầu cảm thấy khó chịu trước công luận, và từ cuối năm ngoái đã liên tiếp chất vấn Chính Phủ về dự án lọc dầu Dung Quất. Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội đã cho thành lập một đoàn giám sát để điều tra nội vụ.

Kết quả là một chuỗi những hành động ngoạn mục chưa từng thấy trong các chính phủ Việt Nam từ trước tới nay: Khi điều trần, Chính Phủ đã nhận lỗi trước Quốc Hội, và Quốc Hội cũng nhận phần trách nhiệm của mình và đã xin lỗi cử tri, nhân dân cả nước. Thêm vào đó, Nguyên Thủ Tướng Võ Văn Kiệt cũng gửi thư cho Quốc Hội, trình bày nội vụ trước công luận, và xác nhận rằng nếu Quốc Hội kết luận việc lựa chọn nhà máy Dung Quất là sai thì người nhận lãnh hoàn toàn trách nhiệm "phải chính là tôi, Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ Tướng Chính Phủ" khi đó.

Trong các cuộc thảo luận này, nhiều đại biểu đã than phiền vai trò quá thụ động của Quốc Hội trong quá khứ. Mới đây, Chủ Tịch Quốc Hội Nguyễn Văn An đã xác định một thái độ mới, tích cực hơn của Quốc Hội, và khẳng định từ nay "sẽ không để lập lại tình trạng tương tự Dung Quất."

Xem như vậy, chuyện nhà máy lọc dầu Dung Quất là một chuyện rất thích thú, đáng được theo dõi, tìm hiểu để biết, và nếu được thì để suy ngẫm

và may ra đóng góp một vài điều trên đường phát triển kinh tế Việt Nam.

TỪ HAI GIẤC MƠ TỚI MỘT ÁC MỘNG

Chuyện nhà máy lọc dầu Dung Quất có thể nói là chuyện của hai giấc mơ không may trớ trêu giao thoa nghịch lý để trở thành một dự án đầy ác mộng.

Giấc mơ nhà máy lọc dầu

Quốc gia nào trên đường phát triển kinh tế cũng ước mong có nhà máy lọc dầu. Nhà máy lọc dầu là hạt nhân, là nền tảng của ngành hóa dầu (petrochemical), một hoạt động căn bản trong tiến trình phát triển công kỹ nghệ, vì đó là một kỹ nghệ sinh-ra-những-kỹ-nghệ-khác.

Trong lịch sử phát triển kinh tế, hầu như không có quốc gia nào tiến bộ nhanh chóng mà không có một kỹ nghệ hóa dầu lớn mạnh. Ở Á châu, từ những thập niên 1950-1960, Nhật Bản đã dành những nỗ lực đặc biệt để xây dựng một kỹ nghệ hóa dầu quy mô, mặc dù trong nước không có một giọt dầu thô. Trong những năm kế tiếp, Đại Hàn, Đài Loan và Tân Gia Ba cũng không có dầu thô và cũng theo gương Nhật Bản, không những chỉ sản xuất cho nội địa mà thật sự nhắm mạnh về xuất cảng. Rồi sau này Mã Lai Á, Thái Lan, và đặc biệt là Trung Quốc cũng đặt ưu tiên cao nhất cho ngành hóa dầu. Bên trời Tây cũng không khác gì, với những kinh nghiệm phát triển ở Anh, Pháp, Đức và Ý. Ở Hoa Kỳ, kỹ nghệ hóa dầu cũng thuộc loại quan trọng hàng đầu; phần lớn các nhà máy nằm trải dài theo bờ Vịnh Mễ Tây Cơ, liên tiếp từ Freeport qua Houston, Baytown, Beaumont, Lake Charles, Baton Rouge tới New Orleans.

Ở Việt Nam, ngay từ thời Cộng Hòa, nhà máy lọc dầu cũng là một dự án ưu tiên được nhắc nhở nhiều lần, cùng với một khách sạn quốc tế năm sao. Nhưng hồi đó, lúc đầu thì các công ty bán dầu Shell, Stanvac (Exxon+Mobil), và Caltex (Chevron+Texaco) có quá thừa khả năng lọc dầu ở Tân Gia Ba và Ras Tanura ở Saudi Arabia, rồi về sau vì rủi ro chiến tranh quá lớn, nên cứ dậm chân không chịu đầu tư. Dự án lọc dầu vẫn chỉ có trên giấy tờ. Đến cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970, khi Việt Nam xúc tiến khảo sát địa vật lý ở thềm lục địa miền Nam và thấy triển vọng tìm thấy dầu rất sáng sủa thì chương trình nhà máy lọc dầu và kỹ nghệ hóa dầu lại tái xuất trong giấc mơ phát triển. Trong cuốn "*Dầu Hỏa Việt Nam 1970-1975: Những Ngày Còn Nhớ*", tôi có ghi lại vài ước mơ một ngày nào Việt Nam sẽ có được sinh hoạt phần nào như ở Houston khi tôi đi thăm khu kỹ nghệ hóa dầu dọc theo Ship Channel vào mùa Thu năm 1973.

Hiện nay, mặc dù có chậm trễ sau khi đã sản xuất cả tỉ thùng dầu thô hai chục năm qua nhưng chương trình nhà máy lọc dầu và kỹ nghệ hóa dầu vẫn tiếp tục là một dự án ưu tiên rất cao cho PetroVietNam, trong các kế hoạch đầu tư của quốc gia.

Giấc mơ phát triển miền Trung

Việt Nam vốn nghèo, mà miền Trung thì lại nghèo hơn – có lẽ lợi tức bình quân ở miền Trung từ xưa tới nay không hề bằng được phân nửa lợi tức bình quân cả nước. Thành thử phát triển miền Trung cũng là một ước mơ trong nhiều kế hoạch, chương trình của quốc gia qua bao thời kỳ.

Ngay từ thời Cộng Hòa, một số chương trình đã được thực hiện hồi đầu, như nhà máy vôi Long Thọ, nhà máy đường Quảng Ngãi, và Khu Kỹ Nghệ An Hòa Nông Sơn. Nhưng vì tầm vóc hạn hẹp và vì tình trạng thiếu an ninh nên những hoạt động này cũng không đóng góp được bao nhiêu. Rồi cũng vì hoàn cảnh chiến tranh, những chính phủ kế tiếp không làm được gì quy mô và hữu hiệu để phát triển kinh tế, và cũng không giúp được gì nhiều cho miền Trung.

Là người Huế, khi xúc tiến chương trình tìm dầu ngoài khơi Việt Nam, tôi cũng có để ý về triển vọng dầu khí ngoài Trung. Nhưng dựa trên các điều nghiên sơ khởi của Liên Hiệp Quốc và nói chuyện với các công ty dầu lúc đó, tôi không có gì lạc quan về triển vọng dầu khí ngoài khơi miền Trung; may ra thì có thể có khí thiên nhiên, còn dầu thô thì coi như là chuyện hi hữu.

Sau khi Trung Cộng cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa hồi đầu năm 1974, một công ty dầu nói với tôi là hành động này có thể liên hệ tới một mỏ khí thiên nhiên khổng lồ mà công ty Arco (nay đã sáp nhập vào công ty BP) mới tìm ra ở gần đảo Hải Nam. Mỏ khí đó về sau đã phát triển rất lớn, và cung cấp khí cho tận Hồng Kông. Trong những năm đầu thập niên 1980, sau khi các công ty Tây phương trở lại tìm dầu ở Việt Nam, tôi cũng có để ý tìm xem kết quả khoan giếng ở ngoài khơi miền Trung. Và tuy không ngạc nhiên nhưng tôi đã thất vọng khi hay tin các loạt giếng mang tên Anh Vũ, Hoàng Oanh, Kim Tước (của Shell), Sư Tử Biển, Bạch Tuộc, Cá Voi Xanh, Cá Heo

(của BP), và Cá Sấu, Cá Mập (của BHP), khoan từ ngoài khơi Quảng Trị tới ngoài khơi Qui Nhơn, đều khô, không có dầu mà cũng không có khí thiên nhiên gì cả.

Dự án đầy ác mộng

Theo dõi tin tức trong kỹ nghệ dầu hỏa, tôi được biết dự án nhà máy lọc dầu đầu tiên đã được PetroVietNam làm việc và đúc kết với công ty Total của Pháp từ năm 1992; địa điểm chọn lựa là khu Vũng Tàu. Nhưng trước khi chung quyết chính thức và khởi sự xúc tiến dự án thì không hiểu sao Chính Phủ lại quyết định thay đổi địa điểm, dời ra Dung Quất thuộc tỉnh Quảng Ngãi ở ngoài Trung.

Sau một thời gian thẩm lượng, công ty Total kết luận rằng với địa điểm cách xa nguồn dầu thô ở ngoài khơi miền Nam cả ngàn cây số, đồng thời cách xa thị trường tiêu thụ cũng cả ngàn cây số (thị trường tiêu thụ phỏng định khoảng 60% trong Nam, 30% ngoài Bắc, và 10% ở miền Trung), thì phí tổn chuyên chở cả đi (dầu thô) lẫn về (sản phẩm) trở thành quá lớn, giá thành sản xuất lên cao ít nhất là 5%, nghĩa là ít nhất cũng 10-15 Mỹ kim mỗi tấn sản phẩm, dựa trên giá dầu ước lượng khi đó. Nền kinh tế Việt Nam sẽ thất thoát tối thiểu từ 70 tới 100 triệu Mỹ kim mỗi năm trong tương lai. Năm 1995, công ty Total rút lui khỏi dự án.

Các công ty khác cũng được tiếp xúc để tìm thỏa hiệp hợp tác xây cất nhà máy lọc dầu ở Dung Quất. Tin tức cho thấy một tổ hợp của Conoco (bây giờ là Conoco-Phillips) thẩm định dự án ở Dung Quất là bất-khả-thi, và đã rút lui. Một công ty khác là Petronas, công ty quốc doanh của Mã Lai Á, cũng thấy dự án sẽ không mang lại lợi nhuận, và yêu cầu được thêm quyền bán xăng nhớt ở Việt Nam (do PetroVietNam độc quyền) để kiếm thêm lời. Yêu cầu này không được chấp thuận và Petronas cũng bỏ dự án.

Mãi tới năm 1997, dự án Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất mới được nhà cầm quyền Việt Nam chính thức chấp thuận, do Quốc Hội Khóa X thông qua về chủ trương xây dựng tại Nghị Quyết số 07/1997 ngày 5 tháng 7 năm 1997. Tổng số vốn pháp định dự kiến ban đầu là 1.3 tỉ Mỹ kim (sau điều chỉnh thành 1.5 tỉ Mỹ kim), với khả năng lọc dầu ước lượng khoảng 130 ngàn thùng một ngày (6.5 triệu tấn một năm) dầu thô. Nhà máy Dung Quất dự trù sẽ hoàn tất vào năm 2001, và sẽ bắt đầu sản xuất đầu năm 2002.

Nhưng sau khi có quyết định chính thức, dự án Dung Quất đã gặp từ rắc rối này đến trở ngại khác như trong một cơn ác mộng:

* không tìm ra nguồn tài trợ;

* vốn đầu tư tăng lên tới 2.5 tỉ Mỹ kim, một phần vì phí tổn xây cất gia tăng và một phần vì thay đổi thiết kế kỹ thuật (thí dụ như để sản xuất thêm xăng "super 92");

* vùng biển ở Dung Quất xét ra thấy bị cát bồi từ sông Thu Bồn, phải làm kè chắn cát, một công tác trong nước chưa có tiêu chuẩn thực tế hay kinh nghiệm thực hành;

* Tổng Giám Đốc Nguyễn Xuân Nhậm và Phó Tổng Giám Đốc Đinh Văn Ngà bị cách chức ở PetroVietNam (và trong đảng Cộng Sản) vì tham nhũng trong việc đấu thầu dự án xây cất nhà máy;

* liên doanh với công ty quốc doanh Zarubezhneft của Nga quá lủng củng, rồi Zarubezhneft cũng rút ra khỏi liên doanh, đặt lại vấn đề tài trợ dự án.

Nhìn lại tiến trình thiết lập nhà máy lọc dầu, có người đã nhận định đúng đắn rằng trong mấy năm qua, "sự lãng phí lớn nhất, gây nhiều thiệt hại về vật chất, là lãng phí thời gian."

CÁC KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

Nhiều cuộc thẩm lượng và điều tra đã được thực hiện để nêu rõ trách nhiệm ở đâu và về ai trong chuyện nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Phía Chính Phủ

Phía Chính Phủ thì không thấy có phúc trình chính thức nào, nhưng qua các lời điều trần ở Quốc Hội thì các nhận định có thể tóm tắt như sau:

* Theo Bộ Trưởng Kế Hoạch và Đầu Tư Võ Hồng Phúc thì "khi phê duyệt dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất, theo tôi là thiếu cơ sở khoa học và thiếu kiến thức thực tiễn, những 'chủ đầu tư' đã tự tạo ra tính khả thi cao để trình Chính Phủ và Quốc Hội";

* Bộ Trưởng Công Nghiệp Hoàng Trung Hải đưa ra nhiều chi tiết hơn:

- khi dự án được Quốc Hội chính thức chấp thuận thì cũng là lúc có khủng hoảng tài chính khu vực trong năm 1997 nên không thu xếp được nguồn vốn dự kiến;

- việc thực thi chậm trễ là do " quá trình triển khai gặp một số khó khăn từ phương thức liên doanh (với Zarubezhneft)... có nhiều mâu thuẫn trong quyền được cung cấp vật tư, thiết bị, và lựa chọn đối tác nước ngoài." (Có dạo tôi (TVK) nghe

tin đồn Zarubezhneft muốn đem qua bán một số máy móc cũ nhưng không được Việt Nam chấp thuận);

- đây là lần đầu tiên Việt Nam triển khai một dự án lọc dầu quy mô trong khi PetroVietNam còn thiếu kinh nghiệm điều hành và quản lý dự án;

* Theo Chủ Tịch Phạm Quang Dự của Hội Đồng Quản Trị của PetroVietNam thì dự án Dung Quất "đã bị động" ngay từ đầu: từ chủ trương phải liên doanh, đến không có đối tác liên doanh phải tự đầu tư, rồi lại liên doanh, cuối cùng lại tự đầu tư... làm chúng ta bị động, bởi cứ mỗi lần thay đổi chủ trương thì kéo theo nhiều thay đổi không chỉ về hình thức đầu tư mà còn về vốn liếng, công nghệ..., do đó mất nhiều thời gian.

Phía Quốc Hội

Đoàn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị Quyết Quốc Hội về dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất do Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội thành lập, sau mấy tháng làm việc, mới đây đã nhận định rằng phải tới cuối năm 2008 nhà máy mới có thể hoàn thành, và qua 2009 mới có thể đi vào sản xuất, tính ra là chậm tới bảy năm so với Nghị Quyết trước đây. Ủy Ban đã đưa ra năm nguyên nhân chính:

* Dự án chưa được chuẩn bị chu đáo, điều tra căn bản còn sơ sài, thẩm định chưa kỹ, chủ quan trong dự báo khả năng thu xếp tài chính;

* Chỉ đạo và tổ chức thực hiện dự án thiếu tập trung, không quyết liệt trong giải quyết những khó khăn, vướng mắc;

* Quản lý nhà nước về dầu khí nói chung, và về dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất nói riêng, còn có sự chồng chéo, thiếu nhất quán;

* Khi triển khai dự án cũng là lúc có khủng hoảng tài chính và tiền tệ trong khu vực, khó gọi vốn cho dự án;

* Đây là nhà máy lọc dầu đầu tiên nên còn thiếu kinh nghiệm khi lập hồ sơ cũng như khi thi công.

Địa Điểm Dung Quất

Điều đáng chú ý nhất trong tất cả các thẩm lượng, điều tra và nhận định nói trên là không thấy ai bàn đến việc ai và tại sao lại chọn lựa địa điểm Dung Quất. Hầu như tất cả các trở ngại và chậm trễ của dự án đều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến địa điểm Dung Quất.

Như một con voi nặng cả mấy ngàn kí ngồi chình ình trong phòng họp, ai cũng phải thấy đó là vấn đề cội nguồn căn bản, vậy mà không thấy ai nhắc nhở tới.

Tin đồn về Ông Phạm Văn Đồng

Khi công ty Total rút khỏi dự án lọc dầu vì Chính Phủ dời địa điểm ra Dung Quất, có đồng nghiệp trong kỹ nghệ dầu hỏa nói với tôi ông nghe dường như chính phủ Việt Nam chọn Dung Quất vì đó là sinh quán của Nguyên Thủ Tướng Phạm Văn Đồng. Lúc đó, Ông Đồng đã về hưu nhưng vẫn còn là cố vấn lão thành và là đàn anh uy tín (Anh Tô) của các cấp lãnh đạo Cộng Sản đương thời .

Ông sinh tại huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, cũng gần khu Dung Quất. Ông có lẽ là một trong những vị Thủ Tướng tại vị lâu năm nhất trên thế giới, 32 năm từ năm 1955 đến năm 1987, và còn là Bộ Trưởng trong nội các mấy năm trước đó. Tuy là một lãnh tụ cao cấp nhưng ông thường ở ngoài các tranh chấp và các phe nhóm quyền lực nên nói chung ông có vẻ được kính nể. Ông mất năm 2000.

Tôi không hề biết tin đồn đó có đúng sự thực hay không. Tôi nói với đồng nghiệp rằng tuy tôi cũng sinh trưởng ở miền Trung, nhưng Dung Quất là "**dự án sai ở chỗ nhầm**" (wrong project in the wrong place). Khỏi cần phải làm các con tính phức tạp, tôi nói ngay là dân miền Trung nghèo, cần nhiều công ăn việc làm, nhưng lọc dầu và hóa dầu là những kỹ nghệ có cường độ tư bản cao nhất; đầu tư 1 – 2 tỉ đô la mà chỉ tạo ra được 1 – 2 ngàn công ăn việc làm, gần tới cả triệu đô la mới được một việc, trong khi đó thì phần lớn kỹ nghệ khác chỉ cần một vài chục ngàn đô la là tạo được một việc làm. Ngoài ra, một phần chủ yếu trong nhà máy lọc dầu là chi phí chuyên chở; vậy mà nếu tổng hợp cả nguồn dầu thô ở thềm lục địa miền Nam với hai thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn ở trong Nam và ngoài Bắc thì khó có địa điểm nào tệ hại hơn Dung Quất.

"Mình trình cho mấy ông một lần..."

Trong hai năm 1994-1995, khi làm việc với công ty Pennzoil, tôi có đi công tác ở Việt Nam hai lần. Trong các lần tiếp xúc, tôi có dịp nói chuyện xã giao với các cấp lãnh đạo của PetroVietNam hồi đó. Khi nói chuyện qua về dự án nhà máy lọc dầu, có người đã thẳng thắn thổ lộ với tôi: "Mình trình cho mấy ông một lần, mấy ông không nghe; mình trình lần nữa, mấy ông

cũng không nghe. Sau cùng, mình thu thập ý kiến của chuyên viên ngoại quốc và cố vấn tài chính, trình lại thêm một lần nữa. Mấy ông cũng không nghe, làm sao bây giờ?"

Vị thế của PetroVietNam

Mới đây, báo *Tuổi Trẻ* đã hỏi Ông Phạm Quang Dự, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của PetroVietNam: "Một số đại biểu Quốc Hội cho rằng chúng ta đã chọn sai vị trí ngay từ đầu khi quyết định xây dựng nhà máy lọc dầu ở Dung Quất, ông nghĩ sao?"

Ông đã trả lời như sau: "Việc chọn vị trí, địa điểm ban đầu có một sự cân nhắc rất lớn. Đã có hẳn một bộ phận được Chính Phủ giao nghiên cứu về các địa điểm từ Bắc đến Nam và sau khi báo cáo cho Chính Phủ về kết quả của việc đi nghiên cứu, xem xét thì địa điểm phía Nam là địa điểm có lợi thế nhất về kinh tế, vì gần nguồn nguyên liệu, gần vùng tiêu thụ sản phẩm dầu nhiều nhất (tiêu thụ 60%-70%). Do đó, nếu nói địa điểm và lợi thế thì đương nhiên là phía Nam; các nhà đầu tư nước ngoài đều quan tâm tới địa điểm ở phía Nam.

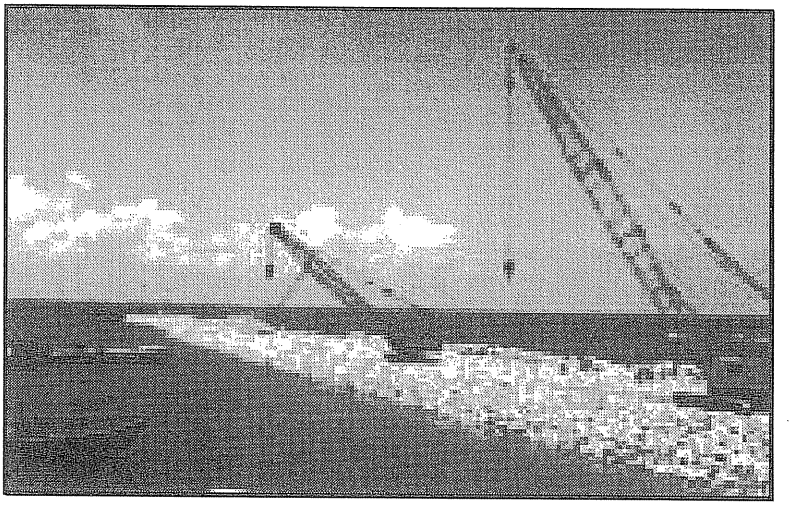

Nhưng khi chính phủ xem xét ở cấp vĩ mô, lại chọn địa điểm ở miền Trung với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội miền Trung... muốn dùng dự án đầu tư này để làm động lực thu hút các nhà đầu tư, cũng như động lực phát triển kinh tế xã hội miền Trung.

Quyết định này nếu nhìn ở góc độ thuần túy kinh tế thì cũng có người băn khoăn, nhưng nếu nhìn tổng thể kinh tế xã hội ở tầm nhìn chiến lược thì khác."

Lời thuật của Nguyên Thủ Tướng Võ Văn Kiệt

Tôi rất ngạc nhiên khi đọc thấy nội dung thư ngỏ của Nguyên Thủ Tướng Võ Văn Kiệt gửi cho Quốc Hội ngày 10 tháng 6 vừa qua về dự án Dung Quất đăng ngay trên VietNamNet. Tôi cảm kích hành động của Ông Kiệt.

Ông cũng xác nhận đối tác thương thảo đầu tiên là công ty Total, muốn đặt địa điểm nhà máy lọc dầu ở Long Sơn, Vũng Tàu. Sau khi cứu xét, Chính Phủ nhận thấy không nên tập trung quá lớn những công trình trọng điểm quốc gia vào một khu vực Bà Rịa/Vũng Tàu/Phú Mỹ; ngoài ra, Long Sơn không có cảng nước sâu sẵn sàng thuận lợi. Do đó, Chính Phủ đã trình Bộ Chính Trị xin chuyển nhà máy lọc dầu ra miền Trung, tìm nơi có cảng nước sâu cho tàu chở dầu.

Ông nói có ba địa điểm được gợi ra: Ba Ngòi gần Cam Ranh, Vân Phong ở Khánh Hòa, và Liên Chiểu ở Đà Nẵng. Lúc đầu không thấy Ông nói đến Dung Quất.

Theo trong thư, cả ba địa điểm đều đã bị loại bỏ vì những lý do tương đối mơ hồ: Ba Ngòi lúc ấy "có nhiều lý do chưa thể thu xếp được"; Vân Phong thì công ty Total từ chối "vì lý do cũng tương tự như trên"; Liên Chiểu thì cũng như Long Sơn vì "đã có nhiều kế hoạch đầu tư đang được triển khai."

Theo như Ông Kiệt kể thì Dung Quất xuất hiện gần như là một sự tình cờ: "Sau buổi khảo sát Vân Phong, khi về làm việc tại Đà Nẵng, được giới thiệu về vịnh Dung Quất, lại được nghe là đã có một nhóm chuyên gia khoa học về cảng nước sâu của ta đến đây khảo sát và đưa ra những kết luận khả quan." Rồi Dung Quất được chọn lựa.

Và Ông xác nhận "Dung Quất có nhiều lợi thế để đặt nhà máy lọc dầu: nằm ở khu vực giữa Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng lãnh thổ đặc biệt quan trọng của đất nước."

Với kết luận đó, địa điểm nhà máy lọc dầu đã được chọn lựa mà không thấy nhắc nhở đến nguồn dầu thô, thị trường tiêu thụ sản phẩm, và nghiên cứu kỹ lưỡng gì về hạ tầng cơ sở.

Ở cuối thư, Ông Kiệt xác nhận rằng nếu được xem xét lại, "tôi vẫn chọn Dung Quất," và sẵn

sàng nhận lãnh trách nhiệm nếu Quốc Hội phân tích và kết luận việc lựa chọn Dung Quất là sai.

Quyết Định Đi Tới

Việc nguyên Thủ Tướng Kiệt công khai nhận lãnh trách nhiệm là một điều rất đáng khen. Nhưng dù gì thì đó cũng là chuyện quá khứ. Điều quan hệ cho Việt Nam lúc này là quyết định đi tới, trong một tương lai đầy năng động và thử thách của sinh hoạt hội nhập kinh tế toàn cầu.

Bỏ thì thương

Quốc Hội quyết định tiếp tục xúc tiến dự án lọc dầu ở Dung Quất.

Trong tháng Sáu vừa qua, Quốc Hội đã ra Nghị Quyết về tập trung chỉ đạo xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất, và yêu cầu Chính Phủ "chỉ đạo kiên quyết để hoàn thành xây dựng nhà máy trong năm 2008 và đi vào sản xuất trong năm 2009."

Tuy có một số đại biểu vẫn còn nghi ngờ và hoang mang, nhưng bỏ Dung Quất là một quyết định quá lớn lao, quá khó khăn: chọn địa điểm mới, đấu thầu lại sẽ mất thêm thời gian, trong khi đó thì đã lỡ đầu tư quá nhiều vào Dung Quất, không những về một số hạ tầng cơ sở, mà còn về tình cảm, hứa hẹn và uy tín.

Tuy biết rằng ước tính dự án sẽ có mức lời thấp, Quốc Hội cũng đã thông qua Nghị Quyết Dung Quất với đại đa số 88.5%.

Vương thì mang họa

Nhưng quyết định đi tới ở Dung Quất là quyết định có quá nhiều mầm mống sẽ là một quyết định sai lầm. Nhà máy lọc dầu Dung Quất có rất nhiều rủi ro sẽ là một gánh nặng cho nền kinh tế trong tương lai.

* Ước tính mới nhất của Chính Phủ là nhà máy lãi 6.7%, trả nợ 11%, thu hồi vốn 12%. Báo cáo của Ủy Ban Khoa Học Công Nghệ Môi Trường của Quốc Hội cho rằng tỉ lệ lợi nhuận như vậy là thấp, nhưng có thể phù hợp với các dự án chiến lược – một dự án bình thường là phải tới 15% - 20%;

* Trong một dự án kỹ thuật phức tạp như nhà máy lọc dầu, các ước tính sơ khởi như vậy thường có tính cách lạc quan. Chuyên viên làm trong ngành engineering có câu châm ngôn nằm lòng là "rút cục, cái gì cũng tốn kém nhiều hơn, và làm lâu hơn." Một dự án mà mức lời thuộc loại thấp (tiềm biên tế, submarginal) như vậy rất nhạy cảm, chỉ cần một vài trắc trở kỹ thuật là dễ dàng chuyển từ lời qua lỗ. Mà như đã thấy trong mấy năm qua, vướng mắc, trắc trở có thể còn tiềm ẩn rất nhiều trong mọi khía cạnh của dự án;

* Một yếu tố thành công quan trọng của nhà máy lọc dầu là cảng nước sâu để thích ứng với tàu dầu lớn. Ông Đỗ Trọng Ngoạn, một đại biểu Quốc Hội, đã tự hỏi và tự trả lời: "Năm 2009 nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ hoạt động? Tôi tin là khó." Theo ông Ngoạn, lý do là cảng biển ở đây nông quá, cứ vét cát thì sông Thu Bồn lại bồi thêm. Chính Phủ đã quyết định làm con đê ngăn. Nhưng mấu chốt là cảng biển đó chỉ có thể cho tàu nhỏ vào thôi, mà dầu khí thì nhất định phải cần cảng lớn.

Trong tương lai, nếu cảng chỉ có thể dùng cho tàu nhỏ ra vào mà thôi, thì càng làm gia tăng phí tổn chuyên chở dầu thô và sản phẩm.

* Điều oái ăm là ngay cả sau khi thi hành Nghị Quyết của Quốc Hội, kiên quyết gia công hoàn thành nhà máy, một khi bắt đầu sản xuất thì cứ mỗi năm nền kinh tế quốc gia coi như bị thất thoát từ 70 tới 100 triệu Mỹ kim. Dân chúng khắp nước sẽ phải trả giá xăng nhớt sản phẩm dầu hỏa cao hơn. Rồi khi giá dầu thô lên cao, như trong mấy tháng gần đây, thì chi phí chuyên chở tàu dầu lại càng là gánh nặng lớn hơn, chỉ vì chọn lựa địa điểm nghịch lý.

Dù chuyện tin đồn về ông Phạm Văn Đồng có thực hay không, giả thử nếu ông Đồng biết là xây nhà máy ở Dung Quất sẽ làm đồng bào khắp nước phải trả giá xăng nhớt sản phẩm tiêu thụ cao hơn gấp bội, thì một người vốn là công bộc gương mẫu bao nhiêu năm như Ông chắc cũng khuyến cáo nên đưa nhà máy vào trong Nam cho hợp lý hơn.

Viễn Tượng Hội Nhập Toàn Cầu

Trong bài "*Dự án Dung Quất: Bài học đắt giá cho công nghiệp hóa*" đăng trên VietNamNet mới đây, Tiến Sĩ Vũ Minh Khương của Đại Học Harvard đã có nhiều nhận định xác đáng về kỹ nghệ hóa dầu, và đã thẩm lượng dự án Dung Quất trong viễn tượng rất thực tế của sinh hoạt kinh tế hội nhập toàn cầu.

Về dự án Dung Quất, ông đưa ra mấy điều cân nhắc như sau:

* Khả năng cạnh tranh toàn cầu phải là tiêu chí tối cao. Hai điều kiện quan trọng nhất đối với sản phẩm lọc dầu là giá thành hạ và độ ô nhiễm môi trường thấp.

- Để hạ giá thành, nhà đầu tư chú ý đến ba điều kiện: gần nguồn nguyên liệu, gần thị trường,

và quy mô sản xuất. Các nước thành công đặc sắc trong phát triển ngành dầu khí đều hết sức coi trọng các điều kiện cạnh tranh này.

- Dung Quất nằm xa nguồn nguyên liệu, xa thị trường tiêu thụ, và công suất (6.5 triệu tấn một năm) cũng thuộc loại trung bình. Ông nhắc lại tính toán của công ty Total cho thấy nền kinh tế nước ta sẽ mất đi tối thiểu 60 – 100 triệu Mỹ kim mỗi năm. Ông đưa thêm ra một cách tính khác, dựa trên mức lời tối đa của Dung Quất là 5 – 6%, và cho một dự án trung bình là 12 – 15%. Với mức đầu tư 1.3 tỉ Mỹ kim thì Dung Quất cũng làm mất đi tối thiểu 75 – 100 triệu Mỹ kim.

* Chiến lược phát triển kinh tế xã hội chỉ có thể được thực hiện vững chắc trên cơ sở tôn trọng quy luật thị trường và quyết tâm hội nhập quốc tế.

- Dự án Dung Quất không thể mang lại cho các tỉnh miền Trung lợi ích dài hạn. Nếu dự án đầu tư không có sức sống kinh tế thực sự thì không thể đem lại lợi ích thực sự cho địa phương;

- Chúng ta sẽ vào WTO (Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới), chúng ta không thể bảo hộ giá xăng dầu để dự án Dung Quất có thể tiêu thụ được sản phẩm;

- Nên chăng, ta nên chọn vị trí cho nhà máy lọc dầu đầu tiên có điều kiện cạnh tranh cao nhất. Khoản tiền lãi có thêm được từ cách lựa chọn mới này (có thể tới hàng trăm triệu Mỹ kim) sẽ được dành cho quĩ phát triển miền Trung.

Vai Trò Của Quốc Hội

Trong tiến trình duyệt xét dự án lọc dầu Dung Quất, Quốc Hội đã đóng một vai trò tích cực, xây dựng, rất đáng khích lệ. Quốc Hội đã nhận lãnh phần trách nhiệm của mình, nhận lỗi trước nhân dân cả nước, và sẵn sàng rút tỉa các bài học sâu sắc để không lặp lại tình trạng tương tự.

Chủ Tịch Quốc Hội Nguyễn Văn An đã nhấn mạnh ba điểm xác đáng:

* các dự án phải bảo đảm chất lượng tốt, thẩm định chặt chẽ;

* Chính Phủ phải phân công rõ ràng và đúng tầm, đề cao trách nhiệm cá nhân, thực hiện phải tập trung; đồng thời phải lắng nghe và khắc phục kịp thời khuyến nghị của Quốc Hội;

* Riêng về Quốc Hội, việc thẩm tra chủ trương đầu tư cần đề cao trách nhiệm, cần cẩn trọng xem xét tính khả thi của dự án trước khi quyết định, và phải coi trọng cơ sở khoa học vững chắc, tránh nông không sâu, nặng về cảm tính.

Một điểm không kém quan trọng khác là Quốc Hội cần lắng nghe tiếng nói của thị trường – qua chuyên viên, qua cố vấn, qua chuyên gia và học giả quốc tế, và qua chính các công ty hoạt động trong ngành.

Ông An cho rằng giám sát là khâu yếu nhất của Quốc Hội, cần được cải tổ để việc giám sát được hữu hiệu trong tương lai: thường xuyên, liên tục, tập trung, quyết liệt, không buông lỏng, không nể nang, không né tránh.

Tin tức thường xuyên, đầy đủ, minh bạch và công khai

Cũng trong bài viết trên, ông Vũ Minh Khương nhận định rằng đổi mới của Quốc Hội trong thời gian gần đây thực sự mang lại niềm động viên và hy vọng cho nhiều người dân. Ông nhận thấy rằng Quốc Hội cần nhiều thông tin hơn, và đề nghị nên có trang web tổng hợp thông tin toàn cầu, đặc biệt về kinh nghiệm phát triển các ngành chiến lược.

Ông tin rằng " tình thế và cơ hội phát triển của nước ta đang đòi hỏi cấp bách sự đột phá về tư duy và cách tiếp cận mới về chất trong chỉ đạo của Chính Phủ cũng như giám sát của Quốc Hội."

Đây là những nhận xét sắc bén và đề nghị xây dựng.

Thêm vào đó, Chính Phủ cần phải cung cấp thông tin cho Quốc Hội trên căn bản thường xuyên, đầy đủ, minh bạch, và ngoại trừ vài ngoại lệ, phải công khai. Quốc Hội cũng cần tiếp tục cải tiến sự hữu hiệu của tiến trình điều trần/chất vấn và của chu kỳ chuẩn chi ngân sách để thẩm lượng kỹ càng các dự án, các chương trình trước khi chung quyết, song song với trách nhiệm giám sát việc thi hành.

Chuyện nhà máy lọc dầu Dung Quất rút cục có thể lại là một chuyện hay, chuyện một khúc quanh lịch sử đưa Quốc Hội Việt Nam tới một vị thế năng động, một vai trò tích cực, giúp đẩy mạnh việc hợp-lý-hóa và hữu-hiệu-hóa hoạt động kinh tế và đầu tư của quốc gia trên đường hội nhập toàn cầu.

Trần Văn Khởi trước đây là Tổng Cuộc Trưởng Dầu Hỏa của Việt Nam Cộng Hòa và đã làm việc trong kỹ nghệ dầu hỏa trong 30 năm qua. Một số chi tiết và tài liệu trong bài đã dựa theo tin tức ở VietNamNet.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

TRUNG-HOA: MỘT ĐE-DỌA LỚN?

CỔ LŨY

Trong số Thế-Kỷ 21 tháng10 năm 2002, bài Trung-Hoa Thế-Kỷ 21: Một Chiến-Lược Lớn, *cùng người viết, đưa ra một cái nhìn về chính-sách ngoại-giao của Trung-Hoa. Ba năm sau, nhiều thay-đổi lớn đưa đến cái nhìn tổng-quát và mới-mẻ hơn.*

Tháng Sáu vừa qua, trong một diễn-văn tại Tân-Gia-Ba (Singapore) tổng-trưởng quốc-phòng Mỹ, ông Donald Rumsfeld, lưu-ý các nước trong Liên-Đoàn Âu-Châu (EU, European Union) không nên bãi-bỏ cấm-vận buôn-bán vũ-trang với Trung-Hoa. Hơn nữa, bằng cái lối nói khá đặc-biệt nhưng nay đã quen-thuộc với khán, thính-giả trong và ngoài Hoa-Kỳ, ông Rumsfeld đặt câu hỏi: "Hiện nay chẳng có ai đe-dọa Trung-Hoa cả —nên ta phải hỏi: Tại sao Trung-Hoa phải đầu-tư ghê-gớm [vào quân-sự] như vậy?"

Đây có thể là hình-thức mở màn thông-lệ trước báo-cáo hàng năm của bộ Quốc-phòng về tình-hình quân-sự trên thế-giới trong mùa tranh-giành ngân-sách cho tài-khóa năm tới. Cái không thông-lệ là báo-cáo năm nay ra chậm khoảng ba tháng và nó xuất-hiện gần như cùng lúc với những tin tức lớn về kinh-tế Trung-Hoa —những tin tức khá bất-lợi cho Trung-Hoa.

Giới lập-pháp dân-cửMỹ, cả Cộng-hòa lẫn Dân-chủ, đang có thái-độ hằn-học với Trung-Hoa về chính-sách ngoại-thương và tiền-tệ, thái-độ hung-hăng về vấn-đề Đài-Loan, và nhất là việc Trung-Hoa mới đây trả giá cao hơn đại công-ty Chevron để mua công-ty dầu hỏa Unocal có bản-doanh ở tiểu-bang California, đối-diện với Trung-Hoa bên kia bờ biển Thái-Bình.

Dù là nền kinh-tế đứng hàng thứ bẩy trên toàn thế-giới, trong những năm gần đây không ai có thể phủ-nhận mức phát-triển kinh-tế nhanh và mạnh chưa từng thấy của Trung-Hoa. Hai tam-cá-nguyệt đầu năm 2005 cho thấy phát-triển kinh-tế gia-tăng ở mức độ 9.5 phần trăm, cao hơn tất cả các nước khác trên thế-giới, và cao tới độ chính-quyền phải lo-lắng.

Trung-Hoa nay đã có khoảng ba trăm triệu người gia-nhập giới trung-lưu —một tỉ-số nhỏ trên dân-số một tỉ-ba-trăm triệu người, nhưng chỉ nhìn con số không thôi đây lại là thị-trường sản-xuất và tiêu-thụ lớn hơn cả Hoa-Kỳ. Mức phát-triển kinh-tế, và kỹ-nghệ cũng như mức sống của dân-chúng nói riêng đưa đến nhu-cầu lớn-lao về nhiên-liệu, nhất là dầu hỏa, làm Hoa-Kỳ bắt đầu nhột-nhạt. Giới quan-tâm đến môi-sinh bắt đầu than-phiền các phó-sản kỹ-nghệ và canh nông làm ô-nhiễm môi-sinh từ Trung-Hoa đã vượt biển Thái-Bình (gần mười ngàn dậm) sang tới nội-địa Hoa-Kỳ. Hơn nữa Trung-Hoa lại là một nước chủ nợ (creditor) hàng lớn nhất, nắm số trái-phiếu kỷ-lục chính-phủ Mỹ bán ra.

Những phát-triển kinh-tế và chính-trị ở Trung-Hoa cũng có nhiều hệ-quả trực-tiếp đến Việt-Nam. Dù là không chính thức Trung-Hoa vẫn được xem là khuôn-mẫu phát-triển cho Việt-Nam: phát-triển kinh-tế với nhiều cởi-mở kiểu thị-trường tự-do khá thành-công đi đôi với những hạn-chế chính-trị khá gắt-gao ("socialist modernization," chữ của ông Đặng-Tiểu-Bình, hay "governing the market," chữ của kinh-tế-gia Robert Wade). Về phía tích-cực, Trung-Hoa đi nhanh và trước ở cả hai mặt, đưa ra nhiều bài học cho Việt-Nam. Ngược lại, mặt phát-triển quân-sự đi kèm với khả-năng và nhu-cầu phát-triển kinh-tế lớn-lao của Trung-Hoa là đe-dọa thật-sự và trực-tiếp cho Việt-Nam cũng như nhiều nước Đông và Đông-Nam-Á khác. Những xôn-xao xích-lại giữa Việt-Nam và Hoa-Kỳ — hai nước thù-nghịch trước đây không lâu— về mặt kinh-tế, chính-trị và có lẽ cả quân-sự gần đây phản-ánh các lo-toan của hai bên trước một Trung-Hoa đang vươn lên. Khi giới lãnh-đạo quân-sự và chính-trị cao-cấp Việt-Nam thăm-viếng Hoa-Kỳ và châu Âu liên-tục, và tổng-thống George W. Bush đáp-lễ với chương-trình thăm-viếng Việt-Nam năm tới, mối đe-dọa Trung-Hoa có lẽ khá thực, ít nhất là qua mắt nhìn của hai nước.

CỔ-LŨY

Nhìn vào tổng-sản-lượng nội-địa (Gross Domestic Product, GDP) từ năm 2003 cho tới hai tam cá nguyệt đầu năm nay, tổng cộng là mười tam cá nguyệt, trung bình mức phát triển là 9.5 mỗi năm, với hai tam cá nguyệt cao nhất là đầu và cuối năm 2003 — gần mười phần trăm. Trung tuần tháng Bẩy vừa qua, các viên chức nhà nước báo cáo mức phát triển vẫn nằm ở mức 9.5 phần trăm, khác hẳn tiên đoán đi xuống của các nhà phân tích kinh tế và làm gia tăng lo sợ phát triển quá độ có thể đi đến sụp đổ lớn lao. Mức gia tăng này giống hệt tam cá nguyệt đầu năm và tương đương với mức phát triển toàn năm 2004.

PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ

Các nhà phân tích kinh tế ước lượng mức phát triển ở chín phần trăm và chính quyền Bác-Kinh cố giữ mục tiêu tám phần trăm để tránh hậu quả không tốt. Mức phát triển cao hơn dự đoán đã xảy ra dù nhà nước đã nỗ lực làm chậm lại những phát triển lớn lao ở hai mặt nhà máy kỹ nghệ và bất động sản với hai biện pháp chặn đầu: gia tăng lãi suất cho vay và đánh thuế kỹ thương nặng, nhắm vào những vùng phát triển quá độ như Thượng-Hải (Shangai). Nhà nước cho biết tổng số mức đầu tư vào các nhà máy kỹ nghệ và địa ốc gia tăng hai-mươi-lăm phần trăm trong nửa năm đầu 2005 so với năm ngoái.

A. Phát triển nhanh chóng quá mức?

Những con số trên cho thấy khuynh hướng phát triển sẽ tiếp tục thúc đẩy mức phát triển toàn thế giới, nhất là những nước Á-châu Thái-Bình-Dương hàng xóm và có nhiều giao dịch kinh tế với Trung-Hoa —những nước bán nguyên liệu cho Trung-Hoa và mua hàng sản xuất, đáng kể là máy móc kỹ nghệ, từ Trung-Hoa. Nhưng Bắc-Kinh cũng gặp nhiều thử thách lớn lao vì không đủ sức kiềm chế mức phát triển mà nhiều nhà kinh tế xem là bừa bãi. Chính quyền trung ương đã đưa ra nhiều biện pháp ngăn chặn nhưng cho đến nay không có biện pháp nào xem ra có khả năng làm chậm lại sức phát triển của các nhà máy và giá cả địa ốc gia tăng quá lố —hai yếu tố tạo ra những điều kiện bong bóng dễ nổ và gây nhiều hậu quả dây chuyền trên kinh tế toàn thế giới.

Theo Văn-phòng Thống-kê Quốc-gia mức phát triển "rất tốt." Nhưng theo ký giả gốc Trung-Hoa Don Lee, giới chuyên viên kinh tế không lạc quan lắm. Bà Zuo Xiaolei thuộc công ty tín dụng China Galaxy nói mức phát triển GDP cho thấy nhà nước đang mất kiểm soát mức tư bản đi vào khi các vùng và thành phố lớn vẫn hăm hở lôi cuốn đầu tư từ nước ngoài. Nhưng bà cũng nghĩ mức phát triển lớn có thể là một hệ quả của các gia tăng trong nhiều ngành khác như các sản phẩm cho người tiêu thụ (máy móc, đồ đạc dùng trong nhà), được xem là không có ảnh hưởng tiêu cực vào kinh tế Trung-Hoa. Trong nửa năm đầu mức bán sỉ hàng hóa gia tăng mười ba phần trăm so với năm qua và mức chỉ số tiêu thụ (consumer price index, giúp thăm dò giá cả và lạm phát) gia tăng 2.3 phần trăm.

Mức gia tăng về mặt xuất cảng góp phần không nhỏ vào những sinh hoạt kỹ nghệ. Nửa năm đầu 2005 mức xuất cảng gia tăng gấp đôi mức nhập cảng, đưa đến thặng dư xuất/nhập (trade surplus) gần bốn-mươi tỉ —trong khi Hoa-Kỳ chẳng hạn phải chịu hàng tỉ thâm thủng xuất/nhập (trade deficit). Năm vừa qua siêu công ty lớn nhất thế giới Wal-Mart nhập cảng gần hai-mươi tỉ Mỹ kim hàng hóa từ Trung-Hoa và tám-mươi phần trăm nhà cung cấp sản phẩm cho Wal-Mart thuộc Trung-Hoa. Wal-Mart hiện có khoảng năm-mươi trung tâm cửa hàng ở Trung-Hoa và con số này sẽ tăng gấp đôi năm nay —và Trung-Hoa rất hoan nghênh phát triển này cũng như mọi đầu tư khác vào Trung-Hoa, nhất là từ Hoa-Kỳ. Ngược lại, Hoa-Kỳ lại có vẻ như không hồ hởi mấy mà còn có vẻ lo sợ hằn học khi Trung-Hoa đem tiền bạc đầu tư vào Hoa-Kỳ, như gần đây khi công ty dầu liên doanh CNOOC muốn mua lại công ty Unocal ở California, hoặc hãng Haier cũng của Trung-Hoa muốn cạnh tranh với công ty Whirlpool mua lại công ty Maytag của Hoa-Kỳ theo đúng đường lối tiêu chuẩn kinh tế thị trường. Giới dân cử Mỹ to tiếng xem đây có liên hệ đến "an ninh quốc gia." Theo kinh tế gia Zuo thật ra Hoa-Kỳ không nên lo sợ một số kỹ nghệ Trung-Hoa như ngành sản xuất quần áo: nay có rất ít những đầu tư vào ngành này. Nhưng ngành dệt hay may mặc quần áo chỉ là những kỹ nghệ nhẹ ưu tiên của những nền kinh tế ở mức bắt đầu. Kinh tế Trung-Hoa không còn ở mức này nữa.

Theo ông Fareed Zakaria thuộc tuần san *Newsweek,* trong lịch sử thế giới và Trung-Hoa hiện đại biến cố đáng chú ý cuối Thế-kỷ 20 là kỳ họp của Ủy-ban Trung-ương đảng Cộng-sản Trung Quốc thứ mười-một năm 1979. Trong buổi họp này chủ tịch mới, ông Đặng Tiểu Bình đọc một diễn văn quan trọng trong đó ông thúc đẩy chính

quyền đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế và hiện đại hóa Trung-Hoa, và để những dữ kiện —và không phải ý thức hệ xã hội chủ nghĩa— làm chỉ đạo cho hai trọng tâm này. Với cái ví dụ nay đã nổi tiếng—"Mèo trắng hay đen cũng tốt miễn là bắt được chuột"— ông Đặng chuyển mình Trung-Hoa vào con đường đổi mới cực kỳ thực tiễn và không bận vướng chút ý thức hệ. Trong vòng một phần tư thế kỷ, kể từ năm 1980 đến nay mức phát triển đã gia tăng từ chín tới gần mười phần trăm mỗi năm, mức phát triển kinh tế lớn nhất trong các nước. Trong giai đoạn này Trung-Hoa đã đưa ba trăm triệu người đến giai cấp trung lưu, và lợi tức đồng niên của người Tầu trung bình gia tăng gấp bốn lần. Và hơn nữa, trong giai đoạn này Trung-Hoa không gặp phải những xáo trộn chính trị xã hội ghê gớm nào.

Những người chỉ trích đường lối kinh tế Trung-Hoa trong giai đoạn này không phải là ít. Họ nói những con số bị bóp méo, tham nhũng hủ hóa tung hoành, nhà băng suy sụp đến nơi, chia rẽ địa phương sẽ bùng nổ, bất công lan tràn và mọi sự sẽ đổ nhào. Họ đã tiên đoán cả thập niên nay, nhưng sự thật chưa xẩy ra. Dĩ nhiên kinh tế chỉ huy từ trung ương không đưa đến kết quả tốt, nhưng chính quyền đã tản quyền về các địa phương, đã áp dụng những biện pháp kinh tế thị trường và mở rộng đất nước cho đầu tư kinh tế từ bên ngoài vào. Trung-Hoa đã lợi dụng thế là thành viên của Tổ-chức Thương-doanh Thế-giới (WTO, World Trade Organization) để thực thi và áp dụng những cải cách thị trường tự do vào kinh tế và xã hội Tầu. So với các nước kinh tế chỉ huy khác Trung-Hoa đã thành công trong việc dung hòa hai đường lối phát triển: một mặt tiếp tục thiết kế và quản đốc phát triển kinh tế, một mặt hội nhập những nét căn bản của kinh tế thị trường vào tiến trình phát triển ("governing the market," theo chữ của kinh tế gia Robert Wade). Dĩ nhiên, đến một mức nào đó những bất quân bằng sẽ hiện ra, và mọi người rất háo hức chờ xem Trung-Hoa sẽ đương đầu ra sao.

Hiện nay với mức phát triển lớn lao và thành công trong việc dung hòa đường lối phát triển, Trung-Hoa làm nhiều nước giao thương với mình khó chịu, trong đó phải kể Hoa-Kỳ. Hoa-Kỳ vẫn than phiền Trung-Hoa có nhiều công ty liên doanh nắm nhiều lợi thế khi cần cạnh tranh trên thị trường quốc tế, và nhất là việc Trung-Hoa đặt giá trị đồng Yuan quá thấp so với đồng Đô-la. Lợi thế thấy rõ là hàng sản xuất từ Trung-Hoa rất rẻ và tràn ngập thị trường Mỹ, trong khi hàng từ Hoa-Kỳ vào Trung-Hoa lại rất đắt. Không có gì ngạc nhiên khi hàng Trung-Hoa vào Hoa-Kỳ gia tăng gấp bốn lần so với hàng Hoa-Kỳ nhập vào Trung-Hoa kể từ thập niên 1980 và mức thâm thủng xuất/nhập (trade deficit) này như mỗi ngày một gia tăng bất lợi cho Hoa-Kỳ. Trung-Hoa thu và giữ số lượng đô-la và trái phiếu Mỹ khổng lồ, làm lợi thế cho các công ty liên doanh và tư doanh cũng như ảnh hưởng trực tiếp vào an ninh kinh tế Mỹ. Hoa-Kỳ từ bao lâu vẫn áp lực Trung-Hoa thả nổi hay gia tăng trị giá đồng Yuan, và mới đây trong tháng Bẩy Trung-Hoa chịu tăng giá trị đồng Yuan lên hai phần trăm so với đồng Đô-la (hiện nay một đô-la ăn 8.11 đồng yuan). Nhưng Trung-Hoa cũng xác định là sẽ không tăng giá trị đồng yuan thêm nữa.

Nếu giá trị đồng yuan tăng lên nữa hàng hóa sản xuất ở Trung-Hoa sẽ cao giá hơn trên thị trường thế giới. Đây có thể rất có lợi cho hàng sản xuất từ những nước Á-châu khác như Việt-Nam và Nam-Dương cùng một số những nhà xuất cảng hàng nhẹ giá phía Tây phương. Nhưng ở mức hiện nay việc tăng giá không có mấy ảnh hưởng tích cực vào kinh tế Mỹ hoặc những nước Á-châu sản xuất hàng hóa đắt tiền. Nhiều nhà quan sát kinh tế nhận xét nếu đồng yuan tăng thêm bốn phần trăm nữa, cộng với giá nhân công cao và tình trạng thiếu điện ở Trung-Hoa hiện nay, nhiều thay đổi quan trọng sẽ xảy ra: người đi mua hàng nhập cảng sẽ chuyển qua thị trường Việt-Nam, và Trung-Hoa sẽ phải tìm cách chuyển qua kỹ nghệ sản xuất hàng hóa đắt tiền như Nhật-Bản mà Trung-Hoa chưa hoàn toàn sẵn sàng.

B. Yếu tố quyết định: dầu hỏa

Với phát triển kỹ nghệ và thay đổi lớn lao trong nếp sống mới suốt một phần tư thế kỷ, Trung-Hoa cũng như những nước kỹ nghệ khác —kể cả Ấn-Độ to lớn đang lên từ nam châu Á— mỗi ngày một lệ thuộc hơn vào nguyên liệu kỹ nghệ, quan trọng nhất là dầu hỏa và khí đốt. Cạnh tranh giành nguồn cung cấp trong hai lãnh vực này phải nói là ráo riết.

Hơn mười năm trước đây Trung-Hoa có đủ dầu để tiêu dùng trong nước. Giữa thập niên 1980 hi hữu lắm mới thấy một xe vận tải ở vùng thôn trại, khi Trung-Hoa mới bắt đầu chuyển vận từ hầu như hoàn toàn một nước nông nghiệp sang một nước kỹ nghệ hóa. Nay thì khác hẳn: đồng ruộng biến thành nhà máy kỹ nghệ nhộn nhịp sản xuất

đủ mọi thứ, từ đồ chơi cho tới máy vi tính cho người tiêu thụ khắp thế giới. Tỉnh Quảng-Đông chẳng hạn có hơn sáu-mươi ngàn nhà máy sản xuất hàng hóa trị giá ba trăm triệu đô-la một ngày. Giới trung lưu mới, nhờ vào công ăn việc làm và xuất cảng hàng hóa, cũng sẵn sàng bỏ xe đạp đua nhau mua sắm xe hơi. Theo tài liệu của Tổ-chức Y-tế Thế-giới (WHO, World Health Organization thuộc Liên-Hiệp-Quốc) năm 2004 Trung-Hoa có hơn 175 triệu xe cộ đăng ký, và con số này gia tăng theo mức nhẩy vọt. Ở nhiều thành phố lớn mức sử dụng xe cộ gia tăng tới độ vận tốc di chuyển bằng xe hơi còn chậm hơn xe đạp trước đây. Hai hiện tượng này giải thích tại sao từ thập niên 1990 mức tiêu thụ dầu ở Trung-Hoa tăng 7.5 phần trăm hàng năm, gấp bẩy lần mức gia tăng ở Hoa-Kỳ; một phần tư thế kỷ tới mức tiêu thụ dầu hàng ngày sẽ tương đương với mức tiêu thụ ở Hoa-Kỳ hiện nay. Hiện nay Trung-Hoa cũng là nước mua nhiều máy phát điện cấp kỹ nghệ hơn Hoa-Kỳ —để sẵn sàng sử dụng khi điện sản xuất từ than do nhà nước cung cấp không đủ. Những máy phát điện này chạy bằng dầu hay diesel. Khoảng một phần tư thế kỷ tới Trung-Hoa sẽ cần mười-ba triệu thùng dầu ngoại nhập, chưa kể dầu sản xuất trong nước, hàng ngày. Trung-Hoa dĩ nhiên phải đi lùng nguồn cung cấp dầu khắp thế giới. Hai năm qua hai nhân vật cấp cao nhất Trung-Hoa, chủ tịch Hu Jintao và thủ tướng Wen Jiabao đã đích thân hướng dẫn các viên chức cao cấp về dầu khí đi khắp thế giới đến các nước dầu hỏa, từ Algerie cho tới Uzbekistan. Bắc-Kinh cũng hết mức o bế mười-một nước trong khối sản xuất và xuất cảng dầu OPEC. Mới đây Trung-Hoa nắm được hai nguồn cung cấp lớn: Gia-Nã-Đại và Nga. Từng phái đoàn lớn những nhà ngoại giao, kỹ sư, địa chất Trung-Hoa ào ạt đến khắp nơi tìm dầu. Cả chục toán thợ Trung-Hoa đang xây cất đường sá cầu cống ở Phi-châu để đổi lấy quyền khai thác dầu ở những vùng thật xa xôi. Trung-Hoa cũng nhẩy vào khoan dầu ở Saudi Arabia, nước cung cấp dầu chính cho Hoa-Kỳ. Trung-Hoa cũng đi đến Kazakhstan, Nam-Dương, Qatar; những nước Phi châu từ Angola, Gabon, Nigeria, Sudan, Tunisie, Yemen cho đến Zimbabwe. Ở Nam-Mỹ, lợi dụng mâu thuẫn giữa tổng thống Hugo Chavez

Xe taxi ở Thượng-Hải. Năm 1985 báo-chí Trung-Hoa trầm-trồ khi một nông-dân sắm được chiếc xe vận-tải. Hiện nay Trung-Hoa có hai-mươi triệu xe hơi đăng-ký chính-thức. Năm 2020 số xe hơi sẽ gia-tăng gấp bẩy lần.

và Hoa-Kỳ, Trung-Hoa nhẩy vào tìm dầu ở Venezuela, một trong những nguồn dầu lớn nhất của Hoa-Kỳ. Ở Ba-Tây (Brazil) Trung-Hoa nhẩy đến hợp tác khai thác thủy điện và khí đốt. Tổng trưởng phát triển, kỹ nghệ và ngoại thương Ba-Tây tuyên bố: "Hoa-Kỳ không lưu ý đến hợp tác chiến lược với Ba-Tây. Chúng ta không thể ngồi đó mà chờ Hoa-Thịnh-Đốn được." Bạo tợn hơn nữa Trung-Hoa xông vào thị trường dầu ở các nước bị Hoa-Kỳ xem là thù nghịch như Ba-Tư và Sudan cùng nhiều nơi khác. Trung-Hoa lấy lợi điểm là thành viên Hội-đồng An-ninh LHQ có quyền phủ quyết lớn lao để mặc cả lấy dầu. Trung-Hoa dọa sẽ phủ quyết mọi biện pháp trả đũa của Hoa-Kỳ nhằm ngăn chặn nỗ lực nguyên tử hóa kỹ nghệ và quân sự của Ba-Tư. Bắc-Kinh cũng bán vũ khí cho Ba-Tư, kể cả kỹ thuật phi đạn tầm xa có khả năng đe dọa việc di chuyển dầu trong eo biển Hormuz, nơi bốn-mươi phần trăm dầu xuất cảng toàn thế giới phải đi qua. Ở Sudan và Uzbekistan Trung-Hoa cũng dùng đe dọa phủ quyết các biện pháp Hoa-Kỳ đưa ra LHQ nhằm cảnh cáo chế tài các vi phạm nhân quyền trắng trợn ở hai nước này: cả hai nước đều dành cho Trung-Hoa những hợp đồng dầu khí lớn lao.

Nhiều viên chức dầu khí Trung-Hoa giải thích rằng Trung-Hoa không cần phải xin lỗi việc giao dịch hợp tác với các nước Hoa-Thịnh-Đốn không ưa. Giải thích đi đến độ "cù nhằng" là những giao dịch liên hệ đều có tính chất kinh tế, "chứ không phải chính trị hay quân sự gì cả." Lại nữa, Trung-Hoa "không phải đi theo chính sách Hoa-Kỳ;" và Hoa-Kỳ cũng giao dịch liên hệ mật thiết với các nước nổi tiếng về vi phạm nhân quyền và thiếu dân chủ tự do như Saudi Arabia và Nigeria chẳng hạn. Ngoài vũ khí ngoại giao ở LHQ Trung-Hoa còn rất khôn khéo với các nước có dầu khí: cho vay với lãi suất nhẹ, xây cất cầu cống đường sá, cung cấp điện nước, bãi nợ cho Phi-châu, lập cư xá cho công chức —nói chung là những gì các nước Tây-phương không chịu hay không thèm làm.

Một cựu viên chức ngoại thương Trung-Hoa nói, "Trong tương lai gần, khó mà thấy Trung-Hoa có những hành động quân sự, chính trị, ngoại giao gắn liền với an ninh về dầu khí như thấy trong trường hợp Hoa-Kỳ." Hoa-Kỳ có lẽ không nghĩ như vậy.

MỐI BẬN-TÂM QUÂN-SỰ

Có những nhóm người Mỹ với ảnh hưởng rộng lớn vào chính quyền George W. Bush hiện tại — giới lãnh đạo bộ Quốc phòng và nhóm tân bảo thủ (néo-conservatives, xin xem *Phái Tân-Bảo-Thủ và Chính-Sách Ngoại-Giao Mỹ, Thế-Kỷ 21*, tháng Mười 2004, và *Chính-Sách Ngoại-Giao: Bốn Năm Tới, Thế-Kỷ 21*, tháng Ba 2005, cùng người viết)— hay la hoảng về mối đe dọa từ Trung-Hoa, với ý là đe dọa quân sự.

A. Gia tăng ngân sách

Trung-Hoa đang phát triển quân sự với một ngân sách gia tăng mười phần trăm hoặc hơn nữa mỗi năm. Gần đây Bắc-Kinh lại có thái độ rất gây hấn về vấn đề Đài-Loan, thông qua luật lệ ngăn cấm tách rời tự trị (secession) nhằm vào Đài-Loan, và có lẽ cả Hương-Cảng nữa. Bắc-Kinh vẫn xem Đài-Loan như một tỉnh thuộc Trung-Hoa, nhưng việc đưa ra luật mới làm Đài-Loan và Âu-Mỹ tức giận và hoảng sợ. Một số nhà quan sát chính trị nhận xét Trung-Hoa có gia tăng ngân sách quốc phòng thật, nhưng đây lại rất nhỏ, và chỉ bằng khoảng mười phần trăm ngân sách quốc phòng hơn bốn trăm tỉ của Hoa-Kỳ.

Nếu theo như lời bộ Quốc phòng trình bày trước quốc hội Trung-Hoa có tham vọng lâu dài nhằm trải rộng quyền lực khắp lục địa châu Á, và giới lãnh đạo "có thể sẵn sàng sử dụng vũ lực để lấy thế thượng phong ngoại giao, lợi thế an ninh hoặc giải quyết những tranh chấp." Bộ Quốc phòng tuyên bố Trung-Hoa đang nhìn qua khỏi vấn đề Đài-Loan và những gia tăng trang bị quân sự có mục tiêu bành trướng thế lực Trung-Hoa trong vùng. Một lý do báo cáo này bị chậm trễ là bởi bộ Quốc phòng muốn gồm trong báo cáo ý kiến của bộ Ngoại giao, Hội đồng an ninh quốc gia cùng nhiều sở bộ khác cho báo cáo mạnh thêm để sửa soạn ngân sách quốc phòng vĩ đại hơn nữa trong vòng bốn năm tới —nhất là ngân sách lớn lao dành cho vũ khí dùng trong chiến tranh qui ước khác với ngân sách chống khủng bố nổi dậy. Một viên chức cao cấp bộ quốc phòng nói, "Nếu nhìn vào báo cáo của không lực Mỹ, tất cả [lý do gia tăng ngân sách] đều là Trung-Hoa, Trung-Hoa, Trung-Hoa."

Bộ quốc phòng cũng nhấn mạnh những bận tâm về sức mạnh của Trung-Hoa trên biển cả: gia tăng số lượng tầu chiến, tầu ngầm, máy bay phản lực và hỏa tiễn trong thập niên tới. Báo cáo đưa ra một kết luận: " Khuynh hướng hiện đại hóa sức mạnh quân sự cho Trung-Hoa khả năng thực hiện một loạt những hoạt động quân sự đi quá khỏi Đài-Loan và đe dọa nguyên vùng châu Á."

Báo cáo ước lượng Trung-Hoa có thể sử dụng chín-mươi tỉ vào ngân sách quân sự —khác hẳn con số ba-mươi tỉ trình làng— và ngân sách này đưa Trung-Hoa lên hàng thứ ba trên thế giới cũng như thứ nhất ở châu Á về chi tiêu quốc phòng. Phần lớn "ngân sách bí mật" này được dùng để mua sắm vũ khí cực kỳ tối tân từ Nga và Do-Thái.

Nhưng tham vọng của Trung-Hoa cũng bị hạn chế bởi thực tế chưa vượt qua được: hạm đội hải quân trên mặt nước chưa đủ sức đi quá hải phận Trung-Hoa; Trung-Hoa chưa có hàng không mẫu hạm và phần lớn máy bay không có khả năng hoạt động tầm xa vì chưa làm được chuyện tiếp vận nhiên liệu khi đang bay. Viên chức Ngũ-Giác-Đài tin rằng giới chiến lược quốc phòng Trung-Hoa có đủ kiên nhẫn chờ đợi thời cơ thực hiện các cải thiện quân sự cần thiết để nới rộng tầm hoạt động và ảnh hưởng nhằm tranh thủ nhiên liệu chiến lược như dầu hỏa, khí đốt và những kim loại kỹ nghệ. Viên chức cao cấp bộ quốc phòng nói trên giải thích, "Nhiều người nghĩ rằng họ chú mục vào phát triển kinh tế, rằng họ chỉ muốn thành người cộng sản béo mập và thỏa mãn. Ta cần phải nhấn mạnh 'cẩn thận đó!' vì họ có lý thuyết riêng biệt về quyền lực quốc gia toàn diện."

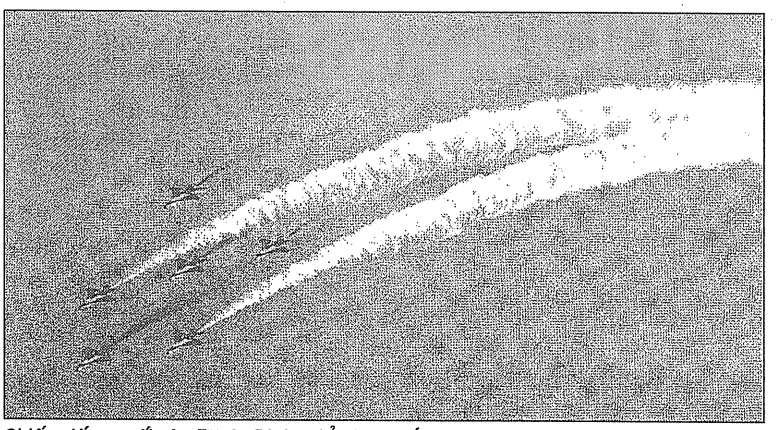

Chiến-đấu-cơ tối-tân F7-G: Phát-triển kinh-tế giúp Trung-Hoa phương-tiện gia-tăng và hiện-đại-hóa quân-lực đứng hàng thứ ba trên thế-giới.

Các viên chức Trung-Hoa vẫn nhấn mạnh là nhà nước không có ý bành trướng, đe dọa những nước láng giềng hay làm mất ổn định trong vùng. Những hoạt động quân sự mới chỉ là biện pháp nhằm cảnh cáo ngăn chặn chuyện Đài-Loan muốn đi đến độc lập. Giới quân sự Trung-Hoa giải thích Bắc-Kinh gia tăng ngân sách quốc phòng cho tương xứng với mức phát triển kinh tế; ngân sách này chỉ bằng một phần nhỏ ngân sách quốc phòng Mỹ; và ngân sách cần thiết để hiện đại hóa lực lượng quân sự nói chung còn hủ lậu về mặt kỹ thuật, khí cụ và tiếp liệu. Nhưng giữa tháng Bẩy qua tướng Zhu Chenghu, một khoa trưởng viện Đại-học Quốc-phòng Trung-Hoa tuyên bố rất nghiêm chỉnh là nếu Hoa-Kỳ tấn công Trung-Hoa để bảo vệ Đài-Loan, Trung-Hoa sẽ đáp ứng với vũ khí nguyên tử. Báo cáo của Ngũ-Giác-Đài cho biết phần lớn chiến lược quốc phòng Trung-Hoa hầu như rút từ những hướng dẫn của thủ tướng Đặng-Tiểu-Bình đầu thập niên 1990. Hướng dẫn này có tên là "Chiến-lược Hai-mươi-bốn Đức-tính," theo đó nhà chiến lược quân sự phải "quan sát một cách bình tĩnh khách quan; củng cố vị thế mình; đối phó một cách bình thản; che giấu khả năng mình; và biết chờ thời."

B. Tham vọng quân sự

Theo ông Roger Cliff, một chuyên viên về Trung-Hoa thuộc viện nghiên cứu uy tín RAND Corporation ở California, Hoa-Thịnh-Đốn không thể coi thường việc Trung-Hoa đang tiến tới vị thế đại cường quân sự với khả năng đương đầu với Hoa-Kỳ, nhất là vì vấn đề Đài-Loan.

Từ cuối thập niên 1970, khi Trung-Hoa bắt đầu đi vào kinh tế thị trường, cho tới cuối thập niên 1980, khi Trung-Hoa có dư thừa tiền bạc để dồn vào quốc phòng, và nhất là từ sau năm 1997 ngân sách quốc phòng tăng đều đặn hơn mười phần trăm một năm

Trung-Hoa dùng ngân sách này để hiện đại hóa quân lực và thực hiện những thay đổi chiến lược. Thay vì sửa soạn cho "chiến tranh nhân dân" sử dụng kỹ thuật thấp kiểu du kích chống lại xâm lấn Trung-Hoa đang chuẩn bị cho chiến tranh qui ước ở nguyên cả một vùng với vũ khí kỹ thuật cao —những xung đột ngắn và mạnh mẽ như chiến dịch Desert Storm chống Iraq ở vùng vịnh dầu hỏa năm 1991. Về mặt trang bị Trung-Hoa đang sử dụng máy bay, tầu chiến, xe tăng và hỏa tiễn tối tân mua từ Nga. Kỹ nghệ quốc phòng Trung-Hoa cũng sản xuất vũ khí có phẩm chất rất cao nhờ tiến bộ kỹ thuật và thêm viện trợ kỹ thuật

từ Nga và Do-Thái.

Chiến cụ mới bao gồm chiến đấu cơ J-10 có khả năng ngang hàng với loại F-16 của Hoa-Kỳ; diệt lôi hạm loại Luyang ngang hàng với tầu cấp Aegis; các tầu ngầm tấn công nguyên tử mới; hệ thống hỏa tiễn phòng không ngang hàng với hệ thống Patriot; xe tăng kiểu 98 ngang hàng với xe tăng căn bản của Tây phương; và hỏa tiễn mang đầu đạn tầm trung rất chính xác. Trung-Hoa cũng tập dượt binh sĩ gắt gao và gia tăng phẩm chất nhân sự trong quân lực. Thao dượt quân sự hoàn hảo và hiện thực hơn. Giới quân sự bắt đầu tuyển chọn người lấy từ các đại học dân sự để huấn luyện thành sĩ quan chỉ huy, và cấp lính tráng cũng phải có trình độ lớp tám tối thiểu. Chẳng bao lâu quân lực Trung-Hoa sẽ xứng đáng vị trí quân lực một đại cường có khả năng và uy tín khắp thế giới. Hiện nay Trung-Hoa cần đầu tư thêm vào hàng không mẫu hạm, máy bay bỏ bom hạng nặng, tầu đổ bộ binh sĩ có tầm hoạt động xa, máy bay chuyển vận quân sự, và hệ thống vệ tinh gián điệp và truyền thông có khả năng toàn cầu.

Ông Cliff cũng đưa ra một số giả thiết đặt trên các dữ kiện hiện tại. Trung-Hoa có vẻ như nhắm ưu tiên vào những nước cận kề, nhất là Đài-Loan. Bắc-Kinh tích cực phát triển quân lực hùng mạnh để thuyết phục Đài-Bắc chấp nhận thống nhất với lục địa —và đủ hùng mạnh để đánh bại mọi khả năng bảo vệ đồng minh của Hoa-Thịnh-Đốn. Hiện nay Hoa-Kỳ có cơ thắng thế nếu giao tranh bùng nổ, nhưng hai-mươi năm nữa là chuyện khác hẳn.

Dù không giao tranh trực tiếp vì Đài-Loan, hai nước có thể chuyển qua hướng cạnh tranh kiểu Chiến-tranh Lạnh giữa Hoa-Kỳ và Nga Xô-viết một nửa thế kỷ vừa qua. Cái ẩn số hiện nay là mức ổn định và ý thức hệ lâu dài ở Trung-Hoa. Trung-Hoa phải đương đầu với nhiều thử thách chính trị, xã hội và kinh tế. Thử thách chính trị như kiểu những đòi hỏi tự do dân chủ thời 1989 ở Thiên-An-Môn phần chắc sẽ xảy ra, đi cùng với những cởi mở và tiến bộ về kinh tế. Những hệ quả từ đây, khác với Thiên-An-Môn, chưa biết sẽ đưa đến đâu.

Trung-Hoa cũng có thể phát triển một hình thức dân chủ ôn hòa, cạnh tranh trực tiếp nhưng hòa hoãn với Hoa-Kỳ như liên hệ vẫn thấy giữa Hoa-Thịnh-Đốn và Ba-Lê: thỉnh thoảng va chạm sẽ xẩy ra, nhưng không đến độ đe dọa an ninh đôi bên.

Một giả thiết khác là trật tự xã hội và mức kiểm soát của nhà nước có thể suy thoái đến độ làm chậm lại mức phát triển kinh tế. Tình trạng này sẽ làm giảm tài nguyên giúp bành trướng quân lực và quốc phòng; nhưng nó cũng đẩy Trung-Hoa đến mức bất ổn cùng nhiều hệ quả khó lường: Trung-Hoa có thể phản ứng rất hung hãn dù chưa đủ sức thách đố thế thượng phong quân sự của Hoa-Kỳ ở Đông-Á.

Trung-Hoa cũng rất có thể tiếp tục khuôn mẫu hiện thời: gặt hái những tiến bộ kinh tế và kỹ thuật ở mức độ nhanh dù chính quyền vẫn liên tục giữ quyền kiểm soát chặt chẽ, nhất là về mặt chính trị xã hội.

Các nhà chiến lược và giới chính trị Mỹ chắc cũng nhìn được những giả thiết này trên mặt lý thuyết. Về mặt thực tế chính trị phản ứng Mỹ xem ra không mấy thuần lý: chưa gì cả hai phía Cộng-hòa lẫn Dân-chủ đã ra mặt lo sợ và dấy lên ác cảm với những thành công của Trung-Hoa. Triển vọng thêm hàng trăm triệu người Trung-Hoa ra khỏi bần hàn cả thế kỷ để đạt đến mức no ấm trung lưu khiến người Dân-chủ khó chịu, dù họ luôn luôn nhắc nhở đến công bằng xã hội và kinh tế. Người Cộng-hòa —chuyên đề cao cổ võ kinh tế thị trường tự do khi giới tư bản Mỹ khống chế thị trường thế giới— lại cuống cuồng lo sợ và hung hăng phản đối việc Trung-Hoa trả giá cao gấp bội công ty Chevron để mua công ty dầu Unocal hạng trung của Mỹ. Cả hai nhóm cho thấy, như việc nước Mỹ xỉ vả thành công kinh tế Nhật-Bản thời thập niên 1980, rằng người Tây-phương có thể tin cậy được khi họ nắm hết sức mạnh và quyền uy kinh tế thế giới, còn người Á-châu thì chẳng đáng tin chút nào —dù sức mạnh kinh tế của họ mới hó hé ra thôi!

Người châu Á, như người Trung-Hoa hiện nay, có lẽ rất hoang mang rối trí vì từ hai thế kỷ qua họ đã nghe người Tây-phương thuyết giảng về cái hay cái đẹp của tự do mậu dịch khi những người này đến chiếm nước họ; nay người Tây-phương như phủ nhận điều họ nói hoàn toàn khi người châu Á chịu khó học hỏi và đi lần được tới chỗ mậu dịch tự do. Người Trung-Hoa có lẽ ngạc nhiên hơn hết vì Hoa-Kỳ xua quân xâm chiếm Iraq với mức dầu dự trữ hàng thứ nhì trên thế giới mà không có lý do chính đáng nào hết, trong khi người Trung-Hoa trả giá cao bằng tiền hợp pháp để mua một công ty dầu thì bị giới chính trị Mỹ tẩy chay gạt bỏ hoàn toàn.

Qua cái nhìn của giới chính trị, kinh tế và truyền thông Mỹ, Trung-Hoa hiển nhiên là đe dọa lớn.

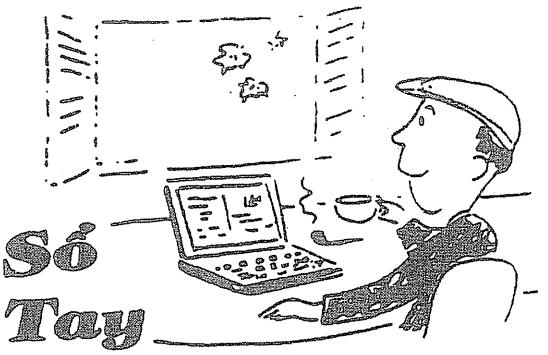

NGÔ NHÂN DỤNG

KHI NGƯỜI DÂN ĐƯỢC NẾM MÙI TỰ DO

Ngày 13 tháng 12 năm 1981, chính phủ cộng sản ở Ba Lan tuyên bố tình trạng thiết quân luật, đặt phong trào công đoàn Đoàn kết ra ngoài vòng pháp luật để ngăn chặn không cho phát triển. Cuộc thí nghiệm cởi mở, đối thoại và tự do ở Ba Lan chấm dứt. Xe tăng kéo ra đầu đường với họng súng đe dọa. Báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình lại trở về lề thói làm việc cũ. Các bản tin không còn quan tâm đến những tin tức có thật nữa, những tin bất lợi bị bỏ qua, công tác thông tin chỉ nhằm mục đích tuyên truyền cho chế độ.

Người dân Ba Lan đã phản ứng như thế nào?

Ở nhiều làng nhỏ người dân bảo nhau cứ đúng 7 giờ 30 tối, là lúc bắt đầu bản tin chính trong ngày, mọi người khoác áo lạnh ra khỏi nhà. Những người nuôi chó thì dẫn chó đi dạo trong công viên giữa làng. Đó là một phương pháp phản đối bằng im lặng. Người dân Ba Lan đưa ra một thông điệp: Chúng tôi không tin các ông! Chúng tôi đòi được thông tin trung thực, khách quan.

Ở thành phố cảng Gdansk, nơi phát sinh phong trào Đoàn Kết, người dân không những từ chối không coi tin tức trên ti vi, cứ đến giờ có bản tin là họ đem máy truyền hình đặt trên bệ cửa sổ, nhìn ra đường, và máy tắt ngấm, màn ảnh tối đen. Tất cả mọi nhà đều như vậy! Họ cũng gửi một thông điệp cho nhau, và cho đảng Cộng Sản Ba Lan: Chúng tôi không tin các ông. Chúng tôi đòi tự do thông tin, tự do ngôn luận! Và chúng tôi đoàn kết với nhau trong cuộc phản kháng tập thể này.

Trên đây là một hiện tượng hy hữu, độc nhất vô nhị, chỉ diễn ra ở Ba Lan, tám năm trước khi chế độ cộng sản ở đó tự lùi bước nhường lại chính quyền cho phe đối lập để tổ chức bầu cử tự do. Ở Việt Nam không thể diễn ra một phong trào phản kháng tập thể như vậy, ở Trung Quốc cũng không.

Nhưng chúng ta không thể kết luận rằng dân Ba Lan mới là một dân tộc anh hùng, dũng cảm, còn dân Việt Nam hoặc Trung Hoa không có ý thức tự do hoặc đều hèn yếu không dám tỏ ý muốn đòi tự do.

Điều khiến dân Ba Lan bỗng dưng đoàn kết với nhau trong phong trào phản đối trong im lặng, là vì họ đã trải qua một khoảng thời gian ngắn được thí nghiệm với lối sống tự do, lúc chính quyền cộng sản còn chịu thượng thuyết với Công đoàn Đoàn kết. Trong thời gian đó, ngay giới truyền thông do nhà nước nuôi nấng và kiểm soát hộ khẩu, tem phiếu cũng chứng tỏ đức can đảm của họ. Có những chương trình phát thanh như "60 phút mỗi giờ" mời các giới trí thức tới thảo luận, đặt những vấn đề thời sự sôi bỏng, nói lên các ý kiến thẳng thắn. Sau ngày 13 tháng 12, 1981, chương trình đó im bặt. Nhưng một khi đã được nếm mùi tự do, người ta rất khó quên. Nhiều người sinh ghiền, muốn được tự do nghe, tự do nói nhiều hơn. Và người ta thường đòi hỏi thêm những quyền tự do khác: tự do hội họp, tự do ứng cử và bỏ phiếu.

Các chế độ độc tài biết như vậy. Cho nên họ thường bóp nghẹt các phong trào đòi tự do ngay từ trong trứng nước. Thiên An Môn, ngày 4 tháng 6 năm 1989 là một thí dụ. Những cuộc biểu tình của nông dân Việt Nam ở Thái Bình, ở Thọ Đà, các vụ dân kéo tới ăn vạ ở Ba Đình cũng bị dẹp tắt vừa bằng thương thuyết, mua chuộc, vừa bằng võ lực, đàn áp.

Ở nước ta hiện nay có một phong trào đòi dân chủ. Các nhà trí thức ở Hà Nội, Sài Gòn, Đà Lạt, vân vân, lên tiếng đòi phải được bầu cử tự do, thông tin tự do, lập hội tự do, và ngay cả một cái quyền tự do đặc biệt là tự do "giúp đảng và nhà nước chống tham nhũng." Khi những ông Trần Khuê và Phạm Quế Dương khởi xướng lập ra cái hội mang tên này, họ muốn thử thách chế độ về một quyền tự do cơ bản, là quyền tự do lập hội, tự do hội họp. Họ nêu lên một mục tiêu rất rõ ràng, minh bạch, lành mạnh và hữu ích cho quốc gia. Không những thế, họ còn tỏ ý muốn cộng tác, giúp đỡ đảng cầm quyền. Nhưng những người cầm quyền ở Việt Nam đã bất chấp bản hiến pháp của họ, trong đó các quyền tự do được đề cao. Không những cấm đoán người ta lập hội, chế độ cộng sản còn truy tố các ông Trần Khuê và Phạm Quế Dương ra tòa, lúc đầu vu cho tội gián điệp, rồi rút lại, kết tội "lợi dụng các quyền dân chủ tự do." Kết án như vậy cũng không khác gì kết án những người dân đói khát ở Bắc Hàn cái tội căn nhiều quá sinh bệnh mập phì!

Nhưng chế độ cộng sản đã mạnh tay với các

ông Trần Khuê và Phạm Quế Dương, cũng như đối với Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Hòa thượng Thích Quảng Độ, mục sư Phạm Hồng Quang, vân vân. Vì họ không muốn ai được nếm thử một chút tự do nào! Coi chừng, "tự do" có một thứ vi trùng hay lây!

CHẾ ĐỘ CỦ KHOAI, TÒA ÁN CỦ KHOAI

Bây giờ các ông Trần Khuê và Phạm Quế Dương lại đặt chế độ cộng sản ở nước ta trước một thử thách mới. Họ đệ đơn kiện tờ báo của những người làm công tác tư tưởng, văn hóa của đảng Cộng sản. Họ kiện cả cái ban Tư tưởng, Văn hóa về việc kết tội họ làm gián điệp, trước khi họ bị đưa ra tòa, mà khi ra tòa thì chính tòa án cũng không bỏ xét đến cái tội đó!

Phải biết Ban Tư tưởng Văn hóa là thành trì biểu tượng cho trình độ văn minh của chế độ. Muốn biết chế độ đạt tới trình độ nào, cứ coi Ban Tư tưởng Văn hóa hành xử ra sao. Trong thế giới loài người văn minh, những người chưa bị tòa kết án thì được coi là không có tội. Người làm báo ở các xứ văn minh cũng phải tôn trọng quy tắc đó. Người ta không được gọi tên "thủ phạm vụ đặt bom ở xe điện ngầm London," mà luôn luôn gọi "người bị tình nghi đặt bom, ..." Cũng không nói đến "hung thủ ám sát hụt ông Xe đò Hoàng" ở California, mà phải gọi là "kẻ tình nghi ám sát hụt, ..." Đó là dấu hiệu của trình độ văn minh, không cứ trình độ một người làm báo, mà trình độ văn minh của cả nghề truyền thông, cả xã hội chung quanh.

Còn ở Việt Nam, hai nhà trí thức chỉ xin lập hội giúp đảng và nhà nước chống tham nhũng, mà cũng bị Ban Tư tưởng Văn hóa bêu riếu cái tội làm gián điệp. Đó là một tội có thể kết án tử hình. Không những thế, người bị ghép tội sẽ bị mọi người chung quanh chê cười, khinh bỉ. Nếu văn minh thì khi tòa án chưa tuyên bố, không được ghép ai vào cái tội đó. Nếu Ban Tư tưởng Văn hóa của một đảng cầm quyền không biết tới cái quy tắc sơ đẳng về luật pháp văn minh này, thì nó cũng phô bầy luôn cái khuôn mặt của cả chế độ. Cho nên nộp đơn kiện là một cách vạch rõ trình độ văn minh của những kẻ cầm quyền, xem họ làm đẹp hay chỉ làm xấu mặt của cả dân tộc.

Nhiều người sẽ nói đây là một vụ "kiện củ khoai." Cái kiến mày kiện củ khoai, kiện vô ích, sẽ chẳng đi đến đâu cả.

Nhưng khi cái củ khoai đó lại là cả một cái đảng cầm quyền, nắm toàn quyền sinh sát trên 80 triệu con người Việt Nam, thì dù mình là thân phận con ong cái kiến, cũng nên đi kiện. Kiện, không cốt để thắng và được bồi thường, mà cốt để đặt một câu hỏi mới trước mặt cả cái Đảng Củ Khoai và đồng bào trong nước. Câu hỏi là: Nền tư pháp của chế độ các ông các bà nó như thế nào, hãy phơi bầy hết coi! Nếu đây là một tòa án văn minh, thì hệ thống tư pháp sẽ phải thụ lý, sẽ điều tra, sẽ đem ra xử, gọi nhân chứng, có luật sư hai bên tự do biện hộ, và xử theo pháp luật. Ngược lại, một chế độ củ khoai sẽ chỉ có những tòa án củ khoai, hệ thống tư pháp củ khoai sẽ ỉm đi không xét tới đơn kiện của hai nhà trí thức.

Hai ông Trần Khuê và Phạm Quế Dương chứng tỏ đức can đảm không thua những người dân Ba Lan phản kháng chế độ bóp nghẹt tự do. Các ông đã thử thách chế độ coi họ có tôn trọng quyền tự do lập hội hay không. Cũng thử thách coi chế độ có thực tâm chống tham nhũng hay không. Bây giờ hai cụ già trên 70 tuổi này lại tự đem thân làm vật thí nghiệm, coi cái hệ thống luật pháp và tòa án của chế độ ra sao, sau 20 năm "đổi mới."

Một thước đo của trình độ văn minh của một chế độ là cách nó đối xử với người dân bị trị. Người cầm quyền một nước văn minh có lòng tôn trọng người dân, ít nhất, coi mỗi người dân đều có phẩm giá, mỗi người đều có những quyền tự do tối thiểu. Còn một chế độ củ khoai thì cũng coi những người dân bị trị như những củ khoai, không có giá trị nào cả. Không những họ đối sử như vậy với người dân trong nước, mà ngay cả khi người dân ra khỏi nước, cũng không thay đổi. Hãy coi thí dụ các người Việt sống ở Đài Loan.

THÀNH TÍCH 20 NĂM ĐỔI MỚI

Chế độ này ở Việt Nam đang hội thảo về thành tích 20 năm đổi mới kinh tế. Một thành tích rõ rệt nhất là nhờ Đảng Củ Khoai đổi mới cho nên mới có hàng trăm ngàn phụ nữ Việt Nam được xuất khẩu đi làm vợ người ta ở Đài Loan, ở Trung Quốc, Hàn quốc, và cả bên Cam Bốt nữa.

Gần đây có vụ những phụ nữ Việt Nam bị bán sang Đài Loan đã bị cưỡng hiếp tàn bạo. Khi một tổ chức thiện nguyện của người Việt Nam sống ở Đài Loan tìm cách cứu giúp các phụ nữ này, thì họ bị các người đại diện của chế độ củ khoai ngăn cản một cách công khai. Trong khi các nạn nhân được giúp đỡ mời các nhà báo địa phương tới nghe thảm cảnh của họ, thì tòa đại diện của chế độ củ khoai cũng họp báo phản lại. Họ chỉ họp báo để tuyên bố rằng tổ chức từ thiện trên không có quyền đại diện cho những nạn nhân, vì các nạn nhân này là do

đảng và nhà nước làm môi giới bán đi để thâu thuế thì cũng phải do đảng và nhà nước đó độc quyền quản lý! Nhưng chính quyền Đài Loan cũng như báo giới ở đó đã đạt tới một trình độ văn minh hơn. Họ bác bỏ luận điệu trên, vì họ công nhận con người dù quốc tịch nào, dù cư trú ở đâu, cũng có quyền cứu giúp nhau trong cơn hoạn nạn! Cả cái văn phòng đại diện của chế độ đã phơi bầy cái trình độ hiểu biết về nhân quyền và nhân phẩm ở mức độ man di đáng xấu hổ.

Trong khi đó, các nhà báo ở Việt Nam đã tìm được các nguồn tin để viết, trình bầy tình trạng đau khổ của các cô dâu bị đem bán sang xứ người. Các bài báo đã gây xúc động lớn, nhưng quan trọng nhất là giúp cảnh báo các cô dâu tương lai, khi tính cuộc vuông tròn với chàng rể nước ngoài cũng phải dò cho tới ngọn nguồn lạch sông! Bỗng dưng, các bài phóng sự bị ngưng, không còn các chi tiết xác thực và đầy đủ nữa. Một người làm báo ở Sài Gòn đã thành thật tiết lộ: Cả những nguồn tin của tờ báo, các người Việt đang sống ở Đài Loan cũng bị cấm đoán! Các công nhân xuất khẩu lao động hay các sinh viên đều bị đe dọa sẽ bị bá cáo về trong nước, nếu cung cấp các tin tức đầy đủ về thảm cảnh của các "cô dâu" cho các báo trong nước! Cánh tay nối dài của chế độ củ khoai đã bịt mồm bịt miệng ngay cả những nguồn tin là đồng bào đang sống ở tận Đài Loan! Phải bịt mồm bịt miệng người ta, vì chế độ cần bảo vệ các thành tích 20 năm đổi mới kinh tế, trong đó có thành tích xuất khẩu lao động và xuất cảng cô dâu! Trên hết, họ sợ mất mối làm ăn sinh lợi trong nghề xuất cảng cô dâu đi xứ người. Mất mối lợi đó có thể làm cho các chỉ số kinh tế bị giảm sụt, thành tích sẽ xấu đi!

Khi một chế độ đối xử với những đồng bào, đồng chủng của mình như vậy, người ta có thể im lặng mãi hay không? Im lặng là mặc nhiên công nhận cách ăn ở tàn tệ giữa người với người như vậy là bình thường! Là coi chuyện một chế độ buôn bán người phụ nữ để ăn huê hồng là chuyện bình thường! Coi chuyện độc quyền quản lý thân xác đồng bào, danh dự đồng bào, ngay khi họ sống ở ngoại quốc, và không cho đồng bào được tự do cứu giúp nhau, cũng là chuyện bình thường!

Nhưng người Việt Nam không coi đó là chuyện bình thường. Tổ tiên chúng ta coi lối hành sử đó là một điều nhục nhã. Khi các công nhân xuất khẩu của nước ta bị đối xử tàn ác ở Samoa, tất cả các tổ chức và những tờ báo của người Việt ở nước ngoài đều xúm lại bênh vực và cứu giúp họ. Đó mới là cách cư sử bình thường của người Việt Nam với nhau!

Cho nên chúng ta cũng không thể làm ngơ trước những cố gắng của các ông Trần Khuê và Phạm Quế Dương, khi quý ông đứng ra kiện vụ tờ báo mạ lỵ, phỉ báng danh dự họ. Dù vụ kiện của họ không đưa tới kết quả nào, đây cũng là một hành động để phơi bầy trình độ văn minh của một chế độ củ khoai, với hệ thống tư pháp củ khoai của họ.

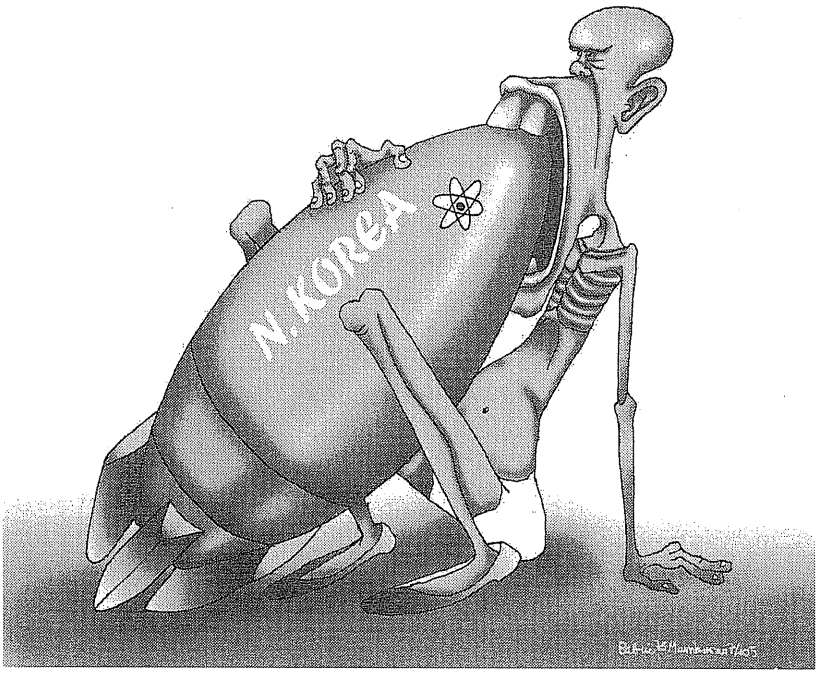

NÊN THAY ĐỔI HIẾN PHÁP

Ngày Thứ Hai 11 tháng 7 năm 2005, khoảng ba trăm người đàn ông ở một làng trong huyện Khai Nguyên tỉnh Hà Bắc đã dùng súng, gươm, và gậy gộc tấn công một khu đất bị trưng dụng. Quân đội và công an cộng sản đã đàn áp, giết chết sáu người,

làm bị thương gần 50 người. Sau đó hơn 100 người bị bắt, nhưng hai cựu bí thư đảng cộng sản cấp xã và huyện cũng bị giữ để điều tra. Nguyên ủy vấn đề là việc trưng dụng đất của nông dân mà bồi thường không thỏa đáng vì các ấp ủy tham nhũng. Một cuộc biểu tình và tấn công vào khu đất này đã xẩy ra trong tháng Tư vừa qua, nhưng không được giải quyết, đã dẫn tới biến cố này.

Mỗi năm ở Trung Quốc có hàng chục ngàn cuộc biểu tình bạo động như vậy. Trên bề mặt, người ngoại quốc chỉ được thấy các chỉ số kinh tế của Trung Quốc cứ tiếp tục tăng lên năm này sang năm khác. Nhưng bên dưới những con số đó là những đợt sống ngầm đe dọa bùng lên, vì nông thôn Trung Quốc vẫn chịu hai cái nạn cường quyền và tham nhũng. Một hậu quả của việc cải tổ kinh tế ở Trung Quốc là xã hội ngày càng bất công, hố chênh lệch ngày càng sâu thêm giữa thành thị và nông thôn, giữa các nhà tư bản đỏ với công nhân, và giữa giới cán bộ nắm quyền và nông dân.

Giới lãnh đạo Đảng Cộng Sản Trung Quốc biết họ đang ngồi trên một ngọn núi lửa có thể bùng nổ bất cứ lúc nào vì những vụ bạo loạn như vậy. Và họ có chính sách phản ứng cấp tốc; một mặt đàn áp tất cả những vụ bạo động một cách tàn nhẫn; mặt khác, trừng phạt ngay các cán bộ bị dân chống đối. Đã có những bí thư thành ủy, tỉnh ủy bị xử tử hình vì tham nhũng, để "yên bụng dân," như ở Bắc Kinh, Phúc Kiến. Có thể nói là chế độ cũng theo một chiều hướng tiến tới "dân chủ," vì người cầm quyền đã đáp ứng trước những bất mãn và đòi hỏi của người dân bị trị. Nhưng cách đối sử với người dân như vậy thì cũng không khác gì với chế độ quân chủ đời xưa. Vua quan dưới các triều đại Đường, Tống, Minh, Thanh cũng thường giải quyết các xáo trộn xã hội theo lối đó. Như vậy thì không thể nói chế độ cộng sản bây giờ là một chế độ dân chủ, theo nghĩa thông dụng ở thế kỷ 20 và 21 này.

Từ hai chục năm nay, đảng Cộng Sản Việt Nam cũng thay đổi theo những bước mà Cộng Sản Trung Quốc đã đi qua, đổi mới từng bước một, sau Trung Quốc hàng chục năm, với tốc độ cũng chậm hơn. Ở Việt Nam cũng có những vụ nông dân biểu tình bạo động tương tự, từ Thái Bình tới Vĩnh Phú. Nhưng người dân thành thị ở Việt Nam hiện nay cũng bất mãn nhiều hơn người Trung Quốc vì những tệ nạn xã hội tràn lan, nhất là nạn ma túy đang tiêu hủy cả một thế hệ thanh niên. Đó cũng là một hỏa diệm sơn đang chờ bùng nổ.

Vì vậy, trong nội bộ đảng Cộng Sản Việt Nam cũng đang có những lời kêu gọi phải "dân chủ hóa." Một nhóm ký tên là "lão thành cách mạng" đã nêu lên hai nỗi "quốc nhục" của người Việt Nam. Quốc nhục thứ nhất, Việt Nam "vẫn thuộc loại nước nghèo khổ và lạc hậu nhất thế giới;" và quốc nhục thứ hai là nạn tham nhũng tệ hại nhất thế giới. Quý vị viết thư này nói đến cảnh nhân dân phải nộp thuế "nuôi bộ máy quá cồng kềnh to lớn của đảng Cộng Sản Việt Nam." Họ nói thẳng là "Đảng Cộng Sản Việt Nam không còn là lực lượng tiên phong ... và đã trở thành lực lượng kìm hãm (không cho) xã hội Việt Nam phát triển." Họ đưa ra những đề nghị để thay đổi chế độ, mà điều số 8 là đề nghị sửa đổi hiến pháp, trở về với tinh thần bản hiến pháp năm 1946. Đây là một lời yêu cầu đáng được hoan nghênh.

Bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam, năm 1946, ra đời lúc trong quốc hội có cả những đại biểu độc lập hoặc thuộc khuynh hướng quốc gia, đối lập với cộng sản. Lúc đó nước ta đương nhiên theo chế độ đa đảng. Trở lại với hiến pháp 1946 thì có thể thỏa mãn rất nhiều đòi hỏi trong các ý kiến đòi dân chủ hóa Việt Nam. Một đòi hỏi như đòi hủy bỏ điều số 4 trong hiến pháp hiện hành, sẽ không còn cần thiết nữa. Điều số 4 hiện nay công nhận đảng Cộng Sản đóng vai lãnh đạo đất nước, được thể hiện thành độc quyền lãnh đạo. Nhưng vào năm 1946 thì không có vấn đề độc quyền này, vì trên nguyên tắc lúc đó không có đảng Cộng Sản. Ông Hồ Chí Minh đã tuyên bố đảng ông tự giải thể, biến thành một "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác" để tính đánh lừa Mỹ và các nước tư bản trong phe thắng trận.

Gần đây, trên tạp chí *Thế Kỷ 21*, luật sư Nguyễn Xuân Phước đã chứng minh rằng tất cả các bản hiến pháp mà đảng Cộng Sản Việt Nam soạn ra từ năm 1959 đến 1992 đều không có giá trị, vì việc thay đổi không theo đúng điều kiện quy định trong hiến pháp năm 1946. Hiến pháp 1946 nói muốn thay đổi hiến pháp thì phải được đa số tuyệt đối trong quốc hội chấp thuận, rồi phải được toàn dân "phúc quyết." Năm 1959 đảng Cộng Sản đã cho dân chúng "học tập" về hiến pháp mới, nhằm công khai hóa chủ nghĩa Cộng Sản với chế độ vô sản chuyên chế dựa theo mô hình Mao Trạch Đông, nhưng dự thảo hiến pháp đó không hề được đem trưng cầu dân ý ở miền Bắc trước khi ban hành, mặc dù lúc đó không có chiến tranh. Người ta không thể tu chính một bản hiến pháp mà lại không theo đúng quy định về điều kiện sửa đổi. Làm như vậy là không hợp hiến, không hợp pháp. Một chế độ đặt nền tảng trên những văn bản lập hiến không có giá trị pháp lý thì cũng mất luôn tính cách chính

thống đối với nhân dân. Cho nên đề nghị trở về với Hiến pháp 1946 là một ý kiến có giá trị và rất xây dựng.

Những vị cách mạng lão thành đang yêu cầu trở về với Hiến pháp 1946 nên mở ra một phong trào thảo luận, bàn cãi và học hỏi về bản hiến pháp này, trong nhân dân cũng như trong nội bộ các đảng viên với nhau. Nhiều lãnh tụ cộng sản trong nước đang hô hào phải thực hiện "dân chủ hóa đảng." Cách thể hiện ý nguyện đó tốt nhất là các đảng viên được tự do thảo luận, học hỏi về bản hiến pháp đầu tiên của cả nước, mà các bản hiến pháp sau này đều tự coi là kế thừa. Nếu các đảng viên cộng sản trong nước có dịp nghiên cứu bản hiến pháp đó, họ sẽ thấy đòi hỏi trở về với gốc là điều hợp lý. Vì hiến pháp năm 1946 tiến bộ hơn hẳn những bản hiến pháp sau đó, nó thích hợp với cách tổ chức kinh tế theo lối thị trường, và mở cửa cho sự ra đời của xã hội công dân cũng như các sinh hoạt chính trị dân chủ.

"DÂN CHỦ TẬP TRUNG" LÀ MỘT DI SẢN MAO TRẠCH ĐÔNG

So với các bản hiến pháp sau thì hiến pháp 1946 không hề có chủ trương "dân chủ tập trung," một chủ trương theo Stalin, được Mao Trạch Đông đặc biệt áp dụng để thiết lập chế độ độc tài bên Trung Quốc. Căn bản của quan niệm này là lý thuyết Karl Marx cho rằng tất cả "lịch sử loài người là lịch sử cuộcđấu tranh giữa các giai cấp." Mao phê bình chế độ dân chủ ở Tây phương chỉ là một phương tiện để giai cấp tư bản thống trị giai cấp lao động. Cho nên, Mao sáng chế ra chủ trương "Tân Dân Chủ" với khẩu hiệu dân chủ tập trung, để làm ngược lại. Những bản hiến pháp do đảng Cộng Sản Việt Nam làm ra từ năm 1958 đều nhắm củng cố đường lối dân chủ tập trung theo lối Mao đó.

Nhưng trên thế giới bây giờ người ta đã thấy lý thuyết về lịch sử của Karl Marx là quá giản lược, thô thiển, phiến diện và đã lỗi thời. Dùng để thảo luận giữa các lý thuyết gia trong chốn trường ốc thì có thể cũng mua vui, nhưng đem ra áp dụng trong việc tổ chức quốc gia, xã hội thì chỉ gây tai hại. Điều tai hại trước mắt là chủ trương "dân chủ tập trung" khi đem thực hiện sẽ càng ngày càng tập trung, mà không thấy dân chủ đâu cả; cuối cùng thì chỉ có tập trung mà mất hết dân chủ. Không những họ không thể đối sử với dân theo tinh thần dân chủ, mà ngay trong đảng đối với nhau cũng không thể có dân chủ được.

Từ ông Lenin, ông Mao đến ông Hồ không ai chịu đọc và suy ngẫm về những phân tích của nhà xã hội học Robert Michels (1876 – 1936). Ông nghiên cứu các phong trào lao động ở Đức và thấy rằng những đảng cách mạng xã hội dần dần tập trung quyền lực trong đảng vào tay một nhóm nhỏ. Trong tình trạng đó, những kẻ theo chủ nghĩa cơ hội sẽ tìm cách len lỏi vào trong đảng, dùng mưu mẹo leo lên cao, chiếm lấy quyền lãnh đạo. Michels gọi đó là "định luật sắt của chế độ quả đầu."

Chủ trương "dân chủ tập trung" chỉ là một cách biện minh cho chế độ quả đầu, tức là một nhóm nhỏ đóng vai đầu đà bắt tất cả mọi người phải nghe lệnh họ. Khi ông Mao phát động cải cách ruộng đất, ông Hồ đem thi hành ở Việt Nam, họ đều nhân danh "dân chủ tập trung" để vượt qua các quy tắc pháp luật cũng như đạo đức. Các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, rồi tới Đỗ Mười, đều nhân danh "dân chủ tập trung" để ban phát hiệu lệnh. Hồi ký của Đoàn Duy Thành kể chuyện ông Đỗ Mười ra mật lệnh Z30 bảo các thành phố phải tịch thu tất cả những căn nhà hai tầng trở lên, nhưng chỉ ra lệnh miệng; đó cũng là "dân chủ tập trung" cả. Khi ông Thành đưa ông Đỗ Mười đi thăm thành phố Hải Phòng, ông Mười chỉ một ngôi nhà hai tầng hỏi là của ai, rồi ban lệnh tịch thu để làm lớp mẫu giáo! Miệng một người phát ra, lập tức trở thành quốc sách, thành luật pháp. Đó là biểu hiện của "dân chủ tập trung." Tứ Nhân Bang ở Trung Quốc cũng thực hiện "dân chủ tập trung" khi phát động cách mạng văn hóa, hành hạ, giết chết bao nhiêu nhà trí thức yêu nước. Bao sai lầm, thảm họa gây ra chỉ vì cái chủ trương "dân chủ tập trung" mà vị hoàng đế Trung Hoa tân thời Mao Trạch Đông đã dùng biện minh cho một chế độ độc tài khắc nghiệt nhất trong lịch sử nhân loại.

Cho nên, các đảng viên cộng sản, nhất là những vị lớn tuổi bây giờ không còn hệ lụy về danh, về lợi, hãy vận động xóa bỏ cái chủ trương "dân chủ tập trung" đi. Phải xóa bỏ tư tưởng phản động đó ngay trong hiến pháp. Nhưng muốn vậy, trước hết phải thay đổi cương lĩnh của đảng Cộng Sản. Trong kỳ Đại hội Mười sang năm, các đảng viên cộng sản Việt Nam hãy can đảm đoạn tuyệt với tư tưởng Mao Trạch Đông. Ở Trung Quốc người ta đang từ từ cởi những thứ áo mão của họ Mao rồi, không lẽ người Việt Nam vẫn cứ theo đuôi mãi mãi?

Đó là con đường giúp nước. Một đảng viên lão thành đã nhận định rằng trong lịch sử, sở dĩ dân tộc Việt Nam còn tồn tại đến hôm nay, "không bị đồng hóa, không bị tiêu diệt là nhờ truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết, hoàn toàn không phải

vì đấu tranh giai cấp." Và kết luận: "Đảng ta đề cao đấu tranh giai cấp là phá hoại truyền thống thiêng liêng của dân tộc ta," đó là lời ông Đặng Văn Việt ở Hà Nội, góp ý kiến chuẩn bị Đại hội X vào năm tới.

Mà hiện tại cả cái đảng mang tên Cộng Sản đó cũng không còn là cộng sản nữa. Ông Đặng Văn Việt viết: "những con người chuyên chính bây giờ đã thành hữu sản – lấy đâu ra vô sản mà chuyên chính? ... Vô sản kèm theo vô học, đã vô học thì làm thế nào lãnh đạo đất nước (với những người dân) có học được?"

Cuối cùng, phải thay đổi. Không phải thay đổi vì muốn theo Tây, theo Mỹ, nhưng cần thay đổi để cho đất nước thoát khỏi cảnh "là một nước nghèo nhất, đứng sau nối đuôi các nước Đông Nam Á" khác, như bức thư của ông Đặng Văn Việt tha thiết kêu gọi.

TẠI SAO CÁC TÍN ĐỒ HÒA HẢO PHẢI TỰ THIÊU?

Ở trong nước nhiều tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đã nguyện tự thiêu để đòi những quyền tự do hành đạo, sau khi đã có những vị khác tuẫn tiết vì lý tưởng tự do tôn giáo. Cuộc tranh đấu bắt đầu chỉ vì công an cộng sản đã tìm cách cấm cản nhiều người đến dự đám giỗ của một tín đồ Hòa Hảo đã chết sau khi ra khỏi nhà tù cộng sản. Cấm không được, họ đã theo dõi, bắt bớ và ra lệnh quản chế hàng trăm người tham dự buổi lễ. Đây là một chính sách của Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, hay là một hành động do các cán bộ địa phương quyết định? Đảng Cộng Sản đã gán cho những người đi lễ giỗ tội vi phạm luật lệ. Luật lệ nào?

Nếu vì phạm luật "cấm làm giỗ đông người" thì chắc lễ Giỗ tổ Hùng Vương cũng bị cấm! Nếu "làm giỗ không xin phép" mà bị công an phạt vạ thì chắc cũng không ai lại coi sự hành hạ, cấm cản đó là một lý do đáng tự thiêu để tỏ ý phản đối cả. Người Việt Nam không ai coi thường mạng sống như vậy. Hoàng Diệu ngày xưa đã tự ải để nhận trách nhiệm không giữ được thành Hà Nội. Phan Thanh Giản cũng tự sát để đền ơn nước vì sức mình không chống được ngoại xâm. Nếu không phải vì những lý do lớn, nếu không vì danh dự bị chà đạp, hoặc những nguyện vọng thiêng liêng của mình đã bị xúc phạm, thì chắc không ai phải lấy cái chết để chứng tỏ ý phản kháng của mình. Chỉ trong một xã hội thiếu công lý thì những người bị áp bức mới phải lấy cái chết để chứng tỏ tấm lòng trong sạch, ngay thẳng, tôn trọng công lý của mình.

Một người tự hy sinh tính mạng vì tôn giáo, đó không phải là chuyện nhỏ. Nhiều người quyết tâm theo gót, họ có thể tự thiêu bất cứ lúc nào; đó cũng không phải là chuyện nhỏ. Có quốc gia nào đang sống trong tình trạng như vậy hay không, ngoài các nước Iraq và Afghanistan?

Có thể nói ở nước ta đang có một cuộc khủng hoảng lớn trong đời sống xã hội và chính trị. Nhưng những người đang nắm quyền hành cao nhất trong nước không hề nói một tiếng nào về nỗi phẫn uất của người dân Hòa Hảo, khi các hành động của chính quyền đã khiến họ phải tự hy sinh để bầy tỏ nguyện vọng! Báo chí, các đài truyền thanh, truyền hình, cũng không ai dám nhắc tới, vì những người làm báo sợ mất chức, mất quyền lợi. Khi thế giới bên ngoài biết sự thật về các cuộc tự thiêu của các đồng bào Phật Giáo Hòa Hảo mà chính quyền và báo chí ở Việt Nam che đậy, họ sẽ nghĩ thế nào về các giá trị tinh thần, căn bản đạo lý của người Việt Nam? Chúng ta có cách nào chứng tỏ dân Việt Nam cũng là một dân tộc văn minh, ngàn năm văn hiến?

Nếu như nước ta có tự do ngôn luận thì chúng ta biết chắc chắn sẽ có hàng ngàn nhà báo đi về Miền Tây tìm hiểu nguyện vọng của những tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo. Ít nhất để hiểu tại sao có những người phải đi tìm cái chết cho niềm tin của họ được sống. Nếu có báo chí tự do, thì những cán bộ cộng sản ở địa phương không thể áp bức đồng bào đến mức người ta phải tự thiêu. Nếu đất nước có dân chủ, tự do thì cả đảng Cộng Sản cũng không dám bưng mắt, bịt tai coi như những vụ tự thiêu đó chỉ là chuyện nhỏ. Thực ra, nếu đất nước được sống dân chủ tự do thì đã không người nào bị áp bức đến nỗi phải chết như vậy!

Còn một phương diện khác, là nếu dân Việt Nam được sống tự do thì những người lãnh đạo cũng có can đảm nhận lỗi khi lỡ xúc phạm tới danh dự và quyền tự do của người khác, chứ không chỉ tìm cách bưng bít và vu cáo. Khi dân được tự do, chính tư cách những người lãnh đạo cũng được nâng cao lên. Người ta không sợ nhìn nhận các lầm lẫn, người ta cũng không sợ có bất đồng ý kiến. Người lãnh đạo được dân bầu thì làm gì cũng phải nghĩ đến ý dân. Vì thế mà người ta không dám cư xử ngoài các quy tắc đạo lý, phải bảo vệ danh dự của chính họ và của dân tộc họ, không dám quyết định bừa bãi. Buộc người lãnh đạo chịu sự phê phán của cử tri bằng lá phiếu một cách đều đặn là một thứ bảo hiểm, buộc họ phải giữ tư cách con người. Chính vì thế một dân tộc dễ được thế giới kính trọng hơn khi họ sống trong tự do dân chủ.

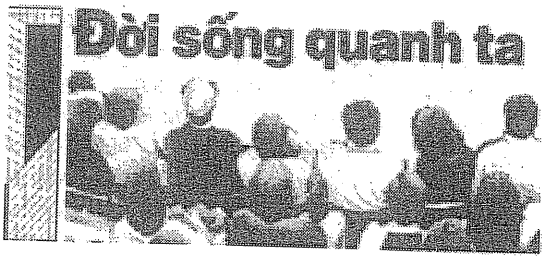

TRẦN QUÁN NIỆM

Lại chuyện chó

Ngày 3 tháng 8, 2005 giới khoa học gia sinh vật thuộc Nam Hàn hãnh diện tiết lộ, họ vừa đúc (clone) được một con chó (giống Afghan Hound), đặt tên là Snuppy. Snuppy được tạo ra bằng cách lấy một tế bào ở tai một con chó ba tuổi, cấy vào một trứng của một loài chó khác, sau khi đã hút hết đặc tính di truyền của trứng nguyên thủy.

Sau đó trứng được đặt vào dạ con của một chó cái khác nữa.

Chó cái mang trứng nhân tạo này đã sanh được hai con, nhưng một bị chết sau 22 ngày. Con còn lại, khoẻ mạnh được đem trình làng (xem hình).

Cũng cần nói thêm là từ trước đến nay người ta đã tạo được một số loài vật từ phòng thí nghiệm như cừu (Dolly, năm 1997), mèo, dê bò, chuột, lợn, thỏ, ngựa, nai, lừa và bò rừng (chưa thành công với khỉ, là loài có cấu trúc cơ thể giống loài người nhất).

Nhóm khoa học gia sinh vật Đại Hàn do khoa học gia Woo Suk Hwang dẫn đầu, đã thành công việc đúc chó lần đầu tiên. Đây là một tiến trình khá khó khăn, phức tạp vì đặc tính di truyền của chó được thiên nhiên chuyển đi một cách rắc rối tinh vi. Thành công của Đại Hàn đã đánh thắng nỗ lực của một nhóm khoa học gia sinh vật người Mỹ đang nghiên cứu bảy năm nay với phí tổn nhiều triệu Mỹ Kim về cố gắng đúc chó.

Để thành công với Snuppy, nhóm khoa học gia Nam Hàn cho biết, họ đã tạo 1,400 trứng và cấy vào 123 con chó (dĩ nhiên phải giải phẫu và không biết bao nhiêu chó chết). Trong 123 con, có ba con thụ thai, và như đã nói chỉ có Snuppy sống sót sau khi ra đời. Tuy nhiên tương lai của nó cũng chập chờn lắm. Còn nhớ cừu Dolly đã lão hóa mau chóng, bị bệnh tật, không có khả năng sinh sản và chết yểu sau khi sống được năm năm (tuổi thọ của cừu khoảng 10 đến 12 năm).

Nhân chuyện con người muốn giành quyền với thiên nhiên, người ta lại nhớ đến chuyện "Lá dó" (một loại lá tương tự lá dâu dùng để nuôi tằm) trong Cổ Học Tinh Hoa. Chuyện kể rằng, có người thợ khéo trong ba năm tỉa được một lá dó bằng ngọc mà mầu sắc, gân lá, lông tơ không khác gì lá thật, đem trộn chung với nhau, liếc qua không ai có thể thể phân biệt được lá nào thật, lá nào giả.

Người thợ đem dâng vua. Vua thích lắm, ban thưởng rất hậu.

Có người nghe chuyện than rằng: "Nếu thiên nhiên mà cứ 3 năm mới sinh được một chiếc lá thì trái đất này chẳng có bao nhiêu rừng cây."

Nhóm khoa học gia Đại Hàn hãnh diện vì công việc làm sau bao nhiêu năm cần cù trong phòng thí nghiệm, giết bao nhiêu là chó. Họ quên rằng, các con chó Afghan Hound chẳng cần có học vị Tiến Sĩ, chẳng cần ngày đêm cặm cụi, thế mà làm chuyện đúc giống này dễ ợt, không tốn hàng triệu Mỹ Kim mà lại còn thú vị tình thâm nữa là khác. Năm nào cũng cho ra một lũ chó con kháu khỉnh, khỏe mạnh, truyền giống từ đời này sang đời khác đã bao nhiêu triệu năm nay.

Thế mới biết đấng Tạo Hóa thật quyền năng, con người khó mà bắt chước. Cố gắng lắm, may ra mới tạo được một vài phiên bản vụng về, xấu xí.

Snuppy ngồi giữa, cha bên trái, mẹ hờ bên phải.

Chuyện mất búa

Cũng Cổ Học Tinh Hoa có ghi lại chuyện người kia đánh mất cái búa, nghi cho đứa con nhà hàng xóm ăn cắp. Anh ta thấy cử chỉ, hành động, lời nói, dáng đi của nó đúng là tên ăn cắp búa.

Đến chiều anh ta tìm được chiếc búa bỏ quên ngoài vườn. Kể từ lúc đó, anh nhìn đứa con nhà hàng xóm, cử chỉ, nói năng, hành động cũng giống như hồi sáng nhưng lại không có vẻ gì là tên ăn cắp búa cả.

Cảnh sát bên Anh cũng vậy. Một ngày sau vụ nổ bom trong đường hầm xe lửa ngày 21 tháng 7, 2005 anh Jean Charle de Menezes, 27 tuổi người

xứ Brazil (Ba Tây) là chuyên viên điện cư ngụ tại Luân Đôn rời nhà đi ra ga xe lửa. Chung cư này cảnh sát tình nghi có mấy tên khủng bố nên đặt nhân viên chìm theo dõi. Lập tức, anh Jean bị bám đuôi bén gót. Khi anh đến ga xe lửa ngầm (subway), cảnh sát bao vây và bắn chết tại chỗ. Bảy viên đạn trúng đầu, một trúng vai và hai bắn hụt. Biên bản sơ khởi của cảnh sát cho hay Jean khoác áo dầy mùa đông, hành động khả nghi và khi đến bến xe lửa, bị chận lại, anh bỏ chạy, nhẩy qua hàng rào soát vé và phóng vào toa xe vừa ngừng tại bến. Cảnh sát bắt buộc phải nổ súng, theo chỉ thị là "bắn cho chết" (shoot to kill) áp dụng trong trường hợp những khủng bố cảm tử ôm bom tự sát.

Nghe có lý quá chứ. Cảnh sát ở thế chẳng đặng đừng mà. Bắt buộc phải hành động thôi.

Nhưng ba tuần sau, đài truyền hình Anh Quốc phanh phui ra rằng, căn cứ trên máy quay phim ghi hình ảnh tại bến xe, anh Jean ăn mặc bình thường, áo thun, quần jean, đi đứng thong thả, lại còn ghé sạp mua tờ báo, và bình thản lên xe, ngồi xuống ghế. Đột nhiên cảnh sát bao vây và nổ súng trước con mắt khiếp đảm của hàng ngàn hành khách. Sau này cảnh sát Anh cho biết anh không có liên hệ gì đến bọn khủng bố.

Thì ra anh chỉ có một tội là da ngăm ngăm đen, dáng vẻ như những tên khủng bố, lại không may ở nhằm chung cư mà cảnh sát mai phục và theo dõi.

Vụ sát hại người lương thiện này cũng như lập biên bản láo, ém nhẹm tội lỗi, làm cơ quan cảnh sát Anh và chính phủ Anh bối rối không ít. Áp lực đang hình thành buộc Tổng Giám Đốc Nha Cảnh Sát từ chức. Dân Ăng Lê có tiếng là phớt lạnh, tỉnh bơ, bây giờ thì huyền thoại kia đã tan rã.

Dân chúng và cảnh sát Mỹ cũng không khá gì hơn. Sau vụ khủng bố bên Anh Quốc, hàng ngày cảnh sát New York nhận được vài trăm báo cáo về các túi xách, hành lý bỏ quên trên xe subway và tại khắp nơi trong thành phố hoặc nhiều kẻ khả nghi. Báo hại các toán Cảnh Sát đặc nhiệm chống khủng bố và dò bom, hộc tốc chạy từ điểm này đến điểm khác. Bù đầu, mệt nhoài nhưng về tay không. Chỉ khổ cho ngân quĩ thành phố là tốn kém cả triệu đô la mỗi ngày cho các hoạt động này.

Có một vụ bị lên báo chí, làm mất mặt cảnh sát New York không ít là ngày 25 tháng 7, 2005, trên một chuyến xe bus chở du khách ngoạn cảnh New York, khi đi ngang Time Square, một khu vực nổi tiếng tại NY, anh chàng hướng dẫn du lịch (tour guide) hoảng hốt báo cáo cho tài xế là có năm hành khách da mầu, râu rậm, có vẻ tình nghi ôm bom. Thế là anh tài xế run rẩy gọi cảnh sát. Chỉ nháy mắt hàng chục xe cảnh sát từ bốn phía hú còi inh ỏi lao đến bao vây. Cảnh sắt đặc nhiệm túa ra, áo giáp, mũ sắt, mặt nạ ngừa hơi độc, vũ khí trang bị tận răng, lên đạn lách cách, sát khí đằng đằng. Các tay súng bắn sẻ túa lên những cao ốc chung quanh, ghìm súng xuống xe bus. Nguyên khu vực Time Square bị cấm di chuyển. Du khách trên xe, mới đầu tưởng chuyện giỡn chơi, sau thấy ghê quá, súng cảnh sát chĩa lên tua tủa (xe bus hai tầng), ngón tay hờm sẵn trên cò chỉ muốn nổ, sợ hãi dơ hai tay lên đầu theo lệnh cảnh sát ríu ríu xuống xe. Phụ nữ xanh máu mặt. Trẻ em kêu khóc như ri. Nhiều em hãi quá, túm lấy cha mẹ tìm sự che chở, nhưng cha mẹ cũng đành chịu vì hai tay bị dơ khỏi đầu, mặt xanh mét sợ hó hé buông tay xuống có chầu ăn đạn. Năm ông da mầu, râu Ả Rập bị đè nghiến xuống mặt đường, còng tay rồi bắt quì trên đại lộ. Quân khuyển sục sạo, ngửi hít các bị, túi.

Một giờ sau, mọi việc trở lại bình thường. Xe bus được tiếp tục đi.

Nhận thấy hành động của cảnh sát là quá lố (còng tay thì tạm hiểu được, bắt quì gối là một sự sỉ nhục không cần thiết), hôm sau đích thân thị trưởng New York phải đăng lời xin lỗi trên mặt báo.

Sau thảm họa 911 tình hình nước Mỹ và thế giới đã đổi khác. Mọi người lo sợ, nghi ngờ nhau. Một hành vi nhỏ cũng dẫn đến sự lạm quyền của nhân viên công lực (cảnh sát Anh nổ súng, cảnh sát NY còng tay, bắt quì), thái độ tốt nhất của mọi công dân là "tránh voi chẳng xấu mặt nào," nhân viên công quyền nói gì mình răng rắc thi hành là chắc ăn.

Chưa hết. Hai vợ chồng nhà kia và đứa con nhỏ đáp máy bay về thăm quê ngoại. An ninh phi trường kiểm soát chặt chẽ, hai vợ chồng bị rà soát bằng máy dò kim khí cầm tay và xem giấy tờ tùy thân. Mọi việc êm xuôi, cho đến lúc an ninh kiểm soát đứa bé. Guồng máy khựng lại một chút rồi gia tăng tối đa. Người mẹ phải bồng con đứng riêng ra để bị rà soát lại nhiều lần. Thấy có bộ nghiệm trọng, bà hỏi: "Có gì không? Sắp đến giờ chúng tôi phải lên máy

bay." An ninh nghiêm sắc mặt. "Tên đứa nhỏ có trong danh sách những kẻ khủng bố." Hai vợ chồng kêu lên: "Trời đất, nó mới 11 tháng mà khủng bố nỗi gì." An ninh mặt lạnh như tiền. "Chúng tôi chỉ thi hành nhiệm vụ." Chức sắc trung cấp rồi cao cấp được vời tới. Điện thoại về trung ương để kiểm chứng và xin chỉ thị. Cuối cùng rồi cũng xong. Gia đình trễ máy bay. Chỉ nhận được lời xin lỗi đầu môi "Sorry, chúng tôi phải cẩn thận tối đa." Và còn nghe dặn: "Ông bà nên tránh đi máy bay chừng nào tốt chừng ấy, vì cháu bé sẽ bị gặp rắc rối hoài hoài. Chúng tôi sẽ trình lên thượng cấp trung ương, nhưng khó mà loại bỏ tên nó khỏi danh sách vì lỡ ra tên khủng bố nào đó có tên trong danh sách này lọt lưới thì sao."

Sau 911 ai cũng làm việc mẫn cán cả. Cẩn thận tối đa. Đó là lý do danh sách các tên tình nghi khủng bố trước đây chỉ đếm được trên đầu ngón tay nay phình ra đến cả trăm ngàn tên. Nhiều tên chỉ có họ và chữ tắt của tên, không có thêm chi tiết khác như tuổi tác, hình dáng đặc biệt v.v.

Kể cả các "đại gia" như Thượng Nghị Sĩ Kennedy cũng gặp rắc rối, vì có tên tình nghi nào đó mang tên Kennedy E. bị ghi trên danh sách. "Pháp bất vị thân, mời ngài TNS đợi đây, tôi đi trình thượng cấp đã."

Không hiểu trong trăm ngàn tên đó đã có tên ông Nguyễn C., hay cô Trần L. nào chưa. Nếu có thì dân VN sẽ bị rắc rối to. Trong cộng đồng VN có biết bao nhiêu là Nguyễn, là Trần. Trước 75 có một nhà báo khôi hài Mỹ đã viết: "Bạn vào một công sở VN, nói muốn gặp Mr. Nguyễn. 10 phút sau sẽ có chừng vài chục ông Nguyễn lò dò ra phòng đợi, ngơ ngác tìm gặp bạn."

Chuyện chữ nghĩa

Đừng tưởng dân Mỹ ít đọc sách mà lầm. Cứ thử đi ngang tiệm sách lớn Barnes & Nobles thì biết. Xe đậu đầy trong parking lot, người ra vào tiệm tấp nập, không khác gì một siêu thị bán thực phẩm. Bước vào trong mới thấy quả là rộng lớn, cơ man là sách. Đủ thể loại, đề mục, bìa cứng, bìa mềm v.v.

Người đứng chọn sách, kẻ ngồi thoải mái trong góc nghiền ngẫm đọc. Chủ tiệm không quan ngại những người vào đọc sách chùa nên trang bị những chiếc ghế da êm ái, tha hồ thoải mái, độc giả coi cọp không sợ bị đau lưng, hay bị nhân viên trong tiệm làm phiền, nhòm ngó vì ngồi lâu. Sở dĩ thế vì người đọc chùa cũng có, nhưng kẻ mua cũng nhiều. Người Mỹ đọc sách quanh năm, nhưng đặc biệt là mùa hè, họ đọc nhiều hơn. Có lẽ bắt nguồn từ thói quen nơi nhà trường, mỗi năm hè đến, cô, thầy bắt học trò đọc vài quyển được chọn trước trong những ngày hè, khi tựu trường sẽ phải làm bài điểm sách nộp cho thầy, cô.

Khi đi nghỉ hè, quanh hồ bơi, trên bãi bể, nhiều ông, nhiều bà, nhiều cô chúi đầu trên trang giấy. Dân Mỹ xài sang, đọc xong các quyển sách loại "xem qua rồi bỏ" (soft cover) là họ ném vào thùng rác, khỏi đem về nhà, nặng va li. Không tin cứ dạo một vòng bãi biển, dòm vào các thùng rác mà xem. Sách nằm lủ khủ. Chịu khó lượm về, mỗi mùa hè cũng được cả ngàn quyển, đem bán gara sale vài chục xu một quyển cũng thu bạc kha khá.

Mỗi năm, các nhà xuất bản lớn tuyển chọn sách để in ra bán kiếm lời. Nếu không được tìm các tên tuổi lớn, họ tuyển trong danh sách các cây viết tài tử chưa nổi tiếng. May ra, trúng mối, độc giả ưa thích là kiếm bộn bạc. Đó là trường hợp hai quyển sách đang bán chạy nhất (best seller) mùa hè năm 2005 mang tên "The Historian" và "The Traveller." Cả hai thuộc loại tiểu thuyết (fiction), một kể chuyện phiêu lưu (có cả giới hút máu người), một kể chuyện khoa học giả tưởng. Thông thường độc giả Mỹ chọn mua sách của các tác giả nổi tiếng như James Patterson, Nora Roberts v.v.. Đặc biệt gần đây nhất, sách Harry Potter vừa tung ra thị trường đã được tiêu thụ hết sạch, trong vòng một tuần lễ sáu triệu quyển bán chạy như tôm tươi, thâu về cho nhà xuất bản gần một trăm triệu đô la và còn nữa, trên khắp thế giới.

Tuy nhiên lâu lâu cũng có vài quyển của các tác giả chưa nổi tiếng trúng mối như năm 2004 có "The Rule of Four," "The Da Vincy Code." Năm 2003 có "The Lovely Bone" v.v. Năm nay, "The Traveller" đã bán ra 200,000 cuốn bìa cứng và tái bản lần thứ ba. "The Historian" bán 25,000 cuốn trong tuần lễ đầu và cho đến nay đã bán được 915,000 cuốn sau khi tái bản lần thứ sáu.

Trông người mà tủi cho ta. Sách Việt in 1,000 cuốn, tiêu thụ hoài không hết, cho bạn bè cũng không xong. Tác giả bài này in cuốn "Hai Thế Hệ" năm 2004, sau khi hý hửng tặng thân hữu vài chục cuốn, tốn bộn tiền tem, số còn lại nằm xếp xó trong garare chờ bán cân làm giấy gói xôi (nếu Mỹ có người mua đồng nát vụn như ở VN), hoặc xé ra chụm lửa sắc thuốc Bắc uống chơi.

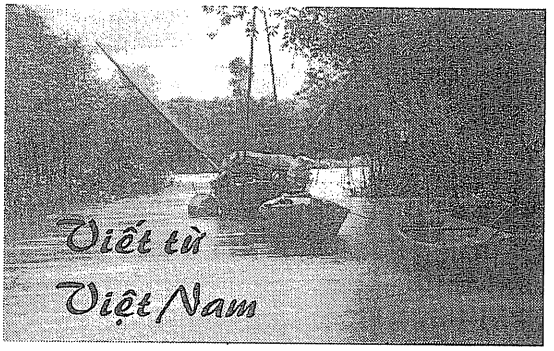

Hà Nội: Rối loạn, bất bình chuyện đất đai

Nguyễn Không Đức

Bộ Tài nguyên và Môi trường, người đại diện cho nhà nước Việt Nam quản lý việc phân chia, sử dụng đất đai không hiểu tại sao lại lập ra mấy đoàn kiểm tra về tình hình thực hiện và quản lý đất đai lúc này. Nhiều người cho rằng đây chỉ là một phần của màn kịch tranh chấp, đấu đá trước đại hội đảng CSVN sắp diễn ra vào năm sau. Lý do họ đưa ra rất đơn giản: "Vì nếu kiểm tra thì chắc chắn sẽ bục ra vô số chuyện sai và cả vô lý đến tức điên người."

Ở ngay Hà Nội: "...300 gia đình người dân phường Nam Đồng đang chạy đôn chạy đáo khắp nơi khiếu kiện việc chính quyền quận cho thi công con đường đi qua phần đất nhà họ, sai so với thông báo ban đầu là đi qua Nhà in Ngân hàng (hơn 3,500 m2 đất nhà in đã giải tỏa xong hiện để không)."

Còn bà Hà, phường Phương Liên cho biết: "Chính quyền thu hồi hơn 6,000 m2 khu vực hồ Ao Đấu và có quyết định cho 123 gia đình tái định cư tại chỗ. Tuy nhiên, chỉ có 11 gia đình được tái định cư, một số lô đất "đẹp" (mặt tiền) được phân chia cho cán bộ quận, huyện, phần còn lại được đem ra đấu thầu cho dân nơi khác vào." Bà Hà bực tức nói: "Trong khi dân không có đất ở thì vẫn còn hơn 1,400 m2 bỏ không quây kín. Nếu đoàn kiểm tra cần danh sách cán bộ được phân đất ở đó, chúng tôi sẽ thống kê lại ngay..."

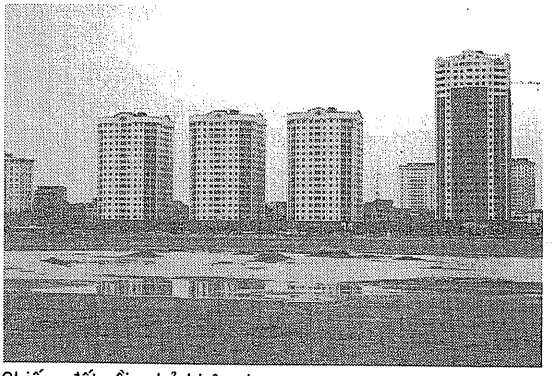
Chiếm đất rồi... bỏ không!

Còn những chuyện nghe như đùa, kiểu: "Có trường hợp đang làm hồ sơ, người dân lại bán đất, đến khi ký xong giấy cho chủ cũ thì chủ mới lại đòi." Thì đã xảy ra rất nhiều lần.

Người ta tự hỏi tại sao?

Tại vì Việt Nam đang là nhà nước "vô pháp quyền," nghĩa là trên thực tế không có luật pháp gì cả và mọi việc đều rối loạn. Thế nhưng, khi một số các chuyên gia vài tổ chức quốc tế phát biểu điều này trong vài cuộc họp thì bị phía Việt Nam phản đối kịch liệt. Các quan chức Việt Nam giải thích: "Việt Nam là nước pháp quyền, nước có luật pháp đầy đủ như mọi nước khác và không những vậy, Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện hệ thống luật pháp của mình..."

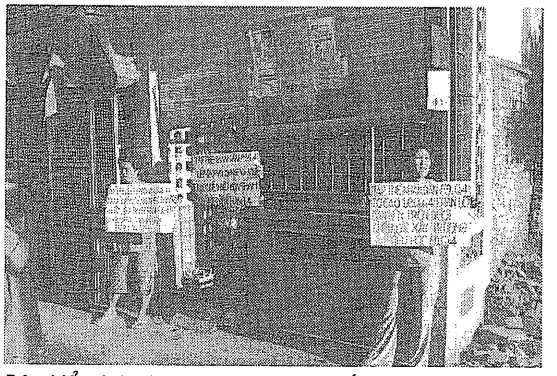
Dân biểu tình vì bị nhà nước cướp đất đai

Các chuyên gia kia trả lời rất chân thành và thật thà: "...Chúng tôi biết, Việt Nam có đầy đủ hiến pháp và các luật pháp nhưng luật pháp không hoạt động, khi người ta tuân theo các quy định của chính phủ dù các quy định này đi ngược lại hoàn toàn so với luật... thì trên thực tế Việt Nam là một nhà nước vô pháp quyền." Các quan chức Việt Nam tất nhiên không thể đồng ý vì họ đâu có quyền gì để đồng ý hay không đồng ý. Họ chỉ được phép làm theo những người khác đã bảo họ phải làm mà thôi.

Rất nhiều người đã trở thành các "tư bản cộng sản" (theo cách gọi của một số nhà báo Mỹ nói về chuyến thăm của ông Phan Văn Khải tại Thị trường chứng khoán số 1 thế giới tại New York) cũng chỉ nhờ những rối loạn, không rõ ràng và vô luật ở Việt Nam về chuyện đất đai.

Cách đây không lâu, tại Sài Gòn người ta đã chuẩn bị ra quyết định hợp pháp hóa cho nhà, đất đai xây dựng trước năm 2001. Sau lần hợp thức

hóa này, chắc hẳn nhiều người sẽ mất đứt nhà, đất và rất nhiều người khác sẽ trở nên giàu có một cách hợp pháp. "Tôi cam đoan sẽ rất nhiều quan chức trúng to trong vụ cướp đất mới này," một ông ngồi tại quán nước khẳng định như đinh đóng cột trong cuộc tranh cãi về quyết định hợp pháp hóa này ở Sài Gòn.

Tình hình quản lý đất đai Việt Nam không khác gì điều mà Mạnh Tử đã nói khi khuyên Vua Đằng Văn Công về chế độ tỉnh điền (đất đai) cách đây vài ngàn năm: "...Ranh giới ruộng đất không chính xác thì các phần ruộng trong tỉnh điền không đều nhau, dẫn đến phần thu của ruộng để làm bổng lộc cũng không công bằng. Cho nên, những vua bạo ngược và những quân tham ô lại rất muốn cho ranh giới ruộng đất rối loạn, không chính xác để dễ bề ép dân đóng góp cho nhiều..."

Như vậy đã hiểu tại sao luật pháp Việt Nam nói chung và tình hình đất đai nói riêng lại rối loạn như vậy. Chỉ lạ là quy luật chung của xã hội hình như là tiến lên phía trước, vậy mà tình hình quản lý đất đai ở Việt Nam lại chẳng khác gì nhiều so với lời Mạnh Tử khuyên vua Đằng Văn Công ở nước Tàu cách đây mấy ngàn năm.

Thuốc lá lậu, vừa hút vừa bắt

Thu Hiền

Có một thực tế là tại Việt Nam, hai nhãn hiệu thuốc lá được tiêu thụ phổ biến nhất và mạnh nhất là Hero và Jet nhưng đó lại là thuốc lá được nhập lậu. Theo số liệu thống kê của một công ty nghiên cứu thị trường thuốc lá trong nước thì : Hero và Jet chiếm 91% thuốc lá lậu được tiêu thụ tại 36 thành phố. Đó là chưa tính đến các vùng, khu vực khác.

Từ sau cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam kết thúc (1979), tình hình tại khu vực này dần trở nên ổn định, việc trao đổi buôn bán tại các khu vực cửa khẩu trở nên nhộn nhịp. Thuốc lá - một trong những mặt hàng nhập lậu vào nước VN sớm nhất và có "sức sống" dai dẳng đến ngày hôm nay.

Thuốc lá lậu (chủ yếu là hai nhãn hiệu Hero và Jet) sau khi được "dân thồ hàng" cõng qua biên giới sẽ được các tay "đầu nậu" phân chia lại cho từng chủ sạp bán thuốc lá lậu tại khu vực thị xã Châu Đốc.

Tuy nhiên, tất cả các "đại lý thuốc lá lậu" ở đây đều "ngụy trang" bằng cách trưng bày toàn thuốc nội, với những nhãn hiệu của Công ty thuốc lá An Giang, Sài Gòn, Long An, Lâm Đồng... Các chủ sạp này rất cẩn thận, chỉ bán thuốc lậu cho dân "đi rắn hổ" (Buôn hàng lậu). Nếu người lạ đến hỏi mua thuốc, họ chối leo lẻo rồi chỉ đường đến chỗ khác mua. Chẳng hạn, vô "Chùa Bà Chúa Xứ núi Sam," đúng là trong khu vực đó có bán thuốc Hero nhưng bán toàn thuốc giả.

Từ Châu Đốc thuốc lá lậu được "dân rắn hổ" vận chuyển đi về Long Xuyên, Cần Thơ, Rạch Giá và một số địa phương, vùng lân cận miễn ở đâu giá thuốc cao và "hút hàng" thì "dân rắn hổ" cũng đi tới.

Một cây thuốc lá hiệu Hero, Jet có 10 gói, dân "đi rắn hổ" thường tháo lẻ ra từng gói, họ dùng dây thun để buộc, nẹp các gói thuốc lá này thành một tép dài. Sau đó bó, nịt sát vào thân người. Thuốc lá được bó từ eo xuống đùi rồi dài xuống đến hai cẳng chân. Nếu bó khéo thì được 10 cây, xách thêm hai giỏ, mỗi giỏ được 20 chục cây. Tổng cộng trên mình và hai tay họ có khoảng 50 cây thuốc lá. Nếu giá thuốc trên "gò" không lên, giá ở Long Xuyên, Cần Thơ không xuống thì họ lời từ 4,000-5,000 đồng/cây chưa trừ chi phí vận chuyển, ăn uống.

Tôi vào vai một người muốn "đi rắn hổ", tập tễnh tìm hiểu nghề, được người giới thiệu tôi được chị T "tiếp kiến," chị có nước da ngâm đen, người cao to. Chị nói chuyện khá chân thành, giọng hơi khàn.

Chị T là người đi rắn hổ có thâm niên gần hai chục năm, chị hiện không còn đi rắn hổ mà ở nhà "thu mua rắn hổ". Dưới tay chị có hơn 10 "bạn hàng" chuyên đi hàng cho chị, phần lớn anh em thân tín.

Dân "đi rắn hổ"

Hôm tôi đến nhà chị ở huyện Châu Thành-An Giang, có rất nhiều dân đi rắn hổ vừa xuống xe Châu Đốc trên mình còn bó thuốc, ngồi trước nhà chị T ăn uống rất thản nhiên. Họ đang đợi xe, ngóng tình hình có trạm hay không. Hai nhà bên cạnh nhà chị T cũng là "ổ chứa rắn hổ". Chị T nói:

- Lâu lâu cũng bị người ta báo với công an. Bị hốt một vố thế là tôi đứt vốn! Nhưng không làm nghề này thì biết làm nghề gì khác. Với lại, gần hai chục năm nay người ta vẫn còn "ăn hàng" này!

Vừa nói chuyện chị vừa hút thuốc. Thấy tôi hút thuốc hiệu Capri chị liền nói:

- Ừ! Capri - Cái này cũng là thuốc lậu đó, vùng Châu Đốc ít "ăn" hàng này. Thứ này chủ yếu ở phía Tây Ninh, con gái ưa hút thứ này nhất là dân Sài Gòn, "ăn" thứ này mạnh lắm! Bây giờ, ở Sài Gòn cũng có một số hiệu thuốc lậu mới. Nhưng cái gì cũng không qua Hero, Jet, 555. Riêng 555 dành cho dân có tiền, sang một chút. Còn Hero thì dân nào cũng hút!

Chị mồi lửa và đưa tôi "kéo" thử một điếu Hero. Chị nói:

- Hero "đậm" và thơm hơn mấy hiệu khác! Đừng nuốt nước bọt khi hút nhe! Nghiền chết!

Chị T chỉ tôi cách thử hàng:

- Có nhiều cách để thử. Kê miệng vào góc của gói thuốc và nút... thấy mùi thơm nồng và hơi chát là đúng thuốc thiệt. Còn thuốc dỏm thì không mùi, không vị gì đâu. Cách dễ hơn là chà tay lên lớp nilông bọc ngoài vỏ thuốc, nếu kêu nó xẹt xẹt... Nhưng yên tâm đi, dân làm ăn có uy tín không ai bán thuốc dỏm cho em đâu!

Chị T chỉ cách tôi "bó thuốc" nhưng, mới vừa bó được một được một nẹp vòng quanh bụng thôi, tôi cảm thấy khó thở vì bị siết chặt. Chị T lắc đầu:

- Thế thì sao mà đi rắn hổ được?! Kiểu này phải tập dài dài... Em coi người ta kìa, bó cả chục cây thuốc trên người mà họ tỉnh queo, phóng lên phóng xe nhanh như cái máy...

Theo lời chị T:

- Mỗi chủ sạp thuốc có những nơi cất giấu thuốc riêng, họ không bao giờ để thuốc tại sạp, còn dân đi rắn hổ sẽ được "lấy hàng" và "bó thuốc." Tất cả diễn ra khá nhanh gọn và kín đáo. Tuy nhiên người dân địa phương biết, công an biết nhưng ở vùng biên giới này nếu không buôn lậu mặt hàng này thì cũng buôn lậu mặt hàng khác. Không ai đụng ai đâu. Ai cũng muốn kiếm cơm!

Theo chân những "người đi rắn hổ"

Leo lên một chiếc xe khách 50 chỗ ngồi chạy đường Châu Đốc- Cần Thơ dưới cái nắng hơn 33 độ của buổi trưa Hè. Trên xe chỉ hơn 20 chục người khách. Vừa ra khỏi bến xe Châu Đốc hơn hai cây số, có bốn người "đi rắn hổ" leo lên xe.

Họ nói chuyện về giá thuốc, về trạm, về "nó"... họ kể tên cho nhau nghe "thằng nào dễ" "thằng nào khó ưa." Tôi nghe có câu hiểu câu không vì phần lớn họ sử dụng "tiếng lóng."

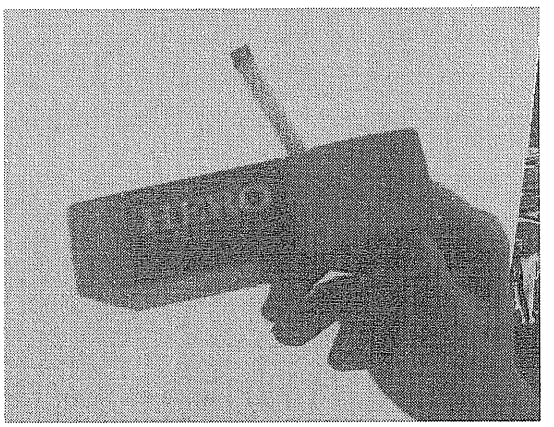

Công an vừa phì phèo thuốc lậu Hero vừa...bắt Hero lậu

Một lúc sau, tôi mới hiểu được chút chút, họ kêu công an bằng "nó". Riêng, các tài xế chạy ngược chiều nhau thường ra các "ám hiệu" để thông báo tình hình cho nhau.

Một chiếc xe tải đang chạy tới, chậm chậm, tài xế thò đầu ra xe và đưa ngón trỏ và ngón cái ra giật giật "kiểu bắn súng." Bác tài xế trên xe tôi đi liền giảm tốc độ, nói lớn:

- Bắn tốc độ! Chợ Cái Dầu!

Rồi những người đi rắn hổ, miệng la oai oải:

- Chết mẹ! Thôi, xuống ở đây đi!

Một chị ngồi cạnh bên tôi, tuổi ngoài 40, người ốm. Cất tiếng:

- Tụi bây đừng có sợ, tụi nó chỉ "bắn" thôi không có chặn đâu! Không có "tụi kinh tế" đâu! Ngồi xuống hết đi, đừng có đứng nữa!

Bốn "người đi rắn hổ" đó ngồi xuống hai băng ghế trước mặt tôi. Họ quay xuống gửi cho tôi một cái giỏ xách to đùng, nhìn qua tôi biết đó là "rắn hổ" rồi. Tôi từ chối, chị ngồi bên cạnh tôi nhẹ giọng:

- Không sao đâu! Cứ để dưới chân của em! Công an nhìn em là tụi nó biết liền, không phải dân đi rắn hổ, nó không kiểm tra đâu! Có kiểm có hỏi thì cứ nói không biết là được!

Tôi để yên cho họ đặt giỏ thuốc dưới chân tôi và bắt đầu thấy run. Đúng như lời của người tài xế xe tải báo, công an giao thông đang núp "bắn tốc độ" ở chợ Cái Dầu. Trên xe mọi người như nín thở khi xe qua chỗ mấy anh công an đang núp-chỉa súng, qua được "cái lùm" đó thì mọi người trên xe nhốn nháo, dân đi rắn hổ thì cười ha hả "hú hồn hú vía."

Xe chạy một mạch qua Long Xuyên, bốn "người đi rắn hổ" chuẩn bị xuống xe. Người phụ nữ ngồi cạnh tôi nói với họ:

- Xuống đi! Trạm Vàm Cống lúc này làm căng lắm! Từ vụ "thằng Út tự thiêu" đến giờ công an làm căng quá! Suốt ngày này qua ngày khác! Từ trước đến bây giờ có khi nào như vậy đâu!

Nói dứt lời thì xe ngừng lại, bốn người lúc nãy xuống xe và cũng xuống xe. Lúc chị xách hai cái giỏ to cồng kềnh xuống xe tôi mới biết nãy giờ tôi ngồi cạnh một dân đi rắn hổ mà tôi không hay biết vì tôi thấy chị không có bó thuốc trong người, ai dè 2 cái giỏ xách đựng chôm chôm trên mặt nhưng bên dưới là thuốc lá.

Vừa xuống xe họ đã leo lên xe Honda ôm quẹo vào một con hẻm để "qua trạm Vàm Cống." Người lơ xe lên tiếng:

- Cái đà này, tui sợ tụi nó biết con "đường tắt" đó quá! Tụi nó mà chặn là thấy bà nội luôn! Vái trời!

Đến trạm Vàm Cống, chiếc xe khách bị công an chặn lại, tài xế xuống xe trình giấy tờ, hai người công an mặc sắc phục xanh lên xe kiểm tra. Không có gì công an cho xe qua.

Có một điều làm tôi bất ngờ.

Trên chiếc bàn nhỏ của công an (được đặt giữa đường để công an ngồi nghỉ mệt vì họ làm việc 24/24) ngoài roi điện, dùi cui, mấy ly cà phê còn có hai gói thuốc lá Hero. Tôi "cố gắng" nghĩ : Đó là tang vật công an tịch thu được từ dân đi rắn hổ. Nhưng, người công an lúc nãy vừa lên xe kiểm tra bây giờ đang phì phò hút thuốc vừa chỉ trỏ tay về phía những chiếc xe sắp chạy đến. Một anh khác ngồi cạnh bên mở gói thuốc, điềm tĩnh, mồi thuốc và hút!

Tôi vừa định móc máy chụp hình ra chụp thì bị anh lơ xe tiến lại gần cản:

- Tui lạy cô! Cô đừng có chụp! Lên báo, "tụi nó" không bị gì mà "dân rắn hổ" mới là người chết trước! Tụi nó mà làm "căng" thì khổ lắm! Thằng nào cũng vậy, ở đâu cũng vậy. Có thằng nào hút "thuốc lá nội" rẻ tiền đâu, tụi nó hút thì hút Hero, Jet, 555,... Toàn thuốc lậu!

Chuyện kẻ hút thuốc lậu đi bắt người buôn thuốc lậu vẫn đã, đang tiếp diễn.

"Còn người hút thuốc, còn người đi buôn". Đó là câu nói của chị T khi nghe tôi hỏi về tương lai của những "người đi rắn hổ."

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

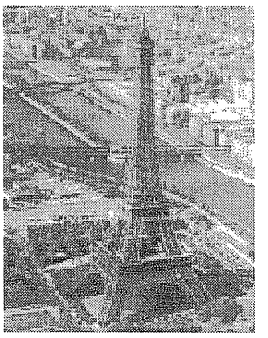

NGÀY TỰU TRƯỜNG

Ngày tựu trường... ai trong chúng ta mà không nhớ lại cảnh ngày đầu cắp sách đi học, hay là nhìn thấy các cô cậu bé lần đầu tiên theo mẹ đến trường mà không bồi hồi tấc dạ. Khung cảnh không còn là khung cảnh của một thời đã qua... nhưng tâm tình là tâm tình của cậu bé trong truyện của nhà văn Thanh Tịnh.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn tôi đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại nhiều lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi vì lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

Ở hải ngoại, có lẽ Pháp này mới có cái cảnh tựu trường giống Việt Nam nhất: mẹ dẫn con đi đến trường. Tuần này, các em bắt đầu đến trường hay trở lại trường sau mấy tháng hè vắng bóng. Bố mẹ lại vội vàng thức các con dậy, ăn sáng qua loa để đi cho kịp giờ vào lớp. Tất cả đồ dùng từ cặp mang vai (hay có bánh xe kéo) cho tới sách tập, bút, dao, kéo... mới toanh đã xếp sẵn từ đêm hôm trước.

Đại cương thì là vậy nhưng vào chi tiết phức tạp hơn nhiều. Vì không phải tất cả tựu trường cùng một ngày mà nhiều ngày, vì chương trình học, tùy vùng, khác nhau. Ngày tựu trường chính thức trên toàn nước Pháp là 2.9 nhưng từ 22.8 học trò trong nhiều vùng đã cắp cặp đến trường. Ngày này, bộ trưởng Giáo dục Gilles de Robien tới thăm một lớp học ở thành phố Auxon, Haute-Saône, vùng tây bắc, vào những giờ đầu của niên học mới.

Những em này theo chương trình bốn ngày một tuần, ngoài Chủ nhật còn được nghỉ ngày thứ tư và thứ bảy, cho nên tựu trường sớm và nghỉ hè trễ cho đủ chương trình học. Trên toàn quốc, hai triệu em theo chương trình này trên tổng số 14 triệu.

Trong lớp học, ông bộ trưởng hỏi một em về ích lợi của chương trình này.

Một em 10 tuổi trả lời :

- Thứ bảy cả nhà được ngủ dậy trễ!

Thế các em có bị thiệt hại gì không?

- Nghỉ hè ít quá đi!

Ngày đầu tiên vào lớp, các em được phân phát một thông cáo của trường hay là chép lại trên bảng xanh cho biết những ngày nghỉ sắp tới trong niên học.

Chuẩn bị cho các em tới trường

Lời khuyên cho các gia đình có em nhỏ tới tuổi đi học nhất là các em lần đầu tiên đến trường:

- Tính lại giờ đi ngủ và thức dậy. Từ một tuần trước, nên ngủ sớm thêm mỗi ngày để dậy sớm hơn cho tới ngày đi học dậy đúng vào giờ phải dậy. Giấc ngủ rất cần giúp các em tươi tỉnh và thoải mái hơn.
- Bớt coi TV, đọc sách nhiều hơn.
- Nói chuyện với các em về việc học.
- Đem các em đi mua sắm dụng cụ học, đối với các em như là lúc...đi mua quà sinh nhật hay Noel. Cho các em biết những vui thú khi được đi đến trường.

CHÍNH PHỦ VỚI NHIỀU HỒ SƠ

Thủ tướng Dominqiue de Villepin trở lại Paris từ tuần trước. Phiên họp hội đồng chính phủ thứ tư tuần này tại Điện Elysée đông đủ các bộ trưởng, mặt mày rám nắng. Phiên họp kéo dài hơn thường lệ, không phải là để kể lể chuyện gì đã xảy ra trong mấy ngày nghỉ mà vì có nhiều vấn đề quan trọng, theo lời của Jean-Francois Copé, bộ trưởng Ngân sách phát ngôn viên của chính phủ.

Hai tuần lễ nữa là hết hạn 100 ngày, thời hạn mà thủ tướng Villepin hứa sẽ làm mọi cách để phục hồi sự tin tưởng của dân chúng đối với chính phủ. Trong lúc đó, chính phủ phải giải quyết những hồ sơ nóng bỏng: giá xăng lên cao, các nghiệp đoàn đòi tăng lương, giải tư một số xa lộ, thuế khóa và lẽ dĩ nhiên vấn đề tạo việc làm cho dân chúng, ưu tiên trên hết mọi ưu tiên của chính phủ. Cho đến nay, thủ tướng Villepin được dân chúng ngày càng thêm tin tưởng, số người ủng hộ lên tới 50%.

Hội đồng cũng đã bàn đến tai nạn máy bay ngày 16.8, khiến cho 152 người Pháp ở Martinique tử nạn. Bộ trưởng Giao thông loan báo đã đề nghị các biện pháp bảo đảm an ninh cho hành khách của các hãng máy bay, nhất là vấn đề công bố sổ đen của những công ty không đáng tin cậy.

Sổ Đen Hàng Không

Sau những tai nạn máy bay liên tiếp trong tháng tám, dân chúng đang trông đợi danh sách này để biết mà tránh khi chuẩn bị cho những chuyến du hành sắp tới. Trên thế giới, cho tới nay ba nước đã làm chuyện này :

Hoa kỳ công bố danh sách các nước không hoàn toàn phù hợp với chỉ thị của Tổ chức hàng không dân sự quốc tế (OACI) trong đó có : *Á căn đình, Bangladesh, Bảo gia lợi, Ecuador, Haiti, Paraguay, Serbia-Montenegro, Ukraine, Uruguay, Venezuela và một số nước Phi châu (Côte d'Ivoire, Cộng hoà Dân chủ Congo, Gambia, Swaziland, Zimbabwe), và Trung Mỹ (Guatemala, Honduras, Nicaragua).*

Nước Anh kê rõ các hãng hàng không sau đây không theo đúng tiêu chuẩn:

Các công ty hàng không của các nước *Cộng hoà Dân chủ Congo, Guinea, Liberia, Sierra Leone, Swaziland, Tadjikistan. Các công ty: Air Mauritanie, Phoenix Aviation (Kirghizstan), Phuket Airlines (Thái Lan).*

Thụy sĩ hứa sẽ công bố đầu tháng 9 tới đây. Trong lúc chờ đợi, các công ty này đã bị loại: *Flash Airlines, GIR Jet (Tây ban nha), Hemus Air (Bảo gia lợi), JR Executive (Liban/Hoa Kỳ), Dniproavia (Ukraine), Premium Air Shuttle (Nigeria) và Silk Way (Azerbaidjan/Bỉ).*

TUẦN BÁO PARIS MATCH

Nhắc đến Nicolas Sarkozy, quốc vụ khanh, bộ trưởng Nội vụ, chủ tịch đảng UMP, ứng cử viên tổng thống năm 2007... không thể bỏ qua tờ tuần báo *Paris-Match* số đề ngày 25-31.8. Trang bìa số này là hình bà Cecilia Sarkozy với một người đàn ông, Richard Attias, đang đứng tại Manhattan trong thành phố New York. «Giờ chọn lựa,» tít của tuần báo. «Với Richard, bà đã sống qua muà hè giữa New York và Paris. Thời gian để suy nghĩ.»

Không còn là chuyện giấu diếm. Tờ báo chụp hình hai người này ngồi ăn tối trong Restaurant l'Esplanade tại Invalides trung tâm Paris. Trang trong là một bài viết không ký tên tác giả, chuyện

cũng không có chi lạ vì những bài như bài này rồi sẽ được trình toà. Chuyện có thật nhưng toà vẫn phạt vì không phải là vấn đề xác thực hay phịa, mà là xâm phạm vào đời tư (mà không được phép).

Paris-Match mới đây bị tòa phạt vì dám tiết lộ chuyện Hoàng tử Albert xứ Monaco có con với một cô chiêu đãi viên xứ Togo. 12 trang bài viết, phỏng vấn, chụp hình... Lúc đó, ông hoàng đã làm khai sanh cho đứa bé rồi, tin đó hết sức là chính xác nhưng vấn đề là không muốn nói ra mà thôi. Tuần báo đang kháng cáo.

Khi loan tin tờ *Paris Match* viết về bà Cecilia, một nhật báo đã than trời : *Thôi rồi, nền báo chí Pháp đang bắt đầu xuống dốc để được xếp cùng một hạng với báo chí Anh, Mỹ: khai thác đời tư để bán báo.* (Ơ kìa, làm như báo chí Pháp không bao giờ khai thác đời tư để bán báo!)

CHUYỆN «NGƯỜI HÙNG» ĐÃ VỀ HƯU: LANCE ARMSTRONG

Tưởng là đã được về hưu yên vui với hào quang chiến thắng, Lance Armstrong vừa được tờ *L'Equipe*, nhật báo thể thao xuất bản tại Paris lôi ra biêu riếu trên mặt báo. Vắn tắt: Kết quả của Trung tâm khảo nghiệm tại Pháp cho biết vô địch xe đạp năm 1999 có uống thuốc trợ sức (EPO)... cho nên đạp nhanh hơn người khác. Thuốc này bị cấm... trong thời gian sau này.

Kết quả: Chưa biết Armstrong sẽ có bị sứt mẻ chi không nhưng dân Pháp nói chung đã bị báo Mỹ chê bai là «thua rồi thù vặt.» Những bài phân tích này được nước Mỹ coi là «lá cải», biểu lộ «hận thù nhỏ nhen,» và đem lại cho người Mỹ cảm tưởng rằng: *Người Pháp muốn tháo các bù loong tượng thần Tự do để vứt từng mảnh xuống biển,* theo lời của phái viên tờ *Le Parisien* tại Hoa Thịnh Đốn trích từ báo Mỹ.

Trên đài CNN, Lance Armstrong lên tiếng bác bỏ tất cả những lời buộc tội. Người hùng nói thêm: *Pháp bao giờ cũng ghét những người thắng cuộc.*

Bình luận gia thể thao của tờ *Washington Post* nói rõ để trả lời những chỉ trích tới từ bên kia đại dương. Lance Armstrong không những là một thể tháo gia đại tài mà còn là một thần tượng của người Mỹ: thắng được bệnh ung thư, luyện tập để chế ngự tất cả khó khăn của đoạn đường các tay đua phải đi qua trong vòng đua Pháp quốc. Khỏi phải bàn thêm.

Tại trụ sở của đoàn Discovery Communications, do Armstrong dẫn đầu, phát ngôn viên của đoàn nói: Chúng tôi vẫn ủng hộ Armstrong 100%.

TỜ GIẤY 500 EURO

Một số người Pháp và ngoại quốc du lịch trên đất Pháp vừa than thở trên báo, trên đài về nỗi khổ... với tờ giấy bạc 500 euro trong tay. (Không có tiền mới than, có tiền than nỗi gì? Than chớ, vì cầm tờ 500 euro mà bị xua đuổi thì có cũng như không!)

Trong túi không còn đồng xu lẻ nào, chỉ còn nguyên một tờ giấy 500 mà thôi, (không biết có từ khi nào), thì phải làm sao đây? Tiệm bánh mì, sạp báo, tiệm tạp hóa đều lắc đầu. "Bà thấy không, vừa vét sạch *caisse* để thối một tờ 500 euro, và nay thì biết rằng đó là một tờ giấy bạc giả. Mất toi gần 3 500 F đó, chết tôi chưa?"

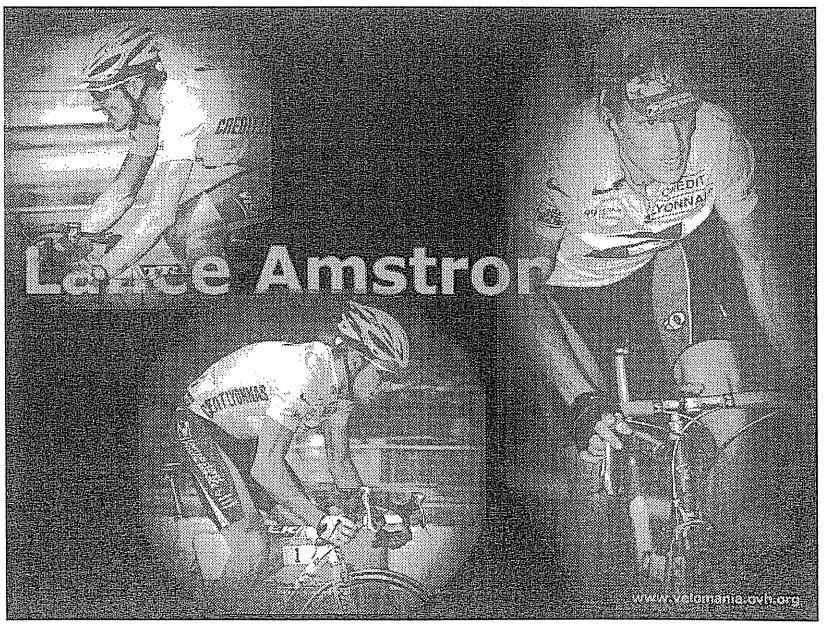

Có cửa hàng treo một tấm bảng viết chữ lớn để khách hàng đọc cho rõ: *Nous refusons les billets de 500 euro*, chúng tôi từ chối không nhận giấy bạc 500 euro. Họ tin rằng làm vậy là yên thân, khỏi bị khách quấy rầy với tờ giấy 500. Họ nhầm.

Điều 642 đoạn 3 hình luật phạt hành động đó,

vì không ai có quyền từ chối những thứ tiền đang lưu hành hợp lệ. Trong trường hợp đó, khách hàng có quyền thưa kiện trước Tổng Nha Tiêu thụ và Kiểm soát hàng giả (DGCCRF). Nói vậy thôi, khi người bán hàng từ chối thì cầm lấy, đi ra.

Giấy 500 không bị giả nhiều như những tờ khác. Theo Ngân hàng Trung Ương Âu Châu thì trên tổng số 293 000 tờ giấy bạc giả tịch thu ba tháng đầu năm nay, giấy 500 chỉ chiếm 1% trên số đó. Nhiều nhất, 62% là giấy 50 euro, 16% giấy 20 euro, 6% giấy 10 euro, 5% giấy 200 euro. Dù vậy, không ai muốn nhận giấy 500 và giấy 200.

Giở luật ra nói thì cũng phải nói cho cùng. Luật cũng có điều bảo vệ người bán hàng: Người mua phải trả sao cho đủ, vì người bán "không bắt buộc phải thối lại tiền cho người mua." (Đ 112 đoạn 5, Code monétaire et financier). Nghĩa là có quyền từ chối bằng một lý do khác.

Vậy thì làm cách nào đây ?

Một độc giả cuả tờ *Le Parisien* góp ý về cách giải quyết trường hợp này như sau: Nếu bạn có trương mục trong ngân hàng tại Pháp thì xin bỏ vào nhà băng rồi rút một ít tiền... bằng máy ở ngoài đường. Máy sẽ cho những giấy 10 hay 20 euro dễ tiêu hơn.

Người khác khuyên bạn nên vào Casino đánh bạc. Người ngồi *caisse* sẽ đổi cho bạn, nhưng đánh ít thôi nhé. May ra... còn kiếm được chút đỉnh, nếu chẳng may, chuyện cũng thường xảy ra, thua thì cũng coi như là tiền hoa hồng đổi từ tờ giấy 500.

Chuyện này đã xảy ra ở Hoa Kỳ với tờ giấy 1,000$, nhưng lâu quá nên ít ai nhắc tới.

Thứ bảy này tại Luân Đôn bắt đầu một trong những buổi lễ hội lớn nhất thế giới, lễ hội Notting Hill Carnival với hàng triệu người dự trù sẽ tham dự trong ba ngày tới. Bắt đầu từ năm 1964, lễ hội này bao giờ cũng được tổ chức vào cuối tuần lễ cuối cùng của tháng 8 và là một bằng chứng điển hình của sự phát triển đa văn hóa của thành phố Luân Đôn.

Những người đầu tiên đứng ra tổ chức lễ hội này là dân di dân da đen tại vùng biển Caribe, đặc biệt là dân đến từ đảo Trinidad, nơi mà truyền thống Carnival rất là mạnh. Khi họ đến Luân Đôn, phần lớn những người này tập trung sống tại khu Notting Hill lúc đó vẫn còn là một xóm nghèo chưa được thời thượng như sau này. Trong những năm của thập niên 50 và 60 khi những nhóm người này mới đặt chân đến Luân Đôn thì họ phải đối đầu với tình trạng kỳ thị chủng tộc gay gắt cũng như là những trở ngại khác mà một cộng đồng di dân mới đến gặp phải. Để tồn tại, họ tổ chức những buổi khiêu vũ tại một số những trung tâm cộng đồng ở miền Bắc Luân Đôn nơi mà những người da đen có thể dễ dàng đến gặp nhau để tụ hội. Đồng thời, mỗi chủ nhật nhiều ban nhạc của họ gọi là Steel Bands, với những nhạc cụ tự chế, phần lớn là các loại trống cũng họp nhau trình diễn những điệu nhạc dân tộc tại một tiệm rượu ở vùng Earl Courts.

Đến năm 1964, Rhaune Laslett, một nhân viên sở xã hội vùng Notting Hill có sáng kiến mời những ban nhạc này đến tham dự một buổi hội diễn âm nhạc ngoài đường tại vùng này. Đây là lần đầu tiên mà âm nhạc vùng biển Caribe được biểu diễn trên một đường phố tại nước Anh. Đó cũng là lúc bắt đầu của lễ hội Notting Hill. Khi các ban nhạc này đến biểu diễn ngoài đường phố Notting Hill vào cuối tháng 8 năm 1964, hầu như toàn bộ những người di dân vùng biển Caribe, cộng với một số người Anh da trắng đã đổ ra đường phố và tự động biến những đường phố này thành một buổi trình diễn nghệ thuật dân dã vùng quê hương của họ. Đây là lần đầu tiên những người da đen châu Mỹ có thể tự do diễn tả cá tính của họ trên các đường phố của Notting Hill trong một khung cảnh nhắc lại không khí các buổi hội của họ tại quê nhà. Và lễ hội Notting Hill như đã xảy ra trong tuần này xuất phát từ đó tuy rằng nó đã dần dần biến đổi và mở rộng ra để trở thành tiêu biểu cho những gì độc đáo nhất của giòng nhạc người da đen vùng biển Caribê, cũng như không khí các buổi lễ hội tại vùng này, đặc biệt là tại Trinidad.

Tại Trinidad, trong thời kỳ còn chế độ nô lệ, những nô lệ da đen bị cấm chơi nhạc và mặc quần áo lành lặn ngoại trừ vào những ngày lễ hội Carnival nhập cảng của người Âu được tổ chức

vào sáu tuần lễ trước ngày Phục Sinh. Và trong những ngày này, vai trò của họ chỉ là cung cấp những trò vui cho các ông bà chủ của họ. Khi chế độ nô lệ bị bãi bỏ vào năm 1833, những người nô lệ được giải phóng này đã đổ ra đường, nhảy múa và ca hát. Họ dùng những khả năng nghệ thuật của họ để bắt chước bộ điệu của những chủ nhân họ và chế diễu một chế độ đã bắt họ phục tòng trong một thời gian quá dài. Những trò này, ăn mặc giống như giới chủ, đánh phấn bôi mặt cho ra vẻ da trắng hay đeo những mặt nạ méo mó của những chủ nhân cũ của họ đã trở thành những đặc trưng của các lễ hội tại vùng biển Caribê và nay ở Notting Hill.

Năm nay, lễ hội chính thức bắt đầu vào ngày thứ bảy 27 tháng 8 với các buổi trình diễn thi đua để xem ban nhạc Steel Band nào hay nhất. Ngày hôm sau, chủ nhật thường thường là ngày dành cho lễ hội của các trẻ em với các trò vui dành cho giới trẻ. Ngày thứ hai và cuối cùng mới là ngày chính. Trong ngày này có những buổi trình diễn xe hoa và người ta ăn uống, nhảy múa cho đến khuya mới thôi.

Năm nay đầu tiên người ta e ngại rằng lễ hội Notting Hill có thể hoặc không tổ chức được hoặc sẽ vắng vẻ hẳn vì những đe dọa của một cuộc tấn công khủng bố tại Luân Đôn. Nhưng với cảnh sát cho biết họ đã sửa soạn kỹ việc bảo vệ an ninh cho lễ hội này và với ban tổ chức cố gắng để chứng tỏ rằng thành phố Luân Đôn không bị viễn ảnh một cuộc tấn công khủng bố làm sợ sệt, số những ban nhạc và tổ chức nhận tham dự khá đông đảo và người ta hy vọng rằng trong ba ngày này sẽ có tất cả khoảng hai triệu người đến dự buổi lễ hội của người da đen vùng biển Caribê lớn nhất bên ngoài những nước vùng này.

Nếu tại Luân Đôn có Notting Hill Carnival thì tại Edinburgh, thủ đô của xứ Scotland một lễ hội khác cũng đương diễn ra. Nhưng lễ hội này có tính cách truyền thống hơn. Được tổ chức từ ngày 7 đến ngày 29 tháng 8 lễ hội Edinburgh Festival là một loạt những buổi trình diễn âm nhạc cổ điển tây phương, kịch nghệ, opera và ballet. Đặc biệt theo truyền thống, Festival này có tổ chức những buổi nói chuyện của các nhà truyền thông nổi tiếng qua đó người ta có thể thấy một phần nào những diễn biến mới trong quan hệ chính trị, văn hóa và truyền thông của nước Anh. Và cũng theo truyền thống đó, thứ sáu vừa qua, John Birt, cựu tổng giám đốc đài BBC trong một bài diễn văn trước những nhân vật đầu não giới truyền thông tại Edinburgh đã tuyên bố rằng tương lai của nền truyền hình Anh sẽ rất ảm đạm nếu chính phủ không can thiệp vào và để cho đài BBC tiếp tục độc quyền việc cung cấp các dịch vụ truyền thông công ích.

Ông Birt vốn vẫn còn ấm ức vì việc phải bỏ chức tổng giám đốc BBC thành ra không có gì lạ nếu ông có những lời phê bình đối với cơ quan cũ của ông. Nhưng hiện nay ông Birt đang là một cố vấn thân cận của thủ tướng Tony Blair thành ra những lời nói của ông có thể là rất có ảnh hưởng.

Nói đến quan hệ giữa chính trị và nghệ thuật, ta không thể nào không nói đến ông David Blunkett. Hầu hết dân chúng Anh đều biết đến vụ ông Blunkett cựu bộ trưởng nội vụ và người tình của ông, bà Kimberly Quinn, chủ bút nhật báo *The Observer* trong đó ông Blunkett đã đi kiện ngược bà Quinn đòi nhận hai đứa con của bà Quinn là con mình mặc dầu ông chồng bà Quinn không có ý kiến gì cả. Tấn bi hài kịch tay ba giữa ông Blunkett và vợ chồng bà Quinn đã kết thúc khi ông Blunkett bị buộc phải từ chức bộ trưởng Nội vụ vì bị tố giác rằng đã dùng vị thế mình để can thiệp cho người giữ con cho bà Quinn được phép ở lại nước Anh.

Nay thì cuộc tình của ông Blunkett đã được lên sân khấu. Đầu tiên là một vở nhạc kịch với một số những bài hát diễu cợt như bài "I may be blind, but I can see how inspiring I am." Sau đó đến vở thoại kịch Who's the Daddy? đang được trình diễn tại Luân Đôn trong đó ông cựu bộ trưởng nội vụ được diễn tả múa may trên sân khấu trong một bộ đồ "người nhện" (Spiderman)

Và bây giờ thì cuộc tình của ông Blunkett sắp được đưa lên truyền hình. Theo đài số 4 của Anh thì họ đã quay xong tập phim truyện "A very Social Secretary" và dự trù sẽ chiếu phim này trong nay mai. Có lẽ cho rằng các vở nhạc kịch và kịch nói không có bao nhiêu người coi, nhưng phim truyền hình thì sẽ đến một số khán giả đông đảo, thành ra ông Blunkett đã tỏ ra rất bất mãn về phim truyện này. Ông đã đe dọa yêu cầu tòa án cấm đài 4 chiếu phim này ra. Tuy nhiên ông Peter Dale, người cầm đầu đài số 4 cho biết rằng ông hy vọng ông Blunkett sẽ nhìn thấy khía cạnh khôi hài của cuộn phim và chấp nhận cho nó được chiếu trên màn ảnh nhỏ.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

NHÌN

Bia lên ta thấy thân người
Thấy ta thấy địch thấy đời lãng du
Thấy tay dư thấy chân thừa
Thấy tai nghễnh ngãng mắt mù óc không
Một đời phơ phất hình nhân
Thấy còn thấy hết sau cùng thấy đau
Bia lên thấy mẹ u sầu
Giấy bồi tơi tả cúi đầu trong ta
Trời cao ngó xuống thịt da
Bia lên mây cũng vật vờ cỏ xanh
Bia lên tìm chỗ ta nằm
Non cao duỗi cẳng em còn thấy đâu
Hầm bia buồn đến mộ sâu
Nghìn cây nến thắp trên đầu đạn bay.

Những ai đã từng đổ mồ hôi trong quân trường, nếu không trốn giờ thực hành tác xạ, chắc không thể quên được những tấm bia lên. Đó là những hình nhân bằng giấy bồi, được gắn trên một khúc cây dài, được những khóa sinh núp dưới hầm bia giơ lên cho những khóa sinh ghì súng ở phía trên bắn tập. Mỗi lần có tiếng hô " Bia Lên", những hình nhân được giơ lên ngang tầm súng hứng những viên đạn bay vèo vèo trên không trung. Mỗi vị trí bắn được đánh số tương đồng với số của hình nhân. Bắn xong, cứ đếm lỗ đạn trên hình nhân để tính điểm. Đếm xong, những vết đạn được dán kín lại để toán sau tiếp tục bắn. Khóa sinh trên xạ trường khi nhìn thấy bia lên chỉ nhìn thấy đó là mục tiêu phải nhả đạn tới cho thật chính xác. Nhưng thi sĩ Nguyên Sa, nhìn bia lên, đã thấy được rất nhiều hình ảnh. Đó không phải chỉ là cái nhìn bằng mắt nhưng còn nhìn bằng ký ức, tâm tưởng, tình cảm, suy tư...

Không phải là thi sĩ, không có một tâm hồn thơ, phần lớn chúng ta chỉ nhìn thấy những gì hiển hiện trước mắt. Đó là hình thể, chuyển động, ánh sáng, màu sắc... Cái nhìn bằng mắt như vậy nặng về phần cơ học. Nhưng ánh mắt nhìn lại khác, nó... gửi gấm lắm. Nhìn ánh mắt, người ta nhìn được lòng dạ nhau. Con mắt bỗng có đuôi.

Hai mươi bốn năm sau
Tình cờ đất khách gặp nhau
Đôi cái đầu đều bạc
Nếu chẳng quen lung, đố có nhìn ra được
Ôn chuyện cũ mà thôi.
Liếc đưa nhau đi rồi,
Con mắt còn có đuôi.
(Phan Khôi)

Con mắt sa đà vào lòng dạ có nhiều chuyện đáng nói. Mỗi chúng ta hầu như đều có kinh nghiệm về chuyện này. Hãy giữ riêng những con mắt có đuôi đó cho mình. Cái nhìn tôi muốn...phiếm ở đây, nó chỉ là cái nhìn. Trơ trụi có vậy thôi.

Chỉ nguyên việc nhìn được, đó đã là một hạnh phúc. Chúng ta có được đôi mắt nhìn rõ được thế giới quanh ta, chúng ta cứ nghĩ đó là chuyện đương nhiên, ai cũng vậy. Nhưng nhan nhản quanh chúng ta có thiếu gì người không còn đôi mắt để nhìn. Họ sống trong một thế giới khác, thế giới chỉ có một tấm màn đen. Trong một lần gặp gỡ Đại Úy Giám Đốc trường Khiếm Thị ở Saigon trước đây, ông đã chua xót nói bằng một giọng vừa ngậm ngùi vừa oán than." *Trên đời chỉ có hai hạng người: những người mắt sáng và những người mù!*" Nhiều năm sau, khi bị dồn vào cái gọi là trại Cải Tạo Long Thành, tôi thấy lại ông. Ông đã từ Đại Úy leo lên tới Đại Tá nhưng mắt ông vẫn tối thui như cũ. Trong trại, ngày ngày ông cõng một ông Đại Tá khác bị cụt chân tham gia những sinh hoạt trong trại. Một người có mắt, một người có chân, họ dựa vào nhau để sống!

Trong những xã hội chúng ta đang sống, người khiếm thị dựa vào chó. Đó là những con chó đã được huấn luyện để dắt người mù. Những con chó dễ thương này lại không hoàn toàn dựa vào đôi mắt của chúng. Theo một cuộc khảo sát ở Tân Tây Lan thì cứ mười chú khuyển này thì có ít nhất một chú bị cận thị khá nặng. Nếu là người thì chú đã phải sắm một cặp kính trắng, nhưng là chó, không có khả năng đeo kính, chú dựa vào tài đánh hơi và khả năng ngửi của mình để hành hiệp. Hai cái khả năng trời cho này của loài khuyển lại không đủ để "nhìn" thấy một chiếc xe hơi đang

phóng tới. Như vậy các nhà nghiên cứu đã ngửi thấy sự nguy hiểm, họ nghĩ ra là một dụng cụ điện tử để dẫn dắt người mù sẽ chắc ăn và đỡ phiền toái hơn nhiều. Những chú khuyển nghĩa hiệp chắc sẽ có ngày phải sắp hàng đi xin trợ cấp thất nghiệp!

Đôi mắt, cái bộ phận để nhìn của chúng ta, thường vẫn được ví von một cách thơ mộng là cái cửa sổ của tâm hồn. Nghe đẹp như vậy mà chúng ta hình như chưa o bế chúng một cách phải phép. Khi con người đạt tới cái tuổi 40 thì mắt đã có thể có vấn đề. Nó lụi đi không còn nhìn được rõ ràng nữa. Nó cần có một anh bạn: cái mục kính. Vậy mà, theo một cuộc thăm dò của hãng Léger Marketing với 755 người Canada trong tháng 8 vừa qua, thì dân Canada ở cái tuổi cần thăm hỏi đôi mắt đã chú trọng tới răng và tóc nhiều hơn. Hớt tóc, săn sóc tóc, xịt thuốc tóc, *gel* chải tóc thì OK nhưng mắt thì... hạ hồi phân giải. Họ không cần biết là, với tuổi tác, mắt nhìn không rõ nữa là chuyện đương nhiên, chẳng ai tránh được. Cũng vẫn theo cuộc thăm dò trên thì 76% người trên 40 tuổi nhìn không rõ và lên tới tuổi 45 thì 82% công nhận là mắt cặp bờ lời. Vậy mà 27% số người này không thèm đi khám mắt và 24% có đeo kính nhưng là thứ kính làm sẵn bán trong các cửa tiệm tạp hóa!

Tuổi càng cao, cái nhìn càng... lờ mờ nhân ảnh như người đi đêm. Không có cặp kính lão dễ gây ra những sự lầm lẫn tai hại. Nhưng không có cặp kính lão nhiều khi lại dễ chịu hơn. Vì cứ lờ mờ mà còn thấy mình dễ thương, lắp cặp kính vào thấy rõ những nét nhăn trên da, những vết thời gian trên người, những chân chim quanh mắt, những đồi mồi trên mặt, những tóc bạc trên đầu, mất vui đi! Đời có được bao lăm, trốn chạy được cái anh thời gian vô duyên lúc nào hay lúc đó. Cứ làm như thời gian bị hóa đá từ lúc anh và em, chúng ta e ấp dắt nhau vào cuộc sống lứa đôi.

Đôi vợ chồng trở lại nhà hàng nơi họ từng hưởng đêm tân hôn 50 năm trước. Ông chồng nhớ lại:

"Mình còn nhớ tiết mục tạp kỹ có thằng cha đập vỡ được ba quả hạt dẻ trong tiệc cưới của chúng mình không?"

"Em nhớ chứ! Quên làm sao được hở mình!"

"Bây giờ vẫn còn tiết mục trình diễn đó, đêm nay mình lại được sống lại cái đêm thần tiên của chúng mình hồi đó."

Buổi diễn đêm đó, vẫn anh nghệ sĩ cũ trình diễn tiết mục cũ, nhưng hai vợ chồng thấy anh đã thay ba hạt dẻ bằng ba trái dừa. Ông chồng lấy làm ngạc nhiên hỏi:

"Lão nghệ sĩ này! Tôi thấy tiết mục trình diễn của ông đã thay đổi lớn hơn, vượt xa những gì chúng tôi được xem cách đây 50 năm!"

Lão nghệ sĩ gật đầu:

"Cũng đành phải thế thôi, ông bạn. Với tuổi tác, mắt tôi nhìn càng ngày càng kém!"

Mắt kém, mắt đau cứ tìm tới mấy ông bác sĩ chuyên môn về mắt. Y học ngày nay đã tiến rất xa trong tất cả các ngành, trong đó có ngành nhãn khoa. Nhưng đem thiền vào nhãn khoa thì mới chỉ là một thử nghiệm đơn độc. Người mặn mà với công trình độc đáo này là một bác sĩ nhãn khoa Việt Nam, Bác sĩ Nguyễn Hùng trong tổ hợp *United Eye Care*. Bác sĩ Hùng năm nay mới 30 tuổi, là người Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp cùng một lúc hai văn bằng Tiến Sĩ về Nhãn Khoa và Cao Học Y Tế Công Cộng *(Master of Public Health)* của Đại Học *Nova Southeastern University*. Ông cũng đã tốt nghiệp Cử Nhân Sinh Hóa của Đại Học UCLA từ năm 1997.

Do đâu mà vị Bác sĩ trẻ tuổi này lại nghĩ tới thiền và áp dụng thiền vào ngành chuyên môn của mình? Ngay từ thuở nhỏ, Bác sĩ Hùng đã có những phút ngồi cầu nguyện do tự nhiên không từ một ảnh hưởng của tôn giáo hay nền giáo dục nào cả. Ông cho đó là một «cơ duyên.» Những phút cầu nguyện này không phải là muốn cầu xin một ơn huệ nào cả mà chỉ là những phút tĩnh tâm cho tâm trí thư thả. Sau những phút tĩnh tâm như thế, ông đều cảm thấy có điều gì như sáng hơn trong trí óc. Sau khi tìm hiểu thêm về Thiền ở Nhật Bản và Ấn Độ để nắm bắt được cái vi diệu của Thiền, ông đã tĩnh tâm đưa sự suy tưởng vào việc chữa trị trong nhãn khoa. Ông nhận thấy sau một thời gian chữa trị cho các bệnh nhân, các bệnh về mắt thường ít nhiều do từ nhãn áp mà ra. Cũng theo Bác sĩ Hùng thì trong việc điều trị các bệnh về mắt, người ta chỉ chữa ngọn mà bỏ quên gốc. Ông chú trọng vào việc chữa trị từ gốc. Việc định ra được ảnh hưởng của nhãn áp trên các bệnh về mắt là một điểm mới vì chính nhãn áp là nguyên nhân của những trường hợp bị mù mà người bệnh thường không biết. Đó là sự chết từ từ của mắt. Theo nghiên cứu của ông thì nguyên nhân đưa đến mù lòa do tự nhiên chỉ có khoảng từ 14% đến 15% do di truyền, một phần do tiểu đường và một phần do hút thuốc, còn hầu hết là do nhãn áp, do những điều hành sinh học không tự nhiên trong mắt khiến thần kinh mắt bị ảnh hưởng tạo nên áp nhãn gây mù.

Ông giải thích là theo nguyên lý âm dương, có đi thì phải có về mới hợp theo lẽ tự nhiên. Vậy mà, trong nhiều bệnh về mắt, nước tiết ra trong mắt thường không trở về đầy đủ khiến ảnh hưởng đến thần kinh mắt trên các phần giác mạc và võng mạc. Từ đó ông tạm kết luận là nhãn áp rất quan trọng và ông nghiên cứu theo hướng này. Ông thấy rõ sự khác biệt giữa những người có tập thiền và những người không tập thiền trong các bệnh về mắt. Sau nhiều trường hợp thử nghiệm bằng cách chỉ dẫn cho bệnh nhân tập thiền, ông thấy kết quả trong việc điều trị rất khả quan. Phương pháp thiền ông tập cho bệnh nhân rất giản dị. Chỉ cần ngồi kiết già, giữ thân cho thẳng, hai tay để thoải mái trên đầu gối, bàn tay ngửa và đôi mắt chỉ mở 1/3 rồi từ từ thở ra hít vô thật sâu. Mỗi nhịp thở là một lần dừng lại đếm. Cứ tập như thế trong khoảng 20 phút mỗi ngày.

Theo vị Bác sĩ tuổi trẻ tài cao này thì đây là nghiên cứu đầu tiên trên thế giới về áp dụng thiền trong điều trị nhãn khoa. Tháng 6 năm 2005 tới đây, công trình nghiên cứu của ông sẽ được trình bầy trước Hàn Lâm Viện Nhãn Khoa Hoa Kỳ.

Khi chúng ta nhìn, màu sắc là cái đập vào mắt chúng ta trước tiên. Nhà thiết kế thời trang Lisa Fisher ở Cape Town, Nam Phi cho rằng màu sắc luôn ở quanh ta và là điều thiết yếu của cuộc sống, có ảnh hưởng tới tâm trạng và sức khỏe của mỗi chúng ta từ cơ thể tới đầu óc và tinh thần. Mầu sắc chẳng phải chỉ để nhìn cho vui mắt. Nó quan trọng hơn nhiều. Cũng vẫn theo Lisa Fisher thì mỗi mầu sắc có một sự tác động khác nhau tới hệ *chakra.* Hệ *chakra,* nó là cái chi chi? *Chakra* có nghĩa là vòng quay hoặc cơn xoáy, ám chỉ tới một trong bẩy loại năng lượng mà hệ ý thức và sức mạnh của cơ thể chúng ta được tạo nên. Nó hoạt động như một cái bơm hoặc van để điều chỉnh dòng chảy năng lượng trong cơ thể. Khi hệ *chakra* bị mất cân bằng, nó dẫn tới sự thiếu hoặc thừa năng lượng và ảnh hưởng tới sức khỏe. Khi năng lượng khỏe mạnh, rộng mở và cân bằng, nó sẽ chảy dễ dàng qua hệ *chakra.* Khi chúng ta mặc quần áo, chúng ta cần phải hiểu được mỗi mầu có ý nghĩa gì và sử dụng nó thế nào để có thể hồi phục sức khỏe bằng cách cân bằng hệ *chakra.*

Chúng ta thử lấy một vài ví dụ. Nếu chúng ta cảm thấy thiếu tự tin hoặc mất tinh thần về một buổi họp quan trọng sắp tới chẳng hạn, chúng ta hãy mặc mầu đỏ. Mầu đỏ là mầu đầy sinh lực và mạnh mẽ, mang tới sự quyết đoán và năng động. Dưới mầu đỏ một nấc là mầu hồng, một mầu cũng mạnh mẽ nhưng không nhiều năng lượng như mầu đỏ.

Nếu chúng ta cảm thấy lo lắng trước một cuộc họp thì mầu vàng sẽ loại bớt được sự lo âu. Đó là mầu của ánh nắng và sự sống. Mầu đen là mầu của đất, sự che chở và nữ tính. Mầu trắng đầy tính thuần khiết và thanh tao.

Mầu sắc, như vậy, nó ảnh hưởng tới tâm trạng của chúng ta. Lựa đúng mầu vào đúng lúc, đúng nơi, chúng ta sẽ cảm thấy thoải mái và an tâm. Mầu sắc cũng ảnh hưởng tới việc yêu đương. Điều này thật ra chẳng mới mẻ gì. Ngay từ thời cổ, các vương triều ở Trung Hoa và Ai Cập đã biết điều này từ khuya. Họ đã biết lựa mầu sắc cho cung điện và nhất là những nơi vua ngự giá tới ban ơn mưa móc cho các cung tần mỹ nữ. Theo sự phân tích của các nhà khoa học thì mầu sắc ảnh hưởng rất nhiều tới tâm lý và sinh lý của con người. Riêng về tình dục, mầu sắc còn có khả năng làm hưng phấn hay giảm thiểu sự kích thích trong ham muốn và sự hăng hái trong hoạt động tình dục. Mầu xanh tạo sự thanh thản, mát mẻ, nhẹ nhàng, khêu gợi. Mầu đỏ gây kích thích mạnh, tạo sự ấm cúng, hăng say, nhiệt tình, mạnh dạn. Những người hay lơ là trong việc chăn gối nên dùng đèn mầu đỏ trong phòng để tạo thêm hứng thú và hăng say. Các khách sạn tại Hong Kong lại ưa dùng vải sa tanh đen làm khăn trải giường. Mầu đen thực ra không có tác dụng gì nhiều trong việc chăn gối nhưng nó làm cho cơ thể con người nổi lên khiến khoái cảm tăng thêm.

Ánh sáng cũng là một yếu tố quan trọng. Trong một căn phòng tối thui, nhà tranh cũng như nhà gạch, mất rất ít việc làm. Mà hình ảnh của người tình được ánh sáng soi sáng thường làm tăng thêm kích thích cho việc... đánh cờ. Các nhà tình dục học khuyên các cặp vợ chồng muốn đạt được khoái cảm thực sự trong ái ân nên dùng mầu hồng cho phòng ngủ, khăn trải giường mầu sậm và dùng đèn ngủ mầu đỏ hay mầu hồng. Chẳng nên không nhìn thấy nhau trong bóng tối.

Các nhà giáo dục tại các trường trung học và một số các trường tiểu học tại Montréal đang điên đầu về trò chơi mầu sắc của học sinh. Chúng đua nhau đeo những chiếc vòng nhựa có mầu trên tay. Ngặt một nỗi, những chiếc vòng này là

những chiếc vòng biết nói. Chúng nói những điều mà các thầy cô nổi da gà! Khi một học sinh nhìn mầu sắc chiếc vòng trên tay một học sinh khác phái, chúng đọc được ý nghĩa trên mầu sắc chiếc vòng. Mầu cam: một cái hôn. Mầu vàng: một cái ôm. Mầu đỏ: hôn lưỡi. Mầu tím: hôn, nắm tay. Mầu hồng: sẵn sàng. Mầu xanh: dùng mồm miệng. Mầu lá cây: sex bên ngoài. Mầu đen: làm tình! Mầu sắc và cái nhìn đã sa đà vào chốn tối đen. Lối nhìn sống sượng nặng về tình dục trong chốn trường ốc đã lấy đi sự hồn nhiên của lớp tuổi học trò.

Tôi muốn thoát khỏi cái nhìn vướng víu đó để nghía vào một cái nhìn khác. Thơ hơn nhiều!

Em bơi nằm ngửa trong hồ
Nước trong thấy rõ ý đồ của anh
Ngày xưa đi học dốt văn
Nên giờ không biết tả tiên thế nào
Nước ôm hai mảnh xôn xao
Hồn nhiên hôn đại ngay vào chân lông
Anh đưa con mắt trời trồng
Ngó lơ chỗ khác như không thấy gì

(Quan Dương)

01/2005

VI

Đây là những chuyện tôi nghe được nhưng độ chính xác của chúng thì có thể khá bảo đảm. Vì những người liên quan đến những chuyện này, tôi biết. Không hiểu sao những nhân vật này đều là các bà. Một bà vợ của một ông bác sĩ có làm chính trị sợ vi trùng đến nỗi lúc nào trong người bà cũng thủ sẵn một chiếc khăn tay trắng. Đụng tới bất cứ vật gì bà ấy cũng lót bằng khăn tay: vặn quả đấm cửa, vịn tay vào lan can, mở cửa xe... Một bà khác khi qua Mỹ, đi làm tại xưởng may, đã luôn luôn cặp kè theo chiếc ghế gấp mang từ nhà đi để ngồi cho khỏi nhớp! Một bà sống ở Saigon trong một biệt thự sang trọng mà mỗi khi làm những chuyện tiện ích lớn bé đều ra ngoài vườn chứ không chịu ngồi trong phòng vệ sinh sạch sẽ trắng bong trong nhà. Sợ dơ!

Họ cẩn thận quá đáng. Cũng được đi. Nhưng cái tính cẩn thận của một nhà thơ thì hơi... giai thoại. Cứ tưởng tượng nhà thơ Quang Dũng là một người to lớn. Có lần ông về vùng quê, trẻ em chen chúc nhau chạy theo để coi mặt ông... tây! Ông tây này ăn như hổ. Có lần Nguyễn Tuân lãnh được một món nhuận bút, bao Quang Dũng đi ăn xôi. Nguyễn Tuân chỉ ăn được một bát trong khi nhà thơ to khỏe này làm luôn một lèo tới tám bát! Khỏe như vậy nhưng khi cùng nhà văn Kim Lân, một người ốm yếu nhỏ bé, từ quê về Hà Nội, Quang Dũng đã nhất định không đèo xe đạp ông nhà văn nhẹ cân này. Lý do: sợ bể lốp xe! Nhà ở chung cư, trên tầng ba, Quang Dũng lễ mễ vác được xe lên để trước phòng, đêm ngủ không yên tâm, phải trở dậy lấy dây thừng cột chiếc xe vào cột! Một người cẩn thận như vậy, sợ vi trùng cũng chẳng có chi lạ. Một lần nhà thơ đi thực tế ở Thái Bình, đóng chốt ở Thư Trì mấy tháng. Ác một cái là Thư Trì, như tên gọi, chỉ có toàn ao, không có một cái giếng nào. Vo gạo, tắm giặt, đánh răng, rửa mặt đều phải ra ao. Quang Dũng, sáng sáng rửa mặt, đã cẩn thận dùng một cây sào dài, móc khăn vào đầu sào, với ra giữa ao để có thể dùng "nước sạch"! Nhà thơ cho rằng nước ở giữa ao ít vi trùng hơn nước ở gần bờ ao!

Quang Dũng và các bà được tôi cho vào bảng phong thần trên biết một mà không biết hai. Vi trùng, làm sao mà tránh được! Nó có ở khắp nơi! Cái vịn tay ở cầu thang chẳng hạn, khi ta để tay vào thì ở đó đã lổn nhổn vi trùng của hàng ngàn người vịn tay vào trước. Cái bồn tắm trắng bóc trong phòng tắm, cũng ổ vi trùng đấy! Nước nóng chúng ta tắm, cũng vi trùng lềnh khênh! Muốn tránh hết vi trùng chỉ có cách là ngồi thu lu một chỗ, không đụng chạm tới một vật gì hết. Nhưng nếu tự cầm tù mình như vậy, vi trùng chúng cũng vẫn hỏi thăm chúng ta được. Theo như nhà vi trùng học Norman Pace thuộc Đại Học Colorado ở Boulder thì da của chúng ta cũng bị bao phủ bởi khoảng 100 triệu vi sinh vật! Tránh vi trùng chỉ làm trò cười cho miệng thế!

Một nhà giải phẫu, trước khi thực hiện ca mổ, vội vàng đeo găng tay. Bệnh nhân nằm trên giường mổ, bĩu môi khinh bỉ: "Hèn! Hắn muốn trốn tránh trách nhiệm nên không muốn để lại dấu vân tay đây mà! Đồ hèn!"

Cứ ngồi thu lu trong nhà chúng ta cũng bị vây khốn bởi các vi sinh vật. Chúng núp ở đâu nhiều nhất? Chỗ mà chúng ta cho là dơ nhất trong nhà là chỗ phòng kín để chúng ta làm chuyện kín. Đừng vội cười! Không phải phòng ngủ đâu! Mà là phòng vệ sinh, nơi tưởng là...mùi vị nhất nhà, cũng không phải là ổ vi sinh vật đâu. Cái ổ vi sinh vật nằm trong giang sơn của các bà! Tôi muốn nói tới nhà bếp!

Chúng núp nhiều nhất trong miếng bọt biển dùng để rửa chén bát, rồi tới chậu rửa bát, ống

thoát nước, mặt bếp, dao thớt, tay cầm tủ lạnh, khăn lau tay. Miếng bọt biển là nơi trú ẩn lý tưởng nhất của các anh tí hon cựa quậy này vì nó luôn luôn ẩm ướt và có những lỗ hổng. Chúng ta dùng miếng bọt này để rửa chén bát, lau bồn rửa, lau vòi nước là giúp các vi sinh vật tràn lan ra. Vậy thì rửa chén bát bằng... tay à? Đừng hỏn mát nhau chứ! Vẫn dùng miếng bọt nhưng đừng để chúng lúc nào cũng ướt như chuột lột. Khi dùng xong chúng ta nên giặt chúng với nước nóng rồi cho vào *microwave* chạy nóng để diệt trùng, giữ khô cho đến lần dùng tới. Cái khăn lau trong bếp được dùng đi dùng lại cũng... vi khuẩn ra gì. Tốt hơn là chẳng nên dùng khăn vải mà dùng khăn giấy, lau xong rồi bỏ. Nói như vậy, ông *Bounty,* ông *Kleenex,* các ông ấy mừng lắm. Mấy chốc mà thương vụ chẳng lên vùn vụt! Nhiều ông bà văn nghệ, ăn xong xếp chén bát dơ để đó, làm vài giờ phim bộ hay *karaoke* đã. Nay không rửa thì mai rửa, đã dùng lại đâu mà vất vả tấm thân. Nghĩ vậy là đúng ý các anh vi sinh vật đấy. Chén bát dơ ngâm lâu với đồ ăn thừa là một nồi súp bổ béo cho vi sinh vật sinh trưởng và lây lan. Rửa chén bát xong, phơi hoặc sấy khô được là nhất. Vi sinh vật chỉ có khóc! Khóc, cho khóc luôn, nếu chúng ta thỉnh thoảng khử trùng bồn rửa bát. Khử ra sao? Dùng một dung dịch pha một lít nước với một muỗng *chlorine.* Cái thớt trong bếp cũng nên đúng cách. Thớt phải nhẵn nhụi, không kẽ nứt, làm bằng gỗ cứng hoặc chất dẻo tổng hợp cho dễ lau chùi.

Theo một nghiên cứu của Đại Học Utah thì chỉ có 34% dân chúng rửa tay trước khi làm bếp và hầu hết đều không rửa tay với xà bông. Vi sinh vật chúng vỗ tay hoan nghênh sự bất cẩn này. Muốn cắt đứt tiếng vỗ tay vô duyên này, nên rửa tay khoảng 20 giây với nước ấm và xà bông trước và sau khi làm bếp với thịt cá sống. Ngay cả thịt cá sống, trước khi nấu, nên rửa kỹ để loại bớt một số vi khuẩn bám trên mặt thịt cá hầu bảo đảm là sau khi nấu, vi khuẩn sẽ hết đường bám víu.

Vi khuẩn sống hùng sống mạnh nếu có ba yếu tố: thức ăn, độ ẩm ướt và khí hậu ấm nóng. Thực phẩm của chúng ta cũng là thực phẩm của các vi khuẩn. Có điều khác là chúng ta mua nhưng vi khuẩn ăn mà khỏi mua. Đó là các thứ thịt, cá, trứng và sữa. Nhiệt độ từ 40 độ F đến 140 độ F là lý tưởng cho sức sống của vi khuẩn. Trên nhiệt độ 140 độ F, vi khuẩn sẽ bị sức nóng tiêu diệt, dưới 40 độ F vi khuẩn sẽ chậm tăng trưởng. Vi khuẩn chúng bất khuất lắm. Mới đây các nhà khoa học Mỹ đã phát hiện một loại vi khuẩn mới có tuổi thọ 32.000 năm vẫn còn sống trong lớp băng đá ở Alaska. Chúng được đặt tên là *Carnobacterium pleistocenium.* Tên gì mà dài ngoằng lại khó nhớ. Vậy mà chúng ta phải nhớ, nhớ để ghi nằm lòng mà biết sợ vi khuẩn. Khi những tảng băng tan rã, những chú li ti 32 ngàn tuổi này lại tung tăng bơi khắp nơi tức thì!

Nói sợ là sợ vậy thôi. Chỉ có một số vi khuẩn gây bệnh cho chúng ta, còn vi khuẩn cũng cần thiết cho môi sinh. Nếu không có vi sinh vật thì thì sự sống trên trái đất sẽ khó khăn và trở ngại lắm. Chúng làm mục nát, thối rữa thực vật và các tế bào động vật, nhờ đó ruộng đất phì nhiêu, hoa màu trồng trọt được và có thực phẩm cho mọi sinh vật. Nhà bác học Louis Pasteur còn cho là ngay trong bộ tiêu hóa của chúng ta, một số vi sinh vật đã có tác dụng tốt cho sức khỏe. Trong cơ thể của chúng ta có một số vi khuẩn giúp bảo vệ chống lại sự xâm nhập của các vi sinh vật có hại. Đó là lý do tại sao chúng ta chích ngừa, một trò chơi làm cho chúng ta khóc hết nước mắt khi còn nhỏ! Nguyên tắc của sự chích ngừa là lấy một lượng rất nhỏ mầm bệnh hoặc một bộ phận mầm bệnh, ví dụ như *protein* vỏ ngoài của vi khuẩn hoặc *virus,* rồi làm mất hoạt tính, chế thành thuốc chủng, sau đó chích vào cơ thể con người. Điều này không gây hại cho cơ thể mà lại kích thích hệ thống miễn dịch sản sinh kháng thể để đối kháng hiệu quả với mầm bệnh xâm nhập vào cơ thể.

Nếu cơ thể không chống được sự xâm nhập của mầm bệnh, chúng ta mắc bệnh. Phải cầu cứu tới anh kháng sinh. Vị anh hùng cứu chúa này quả có làm phiền các anh vi trùng. Hai con vi trùng gặp nhau. Một con tỏ vẻ rất tiều tụy. Con kia bèn hỏi: " Mày đau hả?" Gật đầu. " Bệnh gì vậy?". Trả lời. " Penicilin!"

Cái anh chàng chiến sĩ chống bệnh này nhiều khi bị chúng ta lạm dụng. Hoặc dùng khi chưa cần thiết, hoặc dùng quá số lượng cần thiết. Hậu quả là lờn thuốc sanh ra phản ứng phụ. Thậm chí có thể làm mầm bệnh đột biến *gene,* sản sinh mầm bệnh siêu cấp khiến khoa học phải đối diện với sự uy hiếp lớn hơn của bệnh. Ngoài ra, trong ngành chăn nuôi ngày nay, người ta thường cho thêm kháng sinh vào thực phẩm của động vật để nâng cao khả năng đề kháng bệnh. Khi chúng bị giết thịt, chúng ta ăn vào, thế là chúng ta cũng hấp thu một phần kháng sinh. Hậu

quả là làm tăng tính chịu đựng của mầm bệnh đối với thuốc, dần dần làm kháng sinh mất khả năng đối phó với mầm bệnh. Nghiêm trọng hơn là việc lạm dụng này đã làm xuất hiện vi khuẩn siêu cấp lấy chất kháng sinh làm thức ăn để tiến hóa như trường hợp đã xảy ra cách đây mấy năm tại một bệnh viện ở Anh!

Lờn thuốc là một mối hiểm nguy. Một nhà nữ vi sinh vật học được yêu cầu cho một định nghĩa về người chồng, bà không ngần ngại nói: " Chồng là một loại vi khuẩn hay lờn thuốc, rất khó trị!"

Vi khuẩn chồng thì dễ nhìn ra, đôi khi không muốn nhìn nữa, nhưng vi khuẩn đích thực thì mắt thường chẳng thể nào thấy được. Muốn thấy dung nhan những anh vi này, chúng ta phải chúi mắt vào kính hiển vi. Thường trong các phòng thí nghiệm hiện nay, chúng ta dùng kính hiển vi quang học hoặc kính hiển vi điện tử. Chúng có những nhược điểm. Kính quang học không thể phóng đại các mẫu vật nhỏ hơn 1 phần triệu mét như *virus* và phân tử. Còn kính hiển vi điện tử thì kềnh càng và rất đắt tiền. Hơn nữa, với hai loại kính này, mẫu vật phải đặt trong buồng hút chân không, tức là phải làm chết, sấy khô rồi bị phủ, mạ. Vì thế nhà nghiên cứu chỉ nhìn được mẫu vật ở dạng không nguyên vẹn. Thế hệ mới của kính hiển vi là kính hiển vi quét đầu dò, gọi tắt là SPM. Ưu điểm của loại này là có thể quan sát trực tiếp mọi chất liệu như kim loại, bán dẫn, sứ, hữu cơ, đại phân tử... trong môi trường không khí bình thường. Nguyên lý của loại kính này là quét một mũi dò nguyên tử trên một bề mặt mẫu ở khoảng cách nguyên tử và có thể quan sát ảnh với độ phóng đại từ hàng ngàn cho đến vài triệu lần. Hình ảnh sẽ được hiển thị trên máy tính với hệ số phóng đại lớn ở dạng một chiều, hai chiều hoặc ba chiều. Giá cả dĩ nhiên rất đắt, hàng triệu đô la Mỹ. Viện Vật Lý Ứng Dụng và Thiết Bị Khoa Học ở Việt Nam vừa chế tạo thành công được loại kính hiển vi này với giá thành rẻ hơn nhiều. Trong khi đó, tại Đức, Phòng Thí Nghiệm Sinh Học Phân Tử Châu Âu và Carl Zeiss đã đi thêm một bước, chế tạo được kính hiển vi ba chiều cải tiến dựa trên công nghệ mới có tên gọi kính hiển vi soi sáng mặt phẳng lựa chọn, gọi tắt là SPIM. Với loại kính này, các nhà nghiên cứu có thể quan sát sâu vào mô của sinh vật đang phát triển trong một thời gian dài, với độ chi tiết cao hơn. Ngoài ra, kính mới này tận dụng tốt hơn chất nhuộm màu huỳnh quang thường được dùng để nhuộm các sinh vật sống trước khi đặt dưới kính. Thường các loại kính truyền thống cũ chiếu sáng cùng phương với phương nhìn khiến chỉ có thể nhìn được ánh sáng huỳnh quang trong mặt phẳng mỏng của khe kính nên hầu hết chất nhuộm bị lãng phí và nhạt đi dưới ánh sáng mạnh, tạo ra những bức ảnh kém chất lượng. Thêm vào đó, mẫu vật bị gò bó theo những cách bất thường dưới nhiệt độ của chùm sáng *laser*, làm bẻ gẫy các phân tử của cơ thể, do đó mẫu vật thường bị chết. Kính SPIM chiếu sáng mẫu vật từ một bên, vuông góc với tầm nhìn của người quan sát. Kỹ thuật này cho phép các nhà nghiên cứu soi rọi bằng chùm tia *laser* năng lượng yếu hơn nhiều và chỉ qui tụ lên vùng mà họ muốn chụp ảnh. Chất nhuộm không bị phân hủy nhanh và mẫu vật sống lâu hơn, thường là hơn bốn ngày. Nhờ đó, các nhà nghiên cứu có đủ thời gian để theo dõi sự phát triển của mẫu vật. Hơn nữa, sinh vật có thể được quay vòng và quan sát từ nhiều mặt khác nhau mà không gây ảnh hưởng gì vì nó được thả vào một ống chứa *gel* hòa tan *oxy* và nhận chìm trong một thùng chất lỏng. Các bức ảnh được tạo ra bằng một chương trình máy tính, theo đó nó chồng các hình ảnh lát cắt mỏng vào một hợp thể ba chiều như trong một không gian ba chiều.

Thế còn những chú vi trùng tinh quái núp ở chiều thứ tư, sao nhìn được? Như vi trùng của ông Luân Hoán thả ra.

mỗi lần sắp sửa yêu ai
tự nhiên mặt mũi tóc tai lạ lùng
tưởng như có triệu vi trùng
ngo ngoe đòi được nhớ nhung với mình

Vi trùng ngo ngoe của thơ Luân Hoán chưa phải là loại vi trùng có máu giang hồ. Vi trùng của nhà thơ Quan Dương còn chơi trò ngu ngơ nhảy từ một người yêu qua một người yêu.

Có một lần xưa, em ghé lại trao hôn
Con vi trùng ngu ngơ bỏ nhà đi lạc
trên môi anh. Đêm lạ nhà không ngủ được.
Chợt nửa khuya thức giấc mơ người

Con vi trùng lạc trong máu cuối đời
lây lất sống cùng nụ hôn một thuở
Nụ hôn đó bâng khuâng như duyên nợ
Mong một ngày gặp mặt trả lại em

Lại có ngày người ta trả đi trả lại nhau một con vi trùng nữa sao?

04/2005

Website: www.songthao.com

Từ Thép Đã Tôi Thế Đấy đến Nhật Ký Đặng Thùy Trâm, những ước mơ bị phản bội

TRẦN TRUNG ĐẠO

"Ôi miền Bắc xa xôi bao giờ ta trở lại?"

Đó là dòng chữ hay tiếng nấc cuối cùng của một bác sĩ 28 tuổi ghi lại trong nhật ký của chị ngày 16 tháng 6 năm 1970. Một tuần sau, chị bị một đơn vị lính Mỹ phục kích và bị giết. Cuốn nhật ký của chị được chuyển đến Frederic Whitehurst, gọi tắt là Fred, sĩ quan quân báo Mỹ, để phân tích. Và theo đề nghị của một thượng sĩ quân đội Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Trung Hiếu, Frederic Whitehurst đã giữ lại hai cuốn nhật ký thay vì đốt bỏ sau khi không tìm thấy các dữ kiện liên hệ đến tình báo quân sự. Năm 1972, Fred về nước, trong hành lý của anh có thêm hai kỷ vật chiến tranh: nhật ký của bác sĩ Đặng Thùy Trâm.

Mấy chục năm và nhiều lần cố gắng tìm thân nhân của chị Thùy Trâm để hoàn trả không thành công, Frederic Whitehurst đã tặng hai cuốn nhật ký cho viện lưu trữ về Việt Nam Lubblock tại đại học Texas. Trong hội nghị hàng năm về chiến tranh Việt Nam vào trung tuần tháng 3 năm 2005, chính Frederic Whitehurst, chàng sĩ quan quân báo ngày xưa nay trở nên một tiến sĩ hóa học và một luật gia, đã đến dự và lần nữa nhắc đến nhật ký của chị. Cuối cùng, từ phòng họp của Trung Tâm Việt Nam thuộc đại học Texas này, một bản sao cuốn nhật ký của chị Đặng Thùy Trâm đã tìm ra được đường về quê hương sau 35 năm lưu lạc. Ba tháng sau, hai cuốn nhật ký được in chung trong một tác phẩm dưới tựa Nhật Ký Đặng Thùy Trâm.

Hành trình của cuốn nhật ký, từ dòng chữ nghiêng nghiêng đầu tiên trên giấy trắng kẻ ô ngả vàng của chị cho đến ngày được in thành sách chẳng khác một cuốn phim truyện với nhiều tình tiết ly kỳ nhưng lại rất thật, rất cảm động và đầy ắp tình người.

Như bụi phong lan sinh ra và dưỡng nuôi bằng những hạt mưa rừng trên nhánh sồi khô giữa rặng Trường Sơn, nhật ký của chị Thùy Trâm sống sót trong khói lửa đạn bom do bàn tay săn sóc của đại diện cho cả ba bên tham dự cuộc chiến tranh tàn khốc nhất trong lịch sử Việt Nam. Ba yếu tố: những dòng chữ chân thành có một chút mộng mơ của bác sĩ trẻ tuổi, lòng nhân hậu của người lính miền Nam và sự trân trọng của viên sĩ quan quân báo Mỹ, đã gặp nhau như một nhân duyên kỳ diệu để ngày nay Nhật Ký Đặng Thùy Trâm, dấu tích của một cuộc chiến tranh tàn khốc, có mặt trong tủ sách chúng ta. Điều đó cho thấy, những ý nghĩ chân thành, những rung động thật từ trái tim bao giờ cũng dễ được cảm thông, không chỉ trong những người cùng thời, cùng chiến tuyến mà ngay cả những người đứng bên kia chiến tuyến.

Trong hai tháng qua, Nhật Ký Đặng Thùy Trâm được xem là cuốn sách bán chạy nhất. Theo báo Tuổi Trẻ, chỉ trong vòng một tuần lễ, 14,200 cuốn đã được bán ra, riêng trong ngày Chủ Nhật 31 tháng 7 đã phát hành 3800 cuốn. Theo tổng kết mới nhất, Nhật Ký Đặng Thùy Trâm đã vượt tất cả kỷ lục sách Việt Nam với hàng trăm ngàn cuốn được in trong một thời gian rất ngắn. Đây không phải là lần đầu tiên một nhật ký chiến tranh được in ra, nhưng chưa nhật ký nào trở nên một hiện tượng trong sinh hoạt văn học và tạo nên một làn sóng tình cảm mạnh mẽ trong nước như nhật ký của chị Thùy Trâm. Tại sao? Ngoài những suy nghĩ chân thành chị viết ra, một phần không nhỏ bởi vì chị là một trí thức trẻ, một người con gái tuổi hai mươi và hành trình khá gian nan của bản thân cuốn nhật ký.

Phản ứng và nhận xét về tác phẩm Nhật Ký

Đặng Thùy Trâm thì rất nhiều, từ ông cựu Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu, ông Thủ Tướng Phan Văn Khải đến các nhà văn, nhà thơ, những người bạn cùng chiến đấu với chị trước đây và ngay cả một người như tôi, nhỏ hơn chị hơn một giáp tuổi và sống xa nửa vòng trái đất, cũng muốn viết vài cảm nghĩ về chị.

Đối với các cấp lãnh đạo đảng, đoàn, đây là cơ hội vàng son để đóng khung tô màu lên tấm bảng "Lý tưởng Cộng Sản" mà chính họ cũng cảm thấy ngượng ngùng mỗi khi ngó đến. Ông Phan Văn Khải, trong lá thư gởi báo Tuổi Trẻ ngày 4 tháng 8 viết: "Tôi nhớ lại điều đã nêu thành chủ đề của bài phát biểu nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước: 'Đưa đất nước tiến kịp thời đại với ý chí mãnh liệt như ý chí giành độc lập thống nhất.' Tấm gương của Thùy Trâm và Thạc làm cho khát vọng đổi mới và phát triển đất nước càng thấm sâu trong mọi người Việt Nam ở trong nước cũng như nước ngoài, tạo khí thế mới trong lao động học tập và rèn luyện vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc."

Trên báo Tuổi Trẻ ngày 23 tháng 8 năm 2005, ông cựu Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu cũng viết những lời kêu gọi thanh niên như được trích ra từ một nghị quyết nào đó:"Lớp tuổi 20 hiện nay hãy thể hiện lòng biết ơn, sự ngưỡng mộ của mình với những người đi trước, những anh hùng, liệt sĩ bằng hành động và trái tim của tuổi trẻ. Đó là sự cống hiến sức lực, trí tuệ, tài năng của mình cùng cả dân tộc đưa Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, đưa vinh quang, hạnh phúc cho mọi người, của mọi người. Nối tiếp truyền thống anh hùng của cha anh, góp phần vào thắng lợi của công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cho dân tộc ta bước lên lâu đài hạnh phúc. Đó chính là giá trị đích thực của lẽ sống tuổi trẻ Việt Nam trong thời kỳ mới."

Những khẩu hiệu tuyên truyền thời chiến tưởng đã quên đi chợt bừng bừng sống dậy. Trong hai tháng qua, báo lớn, báo nhỏ, báo già, báo trẻ trong nước, những bài viết sặc mùi tâm lý chiến lại được đăng ngay trên trang nhất để ca ngợi chị Đặng Thùy Trâm.

Thế nhưng không phải ai cũng nhắm mắt vỗ tay theo những lời hô hào, ngợi ca sáo rỗng "Đưa đất nước tiến kịp thời đại," "Chũ nghĩa anh hùng cách mạng," "Bước lên lâu đài hạnh phúc" của ông cựu tổng bí thư và ông thủ tướng, những tiếng nói bộc trực, thẳng thắn của những người cùng thế hệ với chị Thùy Trâm cũng vang lên từ trong nước như những lời cảnh giác dành cho thế hệ trẻ.

Báo Tuổi Trẻ ngày 7 tháng 8 ghi lại câu trả lời của nhà văn Bảo Ninh: "Lần đầu tiên nhìn thấy cuốn nhật ký, tôi đã rất xúc động. Đó là một phần tuổi trẻ của tôi. Đó là những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời tôi. Cái đẹp của sự xả thân. Cái sự xả thân của chị Trâm, anh Thạc hồi ấy sao mà đơn giản thế. Đừng vội gán cho chị Trâm những lý tưởng to tát như vì Đảng, vì dân, cũng đừng cường điệu chị lên, đừng bắt chị phải vác cái huy hiệu 'anh hùng.' Bởi theo tôi, chị rất đỗi bình thường. Trước cái chết, nếu 'không run sợ' tức là đang nói dối! Có lẽ chị Trâm chỉ nghĩ đơn giản là mình nổ súng đánh lạc hướng thì mấy người thương binh sẽ có chút thời gian chạy vào rừng... Phản ứng của độc giả trẻ là hoàn toàn chân thật. Đừng nghĩ thanh niên VN không thèm quan tâm đến quá khứ mà chẳng qua vì 'chúng' không thích những bài giảng sáo rỗng đấy thôi!"

Nhà thơ Bùi Minh Quốc viết trên talawas: "Tôi, người may mắn sống sót sau những hy sinh của Dương Thị Xuân Quý, Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Giá, Chu Cẩm Phong cùng hàng triệu đồng bào đồng chí của tôi, từ 1975 trở đi càng ngày càng thấy nhân dân tôi đã lâm vào một bi kịch thê thảm nhất, cay đắng nhất, quái gở nhất: vì độc lập tự do mà cuồng nhiệt tự nguyện dốc cả sông máu núi xương để rồi 'tự do' tự nguyện choàng lên cổ mình một cái ách nô lệ 'vàng son' mang tên là sự lãnh đạo của Đảng, mà thực chất chỉ là sự cai trị độc đoán của hơn một trăm Ủy viên Trung ương, thậm chí chủ yếu là mười mấy Ủy viên Bộ Chính trị. Nô lệ đến mức người ta bảo bỏ phiếu cho ai là ngoan ngoãn bỏ cho người ấy, chẳng biết người ấy tốt xấu thế nào. Nô lệ đến mức muốn nói điều mình nghĩ, mình thấy, mình biết cũng không báo nào đăng cho, cỡ như cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt trả lời phỏng vấn mà cũng không được đăng trọn vẹn. Nô lệ đến mức người ta áp đặt cái đường lối sai lầm dựa trên một kiểu lý luận nói lấy được (chữ dùng của tướng Trần Độ) là 'kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa' cũng không biết mà cãi, hoặc biết mà không dám cãi, hoặc muốn cãi thì cũng không có diễn đàn mà cãi."

Thật vậy, thế hệ trẻ ngày nay hình như không

thể tìm thấy chút thành thật nào từ những kẻ đang sống, đang lãnh đạo đất nước nên quay sang lắng nghe tâm sự của những người chết, vì ít ra, người chết không nói dối và không biết sợ.

Giống như nhà văn Bảo Ninh, nhà thơ Bùi Minh Quốc và có lẽ rất nhiều người khác, tôi đọc Nhật Ký Đặng Thùy Trâm với một tấm lòng trĩu nặng. Tôi nghĩ về chị như một người thân dù chúng tôi xa cách nhau về mọi mặt. Tôi hình dung căn hầm nhỏ nơi chị ngồi, mái tóc học trò của chị, những giọt mưa rơi trên mái lá, tiếng trực thăng bay trên đầu. Chị trải lòng mình trên trang giấy trong những phút riêng tư và cô đơn tột cùng như thế. Tương tự như nhận xét của anh cựu chiến binh Mỹ Robert Whitehurst, tôi nghĩ chị không viết để gởi lại cho đời sau, và cũng không cần ai thương hại, xót xa hay vinh danh chị.

Ngoại trừ hai chữ Th. và M., viết tắt tên của chị và người yêu, có lẽ những chữ lập lại nhiều nhất trong hai cuốn nhật ký của chị là hai chữ "buồn" và "nhớ". Ngày 4-6-68, chị viết: "Mưa vẫn cứ rơi hoài. Mưa càng thêm buồn thấm thía, và mưa lạnh làm cho người ta thèm khát vô cùng một cảnh sum họp gia đình. Ước gì có cánh bay về căn nhà xinh đẹp để cùng ba má và các em ăn một bữa cơm rau muống và nằm trong tấm chăn bông ấm áp ngủ một giấc ngon lành," và trong nhật ký ngày 18-12-68 chị viết những dòng rất tội, rất đau: "Đêm nay ngồi trực, ngọn đèn mờ trong căn nhà nhỏ, tiếng rên của người bệnh nhân làm mình buồn lạ lùng. Hơn bao giờ hết nỗi nhớ thương trào lên thiết tha cháy bỏng. Hỡi những người thân yêu, đêm nay có ai hiểu hết lòng mình hay không?"

Không giống như chị Sứ trong Hòn Đất của Anh Đức, chị Diệu trong phim Vĩ Tuyến 17 Ngày và Đêm của Hải Ninh được tiểu thuyết hóa đến mức thần thánh và dàn dựng thành phim ảnh chỉ nhằm mục đích tuyên truyền, chị Đặng Thùy Trâm là một người có thật và chính tay mình ghi lại những suy nghĩ rất thật của mình. Nữ bác sĩ 28 tuổi xinh đẹp và hiền từ Đặng Thùy Trâm đã sống và đã chết trên đất nước Việt Nam thân yêu của chị. Nhật ký chị viết dưới những cơn mưa rừng hòa lẫn tiếng mưa bom ở binh xá Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, như số phận giọt nước mưa lăn trên mái tóc học trò của chị, trôi xa nhiều ngàn dặm trước khi về lại với quê hương.

Chị dành trang đầu để trang trọng ghi lại câu văn trích từ tác phẩm Thép Đã Tôi Thế Đấy của Nikolai Ostrovsky, một nhà văn Sô-Viết qua đời vì bạo bịnh vào tuổi 32: "Cái quí nhất của con người là cuộc sống, đời người ta chỉ sống một lần, phải sống sao cho khỏi phải xót xa ân hận vì những năm tháng sống hoài sống phí, cho khỏi phải hổ thẹn vì những năm tháng sống hoài sống phí, để khi nhắm mắt xuôi tay ta có thể nói rằng: 'Cả đời ta, cả sức ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời: Sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người'."

Nhân vật Paven Corsaghin, chiếc bóng của cuộc đời nhà văn Nikolai Ostrovsky, một thời là biểu tượng cho ý chí vươn lên của tuổi trẻ trong các quốc gia Cộng Sản. Tác phẩm Thép Đã Tôi Thế Đấy được xem như là viên đá tảng của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa và là cuốn sách gối đầu giường của thanh niên Cộng Sản khắp thế giới. Stalin đã tận dụng từng ý, từng câu trong tác phẩm để kích thích các thế hệ thanh niên Sô-Viết lao vào cuộc chém giết đẫm máu nhất trong lịch sử nhân loại. Nikolai Ostrovsky bịnh nặng và rồi chết sớm nên không có dịp chứng kiến tội ác của Stalin đối với dân tộc Balan mùa xuân năm 1940, với đối thủ chính trị của ông ta và với 20 triệu người dân Sô-viết bình thường bị đày ải vào những trại tù xa xôi miền cực Bắc, một nửa số đó đã không bao giờ trở lại. Không ai trách Nikolai Ostrovsky đã viết nên tác phẩm có tác dụng tiếp tay cho tội ác. Khát vọng bao giờ cũng là một màu xanh vô tội, chỉ có những kẻ lợi dụng khát vọng hồn nhiên của tuổi hai mươi, xô đẩy những mái đầu xanh vào vực thẳm hận thù mới là những kẻ có tội. Ngày nay tác phẩm Thép Đã Tôi Thế Đấy, bảng tiếng Anh "How The Steel Was Tempered," vẫn còn bày trong nhiều thư viện, vẫn còn được đọc, khác chăng, không phải đọc để hun đúc chí thanh niên nhưng để học từ những hoang phí đắng cay của một thời thanh xuân lầm lỡ.

Cả Nikolai Ostrovsky chị Đặng Thùy Trâm đều phấn đấu để trở thành người Cộng Sản nhưng cuộc đời của Nikolai Ostrovsky khác nhiều so với đời chị Thùy Trâm. Nikolai Ostrovsky hy sinh cho chủ nghĩa Cộng Sản, ngoài khát vọng tuổi trẻ mà ông tin, còn là một hình thức trả ơn. Trong lá thư gởi cám ơn Stalin sau khi được trao tặng huân chương Lênin, Nikolai Ostrovsky bày tỏ lòng biết ơn đảng

Cộng Sản đã vực ông dậy từ những nghèo nàn và bạc đãi của xã hội và biến một kẻ thiếu học như ông thành một nhà văn Sô-Viết. Chị Thùy Trâm thì khác. Chị sinh ra và lớn lên trong một gia đình trí thức. Gia đình chị bị xếp vào giai cấp tiểu tư sản, thành phần xã hội mà Frederic Engels trong tác phẩm "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" định nghĩa như là những kẻ chỉ biết: "khoe khoang, không có khả năng hành động và lẩn tránh một cách nhút nhát khi cần phải làm một cái gì nguy hiểm." Đa số các buổi chỉnh huấn đảng được ghi lại trong nhật ký, chị đều bị phê bình: "Tính tiểu tư sản vẫn còn." Chính chị cũng thừa nhận điều đó khi viết cho Thuận, em nuôi của chị, trong nhật ký ngày 18-5-69 những dòng lãng mạn và tinh nghịch: "Em ơi, bao giờ chị cũng thương em vô hạn, nhưng tình thương đâu phải chỉ là những buổi sáng nắng hồng rực rỡ, những buổi chiều êm ả hay những đêm trăng mênh mông trên đồng lúa yên lành. Mà tình thương còn là những cơn giông sau những ngày hè êm ả. Vậy đó, làm bạn với một đứa tiểu tư sản thật là phức tạp."

Dù chế độ có nhào nặn thế nào vẫn không xóa hết được những tình cảm tự nhiên, đa cảm trong tâm hồn người con gái nhiều mơ mộng Đặng Thùy Trâm. Trong nhật ký ngày 1-9-68, mặc dù phần trên chị chép lại một câu văn đầy tính đảng của ai đó: "Hãy giữ vững tinh thần của người cộng sản, tinh thần trong suốt như pha lê, cứng rắn như kim cương và chói lọi muôn ngàn hào quang của lòng tin tưởng," thì ngay trong hàng kế chị lại viết: "Nói vậy mà vẫn thấy xót xa, cay đắng và cô đơn lạ thường."

PHÙNG MINH TIẾN

VỀ THĂM SÔNG THU BỒN

Tôi về thăm bến sông xưa
Còn đâu bến cũ mà đưa tiễn người
Sông xưa nay lở mai bồi
Bèo tan Cửa Đại, mây trôi phương nào
Nửa đời chưa hết lao đao
Bốn mươi năm lẻ làm sao quên người
Trời ơi thoảng một nét cười
Theo nhau chi để lụy người núi sông.

DÒNG SÔNG CÁT LỞ

Tôi đưa em về dòng sông cát lở
Dòng sông ba mươi năm chảy xiết một đời
Nầy cánh hoa xanh soi trên hồn nước cạn
Em tìm thấy gì trên sỏi đá không vui

Tôi đưa em qua ven bờ cát lậm
Năm tháng phôi pha nay lở mai bồi
Dấu điêu linh còn ghi trên trán mỏi
Bàn chân ngoan, cát cũng ngẩn ngơ lời

Cát một đời nằm nghe sóng vỗ
Sông một đời chảy mãi khôn nguôi
Em là mây tình cờ qua đó
Một tháng một năm rồi cũng ngậm ngùi.

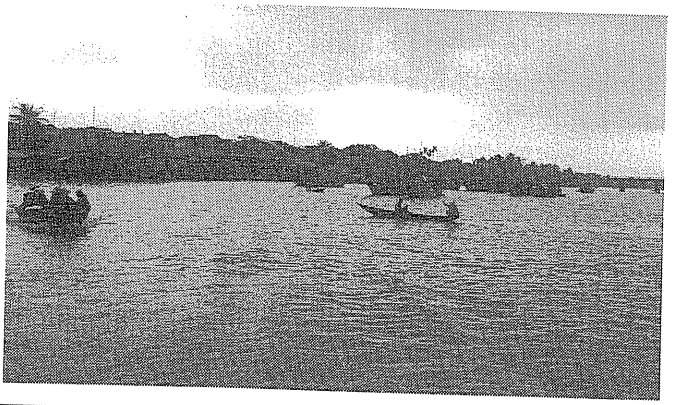

Chị Thùy Trâm phấn đấu để được vào đảng đơn giản đó là nơi duy nhất chị được dạy để tin vào, để dựa vào, để vươn lên và đó cũng chiếc thang xã hội duy nhất mà mọi người, kể cả chị phải tìm cách trèo lên chứ không phải phát xuất từ tình yêu giai cấp. Nếu để ý chúng ta sẽ thấy chị viết về tình yêu, tình người, tình chị, tình em tự nhiên, ngọt ngào hơn nhiều khi viết về tình đảng. Ngay cả trong những ngày phấn đấu gian nan chị đã cảm thấy đảng không phải là nơi tập trung những kẻ "sống vì mọi người" như chị được dạy trong môi trường giáo dục ở miền Bắc. Ngày 15-6-68, chị viết những dòng đanh thép: "Điều đáng buồn nhất là trong những hy sinh gian khổ ấy, Th. chưa thấy được sự công bằng, sự trung thực. Chưa có sự đấu tranh để thắng được những cái ti tiện, đớn hèn cứ xảy ra làm sứt mẻ danh dự của hai chữ Đảng viên và làm mòn mỏi niềm vui say công tác của mọi người trong bệnh xá. Cả mùa khô ác liệt không một lúc nào mình thấy bi quan, mình luôn cười trong gian khổ vậy mà bây giờ mình đau khổ quá đi. Kẻ thù phi nghĩa mình không sợ, mà sợ những nọc độc của của kẻ thù còn rớt lại trong đồng chí của mình."

Đọc đoạn văn trên tôi chợt nhớ đến câu trả lời của nhà văn Dương Thu Hương với phóng viên Evan Williams của đài truyền hình Úc trước đây. Giống như chị Thùy Trâm, chị Dương Thu Hương cũng nói về những con người ti tiện: "Tôi không thể tin tưởng một chút gì về chính phủ của mình vì đây là những con người cực kỳ hèn hạ và thấp kém. Họ không có một tí nhân cách nào để tôi tin tưởng cả. Tôi hiểu rất rõ về họ. Họ chỉ hoàn toàn là những con người ti tiện. Những lớp người tốt mà ngày xưa còn chút lý tưởng đã chết, chết hết rồi. Bây giờ chỉ còn lại những người thế chân; đấy là những kẻ đê tiện, những kẻ ăn cắp một cách trắng trợn gian manh.".

Và tôi chợt tiếc, phải chi chị Thùy Trâm còn sống đến hôm nay, trong văn giới Việt Nam hẳn có thêm một Dương Thu Hương can đảm khác.

Như hàng triệu thanh niên lớn lên trong một đất nước qua phân, ngăn cách, chị Thùy Trâm khao khát một ngày hòa bình. Chị viết trong nhật ký ngày 4-6-68: "Đêm qua mơ thấy Hòa bình lập lại, mình trở về gặp lại mọi người. Ôi, giấc mơ Hòa bình, Độc lập đã cháy bỏng trong lòng cả ba mươi triệu đồng bào ta từ lâu rồi. Vì nền Hòa bình Độc lập ấy mà chúng ta đã hy sinh tất cả." Vâng, không riêng gì chị Thùy Trâm mà tất cả người Việt Nam đều mơ ước hòa bình. Giọt nước mắt già nua của mẹ đợi chờ bao nhiêu năm chỉ để khóc trong mừng vui cho ngày con trở lại. Tiếc thay, chị Đặng Thùy Trâm chết sớm nên không có dịp chứng kiến một đất nước hòa bình trong máu và nước mắt chứ không phải trong nụ cười đoàn viên dân tộc mà chị hằng mơ ước. Đất nước không còn tiếng súng nhưng hàng triệu người dắt nhau đi xin ăn trên quê hương vừa thống nhất trong điêu tàn đổ nát. Bóng đêm của nghèo đói phủ trùm lên số phận một dân tộc đã phải chịu đựng hơn một phần tư thế kỷ chiến tranh và tàn phá. Những chuyến đi đày vào những trại tập trung xa xôi đã thay thế cho những giấc mơ hồi hương trong ấm êm hạnh phúc. Những đêm mưa gió bão bùng trên vùng kinh tế mới đã thay cho những giờ phút an vui, quây quần bên bếp lửa gia đình. Là một người có trái tim nhân hậu như chị Thùy Trâm, nếu còn sống, chị sẽ nghĩ sao?

Không phải chỉ có miền Nam thôi mà ngay những thanh niên miền Bắc cũng là nạn nhân của chế độ. Đọc đoạn nhật ký nói lên ước mơ hòa bình của chị tôi chợt nghĩ đến tâm sự cô đơn, trống vắng của người lính miền Bắc trở về trong bài thơ Ngày Hòa Bình Đầu Tiên của nhà thơ Phùng Khắc Bắc:

Những sợi nắng xuyên qua nhà mình
Thành những mũi tên
Thành những viên đạn,
Bắn tiếp vào anh không gì che chắn
Phải nhận tất cả,
Van anh.
Hôm qua chưa nhận được một viên đạn
Hôm nay nhận những lỗ thủng
Anh về quê không mang súng
Vũ khí lúc này hai bàn tay
Mẹ giục:
- Ăn cơm, con!
Hòa bình trong canh cua, mồng tơi, cà
Và
Mùi ổ rơm.

Tôi vẫn nhớ ngày đọc xong bài thơ của Phùng Khắc Bắc tôi dò hỏi về tiểu sử của anh và biết anh đã qua đời sau một thời gian sống trong nghèo nàn túng quẫn. Đọc tâm sự của một nhà thơ bộ đội trong ngày hòa bình đầu tiên để chúng ta cùng thấy nỗi đau này không phải của riêng ai.

Chị Đặng Thùy Trâm đứng trên mảnh đất

miền Nam nơi mà chị cảm thấy "thiết tha gắn bó vô cùng" nhưng chị chưa thực sự sống trong lòng một miền Nam đúng nghĩa. Những công sự tối tăm, những căn láng nhỏ ở Đức Phổ không đại diện cho miền Nam. Miền Nam thật sự không có những người "đang rên siết dưới gọng kềm đế quốc," đang thoi thóp chờ "hạt gạo chẻ làm đôi" mang vào từ miền Bắc. Miền Nam chị chưa gặp là những cánh đồng bát ngát, những dòng sông nhuộm đỏ phù sa, những vườn cây sai trái, những con người chơn chất hiền hòa. Miền Nam chị chưa đến có những con đường phượng đỏ, hàng me xanh tình tự, những tà áo trắng hồn nhiên, những bài hát đượm tình yêu quê hương và đôi lứa. Miền Nam có hàng triệu người như anh thượng sĩ Nguyễn Trung Hiếu, những người phải chiến đấu trong một cuộc chiến tự vệ vô cùng khắc nghiệt nhưng lúc nào cũng có trái tim nhân hậu dành cho chị và những người cùng máu mủ dù đang phải đứng đâu trong cuộc chiến đau lòng này. Chị Đặng Thùy Trâm chết sớm nên không có dịp nhìn thấy hàng triệu đồng bào miền Nam thân yêu của chị phải dắt díu nhau ra biển tìm tự do, không thấy cảnh hàng trăm ngàn em gái út của chị đang sống cuộc đời nô lệ tình dục ở Đài Loan, ở Thái, ở Miên, và chị không còn sống để có cơ hội hiểu được thực chất của một chế độ mà chị đã đem hết tuổi thanh xuân để phục vụ.

Chị căm thù người lính Mỹ, những người chị có lần hằn học trong nhật ký 19-1-69 như là "bọn quỷ khát máu vẫn đang dày xéo lên quê hương." Đó cũng là điều dễ hiểu. Như một bác sĩ trẻ, rất dễ buồn và đa cảm, mỗi ngày chứng kiến cái chết của bạn bè, anh em, những người thân thiết nhất trong ngày tháng xa nhà của chị, lòng thù hận dâng cao trong lòng chị là điều không tránh khỏi. Thế nhưng, sinh ra và lớn lên trong một xã hội đóng khung trong bốn bức tường chuyên chính và giáo dục một chiều như con chim non trong lồng sắt, làm sao chị hiểu được ai thực sự là những kẻ đang dày xéo quê hương? Làm sao chị hiểu được năm 1959, khi giới lãnh đạo đảng Lao Động Việt Nam quyết định "giải phóng miền Nam bằng phương tiện võ lực" số lượng "giặc Mỹ xâm lược" tại miền Nam cũng chẳng nhiều hơn so với số cố vấn Trung Quốc, cố vấn Liên Xô ở miền Bắc? Làm sao chị hiểu được vào những năm đầu của thập niên 60, võ khí của Mỹ viện trợ cho miền Nam cũng không nhiều hơn so với võ khí của Trung Quốc và Liên Xô đang ào ạt vận chuyển vào cảng Hải Phòng? Làm sao chị hiểu được khẩu hiệu "Độc lập tự do" chỉ là chiếc bánh vẽ mà dân tộc ta mấy chục năm nay chẳng thể nào ăn được? Làm sao chị hiểu được khẩu hiệu "Chống Mỹ cứu nước" cũng chỉ là cái cớ, một điều cơ bản ngày nay ai cũng biết, dù có Mỹ hay không có Mỹ, dù bằng phương tiện hòa bình hay phải "đốt cháy cả dải Trường Sơn" thì chủ nghĩa Cộng Sản độc tài chuyên chính, trong đó 12 người quyết định số phận 80 triệu người còn lại, vẫn phải được thiết lập trên toàn cõi Việt Nam? Và chị làm sao hiểu được nỗi đau của đồng chí, anh em chị còn sống sót, những người đã một thời tin vào đảng như tin vào ánh sao hôm sẽ dẫn lối về nhà. Ba mươi năm qua họ vẫn thức dậy mỗi đêm nhìn ánh sao hôm mà thầm trách lấy chính mình. Trên giá sách họ, cũng có những cuốn nhật ký dày và chân thật như của chị, dấu tích của những tháng ngày bão lửa chưa phai, nhưng khác chăng những nhật ký như thế sẽ không bao giờ xuất bản.

Nhưng như người ta thường nói, không ai có thể lấy tay che được mặt trời. Lịch sử đã chứng minh bạo lực có thể thắng nhưng bạo lực không bao giờ tồn tại lâu dài. Khát vọng hòa bình, độc lập, dân chủ, nhân bản và giàu mạnh đang bùng cháy trong lòng tuổi trẻ Việt Nam, những người có cơ hội học hỏi, so sánh, và nhờ đó trưởng thành hơn về nhận thức so với các thế hệ cha anh. Họ sẽ vượt qua được những bức tường ngăn cách, những phân biệt Bắc Nam, những bất đồng tôn giáo để cùng nỗ lực cho một ngày huy hoàng chung trên đất nước. Dù ở đâu và đang đảm nhiệm chức vụ gì, trong nền kinh tế, trong hệ thống giáo dục, trong lãnh đạo nhà nước hay ngay cả trong đảng Cộng Sản, khi một vận hội lịch sử đến, tôi tin, thế hệ trẻ sẽ là những người đầu tiên vứt bỏ lợi danh để cùng đi với dân tộc. Sức mạnh kỳ diệu đó không phải là ảo tưởng nhưng đã chứng minh nhiều lần trong lịch sử. Vận mệnh dân tộc có khi thăng khi trầm, nước có khi đục khi trong nhưng khát vọng Việt Nam bao giờ cũng là một màu xanh tươi thắm.

Nếu giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam còn chút tình nghĩa nào dành cho những người đã chết thay cho họ, xin hãy để chị Thùy Trâm ngủ yên với những ước mơ xanh của chị. Đặng Thùy Trâm đã chết một lần rồi, đừng bắt chị phải chết thêm lần nữa.

Ha Jin,

một nhà văn di dân ngoại hạng

TRẦN HỮU THỤC

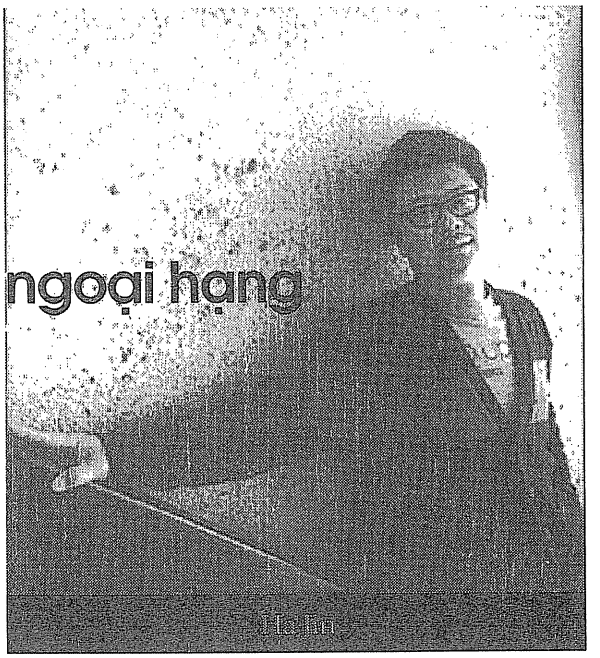

Số lượng nhà văn nhà thơ Mỹ gốc Á viết bằng tiếng Anh khá nhiều. Đông đảo nhất là Mỹ gốc Nhật, có đến mười mấy nhà văn, nhà thơ và nhà biên khảo (Ai, Garrett Kaoru Hongo, Sadakichi Hartmann, Toshio Mori, Joy Kogawa), kế đó là Trung Quốc, trên mười người (Diana Chang, Evelina Chao, Marilyn Chin, Gish Jen, Alexander Kuo, Li-Young Lee, Amy Tan, Ha Jin), Triều Tiên (Chang-rae Lee, Younghill Kang...), Phi Luật Tân (Carlos Bulosan, Jessica Hagedorn, Tarahata, Bienvenido Santos, Jose Garcia Villa...), Thái Lan (Somtow Sucharitkul), Ấn Độ (Bharati Mukherjee), Việt Nam (Barbara Tran, Monique T. D. Truong, and Luu Truong Khoi, Uyen Nicole Duong tức Dương Như Nguyện). Trong số đó, hầu hết đều viết Anh văn là ngôn ngữ chính. Tác phẩm của họ không chỉ lưu hành trong cộng đồng sắc dân riêng của mình mà được phổ biến rộng rãi trong công chúng Mỹ. Tác phẩm *The Joy Luck Club* (1989) của Amy Tan, chẳng hạn, nằm trên danh sách *bestseller* của tờ New York Times suốt tám tháng liền, bán ra hàng trăm ngàn ấn bản, được đóng thành phim và dịch ra 17 thứ tiếng.

Nhưng có lẽ Ha Jin là trường hợp đặc thù nhất trong số những nhà văn Mỹ gốc Á Châu.

Giới phê bình văn học Hoa Kỳ nói chung, khi nhận xét về nhà văn/ nhà thơ Ha Jin, đều ca ngợi ông là người mở ra một chương mới trong tiểu thuyết viết bằng Anh ngữ dành cho độc giả phương Tây. Jim Grimsley, giám khảo giải văn chương PEN/Hemingway năm 1997 phát biểu: "Ha Jin sáng tạo ra một loại văn chương hoàn toàn mới mà chỉ có ông mới viết được vì ông đã từng sống ở đó (Hoa Lục). Ông nói tiếng Trung Hoa... nhưng lại viết văn bằng Anh ngữ về những kinh nghiệm sống trực tiếp của mình."1 Còn Frank Manley, trưởng khoa viết văn trường đại học Emory, thì "Tôi xem Ha Jin không chỉ là một trong những nhà văn trẻ Hoa Kỳ quan trọng nhất mà còn là một trong những nhà văn hiếm hoi nhất. Ông là thiên tài thực sự duy nhất mà tôi từng biết ..."2

Ha Jin tập tễnh sáng tác bằng Anh văn vào năm 1988. Tác phẩm đầu tay là một tập thơ có tựa đề *Between Silences* do "University of Chicago Press" xuất bản năm 1990. Tác phẩm mới nhất là *War Trash* phát hành tháng 10/2004. Trong vòng chưa tới 15 năm, ông xuất bản 10 tác phẩm, tất cả đều được viết trực tiếp bằng Anh Văn:

- Ba tập thơ: *Between Silences, Facing Shadows,* và *Wreckage.*

- Ba tập truyện ngắn: *Ocean of Words, Under the Red Flag,* và *The Bridegroom*

- Bốn truyện dài: *In the Pond, Waiting, The Crazed, War Trash*

Trong số 10 tác phẩm nói trên, có bốn tác phẩm đoạt các giải văn chương Hoa Kỳ. Tập truyện ngắn đầu tay *Ocean of Words* đoạt giải văn bút PEN/ Hemingway năm 1996. Tập truyện ngắn thứ hai *Under the Red Flag* đoạt giải "Flannery O'Connor Award for Fiction" năm 1997. Riêng truyện dài

Waiting đoạt hai giải: giải "National Book Award" năm 1999 và giải "PEN/Faulkner Award for Fiction" năm 2000. Và mới nhất, *War Trash* đoạt giải 2005 "PEN/Faulkner Award" 2005. War Trash được chọn trong số hơn 300 truyện dài và tuyển tập truyện ngắn được xuất bản trong năm 2004. Giám khảo giải David Anthony Durham ca ngợi: "Tôi không ngần ngại cho rằng War Trash không chỉ là là một tác phẩm lớn mà còn là một tác phẩm thắng giải thuộc hạng cao nhất."

Cũng cần lưu ý, những giải trên không phải là giải dành cho các tác phẩm nước ngoài dịch ra Anh Văn mà là dành cho những nhà văn Hoa Kỳ chính cống. Để đoạt những giải như thế, Ha Jin phải đánh bại hàng bao nhiêu nhà văn trứ danh khác của Hoa Kỳ. Riêng về giải "National Book Award" là giải văn chương hàng đầu của Hoa Kỳ (tương tự như giải Booker của Anh), trong lịch sử 50 năm của giải, Ha Jin là người thứ ba mà Anh văn không phải là tiếng mẹ đẻ, đoạt giải. Hai tác giả kia là Isaac Bashevis Singer3 và Jerzy Kosinski.

Giống như hầu hết những nhà văn, nhà thơ Việt Nam hải ngoại, Ha Jin chỉ viết về quá khứ, tức là về cuộc sống ở nước Trung Hoa Cộng Sản mà anh từng sống. Chẳng có truyện nào viết về kinh nghiệm sống ở Hoa Kỳ. Điều này làm ông khác hẳn với một số nhà văn Mỹ gốc Á châu nổi tiếng khác như Amy Tan, Gish Jen (gốc Trung Hoa) hoặc Chang-rae Lee (gốc Đại Hàn), chỉ viết về xã hội Hoa Kỳ mà họ đang sống. Truyện của Ha Jin phản ảnh rất sắc nét nhiều hình thái cuộc sống trong nước Trung Hoa Cộng Sản, nhất là sau thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa. Đồng thời cũng cho thấy nhiều tập tục, thói quen cũ vẫn tồn tại và tồn tại mạnh mẽ, dưới hình thức này hay hình thức khác, có dịp chúng lại trồi lên, gây nên những chuyện trái khoáy, vừa bi vừa hài.

- Tập truyện ngắn đầu tay *Ocean of Words*: gồm 12 truyện ngắn, lấy khung cảnh ở vùng biên giới hoang vu giữa Trung Hoa và Liên Xô trong những năm đầu thập niên 1970 khi Nga và Trung Quốc đang ở gần kề chiến tranh, nơi những người lính biên phòng phải sống chung đụng với nhau trong một thời gian dài. Trong cái thế giới chật hẹp, chi phối bởi quân giai và áp lực chính trị, đời sống riêng hoàn toàn nhường chỗ cho đời sống tập thể, tác giả đưa một cái nhìn sắc nét về sự khác biệt giữa hai nếp sống Trung Hoa và phương Tây, về thứ tâm lý đặc thù Trung Hoa với những ưu tư về thực phẩm, về gia đình, vị thế chính trị, và về tình cảm đối với phụ nữ cũng như thú vật, vân vân qua nhiều mẫu nhân vật khác nhau, từ anh chàng bưu tín viên mê gái (Love in the Air), anh chàng dân quân bẳn tính cho đến tay tù binh Nga bí ẩn (The Russian Prisoner) hay một anh lính mê học và đọc, được kết nạp vào Đảng là nhờ mang theo một cuốn tự điển Anh-Hoa lớn còn sót lại từ thời trước Cách Mạng chứa đựng cả một đại dương chữ (Ocean of Words). Trong nếp sống có vẻ đồng loạt bề ngoài vẫn che giấu những tâm tình phức tạp bên trong, đẩy các nhân vật vào những tình huống đặc biệt, lắm khi rối rắm, khó xử.

- Tập truyện ngắn *Under the Red Flag*: gồm 12 truyện ngắn, mô tả nhiều khung cảnh trong cuộc sống bình thường hàng ngày ngoài xã hội. Tác giả nêu lên những xung đột ngấm ngầm giữa con người mới xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng Sản muốn áp đặt lên toàn xã hội và các thói quen lâu đời xuất phát từ xã hội cổ truyền Trung Hoa. Trong "New Arrival", một cặp vợ chồng vô sinh – mà cô vợ vốn là một gái điếm được anh chồng mua về làm vợ - nhưng từ chối nhận làm con nuôi một đứa bé rất dễ thương, vì sợ xui. Trong "Fortune", một ông già tin ở bói toán đến nỗi tìm cách giết đứa con khi cậu ta không chịu đổi cái tên đẹp đẽ của mình thành cái tên xấu để cho đời ông gặp nhiều may mắn hơn, theo lời khuyên của một ông thầy bói lậu. "Winds and Clouds over a Funeral", mô tả tình huống khó xử của một chủ tịch xã là đảng viên trung kiên giữa một bên là lời trối trăng của bà mẹ hấp hối muốn tang lễ cử hành theo phong tục cổ truyền là chôn và bên kia là chính sách mới của Đảng buộc phải thiêu xác người chết để dành đất cho sản xuất.

- *The Bridegroom: Stories*: Cũng gồm 12 truyện ngắn. Khác với hai tập truyện trên, *The Bridegroom* lấy khung cảnh của một Trung Quốc đang chuyển mình từ chế độ xã hội chủ nghĩa cứng nhắc sang nền kinh tế thị trường có kiểm soát, từ một Trung Quốc cô lập đến một Trung Quốc dè dặt tiếp xúc với phương Tây. Nhiều chuyện trái khoáy diễn ra trong giai đoạn tranh sáng tranh tối này. "An Entrepreneur's Story" kể chuyện một anh chàng chuyên buôn bán chợ đen bị mọi người khinh bỉ bỗng trở thành một anh hùng trong nền kinh tế thị trường. Anh ta được kính trọng, được gái mê. Hả hê trước vai trò mới, và có nhiều tiền, có lần anh hứng chí đem tiền ra đốt chơi. Một truyện khác, "After Cowboy Chicken came to town", kể truyện một công ty Mỹ tên là "Cowboy

Chicken" mở một tiệm ăn tại thành phố Muji. Người công nhân làm việc ở đó, nghĩ là tiệm Mỹ hay tiệm quốc doanh cũng cùng một giuộc: ông chủ, cũng như bí thư Đảng chả bao giờ làm việc cả. Cái khác là ông chủ mới này không tổ chức học tập chính trị và không đòi hỏi phải làm báo cáo về tư tưởng thầm kín bên trong. Một ngày nọ, bất mãn vì một công nhân được trả lương cao hơn, tất cả công nhân đình công. Họ được thay thế bởi một cô giáo Mỹ đen dạy ở trường đại học gần đó cùng với các học trò của bà ta.

- Truyện dài đầu tay *In the Pond* mô tả một cuộc tranh chấp không cân sức giữa một công nhân nhà máy với hai thủ trưởng của anh ta. Shao Bin, nhân vật chính, đáng lẽ được phân phối một căn hộ mới, nhưng căn hộ lại được phân phối cho một người khác vì người này có quan hệ làm ăn với bí thư nhà máy. Dùng tài vẽ tranh châm biếm và viết, anh tố cáo hai thủ trưởng của mình là bí thư Ma và thư ký Liu lạm dụng quyền hành. Để trả thù, hai thủ trưởng tìm cách cắt lương và đe dọa anh ta. Bin tiếp tục tranh đấu. Anh cho đăng nhiều bài báo và vẽ thêm nhiều tranh châm biếm đăng tải từ báo địa phương ra đến toàn quốc. Có lần giận quá, Ma đè Bin dưới đất còn Liu ngồi lên mặt Bin. Ngột thở, không biết làm sao, Bin cắn mạnh vào đít Liu. Liu chụp hình vết tím bầm gửi lên cho cấp trên làm bằng chứng. Nhưng kết quả là danh tiếng của Liu bị thiệt hại. Còn Bin lại trở nên nổi tiếng và được nhiều người mời anh làm việc và còn hứa cho anh theo học đại học.

Trong lúc hai bên dằng dai tranh chấp thì thủ trưởng của Ma và Liu là Yang ra tay can thiệp, bằng một màn dàn xếp rất "bao cấp". Yang nói với Liu "*Tôi sẽ nhẹ nhàng với Shao Bin. Đây là cách duy nhất để làm vừa lòng hắn bây giờ. Tôi sẽ sử dụng hắn và biến hắn thành nhân viên của tôi, giữ hắn trong vòng kiểm soát của chúng ta* (in our pond= trong ao của chúng ta). *Trong lúc đó, tôi sẽ làm bộ kỷ luật đồng chí. Đồng chí sẽ bị phê bình trong tờ báo nội bộ. Đừng lo. Tôi hứa năm tới, tôi sẽ tăng lương cho cả hai đồng chí*"4. Mặt khác, Yang gọi Bin lên khen ngợi và cho biết Bin được nâng cấp, về làm việc dưới quyền ông. Đổi lại, Bin phải viết một lá thư đăng trên báo cho biết là mọi chuyện đã được dàn xếp ổn thỏa, anh sẽ không kêu nài gì với hai thủ trưởng cũ của mình nữa. Bin sung sướng viết thư và sung sướng thấy mình thắng lợi. Thực ra, đó chỉ là thắng lợi tinh thần. Vì rốt cuộc, nhu cầu cấp thiết mà vợ chồng anh đòi hỏi là một căn hộ mới đã không hề được đề cập đến trong cuộc dàn xếp này. Được viết với giọng văn châm biếm, Ha Jin nêu bật lên hoàn cảnh bi đát của xứ sở, nơi mà đồ ăn, nhà ở và công việc khó kiếm trong lúc các viên chức Đảng thì cứ mỗi ngày nỗi sung túc lên.

- *The Crazed*: Truyện viết ở ngôi thứ nhất, mô tả thân phận người trí thức dưới chế độ Cộng Sản. Giáo sư đại học Yang, sau một cơn đột quỵ, trở nên bị bệnh tâm thần. Ông thường hay nói sảng. Trường đề cử Jian Wan - học trò cưng của Yang và người sẽ cưới Maimei, con gái của ông - trực tiếp chăm sóc cho ông trong thời gian nằm viện. Sự phân công này đặt Wan vào trong một tình trạng khó xử: nếu tận tình săn sóc cho ông thì anh sẽ bỏ dở kỳ thi lấy bằng tiến sĩ, yếu tố quyết định cho tương lai của anh và cũng quyết định cho mối tình của anh với con gái của thầy. Trong thời gian ở tại phòng bệnh viện, Wan buộc phải lắng nghe và dần dần hiểu được ý nghĩa những lời nói sảng của thầy mình, theo đó, trí thức chỉ là một thứ tay sai của Đảng, một công cụ cho bộ máy gọi là cách mạng. "*Học giả chẳng khác gì là một miếng thịt nằm trên thớt, trong khi những kẻ khác là những con dao phay có thể chặt anh bất cứ khi nào họ muốn*"5. Thấm thía nhận xét của thầy, từ đó, anh đâm ra không còn ham muốn làm một học giả nữa. Khi giáo sư Yang chết, anh quyết định không thi lấy bằng tiến sĩ, mà phải làm một cái gì cho có ý nghĩa. Điều này khiến cho mối tình giữa anh và Meimei tan vỡ. Cô chia tay Wan. Trong lúc loay hoay tìm lối thoát thì xảy ra biến cố Thiên An Môn 1989. Wan không chần chừ, gia nhập ngay vào phong trào. Anh cùng bạn bè lên Bắc Kinh tham gia biểu tình đòi dân chủ. Cuối cùng, phong trào sinh viên bị đàn áp dã man và tan rã. Wan bị công an lùng bắt. Anh phải thay tên đổi họ, trốn đi, mong mỏi sẽ đến được một xứ sở tự do nào đó.

- Truyện dài nổi tiếng nhất của ông, *Waiting*, tái hiện khung cảnh miền Bắc Trung Quốc vào những năm đầu thập niên 1980, tức là vào cuối thời kỳ của cuộc cách mạng văn hóa, dựa trên một câu chuyện có thật. *Waiting* có cái giản dị của một chuyện ngụ ngôn. Nhân vật chính của truyện, Liu Kong, một bác sĩ tiêm nhiễm nếp sống thị dân, không chấp nhận sống chung với Shuyu, người vợ quê mùa do gia đình sắp đặt ở nông thôn để yêu một cô y tá làm cùng đơn vị, Manna. Hàng năm, anh phải về làng cũ để ra tòa xin ly dị. Lần nào cũng thế, anh thuyết phục Shuyu trả lời "đồng ý" khi ra trước tòa. Người vợ quê

mùa của anh bằng lòng, nhưng khi ra tòa, chị vẫn không làm đúng như lời hứa vì trong thâm tâm, chị vẫn yêu chồng dù biết chồng chẳng hề yêu mình. Do thế, Liu không ly dị được. Anh phải đợi đến 18 năm theo luật định mới có thể ly dị vợ để sống với người yêu. Trong suốt thời gian đó, quan hệ giữa hai người, Liu và Manna, diễn tiến khá phức tạp. Manna lớn tuổi, độc thân sẵn sàng hiến thân cho Liu, bất chấp mọi thứ. Nhưng Liu lại khác. Vừa yêu Manna, nhưng vẫn cố giữ gìn tư cách vì sợ mất việc và tôn trọng pháp luật. Anh từ chối ăn nằm với Manna. Không những thế, còn tìm cách giới thiệu cho nàng những người đàn ông khác để nàng kết hôn. Có lần, một người quen anh lợi dụng cơ hội diếp dâm Manna. Lin biết, nhưng bỏ qua. Cuối cùng, sau 18 năm, Lin ly dị được với Shuyu và cưới Manna. Manna sinh cho anh một cặp sinh đôi. Cuộc sống đang hạnh phúc thì bỗng Manna được chẩn đoán bị bệnh tim, không chữa được. Anh vô cùng buồn bã. Và còn buồn bã hơn khi anh về thăm lại vợ cũ cùng đứa con gái, lại thấy hai mẹ con sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Anh đâm ra hối hận, có ý nghĩ sẽ quay trở lại với vợ cũ khi Manna chết. Truyện kết thúc trong tâm trạng day dứt của Lin trong khi con gái anh và vợ anh, Manna vẫn vui vẻ chào đón năm mới.

QUANG DŨNG

Quán Bên Đường

Tôi là khách qua đường trưa nắng gắt
Nghỉ nhờ đây, nơi quán lệch tường xiêu
Giàn mướp nghèo không hứa hẹn bao nhiêu
Mùa gạo đắt, đường xa thưa khách vắng
Em đắp chăn dày, tóc em trĩu nặng
Tôi mồ hôi ra ngực áo chan chan
Đường tản cư bao suối lạ sương ngàn
Em mê sảng, sốt hồng lên đôi má
Em có một mình, nhà hoang vắng quá
Mảnh chăn đào em đắp có hoa thêu
Hàng của em chai lọ xác xơ nghèo
Tôi nhìn lại mảnh quần xưa đã vá
Tôi chợt nhớ chúng ta không nhà cửa
Em tản cư, tôi là lính tiền phương
Xa Hà Nội cùng nhau từ một thủa
Lòng lâng lâng thương nhau qua dọc đường
Tiền nước trả em rồi, nắng gắt
Đường xa mờ mờ núi tiếp mây
Hồn lính vương qua vài sợi tóc
Tôi thương mà em đâu có hay

Xuyên qua một mối tình tay ba, *Waiting* tái hiện lại khung cảnh một xã hội Trung Quốc đứng chênh vênh giữa cái cũ và cái mới, đồng thời nêu bật lên mâu thuẫn khó san bằng giữa cuộc sống nông thôn và thành thị, mặc dù cơn lốc ghê gớm mà cuộc cách mạng văn hóa đã tác động lên đời sống toàn xã hội. Dù Đảng đã tìm cách áp đặt đủ thứ áp lực lên đời sống cá nhân, Đảng cũng không thể hủy diệt được những tình cảm cá nhân phức tạp trong mỗi con người với hoàn cảnh riêng của mình. Tuy vậy, *Waiting* hoàn toàn không có một chút dính dáng gì đến chính trị. Ha Jin cố tình không bày tỏ thái độ chính trị rõ rệt nào. Có sao nói vậy. Ông chấp nhận hiện thực và dùng ngòi bút để mô tả hiện thực ấy trong chừng mực có thể. Với cách viết trong sáng, cẩn trọng, Ha Jin nhắc ta nhớ đến nhà văn Hoa Kỳ Pearl Buck độ nào trong nhiều tác phẩm viết về xã hội Trung Hoa buổi giao thời giữa hai thế kỷ 19 và 20. Ha Jin đã dùng kiến thức hết sức phong phú của mình về nước Trung Hoa hiện tại để tạo nên một tác phẩm khá đa dạng với phong cách sống và tâm tình khác nhau giữa nhiều hạng người. Vừa mới phát hành, *Waiting* đã đánh bại nhiều tác phẩm nặng ký khác và nằm trong danh sách *bestseller* của New York Times trong một thời gian dài.

Đó cũng là một điều lạ. Hoa Kỳ là một thị trường văn chương rộng lớn và rất đa dạng với đủ loại trào lưu văn học đan xen nhau. *Waiting* kết cấu đơn giản, văn phong lại cổ điển. Các nhân vật có một đời sống nội tâm khá bình thường,

không mấy rắc rối. Không có nhân vật nào nổi loạn. Dường như ai cũng chấp nhận số mệnh của mình. Suốt truyện, trừ một màn hiếp dâm khá bất ngờ, ngoài ra chẳng có một đoạn nào gây căng thẳng, đưa đến những tình huống khác thường. Đúng như tựa đề của truyện, cô gái chờ đợi, anh chàng bác sĩ chờ đợi, người vợ ở nhà quê cũng chờ đợi. Một chờ đợi đầy tính chất chịu đựng. Tất nhiên độc giả cũng chờ đợi. Và rồi chẳng có chuyện gì khác thường xảy ra. Đúng thời hạn, tòa án cho hai vợ chồng ly dị. Và hai người yêu nhau được lấy nhau. Và hết. Không ai xé rào.

Các nhà phê bình văn học cho rằng *Waiting* được Ha Jin viết với hình ảnh của độc giả phương Tây trong đầu, dù rằng tất cả chi tiết (khung cảnh và chủ đề) đều được dựng ở Trung Hoa. Ông thêu dệt cốt truyện trong bối cảnh lịch sử và văn hóa Tây Phương. Theo Dave Weich qua một cuộc phỏng vấn vào tháng 2/2000, *Waiting* là một liều thuốc tuyệt hảo cho đời sống cuống cuồng vội vã hàng ngày của người Mỹ chúng ta"6. Đây là trích đoạn trong bản thông báo của Ban Giám Khảo Giải National Book Award năm 1999: "Trong *Waiting*, Ha Jin phác họa nên cuộc đời của Lin Kong, một bác sĩ tận tâm bị giằng xé giữa tình yêu của hai người đàn bà: một người thuộc về nước Trung Hoa Mới của cuộc Cách Mạng Văn Hóa, còn người kia thuộc về truyền thống cũ ở nơi ngôi làng mà anh ta đã chào đời. Ha Jin hiểu sâu xa mối xung đột giữa cá nhân và xã hội, giữa tính phổ quát phi thời gian của trái tim con người sự thay đổi chính sách thường xuyên tùy từng thời điểm. Với sự từng trải, dè dặt, và thấu hiểu tất cả các nhân vật, ông phơi bày ra một cách sống động sự phức tạp cũng như những điểm tế toái của một thế giới và một dân tộc mà chúng ta hết sức cần biết"7.

- *War Trash*: Truyện là một tổng hợp giữa sự kiện lịch sử và tưởng tượng sáng tạo, viết từ hồi ức của một cựu chiến binh Trung Quốc 73 tuổi, nhớ lại thời kỳ xảy ra cuộc chiến tranh Triều Tiên 1950-1953. Yu Yuan là chí nguyện quân Trung Quốc được gửi sang chi viện cho chiến trường Triều Tiên, giúp chính quyền Cộng Sản Bình Nhưỡng đánh với quân đội Liên Hiệp Quốc do Mỹ cầm đầu. Đơn vị của Yuan, sư đoàn 180 Chí Nguyện Quân, vượt sông Áp Lục, để lại đàng sau bà mẹ già và cô vợ chưa cưới. Trong một trận đánh dữ dội với quân Mỹ, sư đoàn bị tiêu diệt và Yuan bị bắt làm tù binh, bị giam giữ trong một trại tù ở đảo Koje, thuộc biển Nhật Bản. Quân đội Mỹ quản lý trại tù nhưng lại giao cho những tù nhân thuộc phe Quốc Dân Đảng kiểm soát.

Vừa đến trại Yuan "*có cảm tưởng như được trở về quân đội của Tưởng Giới Thạch, vì nhìn đâu, tôi cũng thấy những người đeo phù hiệu mặt trời của Quốc Dân Đảng.*" Những tù nhân này muốn trở về Đài Loan sau khi chiến tranh chấm dứt. Còn những người Cộng Sản thì muốn trở về Hoa Lục. Trại chia thành hai phe. Phe nào cũng muốn tranh thủ những tù nhân mới về phe mình. Nhờ anh ta biết tiếng Anh nên được quân đội Mỹ sử dụng để làm thông dịch viên cũng như làm trung gian cho nhiều công việc khác giữa tù nhân và cấp chỉ huy quân đội Hoa Kỳ. Những tù nhân thuộc phe QDĐ lôi kéo anh theo về Đài Loan. Yuan vốn không phải là người Cộng Sản, nhưng anh không thích trả về Đài Loan vì anh không thể bỏ mẹ và vợ chưa cưới ở Hoa Lục được. Thái độ đó khiến phe tù nhân Quốc Gia đánh gục anh. Khi anh bất tỉnh, họ khám phá ra trên bụng anh có xâm hai chữ "Cộng Sản".

Mục đích của người Mỹ là muốn biến các tù nhân thành cái mà họ gọi là đồ phế thải chiến tranh (war trash), nhưng nhân tính của mỗi nhân vật khiến cho mục đích đó không dễ dàng thực hiện được. Khác với *Waiting* trước đó, *War Trash* có tính cách tài liệu nhiều hơn hư cấu. Truyện mô tả đời sống trại tù với đủ tình huống. Ông chủ tâm kể chuyện nhiều hơn là viết truyện với nhiều trạng thái tâm tình khác nhau. Các nhà phê bình cho rằng *War Trash* mang nhiều tính lịch sử hơn tính truyện. Nhân vật chính thiếu hẳn tính chất trữ tình mạnh mẽ và đậm nét như trong các truyện khác, nhất là so với *Waiting*. Ha Jin cho biết, *War Trash* là truyện cuối cùng ông viết về Trung Quốc.

Trong cả truyện ngắn cũng như truyện dài, văn phong của Ha Jin rất giản dị, không cầu kỳ. Ông là một người kể chuyện thật tình. Nói theo thuật ngữ của những nhà phê bình văn học, truyện của Ha Jin là "telling, not showing": ông không sử dụng văn phong màu mè, mà chỉ kể chuyện. Ta không hề tìm thấy bất cứ một ảnh hưởng đặc biệt nào của các trào lưu văn học hiện đại, cả về kỹ thuật diễn tả lẫn kết cấu và bố cục truyện. Không độc thoại nội tâm, không tân tiểu thuyết, không có những cách ngắt câu hay phân đoạn tân kỳ. Có thể nói văn phong ông chịu ảnh hưởng cổ điển của các nhà văn Âu Châu đầu thế kỷ 20.

Tuy đứng trên quan điểm chống lại chủ nghĩa Cộng Sản, nhưng ông không đưa vào truyện cái không khí ngột ngạt, bế tắc đầy đe dọa và sợ hãi

như trong tiểu thuyết của Arthur Koestler, hay đầy tính cách tố cáo như trong tiểu thuyết của Alexander Solzenitsyn. Ngay cả *The Crazed*, dù có tính cách luận đề, nhưng không khí vẫn không quá nặng nề. Ông mô tả một xã hội với những nếp sống đã định hình, đã trở nên bình thường và người ta chấp nhận nếp sống mới y như phải như thế dù không mấy thích. Những phê phán xã hội và chế độ ẩn chìm dưới các sự kiện, chứ không biểu hiện rõ rằng qua cách hành xử hay tâm tình của các nhân vật. Truyện của Ha Jin hầu như không đưa ra một chủ đề nào lớn. Ta sẽ không tìm thấy bất cứ một ẩn dụ triết lý hay một ám chỉ gần xa nào về thân phận con người hay về cuộc nhân sinh.

Tuy vậy, qua hàng chục truyện ngắn và mấy truyện dài, Ha Jin đã vẽ nên trước mắt độc giả những hình ảnh vô cùng sống động của xã hội Trung Hoa dưới chế độ Cộng Sản với những nhân vật và câu chuyện không hề trùng lặp nhau. Mỗi một câu chuyện hay nhân vật đều riêng biệt, đặc thù cho ta nhìn được khá sâu vào tình hình xã hội, tâm tình nhân vật và hoàn cảnh sinh hoạt hết sức đa dạng của người Trung Hoa dưới chế độ Cộng Sản. Những ai không quen với một nước Trung Hoa vừa truyền thống lại vừa Cộng Sản sẽ tìm thấy rất nhiều điều lý thú về nếp sống hàng ngày của người dân. Đó là những mẩu tin, những xì-căn-đan nho nhỏ xảy ra trong một địa phương hay một tập thể giới hạn nào đó, chẳng hạn như trong một đơn vị quân đội, trong một nhà máy hay trong một ngôi làng nhỏ.

Do cách diễn tả khách quan và dựa vào sự kiện (mà một số nhà phê bình cho là nhược điểm) ta có thể hiểu rõ thêm cái xã hội lạ lùng đó mà không phải bị áp lực của một cái nhìn đầy thiên kiến do tác giả áp đặt. Phải thừa nhận rằng Ha Jin đã sống nhiều và từng trải. Ông biết nhiều, đi nhiều và nắm vững sinh hoạt xã hội và tâm tình từng hạng người. Chính vì thế, câu chuyện nào cùa ông lúc nào cũng sống động và đậm đà chất liệu hiện thực. Nếu đọc kỹ, ta sẽ thấy câu chuyện nào cũng hàm chứa một chút châm biếm nhẹ nhàng. Tính cách phê phán xã hội được ông lồng vào trong câu chuyện một cách khôn khéo.

Chẳng hạn như truyện ngắn "A Lecture" (Một buổi học tập) trong tập truyện *Ocean of Words*. Để củng cố lập trường chính trị của từng người lính, các đơn vị quân đội Trung Quốc thường tổ chức định kỳ các cuộc sinh hoạt học tập lịch sử Đảng Cộng Sản. Lần đó, thay vì để cho chính trị viên hay bí thư thuyết trình, bí thư đảng ủy Đại Đội Truyền Tin có sáng kiến mời một ông bộ đội hưu trí già đến thuyết trình về những tháng ngày gian khổ mà vinh quang mà bản thân ông trải qua trong cuộc Trường Chinh Vĩ Đại do Mao Trạch Đông lãnh đạo. Trước một khán giả kỷ luật và chăm chú lắng nghe, người bộ đội già hào hứng kể những lúc gian khổ trèo đèo vượt suối vừa rút vừa chiến đấu ngoan cường với kẻ thù. Lần đó, đơn vị ông giành được một chiến thắng vĩ đại: xóa sổ được hai trung đoàn của Tưởng Giới Thạch, bắt được hàng trăm tù binh. Người cựu chiến binh kể tiếp:

"Trong số đó, có một viên sĩ quan rất phản động. Bất cứ khi nào mà chúng tôi chữa trị vết thương cho hắn thì hắn lại chưởi bới chúng tôi. Hắn gọi chúng tôi là 'Bọn thổ phỉ Cộng Sản' và 'Bọn ác thú Đỏ'. Ai cũng tức giận.

Một đêm nọ, sau khi hết phiên gác, tôi đi vào bếp để tìm nước uống. Tôi thấy một số đồng chí lãnh đạo đang ăn uống ở đó. Ai cũng ngà ngà say. Thấy tôi vào, đồng chí Wan Fumin chận tôi lại nói 'Uống rượu cái đã, chú Liu?'.

Tôi hớp một hớp rượu từ chén của ông ấy. 'Ăn thịt đi', đồng chí chỉ tay vào những chiếc đĩa trên bàn.

'Thịt gì vậy', tôi hỏi. Đã hàng tháng trời chúng tôi không hề được ăn thịt, do đó mới nghe chữ 'thịt' là tôi đã chảy nước miếng. Mọi người đều cười. 'Thịt người', Feng Shun trả lời. Đồng chí này là trung đội trưởng Trung Đội Bảo Vệ. Tôi hoảng hồn và không thể biết là đồng chí ấy nói thật hay đùa.

Wan vừa nói với tôi vừa gắp một miếng thịt bỏ vào miệng: 'Đồng chí biết cái thằng sĩ quan miệng mồm thúi tha đó chứ gì? Đây là tim với gan hắn xào lên đấy'. Đồng chí ấy nhai. Tôi bắt đầu run lên bần bật và muốn trốn đi. Nhưng Wan đưa cho tôi đôi đũa và ra lệnh: 'Chú Liu, thử một miếng đi. Xem thử nó có giống mùi thịt cừu không. Đồng chí phải học ăn thịt kẻ thù của chúng ta!'.

Mọi người thúc hối tôi ăn. Tôi bỏ đũa xuống và chạy ra ngoài. Tôi chạy dọc theo con đường đồi cho đến khi không còn nhìn thấy cây đèn nhà bếp nữa. Đêm sương ướt lạnh. Tôi ngồi dấu mình trong một cánh đồng kê, không dám trở về cho đến khi mọi người đi ngủ hết (...)

Sáng hôm sau, Wan và Feng chụp tôi ngay giường ngủ và nói rằng tôi không nên mềm lòng như thế. Feng Shun nói: 'Nếu đồng chí thương hại cho con chó ghẻ đó thì đúng là đồng chí còn

mơ hồ không phân biệt được bạn với thù. Tình yêu dành cho bạn đồng chí phải được biểu hiện bằng sự căm thù kẻ thù. Đồng chí không được xem kẻ thù như một con người'. Tôi không hiểu đồng chí ấy muốn nói gì. Tôi sợ hãi và tim tôi run rẩy. Chuyện gì sẽ xẩy ra nếu một ngày nào đó họ xem tôi như kẻ thù? Sợ gì mà họ chẳng ăn sạch tim gan phèo phổi tôi? Vậy là tôi phải trốn đi mất.

Cả phòng bỗng trở nên yên lặng đến nỗi ai cũng nghe rõ cả hơi thở của ông già Liu. Si Ma đứng dậy và bước đến chỗ ông Liu.

'Tôi không phải là thằng đào ngũ', ông già đau đớn thét lên, nắm tay đấm rầm rầm trên bàn. Nước mắt chảy dài trên má. 'Tôi thù ghét Tưởng Giới Thạch và tất cả những tên phản động, nhưng tôi không dám ăn thịt chúng. Giết chúng, không sao, nhưng tôi không thể ăn thịt chúng. Đúng là tôi không có cam đảm, nhưng tôi không phải là thằng đào ngũ'

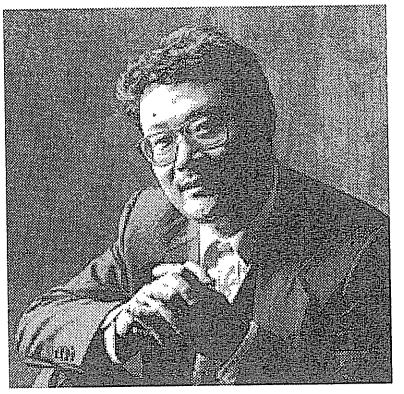

'Xin đồng chí bình tĩnh lại', Si Ma nói, tay vỗ nhẹ vai ông già Liu. Ông ta ra dấu cần giúp đỡ. Ba người lính ở phía trước nhảy vội đến. Viên bí thư thì thầm 'Đồng chí ơi, đồng chí quá mệt rồi. Đồng chí cần nghỉ ngơi cho khỏe.'

Hai người lính dìu ông già ra khỏi phòng.

*'Các đồng chí', Si Ma dặn dò thuộc cấp, 'Nếu đồng chí nào có ghi chép gì thì xé trang giấy đó ra để lại đây'. Ông bỏ tay xuống bàn. 'Dù những lời của ông già Liu đúng hay sai thì đó không phải là việc của chúng ta. Tôi yêu cầu các đồng chí giữ kín buổi học tập hôm nay. Đồng chí Liu là một chiến sĩ Hồng Quân; đôi điều đồng chí ấy nói có thể không có hại gì cho đồng chí ấy, nhưng nếu các đồng chí nói tùm lum ra ngoài, chính các đồng chí sẽ bị kết tội Phản Cách Mạng đấy. Các đồng chí hiểu chưa?"*8

Cách kể chuyện của Ha Jin đại loại là như vậy: tỉnh táo, nhẹ nhàng nhưng nét châm biếm khá cay độc. Một truyện ngắn khác, "Saboteur" (Kẻ Phá Hoại), trong tập truyện *The Bridegroom,* tính chất châm biếm nhắm vào các sinh hoạt ngoài xã hội. Nhân vật chính là giáo sư Chiu. Trên đường đi hưởng tuần trăng mật về với cô vợ mới cưới, ông dẫn vợ ghé vào một tiệm ăn. Trong lúc đang ăn, một tay công an ngồi bàn kế bên ném một tách trà về phía hai người và làm ướt giày cô vợ. Ông Chiu cự nự với tay công an về hành vi thiếu lịch sự đó. Thay vì nhận lỗi, tay công an lại ra lệnh thuộc hạ bắt ông Chiu, nhốt ông trong phòng thẩm vấn, và bắt ông ký nhận tội phá hoại. Ông không chịu ký. Vợ ông nhờ một luật sư trẻ tuổi, học trò của ông Chiu đến can thiệp, nhưng anh ta cũng bị bắt luôn. Rốt cuộc, vừa bị thuyết phục vừa bị đe dọa, ông Chiu phải ký giấy nhận tội "phá hoại" để được trả tự do. Quá tức giận, ông Chiu nghĩ ra một cách trả thù rất độc đáo: truyền bệnh viêm gan mà ông đang mắc cho nhiều người. *"Ông Chiu lần lượt mua bún, hoành thánh, cháo, xúp gà tại bốn tiệm ăn khác nhau. Trong khi ăn, ông tiếp tục lẩm bẩm qua kẽ răng: 'Giá mà tao giết hết được cái bọn thối tha đó!' Ở quán ăn cuối cùng, ông chỉ húp một ít xúp mà chẳng đụng gì đến thịt gà và nấm.* Sau đó thì "*Trong vòng ba tháng, trên tám trăm người bị nhiễm bệnh viêm gan ác tính ở thành phố Muji. Sáu người chết, kể cả hai trẻ con. Không ai biết bệnh đã xuất phát như thế nào"*9.

Ha Jin, tên thật là Xuefei Jin, sinh năm 1956 tại một thành phố phía bắc Trung Hoa, thuộc tỉnh Liêu Đông. Cha là một sĩ quan trong Quân Đội Nhân Dân Trung Quốc. Lúc nhỏ, ông mới đi học chừng hai năm thì trường được lệnh đóng cửa vì Mao Trạch Đông bắt đầu thực hiện cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Gia đình Jin cũng là một trong những đối tượng bị phê phán. Sách của cha ông bị mang ra đốt. Mẹ ông thì bị phê bình dữ dội. Không biết làm gì hơn, ông phải gia nhập Hồng Vệ Binh. Trong mấy năm trời, ông "mang băng đỏ, vẫy cờ và hát những bài ca cách mạng." Đến năm 14 tuổi, ông khai gian tuổi để được gia nhập quân đội, chỉ vì lúc đó, nhà nước tuyên truyền rằng Liên Xô sắp tấn công Trung Quốc mà ông thì không muốn chết tại nhà. Giống như mọi người, Ha Jin "muốn được trở thành một anh hùng, một kẻ tuẫn đạo." Ông được điều ra đóng quân ở biên giới Liên Xô - Trung Quốc. Rốt cuộc sau mấy năm nhà cầm quyền làm ầm ĩ mà chẳng hề có chiến tranh, ông được giải ngũ năm 19 tuổi. Ông kiếm việc làm và bắt đầu học Anh văn. Năm 1977, ông được nhận vào trường đại học Hắc Long Giang và học hết bốn năm ở đó, môn chính là Anh văn.

TRẦN MỘNG TÚ

Niềm Thản Nhiên Trong Vườn

Bạn ạ sáng nay tôi làm tổn thương đất
thế mà đất thản nhiên chẳng nói năng gì
chiếc xẻng nhỏ xới đất lên tung tóe
thịt đất mềm vỡ vụn dưới tay tôi

Bạn có biết tôi chôn gì xuống đất?
tôi chôn những điều phiền muộn hôm qua
tôi chôn những lời không vui những tình rất nhạt
đất thản nhiên tặng lại một đóa hoa

Bạn ạ sáng nay tôi làm đau bông hoa
cắt từng nhánh đặt vào bình trong suốt
hoa vẫn thản nhiên nở rất khẽ trong bình
hương thơm ngát phủ cả điều phiền muộn

Bạn ạ sáng nay tôi phũ phàng vùi lá
thế mà lá thản nhiên chẳng nói năng gì
những chiếc lá cong, mầu xanh đã hết
lặng yên nằm chờ một gót chân đi

Tôi mới biết dẫu trong còn, mất
lá vẫn thản nhiên nằm thở dịu dàng
nếu biết chiều nay có ai cần nhóm lửa
lá sẽ gom mình hong ấm không gian.

Chủ Nhật 31-7-05

Vào những năm đầu thập niên 1980, khi các chính sách của nhà nước nới lỏng, ông theo học đại học Shangdon và tốt nghiệp cao học văn chương Mỹ. Thời gian này, ông mê say Faulkner, Roethke và Bellow và bắt đầu nuôi mộng viết văn bằng Anh ngữ. Nhờ sự giúp đỡ của một số giáo sư thỉnh giảng từ Hoa Kỳ sang dạy tại đại học Shangdon, năm 1985, ông được học bổng sang du học ở Hoa Kỳ để lấy bằng tiến sĩ. Ông theo học tại trường đại học Brandeis, thành phố Waltham, bang Massachusetts, đặc biệt nghiên cứu về thơ của Ezra Pound, T.S. Eliot, và Yeats. Ông có ý định về lại Trung Quốc để dạy học sau khi tốt nghiệp tiến sĩ tại đây. Nhưng vào năm 1989, khi chứng kiến cảnh sinh viên biểu tình và cảnh nhà cầm quyền Trung Quốc đàn áp thô bạo tại quảng trường Thiên An Môn, ông quyết định xin định cư vĩnh viễn tại Hoa Kỳ. "Trong thâm tâm, tôi không nghĩ là điều đó lại xảy ra. Tôi đã luôn luôn cho rằng quân đội Trung Quốc có mặt để bảo vệ nhân dân." Từ đó, số mệnh của Ha Jin rẽ sang một khúc ngoặc mới.

Ha Jin bắt đầu viết khi đang còn theo học tại đại học Brandeis. Ông thường lợi dụng thì giờ rảnh rỗi khi làm ca đêm tại một xưởng hóa chất ở Waltham, để viết. Lúc đầu, ông làm thơ bằng tiếng Anh. Do sự gợi ý của một ông thầy, Jin mang một vài bài thơ đến cho nhà thơ Frank Bidart, cũng đang dạy học tại đại học Brandeis, đọc thử. Đọc xong, Bidart sửng sốt phát biểu: "Thật là kỳ lạ khi biết ra rằng những bài thơ được sáng tác bởi một người mà tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Anh. Anh ta có một cách diễn đạt tuyệt vời"10. Một trong những bài mà Bidart thích nhất là *The Dead Soldie 's Talk*. Bài thơ, theo Bidart, hay đến nỗi khi ông đọc qua điện thoại cho một người bạn là Jonathan Galassi (lúc đó là tổng biên tập nhà xuất bản The Paris Review và sau đó là tổng biên tập của nhà xuất bản "Farrar, Straus & Giroux") công nhận ngay là thơ hay. Ít năm sau, tập thơ đầu tiên ra đời, trong đó có bài *The Dead Soldier's Talk*. Bài thơ viết về tâm trạng đặc thù của một người lính trẻ Trung Quốc, bị chết đuối chỉ vì tìm cách vớt một bức tượng Mao Trạch Đông bằng thạch cao trong một tai nạn chìm tàu vào tháng 9/1969. Bức tượng được mang đặt trong viện bảo tàng, anh lính chết thì được huy chương và người mẹ mất con thì vẫn lao động vất vả hàng ngày kiếm sống.

Nhưng sở thích của Ha Jin là viết văn. Ông ghi danh theo học khóa viết văn tại trường đại học Boston University. Tuy viết tiếng Anh rất đạt, nhưng ông lại nói không lưu loát. Lối phát âm của ông nặng nề, khiến cho không khí lớp học những lúc có thảo luận tương đối khó khăn. Lại

nữa, truyện của Jin viết rất táo bạo về mặt tình dục, khiến một vài nữ sinh viên cảm thấy không thoải mái. Cô Jhumpa Lahiri, bạn cùng lớp, người có một tuyển tập truyện ngắn *Interpreter of Maladies* (1999) cho biết "Anh ấy là một người rất dễ thương, nhưng truyện của anh ấy thật ghê. Có nhiều cảnh hiếp dâm tàn nhẫn. Có cảnh một người đàn ông tự thiến mình. Tôi nhớ là có người đã khiếp đảm và nổi giận vì cái cảnh ấy." Một trong những thầy dạy ông, giáo sư Leslie Epstein, cho biết ông còn nhớ rất rõ những lần thảo luận sôi nổi trong lớp học. "Một trong những truyện hay nhất của anh ta *Man- to-Be* có một cảnh hiếp dâm kinh khủng trong đó một người đàn ông chỉ phục hồi được nhân tính khi anh ta nhìn vào trong đôi mắt của người đàn bà mà anh ta sắp hiếp." Một trong những màn gây ấn tượng mạnh nhất trong tác phẩm nổi tiếng *Waiting* cũng là cảnh hiếp dâm, trong đó, nhân vật chính là cô Manna Wu bị hiếp dâm một cách tàn nhẫn. Được hỏi về những màn *sex* đó, Jin cho biết "Truyện của tôi không phải là những chuyện nhẹ nhàng. Vấn đề tôi luôn luôn đặt ra là: làm sao viết về những điều khủng khiếp mà không đưa tới chỗ tầm thường, dung tục. Tôi cho rằng tôi có thể đẩy mọi điều xa hơn cái người ta mong đợi. Nhưng theo tôi chính cái đó là cách trắc nghiệm chính mình như là một nhà văn."11

Khi các tác phẩm lần lượt đoạt hết giải này đến giải khác, nhiều người bắt đầu hỏi anh: làm thế nào mà một người viết tiếng Anh hay như thế lại nói không trôi chảy? Jin trả lời, khác với nói, trên trang giấy, "tôi có thể dùng tất cả thời gian tôi cần. Tôi có thể kiên nhẫn. Tôi có thể làm việc, làm việc cho đến khi tôi nghĩ rằng tôi đã hầu như đúng." Cho đến nay, ông vẫn nói thứ tiếng Anh ngọng nghịu, vấp váp. Theo Dwight Garner, phóng viên *New York Times*, Jin hầu như chẳng biết gì về nền văn hóa phổ thông Mỹ. Ông không thể nhớ bộ phim vừa mới xem, và kiến thức về truyền hình chỉ giới hạn trong một vài chương trình đặc biệt nào đó. Lúc đầu, theo ông, "tôi chỉ viết cho có viết." Nhưng khi đã viết được rồi, ông cảm thấy viết tiếng Anh mang lại cho ông một mùi vị tự do mà ông không bao giờ cảm nhận được khi viết bằng tiếng mẹ đẻ. "Tôi đã từng nhiều phen làm thơ bằng chữ Hán, nhưng tôi không thích mấy. Chữ Hán quá văn chương, quá trí thức và bị tách khỏi ngôn ngữ đời thường hàng ngày. Nó không có cái uyển chuyển của tiếng Anh. Bởi thế mà tôi dần dần bắt đầu vất cái não trạng văn chương kiểu Trung Hoa ra khỏi đầu óc"12.

Được hỏi về chuyện học Anh văn và viết văn bằng Anh văn, Jin cho biết "Trong những năm đầu, trông giống như (tôi) phải chịu một sự chuyển máu, giống như phải thay máu hoàn toàn." Còn bây giờ thì sao? Jin trả lời: "Tôi đã đi quá sâu vào Anh văn rồi. Ngôn ngữ cũng giống như nước. Ta sống trong đó rồi, rất khó mà trở lại được như cũ"13.

Về kinh nghiệm viết truyện, ông nhận xét: "Ta có thể đi vào một truyện ngắn và đi ra dễ dàng. Nhưng nếu viết truyện dài, phải lặn sâu mình vào trong đó hoàn toàn trong một thời gian đã. Ta giống như bị hút bởi tác phẩm." Hỏi về dự tính trong tương lai, ông cho biết ông sẽ cố gắng viết một tác phẩm mà khung cảnh được xây dựng ở Hoa Kỳ. Nhưng ông thú nhận, ý tưởng viết về Hoa Kỳ như thế vẫn thường làm ông ngần ngại. "Tôi không hiểu rõ Hoa Kỳ sâu xa cho lắm, nhưng có lẽ tôi sẽ viết những cảm nhận về nó từ một góc độ khác, góc độ một người di dân chẳng hạn. Tác phẩm này sẽ là một thử thách lớn đối với tôi. Tôi sẽ viết hết sức chậm"14.

Trường hợp của Ha Jin quả đáng cho nhưng nhà văn di dân suy gẫm!

(Trích từ "Tác Giả, Tác Phẩm Và Sự Kiện" Văn Mới xuất bản, tháng 5/2005)

Chú thích:

1. Dẫn theo Stacey Wilkins, CNN, 4/3/2000

2. Dẫn theo John Thomas, Across an Ocean of Words, *http://www.emory.edu/EMORY_MAGAZINE/spring98/hajin.html*

3. Gốc Do Thái, Nobel văn chương năm 1978

4. Ha Jin, In the Pond, *nxb Zoland Books, Inc., Cambridge, Massachusetts, 1998tr. 173*

5. Ha Jin, the Crazed, nxb Pantheon Books, New York 2002 tr. 220

6. Dave Weich, www.powells.com/pick.dave.html

7. http://www.powells.com/prizes/national.html

8 Ha Jin, Ocean of Words, *nxb Zoland Books, Cambridge, Massachusetts 1996 trang 131, 132.*

9. Ha Jin, The Best American Short Stories 1997, *nxb Houghton Mifflin Company, Boston, New York 1997, tr. 13*

10. Dẫn theo Dwight Garner, Ha Jin's Cultural Revolution, *NY Times 6/2/2000*

11. The question for me has always been: how do you write about terrible things without resorting to vulgarity? I think I might push things farther than people expect. But that's how you test yourself as a writer (New York Times, bđd)

12 So I slowly began to squeeze the Chinese literary mentality out of my mind (New York Times, bđd)

13 Dave Weich phỏng vấn Ha Jin (như trên)

14 Dave Weich phỏng vấn Ha Jin (Bđd)

NGÓT NỬA THẾ KỶ TỪ ỦY BAN SÔNG MEKONG TỚI TUYÊN NGÔN CÔN MINH [1957 - 2005]

NGÔ THẾ VINH

THAY LỜI DẪN NHẬP

MỘT_ Tyson Roberts thuộc Viện Nghiên Cứu Nhiệt Đới Smithsonian (Mỹ) đã phát biểu: "Xây các đập thủy điện, khai thông thủy lộ, với tàu bè thương mại quá tải sẽ giết chết dòng sông. Các bước khai thác của Trung Quốc sẽ làm suy thoái hệ sinh thái, gây ô nhiễm tệ hại, khiến con sông Mekong đang chết dần, cũng giống như con sông Dương Tử và các con sông lớn khác của Trung Quốc." (9)

HAI_ Thủ Tướng Hunsen trước khi sang dự Hội Nghị Thượng Đỉnh Côn Minh, đã tỏ ra thỏa mãn với tình hình khai thác con sông Mekong như hiện nay, theo ông "chẳng có vấn đề gì phải quan tâm." Ông công khai lên tiếng ủng hộ Bắc Kinh, đối với kế hoạch khai thác sông Mekong, ông còn cho rằng "các ý kiến chỉ trích chỉ để chứng tỏ họ chú ý tới môi sinh, và đôi khi họ dùng đó như thứ rào cản nhằm ngăn sự hợp tác nên có giữa sáu quốc gia."(4)

TỪ ỦY BAN SÔNG MEKONG 1957-1976

Từ những thập niên 40s, các nhà xây đập Mỹ đã quan tâm tới tiềm năng thủy điện của con sông Mekong. Năm 1957, giữa thời kỳ chiến tranh lạnh, với bảo trợ của Liên Hiệp Quốc, chủ yếu là Mỹ, một Ủy Ban Sông Mekong [Mekong River Committee] được thành lập bao gồm bốn nước Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Nam Việt Nam và một văn phòng thường trực đặt tại Bangkok; với kế hoạch phát triển toàn diện vùng Hạ Lưu sông Mekong nhằm cải thiện cuộc sống cho toàn thể cư dân sống trong lưu vực. Có một điều lệ gần như cơ bản của Ủy Ban Sông Mekong để phân biệt với Ủy Hội Sông Mekong [Mekong River Commission] sau này, là quyền phủ quyết. Không một quốc gia thành viên nào có thể thực hiện dự án liên hệ tới con sông Mekong nếu không được sự đồng thuận của các quốc gia thành viên khác.

Tưởng cũng nên mở một dấu ngoặc ở đây, cho dù có một nửa chiều dài sông Mekong chảy qua Vân Nam nhưng Trung Quốc lúc đó còn là một quốc gia khép kín và ít được nhắc tới.

Nhưng rồi, Chiến Tranh Việt Nam đã lan rộng ra cả ba nước Đông Dương qua hơn ba thập niên, [Thái Lan tuy không trực tiếp tham chiến nhưng cũng đã là một hậu cần của Mỹ trong suốt cuộc chiến], nên kế hoạch xây dựng các đập thủy điện lớn chắn ngang sông Mekong vùng Hạ Lưu và các chương trình khai thác khác đã phải gián đoạn, khiến cho con sông Mekong còn giữ được vẻ hoang dã và cả sự nguyên vẹn thêm một thời gian nữa.

TỚI ỦY BAN MEKONG LÂM THỜI 1978 ố 1992

Chiến Tranh Việt Nam chấm dứt năm 1975, nhưng vẫn còn một cuộc chiến tranh diệt chủng

diễn ra trên Xứ Chùa Tháp. Không có Cam Bốt, một Ủy Ban Mekong Lâm Thời [Mekong Interim Committee] được thành lập năm 1978 với hoạt động hạn chế. Cũng trong thời gian này, Thái Lan có kế hoạch chuyển dòng sông Mekong nhằm đưa một lượng nước lớn bơm tưới cho cả một vùng đông bắc Thái Lan khô hạn. Đó là một dự án của riêng Thái Lan, không có trong kế hoạch ban đầu của Ủy Ban Sông Mekong. Gặp sự chống đối của Việt Nam, Thái Lan đi tới phủ nhận tính cách pháp lý của Ủy Ban Sông Mekong, viện lý do là tổ chức này đã không còn phù hợp với những thay đổi về chánh trị, kinh tế và xã hội trong vùng. Trong điều kiện phân hóa như vậy, Ủy Ban Lâm Thời Mekong hầu như bị tê liệt.

TỚI ỦY HỘI SÔNG MEKONG 1995-2005

Bước vào thời bình với nhu cầu phát triển, con sông Mekong đã trở thành mục tiêu khai thác của sáu quốc gia trong Lưu Vực Lớn Sông Mekong [GMS / Greater Mekong Subregion]. Cùng là những nước ven sông nhưng mỗi quốc gia lại có những ưu tiên về phát triển khác nhau với những quyền lợi mâu thuẫn. Do đó, phục hồi một tổ chức điều hợp liên quốc gia tương tự như Ủy Ban Sông Mekong trước đây là cần thiết.

Ngày 05 tháng 04 năm 1995, bốn nước hội viên gốc của Ủy Ban Sông Mekong đã họp tại Chiang Rai, Thái Lan cùng ký kết một "Hiệp Ước Hợp Tác Phát Triển Bền Vững Hạ Lưu Sông Mekong" và đổi sang một tên mới là Ủy Hội Sông Mekong với một thay đổi cơ bản trong Hiệp Ước mới này — thay vì như trước đây trong Ủy Ban Sông Mekong, mỗi hội viên có quyền phủ quyết bất cứ một dự án nào bị coi là có ảnh hưởng tác hại tới dòng chính sông Mekong — thì nay, theo nội quy mới không cho một thành viên nào có quyền như vậy và trong ngôn từ để chuẩn y các dự án cũng rất là mơ hồ như chỉ qua thông báo và tham khảo.

Có thể nói Ủy Hội Sông Mekong là "biến thể và xuống cấp" của Ủy Ban Sông Mekong trước kia. Ủy Hội Sông Mekong gồm ba cơ cấu:

- Hội Đồng Đại Diện [cấp bộ trưởng]
- Ủy Ban Hỗn Hợp
- Văn Phòng Thường Trực

Nay có văn phòng đặt tại Vạn Tượng. Khác với tham vọng chiến lược ban đầu của Ủy Ban Sông Mekong nhằm khai thác tiềm năng sông Mekong cho sự thịnh vượng chung của toàn lưu vực, mục tiêu của Ủy Hội Sông Mekong có phần khiêm tốn và thu hẹp hơn bao gồm: (3)

BA CHƯƠNG TRÌNH NÒNG CỐT [core programmes]: 1/ Chương Trình Sử Dụng Nước: hình thành một khuôn khổ yểm trợ thích nghi cho phát triển bền vững, các quy định sử dụng nước với một hệ thống theo dõi và quản trị; 2/ Chương Trình Phát Triển Lưu Vực: xác định những cơ hội phát triển liên quốc gia; 3/ Chương Trình Môi Trường: xác định những thông tin căn bản về môi sinh để từ đó có thể quyết định về những ưu tiên và mức độ thích hợp cho những khu vực để phát triển.

NĂM CHƯƠNG TRÌNH KHU VỰC [5 sector]:

1/ Canh Nông, 2/ Thủy Lâm, 3/ Ngư nghiệp, 4/ Giao Thông và 5/ Du lịch.

MỘT CHƯƠNG TRÌNH YỂM TRỢ [Capacity Building Programme]

Ủy Hội Sông Mekong được bảo trợ bởi các tổ chức quốc tế, hội tư nhân, các viện nghiên cứu và tổ chức quốc gia với ngân khoản hàng năm khoảng 15 triệu Mỹ kim.

Ủy Hội Sông Mekong đã trải qua những bước khởi đầu chậm chạp do nhiều nguyên nhân như: việc di rời trụ sở từ Bangkok sang Nam Vang, một số thành viên có kinh nghiệm đã từ nhiệm vì lý do an ninh ở Nam Vang, rồi sự yếu kém trong quản trị, các cơ quan bảo trợ tỏ ra thiếu tin tưởng vào Ủy Hội trước sự thờ ơ của các nước thành viên cũng như thiếu mục tiêu rõ ràng lúc ban đầu.

Nhưng rồi từng bước, Văn Phòng Thường Trực của Ủy Hội Sông Mekong đã được cải thiện, tạo dựng được một hình ảnh mới tích cực hơn, đón nhận được sự tài trợ cũng lớn hơn, lên tới 28 triệu Mỹ kim năm 2000.

Ủy Hội đã hoàn tất được vài thành quả ban đầu như: đạt được thỏa thuận chia xẻ thông tin giữa bốn nước thành viên, thiết lập đưa vào sử dụng "mạng lưới internet" tiên đoán lũ lụt và theo dõi dòng chảy mùa khô; và nhất là đạt được thỏa ước [ký kết tháng 4, 2002] có thể gọi là lịch sử về trao đổi dữ kiện thủy văn [hydrological data exchange agreement] giữa Trung Quốc và Ủy Hội Sông Mekong.v.v. (7)

YẾU TỐ TRUNG QUỐC NHƯ MỘT NHÂN TAI

Qua thời kỳ chiến tranh lạnh, Trung Quốc đã thực sự mở cửa ra với thế giới bên ngoài. Không còn ảnh hưởng thống trị của Mỹ ở Đông Nam Á, Trung Quốc nghiễm nhiên trở thành yếu tố mới năng động với ảnh hưởng bao trùm trên toàn Lưu Vực Lớn Sông Mekong [GMS].

Sự thịnh vượng cho Lưu Vực là điều hứa hẹn nhưng chưa tới, và đã tới những hậu quả nhãn tiền của các bước khai thác tự hủy nguồn tài nguyên sông Mekong, ảnh hưởng trực tiếp tới 70 triệu dân cư sống trong lưu vực.

Trong mấy thập niên vừa qua, Trung Quốc đã ào ạt khai thác con sông Mekong, không ngừng xây thêm những con đập thủy điện khổng lồ ngang dòng chính làm ảnh hưởng tới nguồn nước, nguồn cá, nguồn phù sa và cả gây ô nhiễm cho hạ nguồn.

Chưa bao giờ trong Mùa Khô, mực nước con sông Mekong lại có thể xuống thấp đến như vậy từ ngày có những con đập Vân Nam [mới 3 trong dự án 14 đập]. Ở một số nơi có những khúc sông đã trơ đáy và hầu như cạn dòng. Nguồn cá và nông nghiệp đã trực tiếp bị ảnh hưởng. Không chỉ đơn giản vì "thiếu mưa," sự kiện sông Mekong cạn dòng năm 1993 mà không vào mùa khô, trùng hợp với thời điểm Trung Quốc bắt đầu lấy nước vào con đập thủy điện đầu tiên Mạn Loan [Manwan] ngang dòng chính sông Mekong trên Vân Nam.

Odd Bootha, 38 tuổi, anh lái đò bến Chiang Khong Bắc Thái Lan, đã than thở: "Nếu Trung Quốc cứ xây thêm đập thì sông Mekong chỉ còn là một con lạch." Tình cảm bài Trung Quốc rất mạnh ở vùng Bắc Thái, chính dân làng đã công khai chống lại kế hoạch phá đá phá ghềnh thác khai thông sông Mekong của Trung Quốc.

Để có đủ nước vận hành hai đập thủy điện Vân Nam, Trung Quốc đã thường xuyên đóng các cửa đập khiến mực nước sông đã xuống tới mức thấp nhất. Phía tả ngạn bên Lào, chỉ riêng trong tháng 3/2004 , tổ chức du lịch đã phải hủy bỏ 10 chuyến du ngoạn trên sông chỉ vì những khúc sông quá cạn. Chainarong Sretthachau, giám đốc Mạng Lưới Sông Đông Nam Á [Southeast Asia Rivers Network] cho rằng "Trung Quốc đã có quyền lực để kiểm soát dòng sông Mekong." (10)

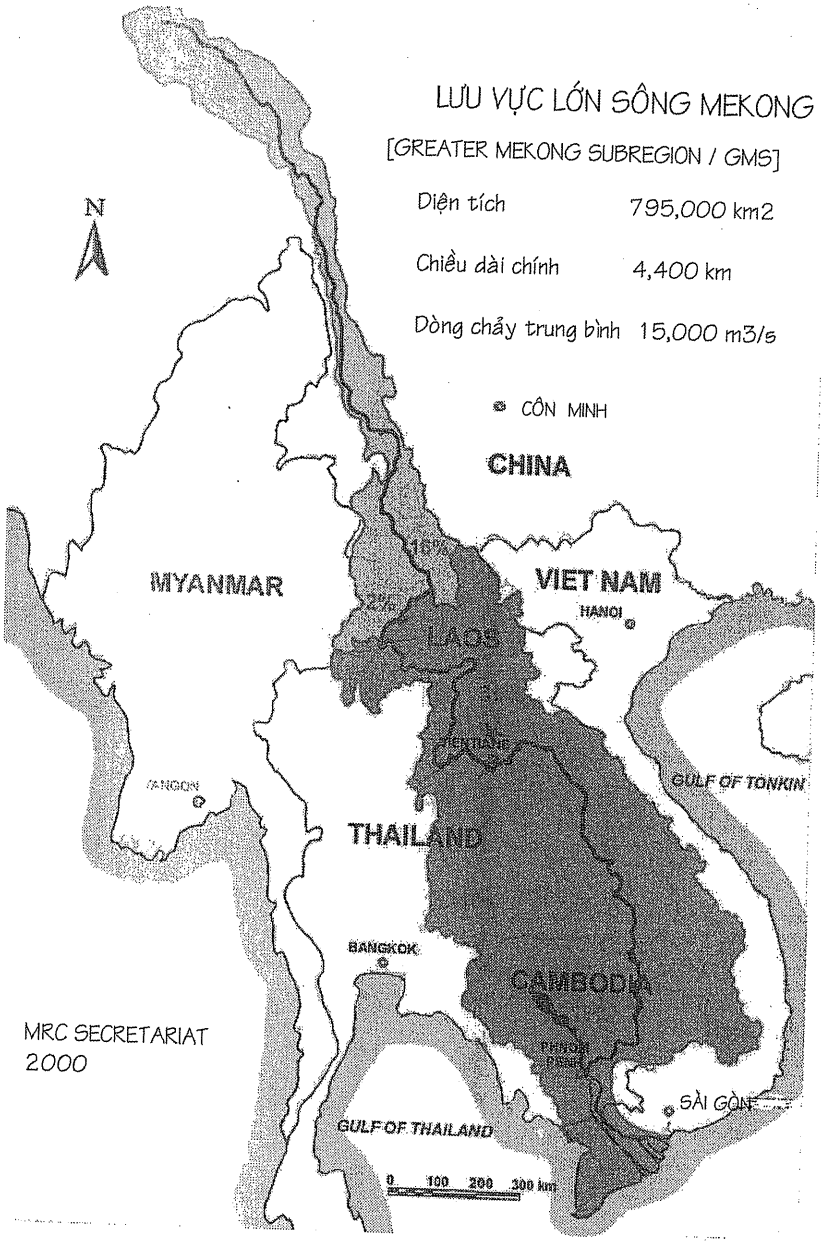

Sự chối từ của Trung Quốc tham gia vào Ủy Hội Sông Mekong khiến tổ chức này trở nên vô nghĩa trong nỗ lực điều hợp khai thác và phát triển bền vững nguồn tài nguyên của con sông Mekong.

Do nhu cầu điện của Trung Quốc tăng 5-6% / năm, để đáp ứng tốc độ phát triển kinh tế, trước viễn tượng nguồn dầu khí ngày càng cạn kiệt, Trung Quốc ngoài việc gia tăng tốc độ xây thêm các lò điện nguyên tử, từ một tới hai lò mới mỗi năm, bất chấp mọi hậu quả (National Geographic, Aug 2005).

Đi xa hơn nữa, chỉ mới đây thôi, nếu không gặp sự chống đối mạnh mẽ từ các nhà lập pháp Mỹ ở Hoa Thịnh Đốn, Công Ty Dầu Khí Nhà Nước Trung Quốc (CNOOC/ Chinese National Offshore Oil Corp.) đã thành công mua đứt Unocal, công ty dầu khí lớn thứ hai của Mỹ với 18.5 tỉ Mỹ kim để sở hữu nguồn dầu khí chiến lược và cả khống chế quyền khai thác các túi dầu trên toàn Biển Đông. [NY Times, Aug 3, 2005].

Với khát vọng vô hạn về năng lượng, rõ ràng không có dấu hiệu nào Trung Quốc sẽ dừng bước hay chậm lại kế hoạch khai thác nguồn thủy điện phong phú của con sông Mekong.

Nhận định về các kế hoạch khai thác sông Mekong của Trung Quốc, Tyson Roberts thuộc Viện Nghiên Cứu Nhiệt Đới Smithsonian [Mỹ] đã phát biểu: *"Xây các đập thủy điện, khai thông thủy lộ, với tàu bè thương mại quá tải sẽ giết chết dòng sông... Các bước khai thác của Trung Quốc sẽ làm suy thoái hệ sinh thái, gây ô nhiễm tệ hại, khiến con sông Mekong đang chết dần, cũng giống như con sông Dương Tử và các con sông lớn khác của Trung Quốc."* (9)

Như một điệp khúc, phía chánh quyền Trung Quốc lúc nào cũng khăng khăng với lập luận là ảnh hưởng chuỗi đập Vân Nam trên sông Mekong là không đáng kể và còn có lợi nữa. Các con đập sẽ tạo thuận cho chu kỳ lũ - hạn hàng năm, khai thông dòng sông sẽ làm gia tăng trao đổi thương mại trong vùng và giúp giảm nghèo.

Deng Jiarong viên chức phụ trách Mekong Sự vụ, vẫn lặp lại những khẩu hiệu như một điệp khúc trấn an: *"Phát triển sông Mekong là một quyết định chung của tất cả các quốc gia liên hệ. Sự tổn hại và ảnh hưởng tiêu cực là rất nhỏ so với những lợi ích của cộng đồng dân cư lớn hơn."*

Nhưng cũng không thiếu tiếng nói chỉ trích ngay tại Trung Quốc như Xu Xiaogang, chuyên viên nghiên cứu hậu quả các con đập trên các cộng đồng người Hoa: *"Trên con sông quốc tế, không một quốc gia nào có thể vị kỷ. Họ phải quan tâm tới ảnh hưởng trên các quốc gia khác và trên con sông như một toàn thể."* (9)

Công bằng mà nói, không phải tất cả suy thoái của con sông Mekong là đến từ Trung Quốc. Cũng phải kể tới phần ảnh hưởng cộng thêm vào từ các con đập phụ lưu sông Mekong của Thái Lan, Lào và Việt Nam, càng làm suy thoái thêm toàn hệ sinh thái của dòng sông.

TỔNG THỐNG BUSH, MEKONG THÊM CẠN DÒNG

Tổ chức WWF / World Wide Fund đã đưa ra lời cảnh báo là hiện tượng Hâm Nóng Toàn cầu [Global Warming] đã khiến những khối băng trên rặng Hy Mã Lạp Sơn mau chóng thu nhỏ lại, có thể gây ảnh hưởng thiếu hụt nước của hàng trăm triệu cư dân sống phụ thuộc vào những con sông có nguồn nước từ những khối băng tuyết này. Khối băng tuyết Hy Mã Lạp Sơn [chỉ đứng thứ hai sau Bắc Cực] đang bị thu nhỏ lại với vận tốc từ 10 tới 15 mét / năm. Với hậu quả ban đầu là gia tăng lưu lượng nước sông, nhưng theo Jennifer Morgan, giám đốc Chương Trình Biến Đổi Khí Hậu Toàn Cầu [WWF for Nature's Global Climate Change Programme] thì chỉ vài thập niên sau đó, tình hình sẽ đảo ngược. Khối băng tuyết Hy Mã Lạp Sơn cấp nguồn nước cho bảy con sông lớn của Châu Á [sông Hằng, sông Indus, sông Brahmaputra, sông Salween, sông Dương Tử, Hoàng Hà và sông Mekong] trong đó có con sông Mekong, mực nước các con sông sẽ xuống rất thấp. (6)

WWF đã báo động tới nhóm các quốc gia kỹ nghệ G8 là: "Thế giới sẽ phải đương đầu với thảm họa về kinh tế và phát triển nếu mức độ hâm nóng toàn cầu không được giảm thiểu." Tưởng cũng nên nhắc tới ở đây, siêu cường kỹ nghệ Hoa Kỳ dưới triều đại Bush là nước duy nhất trong số 155 quốc gia từ chối ký tên vào Nghị Định Thư Kyoto [Kyoto Protocol]. Không phải chỉ có Trung Quốc, chính sách môi sinh thiển cận của Tổng Thống Bush trong một tương lai xa, cũng đã góp phần khiến con sông Mekong thêm cạn dòng.

GIẢI PHÁP NGẮN HẠN ĐỂ SỐNG CÒN

Với Việt Nam, trong cuộc phỏng vấn của phóng viên Ánh Nguyệt / RFI [12/2004] khi được hỏi về tình trạng nhiễm mặn ngày càng trầm trọng nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long [ĐBSCL] từ ngày Trung Quốc không ngừng tiến hành xây những con đập khổng lồ Vân Nam, Giáo sư Võ Tòng Xuân một tên tuổi được biết tới trước 1975 như cha đẻ của giống lúa cao sản Thần Nông, đã phát biểu :

"Nông dân ĐBSCL thích nghi nhanh, chuyển

đổi cơ cấu nông nghiệp: bỏ hẳn giống lúa cổ truyền chuyển sang trồng lúa cao sản, nên chủ động tránh được lũ cũng như hạn hán. Ở những vùng bị nhiễm mặn, vùng nước lợ, thay vì trồng lúa thì chuyển qua những loại cây khác hay chuyển qua sản xuất nuôi tôm xú chịu được nước lợ; rồi phong trào nuôi cua biển đang phát triển mạnh, người nông dân sẽ dùng nguồn nước mặn này để nuôi thủy sản với giá thành cao hơn là trồng lúa. Hiện nay Viện Lúa ĐBSCL đang vận dụng công nghệ sinh học, tìm những genes chịu mặn nhằm lai tạo những giống lúa cao sản tương đối chịu mặn hơn các giống lúa thường (chứ không phải là chịu nước mặn hoàn toàn). Xa hơn nữa, Việt Nam đang cùng với nhóm MEREM / Mekong Resources Economic Management do Nhật Bản tài trợ, nhằm nghiên cứu những thay đổi môi trường nước cũng như của đa dạng sinh học trên sông Mekong để từ đó có thể khuyến cáo những chánh phủ liên hệ nên sử dụng nguồn nước sao cho an toàn hơn." (8)

Với Cam Bốt, ai cũng biết rằng trái tim Biển Hồ chỉ còn đập khi sông Mekong còn đủ nước chảy ngược vào Biển Hồ trong mùa lũ, như một bảo đảm cho nguồn cá và vựa lúa của người dân xứ Chùa Tháp. Và chưa hề có bảo đảm nào cho một tương lai như vậy; nhưng với ông Thủ Tướng Hunsen, nhân buổi lễ thả cá giống vào một hồ ở phía đông Cam Bốt, đã tỏ ra thỏa mãn với tình hình khai thác con sông Mekong như hiện nay, nhất là với nước lớn Trung Quốc, theo ông "sẽ chẳng có vấn đề gì phải quan tâm."

Trước khi bay sang dự Hội Nghị Thượng Đỉnh Côn Minh, ông Husen đã công khai lên tiếng ủng hộ Bắc Kinh, gần như vô điều kiện đối với kế hoạch khai thác sông Mekong, cho dù điều ấy đi ngược lại ý kiến quan ngại gần như báo động của các chuyên gia bảo vệ môi sinh. Đi xa hơn thế nữa, ông Hunsen còn cho rằng "ý kiến chỉ trích chỉ để chứng tỏ là họ chú ý tới môi sinh, và đôi khi họ dùng đó như thứ rào cản nhằm ngăn chặn sự hợp tác nên có giữa sáu quốc gia." [AFP, 6/29/05].

LÝ THỪA NGHIỆP

Khóc Trần Kiêu Bạt

* Lê Tấn Nhứt, bạn hiền vừa từ trần ngày 25.07.2005 âm lịch, tại Arizona (Hoa Kỳ).

Nhứt đi, Nhứt bỏ về trời
Sao nghe nước mắt bỗng rơi ngọt ngào
Nghe tàn hết cuộc chiêm bao
Con sông xưa sẽ trôi vào hoang vu
Đất trời rồi sẽ nghìn thu
Nghe câu tống biệt, mịt mù khói sương.

Mày đi hết một con đường
Bỗng tao hiu hắt tiếc thương não nề
Ngàn ngày rượu cháy đam mê
Tiếng vui còn đọng tư bề cỏ cây
Rót đi trăm chén rượu đầy
Cong lưng mà uống, ly mày ly tao.

Dường như biển mặn ba đào
Dường như gan ruột cồn cào biệt ly
Nhủ lòng: "sinh ký tử quy"
Vẫn nghe sùi sụt, sầu bi đầm đìa
Thâm tình hồ dễ cắt chia
Cười nheo mắt thấy, màu bia vàng trời.

Chỉ vì sự thiển cận và chút quyền lợi rất ngắn hạn [trước đó Bắc Kinh cho Nam Vang vay 30 triệu Mỹ kim, cộng thêm với 70 triệu Mỹ kim nữa để cải thiện hệ thống quốc lộ]. Hunsen đã dễ dàng hy sinh một dòng sông và một Biển Hồ như mạch sống và trái tim của cả một đất nước Cam Bốt. (4)

MẠCH SỐNG MEKONG, MÁU CỦA ĐẤT

Qua những hội nghị từ Thượng Đỉnh, tới cấp Bộ Trưởng rồi Giám Đốc các Ủy Ban, với bao nhiêu là tuyên ngôn rồi tuyên cáo, tất cả chỉ như những khẩu hiệu, có tính cách hình thức, "với nhiều chữ nhưng lại ít thông tin," và trong thực tế vẫn mạnh ai nấy làm và Ủy Hội Sông Mekong

chưa hề là một tổ chức đoàn kết có tầm vóc để được coi là đối trọng đối với nước lớn Trung Quốc. Nhất là sự chia rẽ phân hóa đã có ngay trong cấp lãnh đạo cao nhất các quốc gia hạ nguồn.

Nói gì đi nữa thì Bắc Kinh vẫn cứ đi thênh thang trên con đường đã vạch ra của mình. Trong hai ngày 4-5 tháng Bảy vừa qua [2005], từ thủ phủ tỉnh Vân Nam, trong ánh điện rực sáng tỏa ra từ những tòa nhà cao ốc do nguồn thủy điện từ con đập Mạn Loan trên sông Mekong, Thủ Tướng Trung Quốc Ôn Gia bảo đã nói thẳng trước Hội Nghị Thượng Đỉnh sáu nước thuộc Lưu Vực Lớn Sông Mekong họp lần Hai [Second GMS Summit] tại Côn Minh rằng:

"Đừng quá trông cậy lệ thuộc vào Trung Quốc trong khi Trung Quốc chủ yếu dựa vào sức mình là chính trong tiến trình phát triển... Cho dù có tiến bộ kinh tế đã đạt được nhưng cũng phải khiêm tốn để thấy rằng lợi tức tính trên mỗi đầu người ở Trung Quốc vẫn chỉ được sắp hạng dưới 100 so với các nước phát triển khác trên thế giới." (5)

Bảo vệ môi trường nếu có được nhắc tới hơn một lần trong hội nghị chỉ "như một khẩu hiệu," trong khi Trung Quốc vẫn không ngừng xây hàng loạt những con đập thủy điện khổng lồ trên dòng chính sông Mekong, đang gây rất nhiều tranh cãi và quan ngại của các chuyên gia môi sinh [ngoại trừ niềm tin lạc quan vô căn cứ của ông Hunsen, thủ tướng Cam Bốt] đối với ảnh hưởng tác hại khó lường đối với nguồn nước sử dụng nơi hạ nguồn.

THÁCH ĐỐ CỦA THẾ KỶ 21

Chiến tranh nóng rồi chiến tranh lạnh cũng qua đi, Trung Quốc mau chóng hội nhập với thế giới bên ngoài. Tất cả sáu nước ven sông [hai nước Trung Quốc và Miến Điện không là thành viên Ủy Hội Sông Mekong] với những định chế chánh trị xã hội và văn hóa khác nhau, nhưng cùng có chung một nhu cầu khẩn thiết là khai thác con sông Mekong để phát triển. Không phải là không có những mâu thuẫn quyền lợi và tranh chấp khi tới với nguồn nước và tài nguyên không phải là vô hạn của dòng sông.

Thực tế cho thấy dễ dàng để thỏa thuận với nhau trên một số nguyên tắc khái quát

như "sử dụng nước và các nguồn tài nguyên phải đáp ứng với nhu cầu bảo vệ, bảo tồn, thăng tiến môi sinh và duy trì cân bằng hệ sinh thái" nhưng đi vào thực hiện với chi tiết còn cả một "khoảng cách đại dương."

Chẳng hạn ai sẽ thực sự trách nhiệm "duy trì dòng chảy tối thiểu" của con sông Mekong trong mùa khô cũng như dòng chảy mùa lũ để có dòng chảy ngược từ con sông Mekong vào Biển Hồ, để nước mặn từ ngoài Biển Đông không tiếp tục lấn vào sâu và xa hơn nữa nơi ĐBSCL?

Dĩ nhiên sẽ có những diễn dịch khác nhau và phản ứng hành động khác nhau theo hoàn cảnh của mỗi nước ven sông.

Rồi nhìn về Việt Nam với hình ảnh ước lệ của hơn nửa thế kỷ trước về một Đồng Bằng Sông Cửu Long, với ruộng vườn thẳng cánh cò bay, tôm cá thì đầy đồng — thì nay tất cả đã đi vào quá khứ. Chỉ mới đây thôi có dịp trở lại viếng thăm, để chỉ thấy trên toàn cảnh là một ĐBSCL đang suy thoái và cứ nghèo dần đi.

California 08/2005

Tham Khảo:

1/ Kunming Declaration, Second Greater Mekong Subregion Summit, 4-5 July 2005

2/ Phnom Penh Declaration, First Greater Mekong Subregion Summit, 03 Nov 2002

3/ Agreement on the Cooperation for the Sustainable Development of The Mekong River Basin, Chiang Rai, Thailand 05 Apr 1995

4/ Hunsen backed China's often-criticized development plans for the Mekong River, Phnom Penh, Jun 29, 2005 , [AFP]

5/ Chinese Premier Wen Jiabao opened the Second Greater Mekong Subregion Summit, Beijing, Jul 4, 2005, [AFP]

6/ Global Warming is causing Hymalayan glaciers retreat, threatening to cause water water shoratges, Geneva, Mar 14, 2005, [AFP]

7/ Progress In Water Management at the Mekong River Basin, MRC Presentation at Third WWF, INBO Official Session 20 Mar 2004

8/ Ánh Nguyệt, phóng viên RFI Phỏng vấn Giáo Sư Võ Tòng Xuân 03-12-2004

9/ Chinese Dam Project may spell disater for mighty Mekong River, Denis Gray, Nov 2, 2002, [AP]

10/ Mekong River At Risk, Bary Wain, FEER, Aug 26, 2004

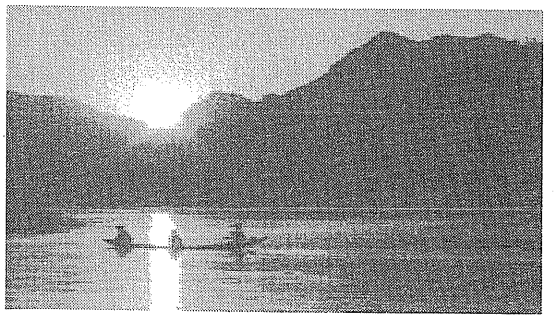

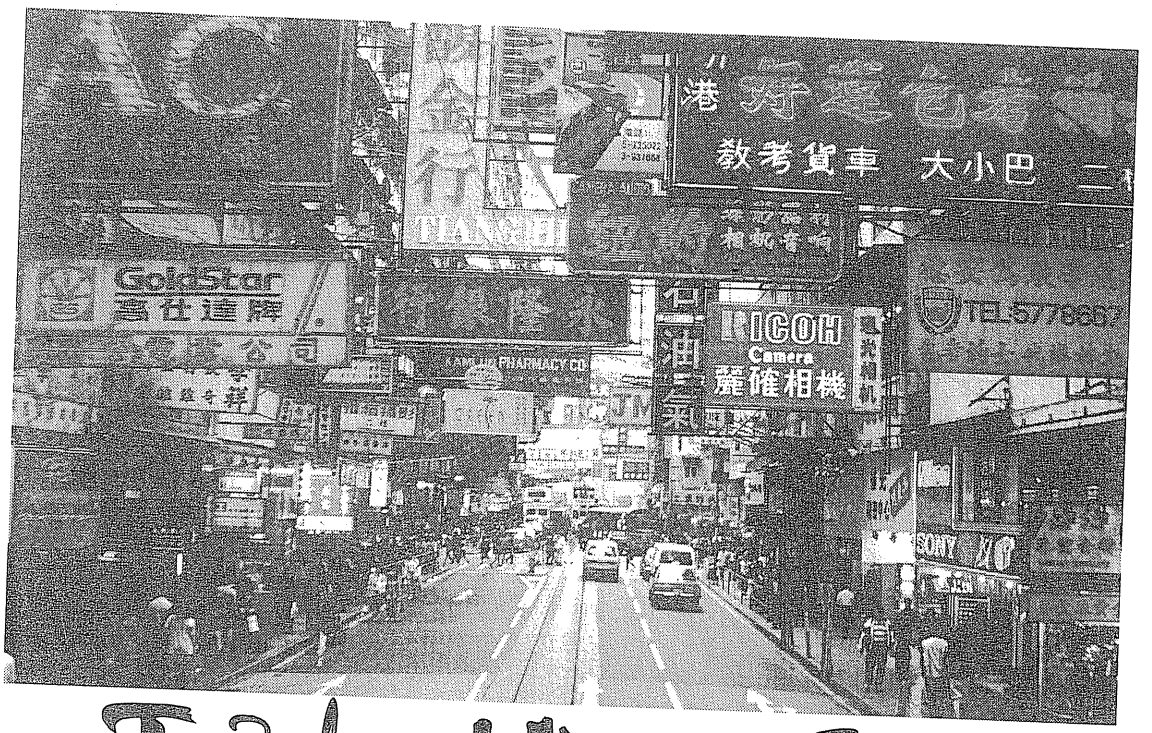

Trở lại Hồng Kông

LÊ ĐẠI LÃNG

Tôi trở lại Hồng Kông sau mười lăm năm. Lần đầu đến Hồng Kông là tháng giêng năm 1989, sáu tháng sau ngày "dứt điểm", ngày thuyền nhân Việt Nam đến Hồng Kông đều bị thanh lọc trước khi được công nhận làm người tỵ nạn. Đó là thời kỳ cuối của cao trào vượt biên, người đi còn rầm rộ, những chiếc thuyền buồm tả tơi, phần lớn từ miền Bắc cập bến Hồng Kông ngày ngày, những con người mắt trũng sâu đứng ngồi nằm tràn trong khoang trên cả mui thuyền, những chiếc áo rách cũ phất phới giương lên kêu cứu trên biển, các trại giam tràn người, các lều bạt mới dựng lên cấp tốc để kịp che hàng ngàn người từ bên kia thế giới ùn tới, những cuộc bạo động trong trại xảy ra rất đều. Hồng Kông, lúc đó, gồng vai gánh khối người tìm đến trong khi chính họ đang phập phồng. Thế giới tự do tuyệt vọng đứng nhìn, những con người tìm chỗ ở mới quơ quào vô vọng, con hồng thủy đang dư trớn nhào tới liếm nốt các mảnh đất tự do cuối cùng. Người Việt Nam nhốn nháo bơi thuyền qua Hồng Kông. Người Hồng Kông hối hả tìm đường bỏ đi. Thuộc địa cháy bỏng.

Mười lăm năm sau.

Phi cơ đáp khi còn sớm, mới hơn năm giờ rưỡi sáng. Những ánh đèn lung linh dưới bầu trời ươm ươm sáng. Bây giờ phi trường Hồng Kông đã dời qua mạn bắc của đảo Đại Tự San (Lantau Island), các dãy nhà kiến trúc lộng lẫy vươn cao giữa biển và núi trong một không gian bình yên thoáng đãng. Thủ tục di trú không đầy một phút. Tôi lấy hành lý tìm chỗ gửi lại phi trường để rảnh tay ra chơi phố. Phí gửi mỗi túi hành lý bất kể lớn nhỏ là 50 đô Hồng Kông một ngày (khoảng bảy đô Mỹ). Lấy một tấm bản đồ phát miễn phí, và tính nhanh chương trình thăm Hồng Kông trong 16 tiếng đồng hồ. Cả một ngày dài trước mặt.

Đang là tiết Thanh Minh. Hơi lạnh tràn ngập không gian bên ngoài hành lang phi trường. Lâu lâu gió lạnh ù qua, vài người co ro chờ xe buýt. Những con đường lớn, vòng vo nhiều lượt chồng lên nhau để luồng xe chạy không bị nghẽn, trời chưa sáng hẳn nên chỉ nghe tiếng bánh xe chạm

rào rào trên đường nhựa. Tôi leo lên chiếc xe buýt tuyến số 2 để đến trạm xe điện ngầm Tung Chung cách đó khoảng hai mươi lăm phút. Chiếc xe vắng người chạy ào ào trên phố vắng, không giảm tốc độ ở các khúc quành, có đoạn xe đi sát bờ biển, ngoặc vô đất liền rồi lại quanh co theo biển. Hồng Kông vẫn tiếp tục xây dựng hạ tầng như mấy mươi năm qua, những ụ đá dăm lót đường đổ rải rác, xe cần cẩu, vỉa hè đổ bê tông có lối bằng phẳng cho người đi xe lăn. Trước khi trả về đại lục năm 1997 nơi đây có lẽ là vùng đất vắng, chắc chỉ có rừng và núi đồi chập chùng. Kể ra cũng là dâu bể. Chiếc xe buýt chạy vòng vèo, bánh nghiến rin rít trên đường, rồi đậu gấp ở bến Tung Chung sát trạm xe điện ngầm. Đây là khu đô thị mới đang được tiếp tục nâng cấp để thành một trung tâm thương mại sát sườn phi trường quốc tế. Những cửa hàng và siêu thị nằm trong cụm nhà dân cư cao tầng sạch sẽ và tiện nghi. Còn sớm, nhiều tiệm chưa mở cửa, chỉ có quán thức ăn nhanh McDonalds là tấp nập. Tôi mua một ly cà phê Mỹ uống liền rất dở, người ta chỉ theo cổng B, tìm xe buýt số 23 để đi Ngong Ping, một bình nguyên nằm bên bờ phía nam của Đại Tự San, ở đó có chùa Bảo Liên (Po Lin) và một tượng Phật Thích Ca bằng đồng, nghe nói là lớn nhất thế giới.

Nhiều người địa phương đang sắp hàng chờ lên chuyến xe buýt đầu tiên của ngày Chủ nhật. Có người chống gậy leo núi, ba lô đựng thức ăn, xách theo lều chõng theo lè kè. Trời vẫn còn sớm, hơi lạnh từ sườn núi ngây ngây. Tôi không dè đoạn đường đến chùa Bảo Liên lại phải vượt qua một đường đèo rất dài. Đại Tự San là hòn đảo nằm phía tây Hồng Kông, lớn gần gấp đôi đảo Hồng Kông, dân cư còn thưa, một số làng còn nét tiêu sơ mộc mạc của mấy trăm năm trước. Một hòn đảo đang trổi nhiều nét tân kỳ nhưng phần lớn vẫn giữ được nét mộc mạc, nhiều chỗ còn hoang vắng nhưng là hoang vắng cố tình, người ta làm thêm những con đường nhỏ tráng bê tông dành cho người đi bộ hay leo núi. Bên trái là biển, bên phải là núi. Những căn nhà nhỏ mở rộng cửa nằm ven bờ biển hay cheo leo bên sườn núi có cái vẻ thong thả, ung dung trong nắng sớm. Không có dấu hiệu gì bên ngoài chứng tỏ nơi đây là vùng đất mới trở về với đế quốc cộng sản. Không có cờ đỏ hay khẩu hiệu treo ngổn ngang đầy đường như ở Việt Nam. Không thấy các cô cậu học trò choàng khăn đỏ. Một cảm giác yên lành.

Chiếc xe buýt dừng trạm cuối. Một bãi đất trống tráng bê tông. Bên phải là bậc cấp cao vút lên đỉnh núi, nơi đó, một tượng Phật rất lớn như ngồi chót vót giữa thinh không. Mới chín giờ, phải một tiếng nữa người ta mới mở cổng để trèo lên núi chiêm quan tượng Phật. Bên trái là một quần thể chùa và điện rộng rãi và thoáng đãng. Các phụ nữ đang quét rác, tưới cây, rửa sân, trong một nhà hàng chay lớn nhiều người đang lao xao chuẩn bị thức ăn, sắp xếp bàn ghế. Một toán nhân viên làm việc trong chùa cũng vừa đến, họ đến trình diện ở văn phòng, rồi túa đi nhiều ngả. Không thấy có nhà sư nào, không biết họ ở đâu. Dường như những người đang quét dọn, hay sửa soạn bếp núc đều là công nhân của chùa chứ không phải là các bà vải làm "công quả" như thường thấy ở nhà chùa.

Đến giờ mở cổng lên núi, người ta xếp hàng mua vé. Nếu tham quan trơn thì chỉ trả hăm lăm đô, nhưng chỉ được leo lên tượng đài và đi vòng vòng quanh tầng trệt. Muốn đi lên tầng trên của Phật đài phải mua phiếu ăn sáu mươi đô và được miễn phí một phần cơm trưa. Hình như phải trèo hơn hai trăm bậc mới đến Phật đài, ở đó tầm mắt như mở ra ngan ngát, bên kia là núi, bên này cũng là núi, các nóc chùa bên dưới xa xa ẩn trong cây xanh, thấp thoáng. Tôi đã đến một nơi muốn đến. Mười lăm năm trước cụm chùa này được xây dựng hối hả trước khi Hồng Kông trở về lục địa. Người ta nói dân Hồng Kông dựng tượng Phật mặt hướng về phía bắc để "ếm" Trung Quốc. Bây giờ tất cả công trình xây dựng đã hoàn chỉnh, ngăn nắp, trật tự, không có cảnh con nít hay bà già bán nhang đèn níu kéo như ở Việt Nam. Không có người ăn xin. Người và vật ở đây ngay ngắn. Cái không khí trầm trầm không có ở đây. Mọi thứ quá ngăn nắp khiến người ta có cảm tưởng đây chỉ là cảnh, nhìn thì giống chùa giống Phật nhưng thực ra chỉ là cảnh chứ không phải thực. Nó có cái không gian khoáng đãng nhưng thiếu vắng bầu khí thiêng liêng trầm mặc. Có lẽ người Trung Hoa thực tế, giỏi kinh doanh nên họ dựng một cảnh chùa làm địa điểm du lịch hơn là để cho một số người tới đó mà tu.

Tôi đón xe xuống núi. Đèo vẫn dài, đẹp, nhưng tôi không trở lại điểm xuất phát là khu phố mới Tung Chung. Tôi lựa tuyến xe bỏ qua đường rẻ về hướng phi trường, chạy thẳng và dọc theo bờ biển, gần như đi hết chiều dài của Đại Tự San từ tây qua đông để ra bến phà Mui

O, từ bến phà đó sẽ bắt một chiếc phà lớn băng qua biển đến trung tâm Hồng Kông. Phà sẽ đi mất gần một giờ đồng hồ.

Tôi nhớ rõ như vậy vì đã từng đi chuyến phà Mui O-Hồng Kông đâu chừng vài trăm lần. Bây giờ bên trái là núi, bên phải là biển. Nắng đã lên gần trưa. Đến trạm Pui O, còn cách bến phà chừng 20 phút xe chạy, tôi xuống xe. Đây là nơi chúng tôi đã thuê tầng một của một ngôi nhà nhỏ trong nhiều tháng vào mùa xuân năm 1989. Tôi lần dò tìm căn nhà nhỏ lẫn trong các căn nhà xộc xệch nằm sát sườn núi. Các bạn tôi từ nhiều nước đã đến Hồng Kông làm việc trong các trại tỵ nạn, và thuê căn nhà nhỏ này làm bản doanh vì giá rẻ, dù đi làm đến các trại xa có khi mất gần ba giờ. Khi tôi đến đây thì đã có vài người ở trong căn nhà này, người đến sau miễn còn chỗ trống đủ trải một chiếc chiếu cũng được đón vào, chỉ việc góp củi lửa. Chúng tôi đặt tên nó là "Trại mở Bối Áo", ghi trên tường dòng chữ "Welcome to Pui O Open Camp." Hồi đó Hồng Kông có nhiều loại trại, chia theo thành phần người tỵ nạn. Những người đến trước ngày dứt điểm, chờ đi định cư nước thứ ba và được ra khỏi trại làm việc thì ở trong trại mở, những người được công nhận tư cách tỵ nạn thì ở trại tỵ nạn, còn ai đến sau chờ thanh lọc hay đã thanh lọc và bị rớt đài thì ở trại giam.

"Trại mở Bối Áo" đã có nhiều lúc như một cái chùa, đón nhiều người đến và đi. Có người đến dăm ba ngày, có người vài tháng. Từ Mỹ có Liên và Nga. Kỳ cựu nhất có lẽ là Adam, dân Mỹ chính cống, sau này đỗ tiến sĩ ngành sân khấu ở Bắc Kinh. Trong mấy tháng hè Bối Áo thành địa điểm thu và phát thông tin về tình hình thuyền nhân ở Hồng Kông, nhận thêm tình nguyện viên, như Khanh ở Nam Cali, bây giờ là làm bác sĩ chuyên khoa ở tiểu bang Nevada. Bạn học của Khanh là Lâm cũng ở Nam Cali đến. Người trẻ nhất là Giang từ Canada, ở Bối Áo một thời gian rồi dọn riêng, rồi có những người từ Mỹ đến thoáng chốc vài ngày rồi biến. Căn nhà chật càng thêm chật, có nhiều đêm nằm la liệt trên sàn, tối tắt đèn đi đứng không khéo dẫm lên đầu người nào đó đang ngủ. Tiếng "kéo gỗ", tiếng mớ, tiếng lầm bầm trộn với nhau trong đêm Hồng Kông. Ở căn nhà kế trong các tháng hè năm 1989 có thêm Mai Lan cũng ở Mỹ. Mai Lan lúc đó vừa tốt nghiệp trường Luật đại học Harvard, về Mỹ rồi lại qua Hồng Kông lần nữa, bây giờ không biết ở đâu. Ở Úc có vợ chồng Hùng, nhưng lì nhất có lẽ là Chính, trụ ở Hồng Kông nhiều năm liền rồi dông thẳng một mạch về Việt Nam, đóng đô luôn ở đó, không thèm qua Úc nữa. Ở Peng Châu, đảo láng giềng của Đại Tự San, có chị Tuyết từ Thụy Sĩ. Chị thường đi thuyền qua thăm trại Bối Áo, nghe nói sau này chị xuất gia và tu trong một ngôi chùa ở Cali.

Các thiện nguyện viên trong mấy tháng hè qua Hồng Kông chỉ làm "công quả". Chúng tôi sắp xếp để những người đang làm thường trực cho một cơ quan từ thiện nào đó đưa thiện nguyện viên vào trại, như chị Tuyết làm cho Quỹ Nhi đồng Quốc tế (Save the Children Fund) thì đưa một hay hai người vào nơi chị đang làm, hồi đó là một trại giam trên đảo Hỉ Linh Châu.

TƯỜNG LINH

ĐÊM HỘI AN

Hội An. Đêm. Mưa bấc mịt trời
Về tìm bạn, bạn không còn nữa
Quán nhỏ bờ sông hồng bếp lửa
Cà phê Hoài Phố vị thơm riêng
Phố cổ ta về. Đêm bình yên
Rất lạnh, cô đơn và rất nhớ
Trôi qua mấy phía bồi phía lở?
Sụt sùi mưa hỏi mặt sông đen
Bùi ngùi ta hỏi Cẩm Phô quen
Phố bao tuổi, bến nào cổ độ
Lối nào giữ dấu giày sơ ngộ
Lai Viễn kiều lưu bước ai qua?
Mấy trăm mùa nắng bửa mưa sa
Thấp thoáng hồn xưa trên sắc ngói
Phố chẳng trả lời dù ai hỏi
Cứ về độc thoại trước khung rêu
Đêm. Mịt trời mưa bấc. Buồn thiu
Thức với Hội An, người đến trễ
Gió chao mãi suốt dòng hưng phế
Thơ nào ghi tiếp những trăm năm

Hội An 27-11-1961

Hôm sau người đó lại có thể vào trại Whitehead hay Chi Ma Wan. Nhờ vậy tuy chỉ làm vài tháng nhưng các thiện nguyện viên biết rất rõ tình hình tỵ nạn, khi về nước họ là một đài phát thanh đấu tranh hữu hiệu cho quyền lợi của thuyền nhân.

Các trại ở rải rác khắp Hồng Kông, hồi đó lại không có điện thoại di động như bây giờ nên gặp nhau chỉ vào buổi tối. Nhưng gặp nhau buổi tối cũng khó, chỉ cần trễ một chuyến phà là trễ một tiếng đồng hồ. Người về trước chờ người về sau. Tối nào cũng chờ nhau cho đầy đủ để "họp rút kinh nghiệm" trong ngày, bàn chương trình hôm sau. Cường độ công việc ngày càng nhiều vì thuyền nhân cứ đến hoài, tình hình căng thẳng sau chuyến cưỡng bức hồi hương đầu tiên vào tháng Ba năm 1989. Những lá thư viết bằng máu của thuyền nhân được lén đem ra khỏi trại, gửi qua Cao ủy Tỵ nạn. Chúng tôi kể nhau nghe những cuộc tình trong trại mà chúng tôi biết, những trẻ mồ côi, những chuyến đi thảm khốc đầy máu và nước mắt, những người chết trên biển hay mất tích trên đường từ Việt Nam băng qua lục địa nhắm hướng Hồng Kông. Những người con gái bị bắt cóc trên bộ, hay bị làm món hàng để đổi lấy các thùng nước uống trên biển cứu sống cả thuyền. Những chiếc thuyền lật úp trước bao con mắt tuyệt vọng của thuyền khác. Những người con gái ấy bây giờ trôi nổi ở đâu, những nấm xương vùi lòng biển làm sao cải táng. Có lẽ bốn bức tường của trại mở Bối Áo dầy thêm với lớp lớp chuyện về người Việt Nam vượt biển sau khi đất nước thống nhất. Nó là nhân chứng trung thành và lặng lẽ của thảm kịch cuối cùng trong thế kỷ 20.

Như có tiếng nói cười trong nhiều đêm thức trễ của từng bấy nhiều con người.

Tôi chờ xe buýt đúng cái trạm ngay trước nhà. Mỗi sáng chờ cho đến khi nghe tiếng bánh thắng ken két "trại viên" Bối Áo mới dông thẳng xuống đường đúng lúc xe tới. Cái trạm chờ vẫn là cái cột sắt trên có treo tấm bảng nhỏ ghi lộ trình, bây giờ có mái che và một băng ghế màu xanh lá cây. Tôi ngồi trên ba lô. Hồi đó cũng đeo ba lô nhưng không bao giờ phải ngồi vì xuống tới nơi thì cửa xe đã mở. Nhưng nhanh nhất là Adam, anh người Mỹ này có lối ngủ ứng chiến là kéo cái quần dài xuống ngang mắc cá. Sáng, chỉ cần đá nhẹ vào chân là anh choàng ngay dậy, kéo quần lên, chạy vô rửa mặt qua loa và trong khoảng hai phút, Adam đã xuống tới trạm xe rồi.

Tôi ngồi trên ba lô chừng mười phút. Đường xá vắng, chỉ có một bà xẩm già ngồi chồm hỗm chờ xe bên kia lề đường, đội nón lá, loại nón có chỏm tròn và vành nón cụp thẳng xuống như hình cái thúng, che xụp xụp tới mí mắt giống như các hiệp khách thường đội trong phim kiếm hiệp. Đã trưa, bầu trời không nắng và xám, có những ụ mây đen luẩn quẩn vươn lên ở một góc trời. Có tiếng gà gáy từ các dãy nhà phía sau, rồi nghe bánh xe lăn trên đường. Chiếc xe buýt trờ tới thắng ngay trước mặt. Cửa xe mở, gã tài xế nhìn xuống, chờ. Tôi đang phân vân chưa biết có nên đi chuyến này không thì gã lầm bầm gì đó, đóng cửa và phóng xe đi. Giá như bây giờ có một người nào đó từng ở Bối Áo cũng đứng đây chờ xe. Tại sao trời tháng Ba mà không có nắng. Chiếx xe buýt ngược chiều đã tới bên kia đường, ngừng lại và chạy đi. Bà xẩm đã lên xe. Cả con đường dài không còn ai.

Tôi đón chiếc xe buýt kế để đi xuống bến phà. Gần hai mươi phút xe chạy. Các sạp báo ở bến phà cũng còn đủ loại báo ngày, báo tháng, tạp chí khiêu dâm có các em xẩm ở trần nung núc. Tờ South China Morning Post chạy tít trang mặt tin bà ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice mới đến Bắc Kinh, in đậm lời phát biểu của bà Rice đại khái thế kỷ 21 là thế kỷ của dân chủ và tự do.

Một tiếng còi tu-huýt kêu lên rét rét. Phà cập bến. Không hiểu sao qua bao nhiêu năm cách cập phà vẫn không đổi. Chiếc phà to lớn chứa ước ngàn người xáp mạnh vô các lốp xe hơi treo dọc cầu tầu, dội ra, rồi xáp vô, lần này va chạm nhẹ hơn. Người trên phà quăng dây xuống, anh thổi tu-huýt trên bờ móc dây vào cọc sắt. Lại một tiếng "reét", cái bửng lớn hạ xuống làm cầu, những người trên phà hối hả xuống bến. Người dưới bờ nôn nóng chờ chen nhau lên phà. Như ngày nào. Một tiếng còi tu-huýt nữa. Phà rời bến. Khối nước sau đuôi phà cuộn nước trắng xóa sôi lên sùng sục khi phà quay mũi. Hướng Hồng Kông.

Tôi đứng nhìn đảo Đại Tự San lần nữa. Cái siêu thị nhỏ vẫn còn đó, các căn nhà cao tầng nằm che sườn núi, dãy nhà chờ xe buýt với các tuyến khác nhau nằm song song, bến phà trông không có gì khác. Trời ui ui một màu ảm đạm. Trông vẫn như sáng nào vội vã xuống phà lật đật tìm hàng ghế trống để ngả lưng. Vẫn như sáng nào xuống phà mua vội một tô mì ăn liền hay bốc từng miếng bánh bao nóng hổi.

Nước sau đuôi phà cuộn thành sóng tung lên trắng xóa. Trời tháng Ba bây giờ cũng lạnh.

Vào đời

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

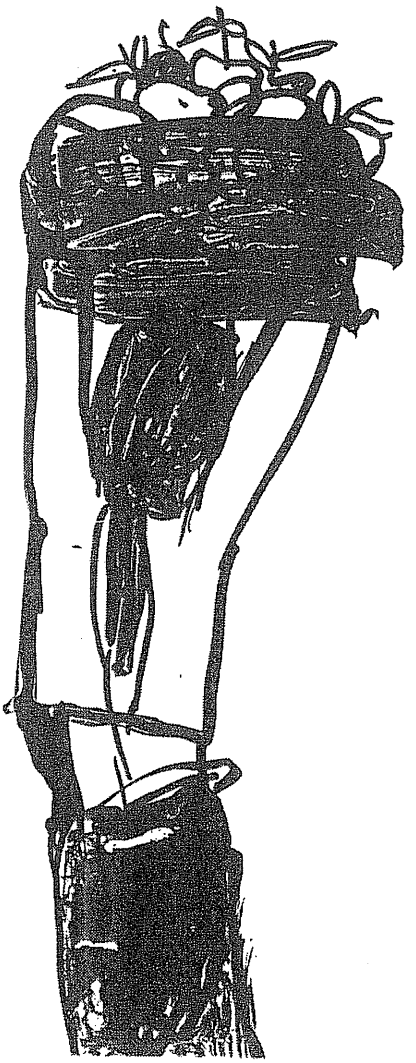

Con cò ruồi đi lại ngoài hàng hiên. Chậm chạp, đắn đo, nó rón rén bước đi từng bước. Thỉnh thoảng, cò ta dừng lại, đầu nghiêng nghiêng như một triết gia, rồi nó bất thần phóng mỏ mổ xuống đất. Cò lại bắt thêm được một con ruồi nữa.

Tâm lười biếng nằm trong ổ rơm. Cuộc đời tỉnh thành của Tâm chưa bao giờ cho nó nếm qua cái ổ rơm dày, mềm mại và êm ấm như thế này, nên dù đã muộn, nó vẫn chưa muốn dậy. Hôm nay, vì lý do nào đó, ông bố tha, mặc cho nó lười ươn. Bình thường mỗi buổi sáng sớm, bất kể nóng lạnh, ông dựng hai anh em Tâm dậy, bắt ra ao tắm. Nằm gọn lỏn trong lỗ ổ rơm như cái tổ chim, thò đầu ra ngoài, Tâm chăm chú nhìn theo từng bước đi của con cò đã đến mười lăm phút, đếm từng con ruồi mỗi khi cò bắt được. Cò không bắt hụt con ruồi nào; đếm được chừng vài mươi con thì Tâm lẫn mất. Ăn ruồi đã no, cò dừng lại bên cạnh cột nhà, đứng phơi nắng ngủ, đầu dấu dưới cánh, một chân co lên dấu dưới bụng. Lông cò trắng muốt. Nắng chiếu qua mái hiên, in đậm trên nền gạch mấy cành lá tre rung rinh cùng bóng cò đứng một chân, sắc nét, trông như bức tranh thủy mặc.

Tâm chán cò, nhìn sang phản gỗ giữa nhà. Ông nội nó đang ngồi nói chuyện thời sự với cụ bá. Tình hình đã rất căng thẳng, cả nước đang ngột ngạt chờ đợi. Tây vẫn tiếp tục khiêu khích khắp nơi; mấy tháng trước đó, đại bác Tây bắn vào thành phố Hải Phòng, mấy nghìn người chết.

"Chắc đánh nhau to, cụ ạ." ông nội thở dài nói, "không biết người mình sẽ cầm cự được bao lâu?"

Ông nội có cái nhìn khá rõ về thực lực của dân mình và sự tàn ác quyết liệt của bọn Tây cùng đám tay sai của chúng. Có một thời, cụ giữ một chức vụ hành chánh ở phủ, và mới ngày nào, cụ còn phải chạy chọt, đi chuộc con trai cụ về từ tay ông Cung Đình Vận, một ông quan khét tiếng vùng biển. Cụ bá vê điếu thuốc lào, chậm rãi cho vào nõ điếu rồi đánh diêm châm lửa hút, hít một hơi thật dài, tiếng lọc xọc của ống điếu vang lên giữa căn nhà, trong buổi sáng còn yên tĩnh của đầu mùa đông. Cụ phà khói ra, ngồi yên lặng, trầm ngâm, mắt lờ đờ say thuốc. Nên hòa hay nên chiến? Các cụ có lẽ cũng giống như các cụ ta ở Hội Nghị Diên Hồng ngày xưa. Thừa biết có muốn hòa cũng chẳng được nên khi cùng

với cả đám đông thì hăng hái quyết chiến, nhưng những lúc như lúc này, chỉ có hai cụ ngồi với nhau, phần suy nghĩ lại chiếm tay trên, các cụ không khỏi cảm thấy lo ngại và bất an. Cụ bá đưa mắt nhìn cơ nghiệp của mình, vườn cây xanh rờn, sân gạch thênh thang, ao cá, nhà ngói, còn ông nội thì đã bỏ lại nhà cửa ngoài thị xã.

Tâm nhỏm dậy, ra ngồi chầu rìa bên cạnh ông nội. Cụ bá pha chè, đổ nước sôi tráng mấy cái tách rồi chuyên chè vào tách mời ông nội:

"Mời cụ xơi nước."

Ông nội đưa tay đỡ tách nước, miệng nói cảm ơn. Con vện ở đâu bỗng chạy xộc đến bên cụ bá, đứng ve vẩy đuôi. Tâm ngửng đầu hỏi cụ bá,

"Cụ ơi, chó nó có biết uống chè Tàu không, hở cụ?"

Cụ bá chưa kịp trả lời, ông nội đã quay sang mắng thằng bé:

"Tâm! Trẻ con không được hỗn, chỉ có ông nội mày mới uống chè Tàu chứ chó nó không uống chè Tàu. Đi chỗ khác chơi cho người lớn nói chuyện."

Tâm đi ra chỗ khác, còn nghe tiếng ông nội than phiền sau lưng:

"Trẻ con ngày nay chẳng biết phép tắc, ý tứ gì cả," (như thể ngày xưa muôn thuở, cái gì cũng toàn bích.) Rồi ông tiếp tục câu chuyện bỏ dở:

"Tự vệ thành của mình có được ba khẩu *mousqueton* còn sót lại từ thời lính khố xanh, khố đỏ mà Tây thì nó có xe tăng, tàu bò!"

Nghe ông nhắc "tự vệ thành", Tâm nhớ đến Tám Toét, anh họ của nó. Trước cách mạng, ai cũng gọi anh là anh Cai vì anh là một thày Cai khố xanh. Từ ngày cách mạng thành công, anh trở thành tự vệ thành. Trước mặt, mọi người gọi anh là anh Tám, nhưng sau lưng, anh là Tám Toét vì mắt anh lúc nào cũng ươn ướt, mi mắt viền đỏ và chốc chốc anh lại phải chấm mắt với cái mùi xoa đỏ một lần. Đã ba ngày nay, Tâm không gặp anh Tám để nghe anh kể những truyện phiêu lưu khổng lồ mới. Là tự vệ thành, anh nói nhiệm vụ của anh là trinh sát đồn Tây ở nhà máy chai dưới tỉnh. Anh đứng rình trên bờ tường, chờ thằng lính Tây gác đi đến, anh sẽ như một con báo dữ, nhảy *plongeon* xuống, đập đầu tên lính để cướp lấy súng. Câu chuyện thay đổi tùy ngày, chẳng hạn có ngày anh ngậm dao găm ở miệng trước khi *plongeon* xuống.

Tâm không có lý do gì để nghi ngờ những câu chuyện kể của anh Tám. Ngày thường, trông anh oai phong lẫm liệt, rõ ra một ông cai khố xanh khi anh bệ vệ đến dạy Tâm học võ.

"Hai chân chú để thế này (anh vốn đi chân chữ bát nên anh khuỳnh ra một cách rất tự nhiên, chỉ cho Tâm cách đứng) rồi giữ thăng bằng và thấp người xuống, đó là trung bình tấn. Bây giờ đổi qua trảo mã tấn, chân thấp chân cao, chân trái quay nửa vòng về phía sau, lấy đà nhảy lên, chân phải đá ra phía trước. Nào, bây giờ chú làm thử, anh coi!"

Tâm chân thấp chân cao, chân trái quay nửa vòng về phía sau rồi lấy đà nhảy lên, chân phải đá ra phía trước. Thằng bé em chẳng may ở đâu chạy đến, bị cú đá trúng đít, bắn ra xa, khóc om xòm. Ông nội thò đầu ra, mắng ầm lên. Từ đó, mỗi khi luyện võ cho Tâm, anh Tám cẩn thận dắt Tâm ra đằng sau nhà.

Đã hơn tháng nay, gia đình Tâm tản cư về sống trong làng này, ở nhờ nhà cụ bá. Làng cách thị xã chừng mươi cây số. Bố đi đi về về, trông nhà dưới tỉnh. Tâm cả ngày sống chung hòa bình với con cò, con vện và con mèo tam thể. Những khi khác, Tâm theo mấy anh con cụ bá đi câu cá hay bắn chim. Đời sống lười biếng, nhàn nhã, có cái thú vị duyên dáng của nó. Tây với chả Tây, cuộc đời lãng đãng này thật thiên đường. Tâm không phải tới trường, tất nhiên cũng không có chuyện mấy đứa trẻ đi học về, cặp sách dưới háng, nắm tay đưa ngang lên thái dương, đứng nghiêm chào nhau, rất chỉnh tề. Nó chợt nhớ ra cả tuần nay, nó không hát bài Diệt Phát Xít mà nó ưa thích:

Việt Nam bao năm ròng rên xiết lầm than,
Dưới ách quân tham tàn đế quốc sài lang,
Diệt Phát Xít giết bày chó đê hèn của chúng...
"Diệt Phát Xít, giết bày chó đê hèn của chúng,"

Tâm nghĩ đến chú Lạn của nó, chỉ vì bị ông Cung Đình Vận bắt, đánh cho mấy cái bạt tai, tự nhiên thành cách mạng; không biết bây giờ chú ở đâu? Lan man, Tâm nhớ lại thời gian gia đình nó còn sống ở Vĩnh Yên, một tỉnh miền Trung Du đất Bắc. Khi ấy, Tâm bé hơn bây giờ nhưng đời sống của nó giống hệt lúc này. Có khi nó ngồi hằng giờ sau nhà, lặng nhìn và cảm thấy thèm muốn chạy ra chơi ngoài rừng thông ở phía xa. Xa hơn nữa là dãy núi Tam Đảo. Có khi chị Quỳnh, chị họ nó, dắt nó thả bộ đi rong chơi ngoài đồng ruộng. Rồi, ga Hướng Lại. Nghĩ đến ga Hướng Lại, Tâm thấy nóng ran cả mặt.

Ga Hướng Lại cách nhà Tâm chừng ba cây số, chơ vơ giữa đồng không mông quạnh nên rất thoáng. Nhà ga chia làm hai: một bên là ghi-sê bán vé, bàn giấy cùng máy móc để kiểm soát tàu hỏa; phía

bên kia là căn nhà riêng của xếp ga, gồm nhiều buồng. Mỗi ngày hai lần, tàu hỏa hú còi sùng sục chạy đến, đón thả hành khách ở phủ. Ông xếp ga Hướng Lại là bác Hiệp, bạn thân của bố nó. Cuối tuần, bố hay đạp xe đạp, đèo Tâm đi thăm bác Hiệp. Bác có cô con gái tên là Kiều Diễm. Cái Diễm xấp xỉ tuổi Tâm, khi ấy chừng sáu bảy tuổi, hai đứa chơi với nhau rất thân. Tâm nhận ra, mỗi khi chơi đi trốn đi tìm cùng với những trẻ con khác, Diễm bao giờ cũng cặp kè với nó. Một trưa thứ bảy râm mát, Diễm rủ Tâm đi bộ chơi dọc đường tàu hỏa. Đường đi xa tít, đến bây giờ Tâm vẫn còn nhớ cái mùi hăng hắc của creôzốt sơn trên gỗ kê đường tàu để giữ cho gỗ khỏi mục. Đang đi, bất ngờ Diễm dừng lại, bảo Tâm,

"Tâm buồn đi đái không? Mình đái ở đây cũng được, không sao đâu."

Nói sao làm vậy, Diễm tụt quần ngồi xổm xuống đất. Tâm không dám nhìn, còn đang luống cuống thì Diễm đã giục,

"Sao Tâm không tụt quần ra, đái đi?"

Tâm lúng túng tụt quần, nhưng xấu hổ quá, nó cứ đứng trơ như phỗng, không sao đái được.

"Tâm ơi! Tâm đâu rồi?" Tiếng anh Thìn, con cụ bá, gọi làm nó giật mình, trở về thực tại.

"Em đây!" Tâm lên tiếng trả lời rồi chạy vội vào trong bếp. Nó nhớ đến những viên đất tròn ủ trong đống tro trấu mà nó đã vùi nung từ đêm hôm trước để làm đạn đi bắn chim với anh Thìn. Khi Tâm vào đến nơi, anh Thìn đang ngồi bới tro tìm đạn. Nó ngồi thụp xuống bên cạnh, giúp anh xếp đạn.

"Mấy viên này để bắn chim sẻ," Tâm nói, "những viên này to hơn, để bắn chim cu!"

Chị Nhâm ngồi bên cạnh đang nấu cám cho lợn, quay sang cười nói với Tâm,

"Ừ, chú chịu khó chờ, lúc nào ông nội ngủ hãy bắn, thế nào cũng trúng!"

TRẦN HUY SAO

PHỐ BỤI NHỮNG TÌNH THƠ

Về những tháng ngày Banmêthuộc
em giờ loạn lạc nơi đâu
bỏ quên Phố Bụi bợt màu thời gian...

bông cà phê trắng giọt cà phê đen
ta một thời nương thân Phố Bụi
em một thời rủ đời ta đắm đuối
núi lòng ta nghiêng ngả buổi tan trường

chẳng phải vô tình mà thương hoa Phượng
chỉ vì môi em đỏ thắm nụ cười
chẳng phải dửng không mà phải lụy đời
em áo trắng tóc thề bay trong gió

cơn gió chướng khiến hồn ta cảm mạo
thuốc thang nào chữa dứt bệnh tình si!
nếu lỡ mai đây ta có bề gì
em chịu nhín chút tình riêng, thương cảm?

hay vẫn khô rang như trời nắng hạn
mặc hồn ta cho bụi phủ tháng ngày!
vẫn theo em nắng rát mặt rát mày
em nón lá nghiêng che thời con gái

mới biết gian truân đoạn đường tình ái
sao vẫn vô tình chẳng thấu lòng ai!
thời mới lớn trời hành cơn sốt lạ
chân đuổi theo tình bước thấp bước cao

mất dại mùa Thu, tìm mùa giông bão
hồn theo Thơ mà lòng dạ theo em
người đời nói đường tình yêu rất đẹp
có đẹp gì đâu! Chóng mặt quá chừng!

chưa tìm được cho riêng mình dáng đứng
trong tim em, nên cứ chạy vòng quanh
Phố Bụi, tình thơ ta cứ để dành
em có quay đi, ta còn cất giấu

bông cà phê trắng nõn buổi ban đầu
sao đoạn cuối lại giọt màu đen, đắng!
em Phố Bụi của một thời áo trắng
mà giờ đây loạn lạc tận Phố nào!...

Tâm hỏi lại chị Nhâm được nửa câu, "tại sao lại phải chờ ông nội..." thì nó nghĩ ra, biết bị mắc hỡm chị Nhâm. Tâm nói lửng lơ, "Chị..." rồi lảng đi theo anh Thìn ra đào củ ráy để sửa soạn làm mồi câu cá.

Hì hục đào mãi mới được mấy củ ráy, nó đem ra nghiền nát, bọc vào lá khoai cho khỏi khô, rồi ngâm mai cua với nước vo gạo, trộn lẫn, để làm bả câu cá. Cẩn thận đổ sản phẩm vừa pha chế vào nửa cái lon vỡ, Tâm đem lon cất dấu tận cuối vườn vì, trong vòng vài ba tiếng đồng hồ, nếu để gần nhà, mùi hôi thối sẽ xông lên nồng nặc, không ai chịu được. Mỗi khi câu cá, bả được ném xuống nước ở chỗ định thả câu, chỉ trong vòng vài phút là ở ngay đó, cá đã đến, tăm nổi lên sùng sục.

"Có thật là cá, vì ăn củ ráy của mình, bị ngứa mép mà cắn câu không, hở anh?" Tâm hỏi anh Thìn.

"Anh không biết nhưng anh thấy cách này bao giờ cũng được cá. Đi câu suông, ít khi được cá lắm!"

Không gì thuyết phục hữu hiệu hơn là một xâu cá. Đi câu với anh Thìn bao giờ cũng được cá, xâu lớn xâu nhỏ. Lần đầu tiên cá cắn câu, Tâm đánh vật mãi mới kéo lên được con cá rô dài, bề ngang to bằng bốn ngón tay. Sau này, lớn lên đọc Hemingway, nhớ lại cảm giác đầu tiên, nó thấy nó cũng anh hùng như nhân vật của Hemingway trong truyện Ông Già và Biển Cả.

Khi Tâm sửa soạn sắp đi bắn chim thì chị Mít ra hiệu gọi nó ra ngoài. Chị đưa cho Tâm một bát lạc luộc khá hậu hĩ, Tâm móc túi đưa cho chị thêm năm đồng nữa. Trước đó mấy tuần, vì một câu chuyện tình cờ, Tâm chung với chị Mít năm đồng, chị bàn:

"Hay là thế này, chú chịu khó để dành chung với chị thêm năm đồng nữa, tổng cộng là mười đồng cho chị làm vốn, mỗi ngày chị sẽ trả lãi cho chú một bát lạc to như bát này."

Tâm tính nhẩm trong đầu, hùn vốn với chị có mười đồng mà mỗi ngày được ăn một bát lạc to như thế này thì lãi quá! Tâm bằng lòng. Nó nghĩ đã làm một công việc đầu tư rất có lợi. Dành dụm ít ngày, Tâm có thêm năm đồng nữa. May hay không may cho Tâm, ý định cường hào ác bá, cho vay nặng lãi vừa manh nha thì đã bị dập tắt vì, mấy ngày sau đó, chị Mít cho nó thêm đúng một bát lạc luộc nữa rồi lờ tịt đi mà nó không dám ho he đòi!

Buổi chiều, anh Thìn rủ Tâm đi câu. Vừa ra khỏi ngõ, hai anh em đã nghe thấy tiếng lao xao vang lại từ khu nhà ông lý. Quân và Nam đang đá cầu, thấy Tâm đi qua, chúng nó chạy ra rủ Tâm vào chơi. Tâm không cưỡng được nên vào để anh Thìn đi trước.

Quân và Nam là hai anh em con chú con bác. Quân là con ông lý. Mấy đứa trạc cỡ tuổi nhau; vì là con mấy vị chức sắc trong làng, lại là con út trong nhà, nên chúng không phải làm gì, chỉ lo việc đi học ở trường làng, và cũng như Tâm, mấy tuần nay cả ngày lông nhông chơi nghịch. Hai đứa như đẻ sinh đôi, rất thân nhau, đi đâu cũng cùng đi nhưng chúng cũng hay chửi nhau, nhiều khi rất tục tĩu. Ấy là Tâm nghe các cụ nói như vậy; chúng nó con nhà khá giả song cứ mở miệng là nói tục. Một lần trong lớp học, thằng Quân không hiểu cái gì đó, đã dơ tay đứng lên, rất lễ phép hỏi, "Thưa thày, thế kia thì làm thế đếch nào được ạ?" Đối với Tâm, chuyện không có gì buồn cười cả, trái lại, nó thấy ngôn ngữ của hai đứa bạn mới chứa đựng nhiều mầu sắc. Nó nhặt được cái "đếch", mang về nhà, để rồi bị mắng, thiếu điều bị lấy xà phòng rửa miệng.

"Tám mốt, tám hai, tám ba,..." giọng Quân đều đều đếm, chân nó tiếp tục đá cầu, bàn tay phải theo thói quen, ngửa ra để giữ thăng bằng. Nam chờ, sốt ruột, nó làm đủ mọi trò khỉ để phá Quân nhưng Quân vẫn cứ tiếp tục. Cuối cùng, sắp sửa một trăm, Nam không dằn được nữa, nó bốc một nắm vừa sỏi vừa cát để vào lòng bàn tay Quân. Bị cú này, Quân lãng trí, đá trượt quả cầu. Mới đếm được đến chín mươi chín! Nó giận quá, tiện tay ném luôn nắm sỏi và cát vào mặt thằng Nam. Bị ném bất ngờ, cát vào cả hai mắt, Nam vừa lấy tay dụi vừa chửi ầm lên:

"Đ.. mẹ mày, cát bắn đầy mắt ông rồi!"

Tâm đã nghe chúng nó chửi nhau thế này nhiều lần, lời qua tiếng lại một chốc rồi thôi, rồi lại làm hòa như chẳng có gì xảy ra. Không may cho Nam, lần này bất ngờ bà bác, mẹ thằng Quân, đang đứng phơi quần áo gần đó. Bà nghe thấy. Quay sang phía thằng Nam, bà tốc váy, chống nạnh ngang hông, giận dữ kêu tướng lên:

"Con nhà mất dạy! Mẹ nó đây, mày có giỏi thì mày đ.. mẹ nó đi!"

Cả một vùng trời đen tối! Khốn khổ hai thằng bé, Nam và Tâm, khó mà biết đứa nào lúng túng hơn đứa nào. Giọng thằng Nam lạc hẳn, cao hơn bình thường một quãng tám, nó luống cuống kêu to:

"Tôi không thèm! Tôi không thèm!"

Còn thằng Tâm bị đạn lạc oan, mặt đỏ như gấc, cúi gầm xuống. Nó đã bỏ lỡ cơ hội trực diện với sự đời một lần thứ nhì.

*

Đêm hôm đó, súng bắt đầu nổ đì đùng dưới tỉnh, mở màn Toàn Quốc Kháng Chiến! Và như thế, Tâm vào đời, hoàn toàn không hành trang.

07/05

Bên Bờ Vực

TRẦN CÔNG SUNG

Hai người lên tới đỉnh núi lúc trời vừa nhá nhem tối. Gã thanh niên vạm vỡ đứng ôm bụng thở dốc, mồ hôi chảy trên mặt như nước mưa. Người đồng hành, một ông già râu tóc bạc phơ, y phục, dáng vẻ như một đạo sĩ, đứng ung dung ngắm cảnh, nhàn hạ như vừa uống xong một tuần trà.

Gã thanh niên nhìn vách núi dựng đứng, chân núi thăm thẳm, mất hút trong mây mù, nói hổn hển:

- Con sợ thầy thực. Leo núi suốt từ sáng mà không biết mệt. Không biết bao giờ con mới tập luyện được như vậy.

Lão trượng vuốt râu, cả cười:

- Cần nhất là đừng sốt ruột. Phải tập luyện mỗi ngày, nhưng không tìm cách đốt giai đoạn. Một ông tướng nổi danh nói với binh sĩ: *hãy đi từ từ, chúng ta gấp lắm đấy.*

Khi mệt thì nghỉ.Ta ngủ ở đây đêm nay.

Gã thanh niên lục trong cái túi cồng kềnh y vẫn đeo sau lưng ra một cái lều vải, lúi húi dựng lều. Ông già không cần lều; vẫn ngủ ngoài trời, lấy cỏ làm nệm, phiến đá làm gối. Sương, gió, nóng lạnhngoại vật không ảnh hưởng gì tới ông, muỗi không đốt, hay ông không cảm thấy muỗi đốt.

Đằng sau rặng núi trước mặt, mặt trời từ từ lặn. Cả một vùng trời muôn mầu tô rực rỡ núi rừng cây cỏ. Ông già trầm ngâm:

- Hồi trẻ, thầy mất hàng chục năm học vẽ, mơ thành hoạ sĩ; nhưng thấy mình bất lực, không diễn tả nổi cái đẹp của thiên nhiên, cái nhiệm màu của đời sống, thầy bỏ vẽ. Mỗi lần đứng trước cảnh đẹp như thế này, vẫn thấy đôi chút thất vọng.

Gã thanh niên cảm động trước lời tâm sự của ông già; bình thường là một người lạc quan, yêu đời, biết thưởng thức từng giây phút của đời sống. Tưới một bông hoa, tỉa một cành lan, ngắm mấy con cá vàng tung tăng trong bể cá, đọc một trang sách, đón nắng hanh vàng đầu hè hay se se người trước cơn gió lành lạnh cuối thu, mỗi hành động nhỏ bé, tầm thường, đối với ông là một nguồn hạnh phúc.

Ông vẫn nói với học trò đừng chạy đuổi, tìm kiếm hạnh phúc; nó ở trong ta, nó ở trước mặt, trong mỗi cử chỉ, trong từng hơi thở. Càng chạy càng mệt, càng đuổi theo càng mất.

Gã thanh niên đốt lửa, sửa soạn bữa ăn tối, đúng ra là để pha trà, vì bữa cơm rất đơn giản: cả hai đều ăn chay trường, đã gói sẵn trong túi vải.

Một con nai ngơ ngác từ trong bụi cây bước ra, giương đôi mắt to, đen láy, nhìn ngọn lửa, nhìn ông già, nhìn gã thanh niên, dò dẫm, rồi đi lại, nằm dưới chân lão trượng.

Ông già vẫn nói con vật, ngay cả những con dữ tợn nhất, nếu nó cảm thấy mình vô hại, cảm thấy cái từ tâm của kẻ đối diện, đương nhiên nó trở thành thân thiện. Và cái từ tâm, nếu chân thực, nó toát ra tự nhiên như một hương thơm, như một hơi thở, ngay cả thú vật cây cỏ cũng cảm nhận được. Cây cỏ không biết, nhưng gã thanh niên đã thấy, nhiều lần, những con cọp, báo, gấu nằm cạnh ông già, ngoan ngoãn như những con mèo con.

Sau bữa cơm thanh đạm, gã thanh niên đứng dậy, vươn vai, đi vài đường quyền.

Ông già nhìn, hài lòng, thấy đường võ của học trò đã điêu luyện, nhất là đã uyển chuyển, không còn cái cứng rắn, cái cố gắng phô diễn sức mạnh của tuổi trẻ. Gã thanh niên, đã biết quên cái bản năng háo thắng, cái bản năng muốn chinh phục, muốn đè bẹp đối phương, y đã quên thân thể mình. Y đã quên cái tôi. Ông vẫn nói đường võ phải đi nhẹ nhàng, như không muốn xô đẩy không gian chung quanh. Phải biết kính trọng cái quân bình ở trong ta cũng như trong vạn vật.

Gã thanh niên, sau nửa giờ tập luyện, ngồi nghỉ trên bờ vực.Trăng đã lên tới đỉnh đầu, sáng vằng vặc. Núi đồi cây cỏ tràn ngập những trăng là trăng.

Sâu dưới chân vực là một con sông uốn éo như con rắn, chan hoà ánh trăng. Một hai chiếc thuyền neo bên bờ sông, nhỏ bé xinh xắn như những chiếc thuyền giấy của trẻ con. Gã thanh niên cất tiếng ngâm:

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay

Lão trượng đang nửa tỉnh, nửa thức, ngạc nhiên, hỏi:

- Con biết tiếng Việt?

- Thầy quên con là một chuyên viên về cổ ngữ ?

Ông già cả cười :

- Quả thực, nhiều lúc thầy quên con đã trưởng thành, đã là một học giả có tên tuổi.

Thời gian đi nhanh quá, vùn vụt. Trong đầu ông già, gã học trò vẫn còn là một chú nhỏ chạy lăng quăng trong sân nhà, hay ngủ gà ngủ gật giữa những buổi học kéo dài trong cái nóng nực của trưa hè. Mới như hôm qua, cái buổi sáng người ta trao cho ông một hài nhi còn đỏ hỏn ai đem bỏ trước cổng nhà từ lúc trời còn chập choạng tối.

Một lần trong một thư viện lớn, ông thấy một nhóm sinh viên chúi đầu nghiên cứu, trên bàn cả một đống sách dầy cộm mang tên tác giả là người học trò thân yêu của mình. Ông vừa kiêu hãnh,vừa xúc động, vừa bàng hoàng, ý thức rằng đứa học trò nhỏ ngày nay đã dần dần vuột khỏi tay mình, đã thành một học giả có uy tín.

Ông già nói:

- Câu thơ đẹp quá, nhất là trong cái đêm trăng như đêm nay.

Bắt chước học trò, ông lên tiếng ngâm, giọng sang sảng:

Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền
Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay...

Và tiếp :

- Hồi nhỏ, có lần thầy ghé thăm cái thành phố ngày xưa tên là Huế, thăm thôn Vỹ. Nhưng Huế không còn là Huế, thôn Vỹ không còn là thôn Vỹ của Hàn Mặc Tử. Vườn ai mướt quá xanh như ngọc đã trở thành những cao ốc kệch cỡm, những cơ sở sản xuất giầy dép, siêu thị của người Tàu. Những cô thiếu nữ trong chiếc áo dài lả lướt ngày xưa đã trở thành những bà vợ Tàu ,vợ Đại Hàn. Huế bây giờ mang một cái tên Tàu, giống như những thành phố khác của cái nước ngày xưa gọi là Việt Nam. Nơi mình đang đứng, có lẽ ít ai nhớ ngày xưa gọi là đèo Ải Vân

Gã thanh niên trầm ngâm:

- Trước Hàn Mặc Tử hàng trăm năm, hàng ngàn năm, đã có những người nông dân Việt làm những câu ca dao tuyệt đẹp: *Hỡi cô tát nước bên đàng. Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi ?*

Ông già mỉm cười :

- Người nông dân bất cứ nước nào, làm ruộng chỉ mong cho được việc, cho chóng xong. Cái anh nông dân Việt Nam, cực khổ trăm chiều, không được ngày hai bát cơm, anh ta vẫn không quên mình là thi sĩ. Cái thắc mắc của anh ta chắc chắn không có một anh nông dân nào trên thế giới bận tâm: sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

- Con nghiên cứu đã nhiều, không thấy người nông dân nước nào có cái tâm hồn ấy. Ngoài ca dao, người dân Việt còn một hình thức diễn tả rất tài tình là tục ngữ.

- Nước nào chẳng có tục ngữ. Đó là cái túi khôn của người dân, những quan sát, những nhận xét về đời sống ghi lại từ đời này qua đời kia.

- Tục ngữ Việt có hai điểm đặc biệt: nó đầy hình ảnh và bao giờ cũng đầy khôi hài tính. Bao giờ cũng là những nhận xét về xã hội hết sức tinh tế, diễn tả bằng những hình ảnh ngộ nghĩnh: *như đỉa phải vôi, theo voi ăn bã mía, nằm chờ sung rụng, ăn cơm nhà vác ngà voi, cá nằm trên thớt, gái ngồi phải cọc, lệnh ông không bằng cồng bà, nắm thằng có tóc ai nắm thằng trọc đầu...* Những tác phẩm lớn thường có hai đặc điểm: đầy hình ảnh và khôi hài tính. Ngoài tư tưởng, cố nhiên. Hình ảnh của những nhân vật truyện Kiều: *Thoát trông nhờn nhợt mầu da. Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao.* Không có văn chương Anh nếu không có cái khôi hài đen. Trong văn chương Pháp, ngay cả ở Proust, nhà văn khó nhai vì rất tỉ mỉ dài dòng, vẫn có cái khôi hài kín đáo khiến Proust là Proust. Những bài hát của Jacques Brel, bên cạnh cái xúc động,bao giờ cũng có cái gì tếu tếu. Thơ không có hình ảnh là vè, văn không có hình ảnh là những bản báo cáo hành chánh, những biên bản của thừa phát lại.

Ông già gật gù:

- Người Pháp nói: lời nói bay đi, hình ảnh lưu

lại. *Les paroles passent,les images restent.*

- Những người làm nghề quảng cáo thương mại, làm marketing đều biết: một cái spot thành công phải có hai điều kiện: hình ảnh đập vào mắt, bám vào óc và một nét khôi hài khiến người ta mỉm cười. Và tất cả, trong một spot dài 30 giây. Những người nông dân Việt nam đã hiểu điều đó trước mọi người. Không có gì gợi hình và tếu hơn cái cảnh một anh đi vác ngà cho con voi để nói đến một người làm chuyện vô bổ, lo chuyện cho thiên hạ, hay cái cảnh một anh nằm dưới gốc sung chờ sung rụng để nói về một người lười biếng. Tất cả tục ngữ Việt nam đều như thế. Và trong bất cứ hoàn cảnh nào, người ta cũng kiếm được một câu nói lên cái cảnh ngộ của mình, những nhận xét, phê phán về người, về vật: *cá mè một lứa, cá lớn nuốt cá bé, nó lú chú nó khôn, trứng đòi khôn hơn vịt, theo đóm ăn tàn, ăn cỗ đi trước lội nước đi sau, đánh võ miệng, ếch ngồi đáy giếng, cha ăn mặn con khát nước, con nhà lính tính nhà quan...* Chỉ trong vài chữ, cả một nhân sinh quan trong một cuốn phim hoạt họa linh động.

- Ít lời nhiều ý là một đặc tính của Á Đông. Thơ haiku của Nhật...

Gã thanh niên cãi :

- Thơ haiku xúc tích, ít lời nhiều ý, nhưng nghèo về hình ảnh và không có chất khôi hài, không có nét châm biếm. Người Nhật ít cười cợt. Cái khôi hài, cái đầu óc đầy hình ảnh của người bình dân Việt Nam thật hóm hỉnh, thật bất ngờ, thật lý thú. Và thật hữu hiệu. Không có gì hữu hiệu hơn khả năng khôi hài. Những người có tiếng là đào hoa đều đồng ý: một người đàn bà mỉm cười là một người đàn bà đã bị chinh phục một nửa.

Ông già lợi dụng cơ hội đề cập một đề tài vẫn lẩn quẩn trong đầu:

- Nói tới đàn bà, thầy vẫn tự hỏi: bao giờ con nghĩ đến chuyện gia thất. Phải nhớ là thời gian qua nhanh.

Gã thanh niên hơi lúng túng:

- Con chưa kiếm ra người hợp ý. Có lẽ con không có cái khiếu làm cho phái đẹp mỉm cười.

Chợt nhận ra vẻ ưu tư của ông già, y trấn an:

- Thầy đừng lo, chuyện phải đến thế nào cũng đến. Thầy vừa khuyên hãy đi từ từ.

Ông già không ngờ cái thuyết đi từ từ quay về ngực mình như một cái boomerang, bèn trở lại đề tài bỏ dở, thoải mái hơn là chuyện đàn bà:

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

HÈ XƯA

Tôi yêu tiếng dế
gáy theo chân qua
cánh đồng thơm
mùi rạ mới.

Với ve sầu reo
phượng đơm hoa.

Trái me keo quấn
quít tuổi học trò xanh
ngực áo.

Dòng sông trong
ta tắm mát
nào hơn anh tập
em bơi!

Theo trăng lên
chùa em dạy
anh lễ Phật...

Bãi trường chín mươi
ngày vui chưa
hết.

Cứ mỗi hè gợi
nhớ chuyện xưa, thương.

- Tại sao một dân tộc như vậy lại biến mất trên bản đồ thế giới?

- Theo con nghĩ, vận mệnh của một dân tộc, cũng như vận mệnh của một cá nhân, không bao giờ là chuyện ngẫu nhiên. Cái may rủi đối với một cá nhân, cái tình cờ của lịch sử đối với một dân tộc là một dữ kiện quan trọng, nhưng không bao giờ là một dữ kiện quyết định. Cái hưng vong của một quốc gia là do dân tộc ấy tạo ra. Không có chuyện tình cờ. Nói theo đức Phật, có cái nhân và cái quả.

Ông già không phải là một học giả, lại ít tìm hiểu về đề tài đang bàn, nhưng ông vẫn nghe nói người Việt Nam có nhiều đức tính: hiếu học, cần mẫn, chịu khó, tháo vát, và, như gã học trò ông vừa nói, dân tộc ấy nhìn đời với nụ cười thường trực trên môi, nụ cười khiến họ chịu đựng nổi trăm ngàn khó khăn, thử thách. Nụ cười ấy chứng tỏ một nhân sinh quan rất quân bình, ít dân tộc nào đạt được.

Ông cũng nghe nói đến cái hy sinh vô bờ bến của người mẹ, người vợ Việt Nam, cái chịu đựng gian khổ không giới hạn của người dân Việt. Tại sao dân tộc ấy không có một đời sống mà họ đáng được hưởng? Tại sao dân tộc ấy đi đến chỗ giải thể?

Sương bắt đầu xuống, lạnh hai bờ vai. Gã thanh niên chất thêm củi, nướng một trái bắp non; mùi bắp thơm thoang thoảng trong cái thanh tịnh của đêm trăng. Con nai đã ngủ vùi, đầu gối trên đùi ông già.

Ông già nói, độ lượng:

- Dân tộc nào cũng có cái tốt, cái xấu. Cái tốt cái xấu trộn lẫn nhau, tạo ra cá tính của một cá nhân, một cộng đồng. Phải là thánh nhân mới không có thói xấu. Và không có gì buồn tẻ hơn là những ông thánh.

- Có những tính xấu vô hại, có tính xấu đưa đến nạn diệt vong. Cái tính xấu ghê rợn của người Việt là cái thói chia rẽ, đố kị nhau. Mỗi người Việt như tìm thấy cái vui trong cái thất bại của người đồng hương, cảm thấy cái thú trong việc phá phách công cuộc chung. Trong y học, người ta nói đến trường hợp những người có khuynh hướng tự huỷ, autodestruction, chỉ tìm thấy lẽ sống trong việc tự huỷ hoại mình. Không lẽ có một dân tộc có khuynh hướng tự huỷ? Một nhu cầu tự sát tập thể? Như một đàn cá voi rủ nhau tự sát trên bãi biển? Cái quốc tính lạ kỳ ấy ăn sâu vào mỗi người Việt Nam, ngay cả ở tầng lớp trí thức, nhất là ở tầng lớp trí thức. Học vấn giáo dục không ảnh hưởng gì đến tư cách của họ, như nước đổ đầu vịt (gã thanh niên mỉm cười: nước đổ đầu vịt là một câu tục ngữ Việt). Một quốc gia làm sao tồn tại được với một giới trí thức bệnh hoạn như vậy.

- Không phải chỉ có người Việt có cái thói phá nhau. Chẳng có người Pháp nào đồng ý với người Pháp nào về một vấn đề gì. Ngay cả người Do Thái, chính họ tự nhận: cứ có hai người Do Thái ngồi với nhau là có ba ý kiến...

- Bất đồng ý kiến không phải là điều xấu. Tranh luận đưa tới tiến bộ. Người Việt Nam ngồi với nhau không phải để tranh luận, nhưng để phá nhau. Không một hội đoàn Việt Nam nào tồn tại vài tháng. Không có một nhóm người Việt nào làm ăn với nhau được vài năm. Ngay cả những người có cùng một lý tưởng, thiện chí cùng mình, những người cơm nhà ngà voi , ngồi với nhau ba bẩy hăm mốt ngày là cái bản năng tự huỷ ấy đùng đùng kéo đến. Abdel Nasser nói: tôi rất buồn khi thấy một người Ả Rập nói xấu một người Ả Rập khác. Nếu ông ta là người Việt Nam, Nasser sẽ phiền muộn dài dài. Đập phá nhau là một môn thể thao quốc gia của người Việt, toàn dân tích cực tham dự và hăng say tập luyện; như basket ball với người Mỹ, football với người Ba Tây, sumo với người Nhật, taekwondo với người Cao Ly.

Ông già chống chế :

- Nhiều sách báo nói đến tính bao dung của người Việt Nam, ngay cả với kẻ thù.

Gã thanh niên gậm trái bắp nướng, ăn ngon lành. Y không mời ông già, biết ông già chỉ ăn một ngày hai lần: giữa trưa và tám giờ tối. Và cứ ba ngày là một ngày không ăn một hạt cơm, «để cho thân thể nghỉ ngơi.»

- Thầy nói đúng. Đó là một dân tộc rất đại lượng, rất bao dung đối với người ngoại chủng, ngay cả đối với kẻ thù. Nước Việt *một ngàn năm nô lệ giặc Tầu, một trăm năm nô lệ giặc Tây*, nhưng khi một ông tướng Tầu chết, họ quên thù oán, lập đền thờ (nghĩa tử là nghĩa tận.) Khi chiến tranh Việt Pháp chấm dứt, họ hết lòng thân thiện với người Pháp, tiếp đón kẻ thù hôm trước như anh em. Không thấy ai đi lùng giết những lính lê dương muốn ở lại. Không thấy có người Việt nào hươi đao chém cổ một người lính Mỹ trước máy truyền hình. Không thấy có người Việt nào ngồi hạch tội người Nhật về những tội ác chiến tranh như bên Tàu. Ông tổng thống nước Mỹ, đi tới nước nào cũng bị la ó, phản đối rầm rộ, không dám thò đầu ra ngoài

đường, đến Việt Nam dân chúng hồ hởi đổ ra đường chào đón như đi trẩy hội. Cả dân miền Bắc, những người đã lãnh hàng triệu trái bom Mỹ trên đầu, lẫn dân miền Nam, những người đã bị Hoa Kỳ bỏ rơi không thương tiếc.

Ông già mỉm cười , lạc quan :

- Đó là dấu hiệu một triết lý sống rất cao. Vứt bỏ oán thù, Chúa hay Phật cũng không dạy gì khác.

- Phiền một nỗi là những người đại lượng như vậy với người ngoại quốc lại đối xử với nhau một cách cực kỳ tàn tệ, cực kỳ dã man. Cạn tầu ráo máng. (Lại một câu tục ngữ Việt, gã thanh niên tài vẫn luẩn quẩn trong đầu y:

- Con suy nghĩ hoài, không tìm được nguyên nhân cái mâu thuẫn lạ kỳ ấy. Tại sao

một dân tộc đại lượng như vậy lại thù ghét nhau đến như thế? Tại sao những con cá voi rủ sau tự sát trên bãi biển?

Về những con cá voi, ông già đành ngọng, nhưng về cái dân tộc kỳ quặc nọ, ông liều một cách giải thích:

- Có lẽ đó là hậu quả của những cuộc chiến tranh triền miên. Chiến tranh huỷ hoại tất cả, huỷ hoại cả tình người. Lại thêm chính sách chia để trị của kẻ thống trị. Biết bao nhiêu dân tộc, dưới

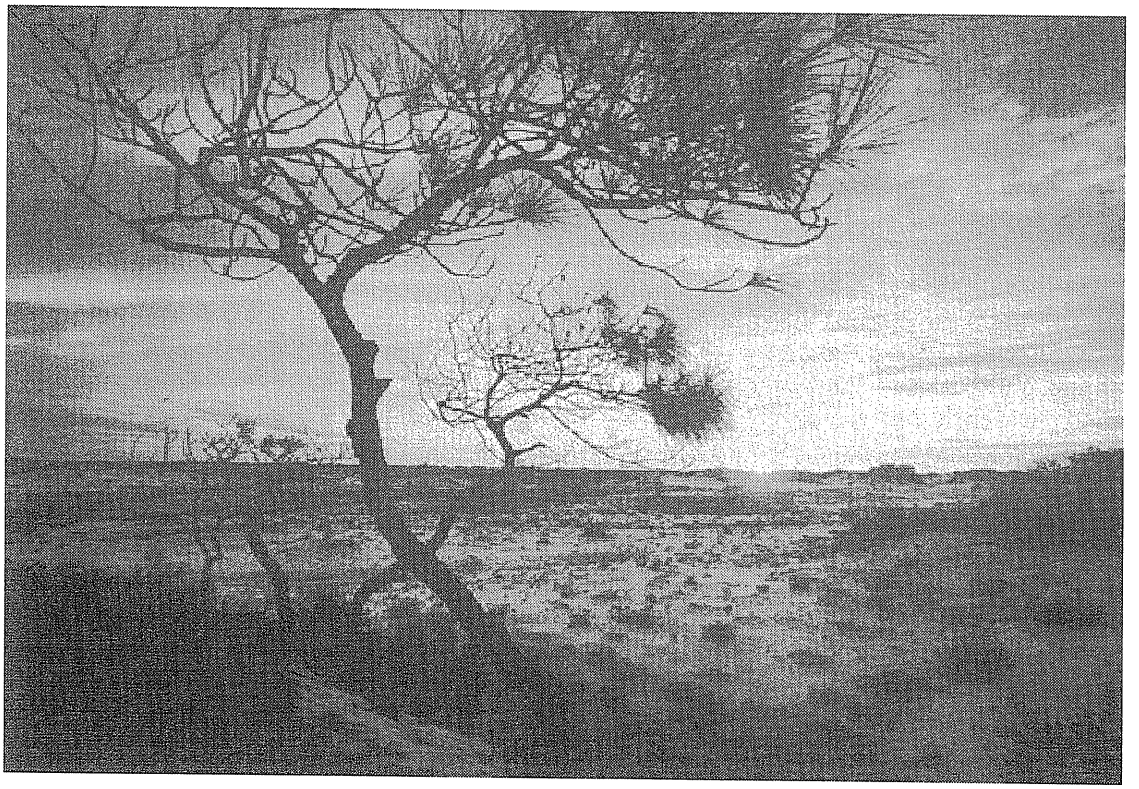

lẩm bẩm). Kẻ thắng hành hạ kẻ bại như những con vật. Tôi nhốt anh để anh khỏi lộn xộn, nhưng tôi hành hạ, nhục mạ anh, không phải vì anh là kẻ cựu thù, mà vì anh là chỗ đồng bào, anh em ruột thịt.

Ngọn lửa lách tách nổ, thơm mùi gỗ thông cháy. Gã thanh niên pha một tách trà, đưa mời ông già. Ông già nhấp một ngụm, hơi nhau mày, nói:

- Nhớ bọc gói trà cho kỹ. Cái giống trà ngon nó khó tính lắm. Hơi ẩm một giọt mưa, hơi một ngọn gió là nó giở chứng ngay.

Gã thanh niên không quên câu truyện đang bàn, như đã lâu lắm y mới có dịp đề cập một đề những thử thách một trăm lần ít cay nghiệt hơn, đã biến mất trên bản đồ thế giới. Người Tầu, trong một ngàn năm đô hộ, đã tìm mọi cách chia để trị. Người Pháp khuyến khích dân Việt hút thuốc phiện, chia nước Việt ra thành ba nước, bày ra một trăm thứ ngạch trật, phẩm hàm vốn đã cực kỳ nhiêu khê, biến mỗi người Việt thành một ông quan, sẵn sàng căm hờn nhau, sẵn sàng giết nhau vì một cái danh hão, một miếng thịt chia không đều. Bỏ được một tệ trạng đâu phải dễ. Hãy nhìn những nước Hồi giáo với những hủ tục truyền lại từ 14 thế kỷ...

Gã thanh niên ngần ngừ: y ít có thói quen cãi

lý với ông thầy mà y kính trọng.

Ông già cảm thấy cái ngần ngừ của gã học trò:

- Nhưng?

- Nhưng người Việt Nam là những người có khả năng thích ứng rất nhanh, những tục lệ cũ, nhuộm răng đen, tục đa thê v.v... chỉ vài mươi năm đã biến mất. Nhóm Tự Lực Văn Đoàn đả kích các tệ trạng xã hội An Nam, cũng chỉ ít năm sau vấn đề họ nêu ra không còn là thời sự nữa. Thầy có nhớ cái bài thơ của Nguyễn Bính: *Hôm qua em đi tỉnh về. Đợi em ở mãi con đê đầu làng...*

Cái gì chứ thơ thì không ai địch nổi ông già .Ông có trí nhớ của thiếu niên 18 tuổi. Ông đọc vanh vách :

Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo dài khuy bấm em làm khổ tôi
Nào đâu cái yếm lụa sồi
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân
Nào đâu cái áo tứ thân
Cái khăn mỏ quạ cái quần nái đen?

Gã thanh niên ngắt lời, trong khi ông già còn cao hứng:

- Con cháu ông Nguyễn Bính, chắc đã rất bỡ ngỡ trước cái thời trang lạ kỳ của những người chỉ cách họ một thế hệ. Và nếu con cháu nhà thơ có bồ khăn nhung quần lĩnh rộn ràng, chắc họ cũng khổ tâm lắm, nhưng không phải khổ tâm vì cô bạn quá tân thời mà vì quá quê mùa, cổ hủ. Những người Việt di tản ra nước ngoài chỉ vài năm đã hội nhập với đời sống mới. Họ biết cải tiến rất nhanh, nhưng nhất quyết giữ lại cái quốc tính kia. Cái thói thù ghét nhau, cái thói vọng ngoại đã có từ rất lâu. Đọc sử Việt Nam, không biết bao nhiêu những cuộc huynh đệ tương tàn, mỗi lần chiến trận ngã ngũ, thế nào ở trang sau cũng có cái màn cả bên thua lẫn bên thắng chạy ra nước ngoài cầu cống. Cái anh phó thường dân Việt Nam, không ai hỏi ý kiến anh ta.

Ông già:

- Dù sao dân tộc ấy đã đương đầu với ngoại xâm hàng ngàn năm, tại sao bị giải thể đầu thế kỷ 21?

- Nước Tầu ngày xưa là một cường quốc thực dân, nhưng trong nước cũng chia năm xẻ bẩy, thập loạn sứ quân, khó giữ vĩnh viễn một thuộc địa. Sang thế kỷ 21, Trung Hoa trở thành một trong hai nước mạnh nhất thế giới, cả về kinh tế lẫn ảnh hưởng chính trị. Một đại cường thống nhất, vươn lên như vũ bão. Hàng hoá Tàu tràn ngập thị trường, họ làm chủ về mặt kinh tế.Về văn hoá, sách vở Tàu tràn ngập, trên truyền hình quốc gia chỉ có phim ảnh Tầu. Đàn bà, con gái Việt Nam bị gả bán cho người Tàu để tìm đường sống. Nhân công Việt Nam ,nổi tiếng là chịu khó và không đòi hỏi gì, đi tha phương cầu thực, làm nô lệ ở những nước phát triển hơn. Trung Quốc cần dầu lửa, cần thị trường, cần nhiên liệu, ngang nhiên chiếm một vài hòn đảo. Không ai phản ứng gì, hay phản ứng đại khái, họ lấn thêm vài cây số biên giới.

Dần dần, họ chiếm trọn Việt Nam nhẹ nhàng như trở bàn tay.

- Thế giới không phản ứng gì ?

- Khi Trung Quốc còn là một nước nghèo đói, không ai ho he gì khi họ chiếm Tây Tạng; ai dám lên tiếng khi họ đã trở thành một đại cường?

- Còn người Việt?

- Họ còn mải chơi môn thể thao quốc gia.

Ông già vươn vai, ngả đầu trên phiến đá, nói với gã học trò, ôn tồn như một lời an ủi:

- Khuya rồi. Ráng ngủ một giấc. Mai phải đi sớm. Thiên hạ chờ mình đúng ngọ.

Ông già nói xong, nhắm mắt, ngủ ,dễ dàng, ngon lành như một hài nhi. Gã thanh niên biết là sáng hôm sau ông sẽ thức dậy đúng sáu giờ. Muốn dậy giờ nào, ông già không cần báo thức.Ông chỉ lẩm nhẩm vài lần trong đầu là sáng hôm sau nhỏm dậy đúng giờ, như một cái máy.

Gã thanh niên nằm thao thức, không ngủ được. Trăng sáng, chan hoà, phí phạm, lai láng ngập đất trời. Y không khỏi nghĩ đến cái anh nông dân thi sĩ. Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi. Câu thơ đẹp quá. Tâm hồn anh nông dân đẹp quá. Một tâm hồn đẹp như vậy không thể tàn rụi. Cái anh nông dân ấy, từ bốn ngàn năm nay anh ta vẫn sống chết bám lấy đất nước. Y muốn tin rằng cái anh nông dân ấy không biến mất, anh ta vẫn lẩn quẩn đâu đó dưới kia. Một ngày nào, anh ta sẽ trở về, xây dựng lại quê hương rách nát, đi tìm đón về những cô thiếu nữ bị bán ra ngoại quốc, đổ mồ hôi để tưới cho xanh lại ruộng đồng.

Y chợp mắt, mơ màng, tưởng như nghe thấy - lẫn với tiếng dế kêu, tiếng gió xào xạc trên ngọn cây - tiếng bước chân ai từ dưới thung lũng vọng lên. Tiếng chân của một đoàn người rậm rịch lên đường.

Paris, mùa hè 05

ÁM ẢNH

XUÂN ĐỖ

"Mea Cumpa, Mea Cumpa. Mea Maxima Cumpa"
(Lỗi tại tôi. Lỗi tại tôi. Lỗi tại tôi mọi đàng)

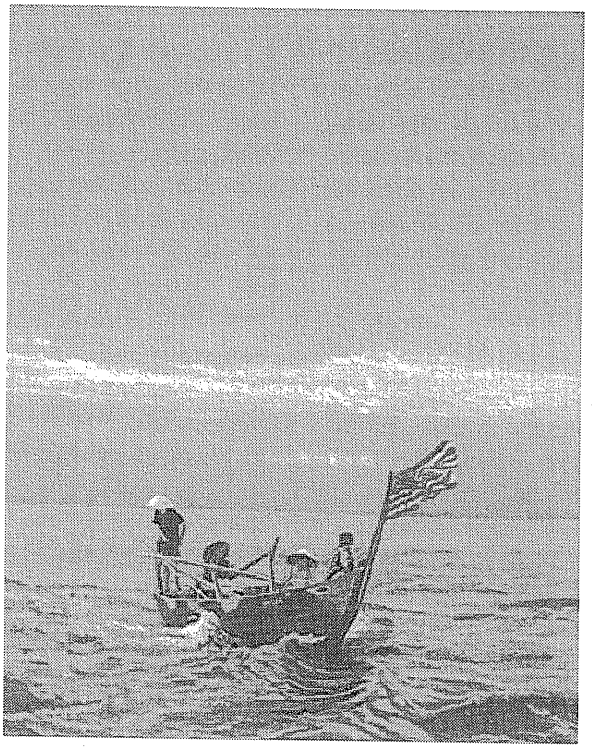

Lân dựng chiếc xe Honda ngoài cổng, chạy vội vào nhà Thảo. Người chị từ trong nhà chạy ra, nói:

- Thảo có dặn chị, Lân đến, bảo em chạy đến bệnh viện Chợ Rẫy. Ba chị đang nằm nhà thương trong đó. Bệnh tim của ba tái phát, mẹ và Thảo đưa ba vào nhà thương ngay sáng nay. Bệnh tim của ba là vậy. Có việc gì làm ba xúc động mạnh, là có rắc rối. Lần này có vẻ nặng.

Lân ngẩn ngơ một lúc, rồi hỏi chị:

- Thảo có nói gì với chị, hoặc ba me, về việc ra đi không?

Người chị gật đầu:

- Có. Hồi tối cả nhà ngồi bên ba nói chuyện. Ba bảo tình hình nguy cấp lắm rồi, bảo Thảo nên ra đi với Lân, dẫn theo thằng Lực, vì ở lại là chết chùm. Nhưng sáng nay ba bị ngất xỉu, đưa vào bệnh viện, sống chết không biết ra sao, nên việc ra đi của em Thảo và thằng Lực theo em, chị không biết ba me, Thảo quyết định ra sao. Tốt hơn hết em chạy gấp lại nhà thương đi.

Lân chào chị, cầm cái tờ giấy địa chỉ phòng bệnh viện, nhảy lên xe Honda, chạy vù đi trong đường sá đầy người, xe cộ chen nhau. Bước vào phòng bệnh, Lân đi nhè nhẹ đến gần giường ba Thảo đang nằm, người ông như quấn đầy dây nhợ, các ống dẫn chuyền máu, ống chuyền nước biển. Bà cụ và Thảo nghe tiếng mở cửa nhìn lên. Thảo bước nhanh lại phía Lân, lắc đầu. Lân chỉ vào đồng hồ đeo tay, ra dấu, mình chỉ còn chưa tới nửa giờ, để ra đi hay không. Thảo lại lắc đầu, cắn môi để khỏi bật ra tiếng khóc, sợ ông cụ nghe. Không hiểu sao ông cụ đưa cánh tay đầy dây nhợ, hươ hươ, như muốn nói gì đó. Bà cụ kê tai sát để đoán thử ông muốn gì. Ông lại hươ hươ cánh tay, ra dấu. Bà cụ vội để cây viết và tờ giấy sát tay

ông. Ông viết nguệch ngoạc:

- Thảo, Lực đi mau với anh Lân. Lân thay ba me dìu dắt hai em nên người . Đi mau đi. Các con thoát đi được, ba có chết cũng an tâm. Đi đi!

Hình như ông dốc hết tàn lực viết các chữ xong, cây viết rớt xuống giường. Thảo cầm tờ giấy, đầy chữ của ba, khóc thảm thiết. Bà cụ cũng lau nước mắt bằng tay mình, khoát tay ra dấu cho ba đứa con ra đi gấp. Thảo và Lực chạy lại, theo cái ngoắt tay của mẹ, vùi đầu vào ôm ba, rồi chạy ra theo Lân.

Len lỏi trong làn sóng người đổ về bờ sông, để tranh nhau được vào căn cứ hải quân, hì hục mãi ba người mới chen lấn vào gần cổng công xưởng nhưng cánh cổng đã đóng, khóa chặt mà những lính gác lại không biết anh, dù anh đang mặc quân phục sĩ quan Hải Quân. May quá có anh trung sĩ Hải Quân đang tìm phương tiện về nhà, biết anh, nói nho nhỏ:

- Trung Úy đưa cái xe đây em giữ cho, cả chìa khóa nữa, em chạy về nhà chở vợ con. Để em bảo bọn lính hé mở cổng cho Trung Úy và gia đình vào nhé. Nhanh lên, không mọi người ập đến, thì bọn lính không dám mở cổng đâu.

Vào được bên trong, Lân kéo tay Thảo và Lực chạy về chiếc tàu của đơn vị anh, kêu ơi ới các bạn trên tàu, ném tấm ván cầu thang cho ba người lên. Tàu đã đầy ắp người, không một chỗ chen chân. Lân bảo Thảo:

- Em và Lực ngồi đây, anh chạy về phòng anh, xem có còn chỗ trống không?

Tất cả các phòng của sĩ quan trên tàu cũng đã có nhiều người chiếm ngụ, có lẽ do sự cho phép của ông hạm trưởng. Do dự một chốc, Lân nói:

- Thưa bà, đây là phòng của tôi, bà có thể nhường chiếc giường này cho hôn thê của tôi, cũng vừa mới lên tàu, chưa có chỗ ngồi. Bà và các em có thể sử dụng tấm nệm bên cạnh đây. Tôi cũng biết trong cơn loạn lạc, mỗi người chia nhau một tí.

Ba ta nhìn Lân cái nhìn bực bội, nói:

- Xin lỗi anh, tôi không biết. Anh muốn gì, muốn đuổi tôi và mấy đứa nhỏ ra khỏi phòng anh, xin nói chuyện với ông tướng nhà tôi, và anh hỏi cấp trên của anh.

Lân chán nản hết sức, trong lúc này, giờ thứ hai mươi lăm của cuộc chiến, đang tháo chạy, hỗn quan, hỗn quân mà những người này còn mang tướng tá ra hù dọa nhau. Anh với tay lấy tấm poncho dưới giường, đi ra, chẳng muốn đôi co với bà ta nữa. Đi loanh quanh một lúc khá lâu mới tìm thấy Thảo ngồi dựa vào thành tàu, hai tay bó gối, đầu gục xuống. Lực đứng nhìn ra đám đông trên sàn tàu. Lân bước lại ngồi xuống cạnh Thảo. Thảo nhướng đôi mắt thâm quầng, mỏi mệt nhìn anh, hỏi:

- Mình đi đâu anh? Nếu tàu đi xuống Vùng Bốn, ghé vào Cần Thơ, Bình Thủy và tình hình yên ổn một chút, anh để em đi về lại Sài Gòn, anh nhé. Em không đành lòng bỏ ba đang nguy kịch nằm lại một mình, bên mẹ em già yếu, bên chị Hai em không biết xoay xở ra sao.

Thảo lại khóc ấm ức. Lân không thể nói rõ cuộc tháo chạy này đi về đâu, nhưng Lân hiểu rằng, đây là chuyến viễn du, không biết nơi đến, không mong ngày về. Lân an ủi Thảo, cố quên mọi bất hạnh đang ập đổ đến, để sống còn, để làm lại cuộc đời ở một nơi nào đó, không có giặc giã, không chém giết nhau, không hận thù. Lân nói:

- Thôi anh đưa em và Lực xuống phòng lái, bên cạnh nhà bếp, chúng ta kiếm chút gì ăn đỡ. Anh từ tối hôm qua, đến bây giờ chưa có gì lót lòng cả. Chắc em cũng vậy. Với lại ngồi trên sàn này không tiện, khi tàu di chuyển theo sông Lòng Tảo, chạy ra Vũng Tàu, Việt Cộng có thể bắn vào tàu từ hai bên bờ sông.

Thảo uể oải đứng lên, đưa cái xách mang vai, trong đó có mấy bộ áo quần, giấy tờ tùy thân của hai chị em cho Lực mang, đi theo Lân. Lân đi vào nhà bếp, một lúc lâu, mang ra ba dĩa cơm, rồi chạy vào lấy thêm chai nước. Bây giờ Thảo mới nhớ cả ngày chưa ăn uống chi cả. Thảo cảm thấy cổ khô rát, nhìn chai nước mà không thấy cái ly nào cả, hỏi Lân:

- Anh có cái gì để uống nước không anh?

Lân lắc đầu, đùa một tí cho không khí bớt ngột ngạt:

- Chẳng có ly tách gì cả em ạ. Em cầm chai nước, đưa lên miệng tu một hơi cho đã khát, nhưng ăn cơm đi đã, uống nước nhiều quá hết đói, ăn không được.

Thảo khát quá, đưa chai nước uống ừng ực. Cơn khát dịu xuống và cơn đói cũng biến đi đâu mất, Thảo nhìn dĩa cơm mà chẳng muốn ăn. Chợt Thảo sờ vào túi áo, chạm một cái hộp, Thảo cầm ra, la to:

- Anh Lân ơi! Nguy quá rồi. Em bỏ quên hộp thuốc trợ tim của ba trong túi em. Làm sao bây giờ anh? Ba không có thuốc này để uống, thì nguy cho ba quá. Trời ơi, làm sao em trở về đưa thuốc cho ba. Ba có thể...

Thảo không nói hết nỗi sợ hãi của mình. Lân và Lực cũng ngẩn ngơ, không biết nói làm sao. Trở về thì không được rồi, tàu hình như đã tách ra khỏi bến và đang ở giữa sông Sài Gòn, chờ lệnh ra đi. Lân an ủi Thảo:

- Lỡ quên rồi, đành chịu, em ạ. Vả lại, ba đang nằm tại nhà thương, nếu không có thuốc này, y tá hoặc bác sĩ sẽ cho thuốc khác.

Thảo lại khóc ấm ức. Nếu ba có mệnh hệ nào, mình sẽ bị ám ảnh suốt đời. Thảo nhắm nghiền đôi mắt, lâm râm cầu nguyện cho ba.

*

Ba mươi năm đã trôi qua, người xưa thường nói, như "bóng câu qua cửa sổ." Ngày xưa ví von bóng ngựa chạy vút qua cửa sổ, cho là biểu tượng của sự tuần hoàn nhanh chóng trong vũ trụ. Ngày nay trong kỷ nguyên tin học, ý niệm thời gian đã đổi thay. Đối với Thảo, những giờ phút tháo chạy trong buổi sáng ba mươi tháng tư đó như mới xảy ra hôm qua, tuần trước. Niềm đau nhức nhối khi gợi lại như một ám ảnh khôn nguôi.

Trong buổi sáng điểm tâm bây giờ chỉ còn hai vợ chồng ngồi trầm ngâm bên nhau. Thảo uống ly nước lạnh. Lân nhâm nhi ly cà phê sữa đã nguội. Tóc Thảo đã nhiều lần nhuộm vẫn có những gốc cộng tóc trắng mọc lên khá nhanh. Thảo bấm đốt ngón tay, lẩm nhẩm, "mình bước vào tuổi năm bảy, còn ba năm nữa, đến tuổi tiểu thọ, sáu mươi." Thảo muốn bật cười, mình sắp chào đón "tiểu thọ," một bà cụ non. Lân bước vào tuổi sáu mươi hai, tóc muối nhiều hơn tiêu, bốn năm nữa về hưu. Ở Mỹ đâu có gà để đuổi cho vợ, đâu có chiếc ao nho nhỏ sau vườn, để buổi sáng mùa thu ngồi trên chiếc thuyền con, để nhìn "ao thu lạnh lẽo, nước trong veo" như thời cụ Nguyễn Khuyến. Lân đưa tờ báo tiếng Việt đang đọc qua cho vợ, nói:

- Em đọc cái tin này.

"Một dự án lớn, xây nhà chung cư và biệt thự nhỏ cho Việt Kiều về nước hưởng tuổi hưu trí". Tin của ExpressNet:

"Tỉnh Đồng Nai: Một dự án đầu tư hỗn hợp, vốn sơ khởi lên đến 50 triệu Mỹ Kim, để mua đất, xây nhiều đơn vị chung cư, đầy đủ tiện nghi, nhiều biệt thự lớn nhỏ, từ một đến bốn, năm phòng ngủ. Đặc biệt dành nhiều ưu tiên cho Việt Kiều trên thế giới về ở, trong tuổi nghỉ hưu. Giá cả dự trù, từ 100.000 đến 700.000 Mỹ Kim/ đơn vị gia cư. Dự án đã được chuẩn y trên cơ sở nguyên tắc đồng thuận giữa các cổ đông bỏ vốn đầu tư và khách hàng có ý định muốn trở về quê hương trong tuổi già.Mọi liên lạc, xin gởi về địa chỉ:....., Điện thoại số: ....

Thảo đùa với chồng:

- Tin nghe cũng hấp dẫn đấy chứ! Khổ nỗi

Trần Trung Đạo

Buổi Sáng Qua Đời

Sóng vẫn gọi từ ngày anh xa biển
Bờ cát trôi, cuốn mất tuổi tên mình
Một buổi sáng qua đời nghe nước chảy
Cội thông già quên nhớ chuyện hồi sinh

Anh đứng lặng nhìn mây bay trên núi
Thương đời mình hơn nửa kiếp đi hoang
Từ dạo ấy, rừng phương đông ngút cháy
Con sông nào từng nhánh nhỏ lang thang

Anh vẫn hát bài tình ca thuở đó
Trong những chiều rất lạnh thiếu quê hương
Và những lúc một mình đêm khuya vắng
Anh ngồi mơ tha thiết buổi lên đường

Người năm trước ra đi không trở lại
Người năm xưa ở lại biết về đâu
Trên bến cũ, trăng thu vàng mấy độ
Ngọn đèn đêm, tiếng nước vỗ chân cầu

Tuyết rơi rải trên đồi dăm đốm bạc
Anh nghe lòng thương tiếc tuổi hai mươi
Dẫu mai mốt có còn ngày trở lại
Tìm quê hương hay chỉ thấy quê người.

là mình tin được các dự án, quảng cáo như thế này, được bao nhiêu phần trăm?

Lân cười lớn:

- Có thể gọi đây là dự án "bịp bợm hỗn hợp" giữa các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư Việt Kiều ở nước ngoài để mồi chài Việt Kiều, để gạt tiền của các khúc ruột ngàn dặm, muốn về nước trong tuổi cuối đời. Nhưng nạp tiền cọc rồi chẳng biết "bắt thang lên hỏi ông trời... ở đâu."

Thảo kể:

- Anh có nhớ không, hồi gần Tết năm 1984, chuyến về Việt Nam đầu tiên của em, như em kể cho anh nghe nhiều lần, thật phập phồng lo sợ. Tâm trạng lúc đó, có lẽ không khác Kinh Kha vào đất Tần, làm kẻ thích khách. Mọi con mắt của các công nhân viên, từ các cô tiếp viên hàng không đến mấy ông hải quan, thật dữ dằn, soi mói và như muốn tra tấn mình để phát giác ra mình là kẻ hiểm nguy cho Việt Nam.

Có một lúc, trên máy bay, em sốt ruột quá, bèn hỏi cô tiếp viên:

- Máy bay đang ở không phận nào đó hả cô? Bao lâu nữa đến Tân Sơn Nhứt, Sài Gòn?

Cô ta nhìn em, một cái nhìn dữ dội, giọng cao vút:

- Không phận gì? Đang ở vùng trời Bắc bộ. Độ hơn một giờ nữa đến Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chính Minh. Hiểu không?

Từ đó cho đến khi xuống máy bay, vào khu hải quan trình giấy tờ, em có cảm giác như mình mang chất nổ về phá hoại chế độ Cộng Sản, nên người cứ lo sợ, quýnh quáng, nói năng ngọng nghịu, tay run cầm cập, khi đưa tờ chiếu khán, cho anh nhân viên hải quan, kèm phía dưới tờ giấy hai mươi đô la mới tinh. Anh ta hỏi cung:

- Tên?
- Dạ, Nguyễn Thị Thu Thảo.
- Sinh năm?
- 15 tháng 8 năm 1948.

Anh ta cầm tờ giấy bạc, vút lại cho ngay ngắn, bỏ vào túi áo, hất đầu cho em đi. Em mừng hết lớn, chạy như lực sĩ chạy nước rút, ra khu thân nhân chờ đợi, nhìn dáo dác, xem chị Hai có cầm tấm bảng đề tên chị cho dễ nhận, như em đã viết thư về bảo chị. Quả nhiên em thấy có ai như một... bà cụ, cầm tấm bảng bằng bìa cứng, ốm tong teo, miệng móm rọm, kêu em:

- Thảo, Thảo. Chị Hai đây em.

Em và chị Hai nhào vô, ôm nhau, khóc như mưa, như gió. Khá lâu sau, em mới nhìn lại chị. Trên khuôn mặt choét khô của chị, trên làn da nhăn nheo, trên chiếc miệng hom hem, móm méo mà ngày xưa em hay khen, miệng chị có duyên... tất cả nói lên một cách rõ ràng, hùng hồn, sự nghèo đói, khổ ải chị đã và đang gánh chịu. Bụng em lại quặn đau, thương chị. Chị xoay qua giới thiệu người đàn ông đứng phía sau chị từ lâu mà Thảo không để ý:

- Thảo, đây là anh Hồng, chồng chị.

Thảo ngạc nhiên đến há hốc mồm. Trời ơi! Sao chị Hai kín miệng đến như vậy. Từ sau năm 75, bao nhiêu thư từ qua lại giữa hai chị em, nói đủ thứ chuyện về ba mẹ, những ngày cuối đời của hai đấng sinh thành, nhà cửa, nhưng tuyệt nhiên chị không đả động gì đế chồng chị, anh Hồng. Tuy chưa gặp anh lần nào, vì anh đi tập kết ra Bắc năm 54, sau khi hiệp định Genève ký kết, chia đôi đất nước. Ba mẹ và Thảo biết mối tình thật đẹp của chị, nhưng đầy nước mắt, theo vận nước chia cắt. Chị nhất quyết ở vậy chờ anh, dù trong hơn hai mươi năm, anh chị không thể nào trao đổi thư từ giữa hai miền Nam Bắc đang chém giết nhau. Thảo cũng biết, nhiều khi bất ngờ, nghe lỏm các cuộc bàn tán thầm thì giữa chị và mẹ. Kết thúc cuộc nói chuyện giữa hai mẹ con, là những đêm khóc đầy nước mắt của chị trong đêm khuya và những cái lắc đầu cương quyết của chị, vẫn một lòng sắt son chờ ngày gặp lại anh. Bây giờ đối diện với anh, Thảo trở nên lung túng, ấp úng chào anh:

- Thưa anh, em hân hạnh biết anh, nhưng em cũng trách chị Hai quá bí mật trong tình chị em ruột thịt gia đình.

Anh Hồng nhỏ nhẹ:

- Xin dì Thảo đừng giận, vì tôi muốn chuyện riêng tư của chúng tôi không làm bận lòng ba mẹ, cũng như anh chị em trong gia đình. Bây giờ chúng ta có dịp gặp nhau, đoàn tụ trong tình thương yêu chân thật.

Buổi tối hôm đó, hơn chín năm trở về căn nhà xưa, Thảo và chị Hai nằm trên giường, nói chuyện thâu đêm. Chị Hai kể:

- Đến tháng chín năm 75, nghĩa là năm tháng sau ngày Sài Gòn rơi vào tay họ, anh Hồng mới chống gậy đến tìm nhà. Chị mở cửa mà tưởng cán bộ nào nào đến kiểm tra. Khi nhìn thấy đôi mắt to, đen, cương nghị ngày xưa, thời còn đi học, chị muốn té quị xuống sàn nhà. Trời ơi! Anh Hồng. Chị không ngờ còn gặp lại anh. Chị cứ ngỡ anh đã chết ở một xó rừng núi nào rồi. Anh cũng sững sờ nhìn chị, mắt mở lớn, ngơ ngác như người trên cung trăng rớt xuống trần gian. Anh ôm chị trong

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH

CHIỀU

con chim sẻ nhịp chân trên cửa sổ
chiều đang nghiêng soi vũng nắng trên đồi
gió thoi thóp dịu dàng khua chiếc lá
chút ráng hồng lặng lẽ đẩy mây trôi
làn sương mỏng gọi dòng sông thức giấc
chở hoàng hôn chầm chậm đến chân trời.

vòng tay run rẩy, không biết trong bao lâu. Mười, mười lăm phút, nửa giờ... Thời gian như không còn giữa anh và chị. Nước mắt chị chất chứa trong hơn hai chục năm làm ướt chiếc áo nâu cũ của anh.

Anh đã mang về cho chị sự sống, phá tan dùm cho chị sầu não, cô đơn cùng cực, nhất là sau khi ba, rồi mẹ mất đi. Anh cũng mang về cho chị niềm hãnh diện, vì anh cũng là kẻ bị phản bội, đứng bên lề trong xã hội miền Bắc, một kẻ thương tật, ốm đau, có "vấn đề" về chính trị.

Thảo ngồi nhỏm dậy trên giường, hỏi chị:

- Chị Hai, em có một mối bận tâm khác, hay nói đúng hơn, một ám ảnh khôn nguôi, về ba trong ngày cuối cùng của đời ba, khi bọn em bỏ nước ra đi.

Chị Hai có lẽ cũng cảm thấy có điều gì quan trọng Thảo muốn nói, cũng lồm cồm bò dậy, ngồi bên em, chờ đợi:

- Chuyện gì vậy em?

- Ngày cuối cùng, khi Lân chạy đến đưa em và Lực đi. Ba trong một cố gắng cuối cùng của cuộc đời, viết ra giấy những lời nhất quyết bắt bọn em ra đi gấp. Đến khi lên được tàu hải quân, sờ vào túi áo, em mới biết, em mang theo hộp thuốc trợ tim của ba. Không biết có phải, vì ba không có thuốc trợ tim uống, nên ba đã chết. Đây là điều dằn vặt em trong bao nhiêu năm nay. Vì nhờ có sự quyết định dứt khoát của ba, đã cứu bọn em, thoát ra khỏi địa ngục, trong lúc đó em lại vô hình chung, là nguyên nhân của cái chết của ba.

- Chị hoàn toàn không biết chuyện này, vì ngày đó em nhớ không, khi ba đau tim đột ngột, em và mẹ đưa ba vô nhà thương Chợ Rẫy. Chị ở nhà một mình coi nhà. Khi Lân đến đưa em và Lực đi, mẹ ở bên ba, săn sóc cho ba. Tối đó ba lên cơn đau tim nặng, mẹ báo động cho y tá, nhưng hình như các bác sĩ điều trị, đa số đã bỏ đi và ba mất trong tình trạng thiếu bác sĩ đó. Như vậy, theo chị nghĩ, nỗi ám ảnh trong em hơi quá đáng, em không nên tự làm khổ mình như vậy. Em cũng đừng quên rằng, bệnh tim của ba đã mắc phải gần hai mươi năm.

Thảo thở phào nhẹ nhõm. Gánh nặng trong tâm thức lâu nay Thảo khắc khoải, ít ra nay được giải tỏa phần nào. Nhưng rồi có những đêm mất ngủ, Thảo lại thao thức, nỗi ám ảnh lại trở về. Có những cơn ác mộng, Thảo và ba cãi nhau kịch liệt, không hiểu về một vấn đề nào đó mà Thảo khi thức giấc, không còn nhớ. Ba đập bàn la lớn:

- Tao là chủ cái nhà này, tao có toàn quyền quyết định mọi việc. Mày không nghe, mày đi ra khỏi nhà này lập tức.

Thảo uất ức nhìn ba, một cái nhìn thách thức, rồi ôm mặt khóc, bỏ chạy về phòng, đóng sầm cánh cửa gỗ. Thảo nằm sấp, úp mặt xuống gối, khóc trong tức tối. Hình như một lúc điên cuồng nào đó, Thảo ước chi ba chết quách, cho khỏi phiền con cái.

Thức dậy trong đêm khuya, người Thảo bần thần, mồ hôi vã ra như tắm. Thảo không ngờ được trong thâm tâm mình, cũng manh nha ý nghĩ, mong ba chết quách đi, trong lúc tức giận. Không thể chấp nhận điều bất hiếu như vậy dù chỉ là ý nghĩ trong một cơn ác mộng. Thảo rùng mình sợ hãi chính mình.

Trong gia đình, mẹ Thảo thương con, nuông chiều các con hết mực. Nhiều khi ba bực mình, la lối ầm nhà, đổ lỗi cho bà, đã làm cho con hư, làm cho con chống lại ông, một cách âm thầm. Mẹ chỉ khóc, rồi lại nuông chiều các con như cũ. Thảo còn nhớ, ngay cả việc chị Hai nhất quyết ở vậy, chờ đợi anh trong vô vọng, ba đã nhiều lần la mẹ:

- Bà phải bảo nó, con Hai, quên cái thằng "lãng mạn chính trị" đó đi. Hồi thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nó vào bưng chiến đấu chống thực dân trở lại đặt ách đô hộ lên Việt Nam, có thể

hiểu được vì đó là tinh thần yêu nước nồng nàn của tuổi trẻ. Nhưng đến năm 54, nó cũng sắp bước vào tuổi "tam thập nhi lập" mà không thấy rõ cái đuôi Cộng Sản hiện nguyên hình, thì không chấp nhận được.

Giọng mẹ sũng nước mắt, năn nỉ ba:

- Ông ơi! Tội nghiệp con, mà ông. Chính trị, chính em làm sao chen vào trong tình yêu được, hả ông? Nó yêu thằng đó, vì hai đứa yêu nhau, chứ nó có cần biết thằng đó là kháng chiến hay Cộng Sản đâu!

Thảo nghe lén câu chuyện nhỏ to giữa ba mẹ, Thảo lại thương mẹ hết sức. Ba lúc nào cũng áp đảo mẹ và các con. Ngay cả khi Thảo yêu Lân, ba biết Lân vừa tốt nghiệp trường Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang, một lần nói chuyện, ba cau mày nói:

- Ba luôn luôn thương các người lính trẻ trong thời chiến, hy sinh thân mình, hạnh phúc mình cho quốc gia, dân tộc. Nhưng ba dị ứng với các anh tướng tá trẻ, già, sống lâu lên lão làng, hò hét đàn em, rồi tranh dành nhau chức quyền, lợi lộc, chẳng ra cái thể thống chi cả. Một đám hèn nhát, chỉ đẩy miền Nam này mau rơi vào tay Cộng Sản.

Nghe ba nói, Thảo hoang mang, có thể nền chính trị miền Nam đang rơi vào khủng hoảng lãnh đạo, tướng tá bỏ chiến trường, nhảy vào chính trường dành dựt cùng các chính trị gia cơ hội, cũng là lẽ thường tình trong thời tao loạn. Những kẻ thức giả, già, trẻ, quân sự, dân sự có lòng thao thức với vận mệnh quốc gia, dân tộc ở đâu, sao không lên tiếng. Lỗi tại ai?

Ba bực mình, gằn từng tiếng:

- Lý thuyết rởm, con ơi! Nhưng thôi, vận nước đến hồi nhiễu nhương, một giai đoạn đen tối của lịch sử như một cộng nghiệp dân tộc đang phải trả, mình cũng đành... chấp nhận thôi!

Lại mười năm sau, năm 1995, Thảo cùng chồng về Việt Nam, để dự lễ cải táng mộ cho ba mẹ. Bước ra phố phường luôn luôn ngày đêm người đông như ngày hội, Lân ngơ ngác, không tìm thấy các hình ảnh dĩ vãng anh mang theo trong tâm tưởng, trong hai mươi năm. Tất cả đều xa lạ, nhưng hình như có nhiều điều nghịch lý, một xã hội quá xô bồ, luật pháp chẳng phân minh. Người dân mạnh ai nấy sống.

Lân nói với vợ:

- Anh có cảm tưởng, Việt Nam ngày nay, cái gì cũng "quá độ". Sau khi thống nhất đất nước năm 75, họ cố đẩy đất nước "quá độ" tiến nhanh, tiến mạnh lên Xã Hội Chủ Nghĩa. Họ đã thành công trong mục tiêu này, Việt Nam được xếp vào hạng nghèo đói nhất thế giới, cùng hạng với vài nước Phi Châu!

Lễ cải táng mộ ba mẹ, chỉ được làm âm thầm trong gia đình nho nhỏ. Anh Hồng, chị Hai, Thảo, Lân, trông thảm não trong những bộ đồ tang chế, vải thô, mũ rơm, đọc kinh cầu siêu cho ba mẹ, sớm về cõi cực lạc. Bên ly trà vừa cúng xong, anh Hồng nói chuyện thầm thì với Lân, anh kể những chuyện ngày xưa còn bé, từ thôn quê lên thành phố để học. Một lần, khi anh lên mười lăm tuổi, dịp về quê ăn tết, sau tết trở lại đi học. Trong túi rủng rỉnh đầy tiền, tiền cơm tháng, tiền quà vặt, tiền sách vở, giấy bút. Anh đi ngang qua một quày đánh bạc, tráo bài ba lá. Anh chủ sòng ăn nói ngọt ngào, mời mọc:

- Cậu học trò thông minh, đĩnh ngộ ơi, thử thời vận đầu năm xem sao? Dừng chân một chút thôi mà.

Anh lưỡng lự đứng nhìn, định bỏ đi. Có một tên cỡ tuổi anh, chạy lại, móc tiền trong túi ra đánh một ván. Nó thắng dễ dàng. Một ván nữa, nó lại thắng. Nó thắng liên tiếp ba, bốn ván, rồi bỏ đi, bảo đói bụng quá, đi ăn bún cái đã, rồi sẽ trở lại đánh nữa. Tên chủ sòng cười thân thiện:

- Ăn uống no say, trở lại đánh nữa cho vui, nghe em.

Hồng ngứa ngáy trong người, nghĩ, đánh bạc cũng dễ thắng đấy chứ! Thế là anh móc vài ba đồng ra đánh thử. Mấy ván đầu thắng dễ dàng như thằng nhỏ kia. Rồi vài ba ván kế tiếp, đặt nhiều tiền hơn, anh thua. Anh nổi tức, móc tiền thêm, đặt nhiều gấp bội, lại thua. Những đồng bạc cuối cùng bay vèo vào tay tên chủ sòng. Anh thất thểu về nhà trọ, khóc ấm ức xin khất tiền, nhắn về cha mẹ gởi cho tiền trả cơm tháng. Cha lên đánh cho một trận nên thân.

Anh cười chua chát:

- Thế mà vào đời, mình vẫn quên trận đòn khi còn bé, vẫn bị cờ bạc bịp!

Lân nhìn Thảo, nói nho nhỏ:

- Bọn mình thì tệ hại hơn, sát phạt nhau chí choé, để cuối cùng, cũng thua những kẻ cờ bạc bịp cấu kết nhau, vào ván chót. Trách ai đây!

Chị Hai đã dọn dẹp đồ cúng trên bàn thờ, sắp xếp bàn ăn, mời mọi người ngồi vào bàn. Thảo bước lại trước bàn thờ, thắp nén hương, khấn vái trong tiếng khóc tức tưởi:

- Xin ba mẹ tha thứ cho chúng con.

Thảo lảo đảo bước lại ôm chị Hai, khóc trên vai chị./.

Chữ Việt Gốc Tàu

NGUYỄN HỮU PHƯỚC

(tiếp theo và hết)

Xin lập lại sau đây những chữ viết tắt đã, và sẽ dùng trong bài cho việc đọc được dễ dàng.

VN = người Việt Nam, hoặc tiếng Việt.

TH = Người Trung Hoa (còn gọi là người Hoa), trong sách VN, còn gọi là người Tầu, (hay Tàu), người "Hán"; chữ TH, chữ Hán = chữ Tàu = chữ "nho".

HV = Tiếng HánViệt, giọng đọc HV; chữ HV = chữ ký âm giọng HV bằng mẫu tự của chữ quốc ngữ VN (thí dụ chữ "điện đàm" = nói chuyện bằng điện thoại).

QĐ = tiếng TH giọng Quảng Đông, người QĐ.

TC = tiếng TH giọng Triều Châu, người TC còn gọi là người Tiều.

QT = tiếng TH giọng Quan Thoại hay giọng Bắc Kinh (có nơi gọi là Bạch thoại); giọng nói được dùng làm giọng chung cho cả quốc gia TH vì TH tuy dùng một thứ chữ viết nhưng có trên vài chục giọng nói (phương ngữ) khác nhau.

Hầu hết những chữ Việt gốc Tàu đều có trong quyển Tầm Nguyên Tự Điển Việt Nam của cố Giáo sư Lê Ngọc Trụ (LNT). Những chú thích cách đọc theo HV cũng từ quyển nầy.))

Người Tàu Đến Vùng Đồng Nai – Cửu Long Từ Lúc Nào?

- Mình ơi! Em quên hỏi mình một câu là người Tàu đến vùng Đông Nai – Cửu Long tự bao giờ vậy mình?

- Cha chả, em lại "col-lê" anh rồi (Pháp: coller hay collé = hỏi khó; bị chất vấn). Bên trên Anh đã nói "né" là họ đến vùng ĐN-CL được "vài trăm năm" là để khỏi đi vào chi tiết vì anh không nhớ đích xác họ đến từ bao giờ. Nào ngờ !! ... Thôi thì mình dọn thịt quay lên đi, còn anh vào phòng sách, kiếm coi có đoạn nào nói về "chuyện đó" không. Nếu có, "bề tôi" sẽ tâu trình thật "sơ lược" với "Hoàng Hậu Nương Nương." Lúc bắt đầu câu chuyện "Từ Việt gốc Tàu" "bề tôi" chỉ nghĩ rằng sẽ kể sơ sơ một số chữ cho vui mà thôi nên cảm thấy hơi "lội" một chút khi nghe câu hỏi trên.

Sử sách chép rằng người TH đã có mặt ở VN từ hơn hai ngàn năm trước; nhưng con số lúc đó chắc là ít lắm. Miền Bắc gần ranh giới TH, nên có một số thương gia Tàu sang VN buôn bán. Nhưng đợt di dân quan trọng nhất của người TH vào VN xảy ra vào thế kỷ 17. Số là vào khoảng giữa thế kỷ 16 thương gia TH và Nhật đã dùng một số hải cảng của VN (ở miền Bắc và Trung) trong việc buôn bán vì thương gia TH không thể giao thương trực tiếp với các đối tác người Nhật tại lãnh thổ Nhật vì có lệnh cấm buôn bán với Nhật do nhà Thanh của TH đưa ra (Trần Gia Phụng).

Sau khi người Mãn Châu chiếm và cai trị toàn lãnh thổ TH và lập nên Nhà Thanh (1644-1911), có một số cựu thần nhà Minh không chịu đầu hàng. Họ lập phong trào "Bài Mãn Phục Minh." Địa bàn hoạt động của họ mạnh nhất ở các tỉnh giáp giới với VN. Sự kiện nầy đã làm cho miền biên giới Hoa – Việt trở nên một vùng giặc giã liên miên "*đã khiến dân Việt* (vùng biên giới) *vô cùng thống khổ vì đám giặc 'Tàu Ô' nầy*" (Ngô Thế Vinh).

Vào năm 1679, một số cựu thần nhà Minh khác không chịu thần phục nhà Thanh, tìm cách trốn khỏi TH. Trong số nầy có:

Dương Ngạn Địch (cựu Trấn Thủ một số quận thuộc Quảng Tây) và ***Trần Thượng Xuyên*** (còn có tên là ***Trần Thắng Tài***) cựu Trấn Thủ một số quận thuộc Quảng Đông) dẫn thuộc hạ (khoảng 3000 quân lính, gồm đa số là người QĐ và Phúc Kiến, và hơn 50 chiến thuyền) đến Tư Dung và Đà Nẵng tạm trú và xin theo Chúa Nguyễn. Rất ngại sự có mặt của nhóm người TH nầy ở Thừa Thiên (nơi có phủ chúa) và vùng lân cận, Chúa Nguyễn đã cho họ vào miền Đồng Nai, Cửu Long cư trú*, mặc dầu vùng nầy còn thuộc Chân Lạp. (Vào khoảng thập niên 1650-60 vua Chân Lạp đã chịu thần phục Chúa Nguyễn.) Nhóm Trần Thượng Xuyên vào lập nghiệp ở vùng "Cù Lao

Phố" (Biên Hòa ngày nay). Còn nhóm *Dương Ngạn Địch* và phó tướng của y là *Huỳnh Thắng* vào cửa Tiền Giang, đi ngược lên và dừng lại lập nghiệp ở vùng Mỹ Tho ngày nay. Hai nhóm dân TH mới nầy có biệt danh là người "Minh Hương" hay người trung thành với nhà Minh của TH.

Trong lúc đó vào khoảng 1671, một thanh niên tên *Mạc Cửu* (người QĐ), sau khi nổi dậy và thất bại trong việc chống Nhà Thanh, đã đến phía Đông Nam Chân Lạp với mấy trăm tùy tùng, được phép vua Chân Lạp khai thác vùng bờ biển gần Phú Quốc. Tuy còn trẻ nhưng Mạc Cửu rất thành công trong việc mở mang vùng Hà Tiên (ngày nay), sau khi chiêu mộ thêm nhiều người TH (cùng hoặc khác tiếng nói) và cả người VN và người Cam Bốt. Vùng Hà Tiên trở nên một khu tự trị phồn thịnh. Tuy nhiên vì bị áp lực quân sự từ Thái Lan, nên vào năm 1708 , Mạc Cửu đã xin thần phục Chúa Nguyễn và nhận chức Tổng Binh Hà Tiên do chúa Nguyễn Phúc Chu phong (Trần Gia Phụng).

Ngoài người TH gốc Quảng Đông và Phúc Kiến, còn có rất nhiều người TH gốc Triều Châu (Tiều) lẫn lộn trong ba nhóm người trên. Nhóm TC đông nhất là thuộc nhóm Mạc Cửu.

*Ý nghĩ của Chúa Nguyễn khi gởi những người TH tỵ nạn đi xa khỏi vùng Thừa Thiên để tránh nguy hiểm cho phủ Chúa đã được chứng tỏ là đúng: Huỳnh Thắng và thuộc hạ của y, sau khi mở mang được nhiều vùng đất ven bờ Cửu Long, có dã tâm tách khỏi quyền lực Chúa Nguyễn và lập vùng tự trị như một nước riêng. Chúa Nguyễn phải dùng Trần Thắng Tài hành quân và chỉ đánh và giết được Huỳnh Tấn sau nhiều thiệt hại cho cả đôi bên. Nhưng phải vài chục năm sau, chúa Nguyễn mới dẹp hết nhóm tàn quân của Huỳnh Tấn, vì họ đã trốn lên vùng Biển Hồ, dựa vào quân Cam Bốt và quân Xiêm (Thái Lan) để tồn tại trong việc chống Chúa Nguyễn. (Trần Gia Phụng.)

Như vậy, trước khi Chúa Nguyễn bành trướng ở miền lưu vực Đồng Nai, Cửu Long thì một số người Tàu, cùng người Việt, đã đến khẩn hoang và lập nghiệp ở đây. Họ trở thành những người tiên phong cho VN đến khẩn hoang và mở mang miền Đồng Nai, Cửu Long. Dần dần, với tài buôn bán, họ trở thành một lực lượng kinh tế và do đó, lực lượng chánh trị, và góp phần vào nền văn hóa VN nói chung và của miền ĐN-CL nói riêng.

Mặc dầu người Minh Hương ít tham gia vào những chức vụ công quyền, (chỉ trừ một số ít người Việt gốc Minh Hương hay người Tàu lai Việt, sẽ nói ở đoạn cuối bài) nhưng với thế lực tài chánh, họ đã có một ảnh hưởng lớn vào những quyết định về chánh sách kinh tế, tài chánh và ngay cả việc bổ nhiệm những chức vụ quan trọng trong guồng máy cai trị của VN, nhứt là từ giữa thập niên 1950 trở về sau, ở Miền Nam VN. Mặt khác, họ cũng có lúc phải gánh chịu hậu quả của những cuộc tranh chấp nội bộ hay của những chánh sách có tính cách áp bức hay kỳ thị của VN:

Trong cuộc tranh chấp giữa Chúa Nguyễn và anh em Tây Sơn ở vùng Gia Định, có một số nhỏ người TH theo Tây Sơn, nhưng đa số phò trợ Chúa Nguyễn. Theo học giả Trần Nguơn Phiêu (TNP), thì ông Trần Thượng Xuyên, ngoài việc biến vùng đất hoang ở Cù Lao Phố thành một thương cảng phồn thịnh, còn lập nhiều công trận với chúa Nguyễn qua ba lần đánh với Cam Bốt vào những năm 1690, 1700, và 1715. Thắng lợi trong ba trận nầy đã mở rộng biên giới VN về phía Nam. Trần Thượng Xuyên được chúa Nguyễn sắc phong "*Nguyễn vi vương, Trần vi tướng, đại đại công thần bất tuyệt*" (TNP). Vì vậy khi chiếm được thành Gia Định lần thứ tư, hoàng đế Thái Đức của Tây Sơn (Nguyễn Nhạc), sau khi biết được trong số binh sĩ của Chúa Nguyễn có một số là người Hoa, đã "**ra lệnh tàn sát khoảng mười ngàn người Hoa** ở khắp vùng Biên Hòa Sài Côn" (Trần Gia Phụng). Những người còn sống sót đã di cư xuống vùng gần Sài Gòn và lập vùng Chợ Lớn ngày nay.

Dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, miền Nam Việt Nam có đạo luật buộc người ngoại quốc (thật sự nhắm vào người Hoa) phải nhập Việt tịch. Nếu không thì bị cấm hành một số nghề thuộc lãnh vực quan trọng trong nền kinh tế, như thương mại và kỹ nghệ. Tổng thống VNCH (Ngô Đình Diệm) đã lập ra phủ "Đặc Ủy Trung Hoa Sự Vụ" để giải quyết những vấn đề liên quan tới người Hoa và việc thi hành đạo luật trên.

Sau năm 1975, nhà cầm quyền cộng sản ở VN đã có chính sách đưa người TH về Tàu. Hàng nhiều trăm ngàn người Việt gốc Hoa đã phải "đăng ký" về Trung Quốc, cũng như hàng triệu triệu người Việt ở Miền Nam đã rời VN tìm tự do, họ đã mất hết tài sản trong cuộc di cư dưới hoàn cảnh đặc biệt nầy.

Chữ Việt Gốc Tàu Trong Đời Sống Hằng Ngày:

Câu Chuyện "Thằng Phúc"

- Mình ơi, trong vòng chữ nghĩa về bà con dòng

họ, chúng ta có những chữ HV và chữ Việt gốc Tàu không?

- Tiếng HV thì nhiều lắm, nhiều vô số kể. Sơ sơ chúng ta có thân phụ, thân mẫu (cha mẹ), nhạc phụ, nhạc mẫu (cha mẹ vợ); bào huynh bào đệ (anh em ruột) v.v. Có một vài chữ, rất gần với giọng QT. Chữ (Hán) "cha và mẹ", giọng QT đọc là "phù tsin, phù mù-ẩu." Có điều ít ai để ý là những chữ "**cô**" (em gái hay chị của người cha), "**dì**" (em gái hay chị của người me), "**dượng**" (chồng của cô hay của dì), đều là chữ Việt gốc QĐ. Riêng chữ Cậu chúng ta lại đọc giống QT và TC; (trong khi giọng HV đọc là "cữu", thì TC đọc "cựu", và QT đọc là "*khạo* phụ").

Nhưng người Tàu dùng chữ "dượng" rõ ràng hơn dân ta. Họ gọi người chồng của dì là "**dì-dượng**", và chồng của cô là "**cô-dượng**". Trong cách xưng hô, người Tàu có một hệ thống ngôn từ phức tạp hơn VN ta nhiều lắm. May mà dân ta không bắt chước, nhờ vậy mà cách xưng hô của ta tương đối đơn giản hơn nhiều (và do đó ít khó khăn hơn cho các cô thầy dạy tiếng Việt cho con em VN hải ngoại).

Sau đây qua sẽ kể cho bậu nghe câu chuyện của "thằng **Phúc**". Những chữ Việt gốc Tàu trong chuyện sẽ được viết đậm.

Ngày xưa ở làng Đa phước hội có một thằng bé tên "thằng **Phúc**". Nó sống gần một **chành** (nhà kho) lúa. Chành nầy của một người Hoa gốc TC có biệt danh là "chú Sáu **Chiệc*** (hoặc **Chệc**). Người trong xóm gọi vợ của chú sáu chệc (một người gốc QĐ) là "thím **xẩm*** gạo" vì thím có một tiệm gạo ở chợ quận, cách chành chỉ độ nửa cây số. "Thằng Phúc" thường hay đi chơi đánh đáo, câu cá, và bơi lội với "thằng **Tửng**" (TC = thằng nhỏ, "tửng" còn là tên gọi một đứa nhỏ), cháu nội của "chú Sáu Chệc". Khi hai đứa nó muốn tranh chấp một vấn đề gì thì chúng nó dùng trò **xình xầm báo chí tập*** để giải quyết.

Hai thằng bé nầy thường chứng kiến cái cảnh chị thằng Tửng bị những thằng bé khác trong xóm chọc bằng những câu sau đây:

***Xẩm** lai, xẩm lai, thường hay thường hay*
Ngồi đái gốc xoài, bị phạt đồng hai.
Hoặc *"**Các chú**" lai ăn khoai sình bụng*
*Triều châu **dành***, ăn vụng chảy re.*
Hay là: *Các Chú, Thím Xẩm, Ba Tàu*
Người nào cũng như người nấy
Luôn luôn trong mình có giấy,
Kiếm cách để đi về Tàu.

Khi nào hai đứa nó câu được nhiều cá, **tía*** (cha) thằng Tửng bảo thằng Phúc: Hày, bữa nay ở lại "**xực phàn**" há, ngoài cá tươi nấu canh chua, còn có **hàm dũy chứng chí dục*** và **ngầu dục** (thịt bò) xào **giá** (TC: Thầu giá; HV: đậu nha = mầm đậu = giá) nữa, **hẩu xực lớ** (hẩu xực = ăn ngon; HV đọc hảo thực, TC: hó chéc). Thế là bữa đó, sau khi xin phép cha mẹ, thằng Phúc có một bữa cơm Tàu Việt rất là ngon, nó ăn no nê.

Cạnh chành lúa là một tiệm **chạp phô** (tạp hóa), hay là tiệm **hàng xén** (TC = **tạp hóa**), bán **hàm bà lằng*** những vật cần dùng trong nhà, từ cây **đinh**, cái bao **bố tời** (bao vải bằng bố, ngày xưa thường dùng làm bao đựng 100 kí lô gạo), các loại **xì dầu, xa tế** (tương có gia vị cay) cho đến nhiều loại kẹo bánh như bánh **bẻn** (bẻn = bánh; bánh bẻn là bánh ngọt giòn), kẹo **thèo lèo** (kẹo có đậu phộng), và các **hương liệu** (các gia vị có mùi thơm, HV cũng đọc hương liệu), phổi tai, **cà na** (1 loại trái cây hình bầu dục, ướp muối đường, ăn như kẹo trái cây), **cánh chỉ** (QĐ đọc cá-ying chi-i, HV đọc "gia ứng tử" = cũng là một loại kẹo trái cây), **xí muội** (một loại kẹo trái cây khác, nhiều vị mặn hơn ngọt, HV đọc là "toan mai" sau nầy thành "ô mai"), và cả trái cây như cam quít, trái bôm, trái **xá lỵ** (trái lê Tàu; HV: tuyết lê) v.v..

Xì thẩu (người chủ) của tiệm nầy là một **phì lũ** (anh mập) có **nạm** (bụng) to và phệ. Tuy to béo, nhưng vì còn trẻ, nên ông ta mặc quần áo bằng **xá xẩu** (loại tơ lục màu đen) láng **cón** (Cón = láng, dân ta xài luôn cả hai chữ thành "láng cón" = thật láng), đo có ủi đàng hoàng; dân ta còn dùng chữ "sạch **cón**" = hết sạch, không còn chút gì; thật sạch, không một chút vết dơ nào). Khi mấy **xây lũ cố** (em nhỏ, thằng nhỏ) cỡ mười, mười hai tuổi vào tiệm, không mua hàng ngay mà lại phá phách các đồ chơi, ổng thường la rầy và gọi mấy đứa nó là **xò chẩy** (thằng nhỏ ngu) khi chúng làm hư hay làm xáo trộn chỗ để của những món hàng trong tiệm.

Có người hỏi ông ta từ đâu tới, ông trả lời là từ **Quảng Tông** (= QĐ. Tàu đọc t, VN đọc đ). Ông ta nói cha mẹ ông ta đã **xẩy lớ** (chết, chết rồi, HV: tử) , đã **hui nhị tỳ** (đi nghĩa địa = chết) từ lúc ông ta được mười hai tuổi. Ông nói trước khi mở tiệm chạp phô, ông ta đã từng làm công cho nhiều nơi, nói được tiếng TC và QT nữa. Nhưng có nhiều chỗ vì **tài bán** (QĐ đọc tài pán = người cầm đầu = chủ sự hay người "sếp") khó quá nên không làm được lâu. Hiện tại tuy là chủ tiệm, nhưng ông ta cũng kiêm luôn vai trò **tài phú** (người lo

về trông coi tiền thu, xuất) lo việc sổ sách. Ông nói tuy tiệm phải có **sở hụi** (sở phí, chi phí) lớn, và làm nhiều giờ mỗi ngày, nhưng được tự do hơn và **dậu tố lúi** (có nhiều tiền) hơn là đi làm công.

Trong tiệm còn có chỗ để một xe bán mì và hủ tiếu. Ông mướn một **phổ ky** người gốc TC, vừa nấu mì vừa bưng dọn. Thằng Phúc và thằng Tửng thường hay đến ăn hủ tíu ở đây. Anh phổ ky tánh tình dễ thương, ăn mặc toàn những bộ quần áo tuy sạch sẽ nhưng thuộc loại **xập kỉ nìn*** (cũ kỹ). Ông chủ tiệm tạp hóa nầy tánh tình thường ngày là hiền lành vui vẻ. Khi gặp các bà cụ trả giá lúc mua hàng hóa, ông ta hay nói **xín xáy bò lái bò khự*, ngộ*** (tôi) bán cho bà già. Bà già đừng "lói" ngộ bán "dẻ" (rẻ) tụi mấy thằng **chảy** nó phân bì, ngộ làm ăn không được. Lấy tiền xong, ông nói **tố chè, tố chè** (cám ơn) luôn miệng.

Một đôi khi "xì thẩu" ta nổi **ngầu*** (giận) lên rầy anh phổ ky khi anh ta quá chậm chạp trong việc tiếp rước khách hàng: "**Nị* xò** (nị = anh, mầy; xò = khờ khạo, ngu) quá đi thôi, chậm chạp quá mất hết khách làm sao mần ăn tốt, tụi nó gọi nị là "xò chảy" đúng quá mà; nị làm ăn kiểu nầy thì **xí-í-léo*** (chết) cả đám." Tuy đôi khi la rầy anh phổ ky lớn tiếng, nhưng xì thẩu nầy lúc nào cũng cho anh phổ ky ăn cơm chung. Câu chuyện về "thằng Phúc" đến đây chấm dứt.

Tất cả những người nào có giao thiệp hay làm ăn với người Tàu đầu hiểu nghĩa những chữ tô đậm trong câu chuyện trên. Nhưng có nhiều chữ "hoàng hậu" của trẫm chắc là không rõ nghĩa. Xin mời hoàng hậu vui lòng xem phần chú thích tiếp liền theo đây; chú thích theo thứ tự các chữ dùng trong câu chuyện trên..

((*TC gọi **chi-ệc** hay **chệc** = chú = em của cha, hoặc là tiếng gọi một người lớn, nhưng nhỏ tuổi hơn cha mình. Gọi người Triều Châu bằng chữ "chiệc" là bình thường. Họ vui vẻ đón nhận cách xưng hô đó. Nhưng các nhóm dân TH khác ở VN không thích chữ nầy. Họ coi chữ nầy là không kính trọng khi dân VN dùng chữ nầy để chỉ tất cả người TH. Ngoài ra, dân ta còn dùng chữ "*cắc chú*" (do chữ "*khách trú*" nói trại ra), hay chữ "ba tàu" hoặc "anh ba", để gọi hay chỉ người TH. Hai chữ nầy, người Hoa ở VN cũng không vừa lòng mấy. Tuy nhiên khi chúng ta gọi nước TH hay người TH bằng từ ngữ "Tàu" (viết hoa = capital letter) thì đó chỉ là một thói quen do lịch sử mà thôi. Trong văn nói hay trong văn viết, từ ngữ "TH" và "Tàu" thường được dùng lẫn lộn, không hề có ý nào khác. Việc gọi TH là Tàu cũng giống chúng ta cũng gọi Korea là Hàn quốc, Triều Tiên hay Đại Hàn, và United Kingdom là nước (và người) Anh, Ăng Lê, hay Vương Triều Anh Cát Lợi, và United States of America là Hiệp Chúng Quốc, Hoa Kỳ, Mỹ hay xứ (người) Cờ Hoa v.v.

Trong ca dao VN ngày xưa, lúc Tây có quyền và Tàu có tiền ông bà ta có khuyên các cô gái VN nên chọn người VN hiền hậu, có nhân nghĩa:

*Lấy Tây lấy **chiệc** làm gì*
So bề nhân nghĩa, sao bì An Nam.

Xẩm. = "thím" = vợ của chú. Thí dụ: Sao chú và "xẩm" không dẫn em Hoa đi theo cho vui. Dân ta dùng luôn hai tiếng Việt và QĐ "thím xẩm" và hiểu là "thím xẩm" là thím người Tàu, hay "người đàn bà Tàu". **Tửng** (TC = đứa trẻ nhỏ như thằng tửng); còn **tửng** của QĐ có nghĩa là sang nhượng lại như: Anh tôi có "tửng" một căn phố thương mại gần chợ để mở tiệm cơm. "Tiền tửng" một cái nhà là số tiền phải đưa cho một người để họ dọn ra và người chịu "tiền tửng" sẽ dọn vào nhà đó.

Xìn xầm báo chí tập = trò chơi "bao (bàn tay xè ra), kéo (hai ngói trỏ và giữa, banh ra như cái kéo) và búa (tay nắm lại như cái búa) giữa hai hoặc ba người để phân định hơn thua về một ý kiến gì. Người ta cũng ta gọi nó là trò chơi "*thùng một, thùng hai, thùng ba, ra cái gì ra cái nầy*". Sau câu nói đó, những tham dự viên sẽ đưa tay của mình ra theo một trong ba hình dáng "bao, kéo, hay búa" nói trên. Trong trò chơi nầy, "tay xè" thua "cái kéo", "cái kéo" thua "cái búa" và "cái búa" thua "tay xè". Một số người VN còn dùng tiếng Việt gốc Ăng lê để gọi trò chơi nầy là trò chơi "*oảnh tù tì* (English: *one, two, three*) ra cái gì ra cái nầy"

Dành = người (HV đọc "nhân"). **Tía** (TC và QT = cha). Chữ nầy rất thông dụng ở miệt Hậu Giang. (Ca dao VN : Con cò nó mổ con lương, Bớ chị đi đương muốn *tía* tôi không, *Tía* tôi lịch sự quá chừng, Cái lưng mốc thích cái đầu chơm bơm.)

Hàm dũy = cá mặn; **chứng** = chưng, nấu cách thủy; **chí dục** = thịt heo. Cá mặn chưng thịt heo là một "món mặn" rất bình dân của người QĐ.

Hàm bà lằng = tất cả, toàn bộ; biến nghĩa của chữ nầy là "đủ thứ" (vật dụng từ a đến z) như chữ "thập cẩm".

Nạm = bụng; dân ta xài chữ "thịt bò nạm" để chỉ loại thịt bò lóc từ sườn bò ra, có một lớp mỡ dính sát vào lớp nạt; loại "thịt nạm" nầy thường dùng nấu "bò kho".

Đinh: Cây đinh. VN ta dùng y giọng QĐ. Điểm đặc biệt là Hoa Kỳ cũng có chữ "***ding***". HK dùng "to ding" để diễn tả việc lập đi lập lại một việc gì cho người khác nhớ. Trong công sở ở county Los Angeles, đôi khi cấp trên dùng chữ "ding" để chỉ việc "trừ điểm trong khi kiểm soát một việc gì". Thí dụ nói: "ding him 3 points for 3 mistakes in his calculation", hoặc "ding him 3 hours without pay for his absence yesterday" ("trừ nó 3 điểm về ba lỗi trong việc tính toán của nó", hoặc "trừ nó 3 giờ không lương về việc vắng mặt hôm qua").

Xập kỉ nìn = chỉ vật cũ kỹ lắm rồi. ((HV:thập kỉ niên = (đã xài từ) mười năm rồi)). Vật đã quá cũ, quá xưa.

Xí í-léo (TC) = chết; (HV:tử liêu); dân ta đọc trại thành "xí lắt léo".

Xín xái (TC) = sao cũng được; **xín xái bò lái bò khư** (TC) = bỏ qua đi, sao cũng được mà, tính đại khái cho xong.

Nị = ông, bà, anh, chị, mầy, cô, chú, dì, dượng v.v. (tiếng xưng hô, ngôi thứ ba, dùng như chữ "*you*" của Ăng-lê).

Ngộ = tôi, tao, ông, chú, bác, cha , mẹ v.v. (tiếng xưng hô, ngôi thứ nhất dùng giống như chữ "*I*" của Ăng-lê.

Ngầu = *thịt bò*; ngầu còn có nghĩa là *hung dữ, quạu quọ*. Ngầu píl là dương vật của bò, các tiệm phở có bán cho người thích ăn gân, hay người thích nhậu.

Những chữ Việt gốc Tàu Khác

Sau đây là bảng liệt kê một số những chữ Việt gốc Tàu chưa nói đến ở các đoạn bên trên theo thứ tựu A,B,C trong từng nhóm. Còn có một số chữ khác những chữ trong bài, vì ít dùng, hay ít phổ quát, nên chúng tôi không nhận ra. Xin quý vị bổ túc giùm chúng tôi xin đa tạ.

1. Nhóm chữ dùng trong thực phẩm và vật dụng.

Chay = kiêng thịt; "xực chay" = ăn cơm với rau cải thôi; HV : "thọ trai".

Chía (TC) = ăn. Anh ấy chía một hơi hai dĩa bánh cuốn.

Dầu = chất béo từ động vật (mỡ), hay từ thực vật (dầu). Như mỡ bò, dầu ô liu v.v.

Đĩa (QT) = cái dĩa như dĩa hát, môn thể thao ném dĩa v.v.

Độc huyền cầm (QĐ đọc "Tộc huyền cầm", HV cũng đọc "độc huyền cầm) = đàn một dây, còn có tên là "đàn bầu" (Ca dao có câu: Làm thân con gái chớ mê đàn bầu).

Hàu xì = con nghêu hay con hào phơi khô.

Hộp = vật dùng để đựng. Ăn ở tiệm, còn dư thực phẩm có thể xin hầu bàn "lượng cơ hộp = hai cái hộp để đem thức ăn dư về.

Mì = tiếng đọc trại của chữ "mìn" = bột lúa mì có pha trứng, màu vàng, cắt sợi nhỏ. Luộc chín và dùng với nước lèo và thịt heo hay hải sản; hoặc xào với cá loại vừa nói.

Phay = mảnh vụn hay miếng mỏng. *Thịt phay* = thịt heo luộc cắt thành lát mỏng; *gà xé phay* = gà luộc xé thành miếng nhỏ trộn với rau răm và các loại rau khác (tùy ý thích của từng nhà, ca dao có câu: "Gà cồ ăn quẩn cối xay, Rau răm muối ớt xé phay gà cồ"); có thể "*dao phay*" (dao lớn để chặt xương hoặc cắt thịt) cũng do chữ "phay" nầy của QĐ mà ra.

Tàu vị yểu (đọc trại của chữ "tàu mêi yầu" = nước chấm làm bằng tương đậu nành. Còn gọi là "**xì dầu**".

Tằng xại (TC) = cải muối có gia vị, còn có tên là "cải bắc thảo" thường dùng để ăn như một món dưa mặn, hay có thể để vào canh thịt, thịt chưng, hoặc nước lèo bò viên.

Tẩu : do chữ **yíl tẩu** = cái ống điếu để hút thuốc.

Xê cố = kem lạnh (cà rem); HV: "tuyết cao".

Xiên xáo hay **xương xáo** (TC) = thạch đen, một loại thức ăn chế biến từ thực vật; QĐ gọi nó là "lường phảnh" = bột mát.

Xủi = nước; **quảnh xủi** = nước sôi, **pín xủi** = nước đá lạnh.

2. Nhóm chữ trong việc xưng hô, giao thiệp.

Bò hó náng (TC) = người không tốt; HV: bất hảo nhân; QĐ : mậu hẩu dành.

Cai : chừa bỏ món đã ghiền, (HV : giới). Thí dụ Anh Tư đang "cai" thuốc.

Ché (TC) hay **chế** (QĐ) = chị.

Cống hỉ phát xồi = chúc mừng phát tài . Lời chúc đầu năm tương đương với "cung chúc tân xuân" của dân ta.

Cu ki = một mình không ai giúp ; HV: tự ký. Sao lúc nào anh cũng cu ki vậy?

Cú lũ = anh cao (HV: cao lão).

Cũ xì = rất là cũ xưa (HV: cổ thì)

Da = cha (tiếng gọi cha hay gọi người lớn).

Dách lầu = hạng nhất; (HV: nhất lưu)

Dách lầu mậu phô = hạng trên hết không có gì bằng (HV: nhất lưu vô hóa = thượng hảo hạng)

Dụ khị = nói thế nào cho người khác tin mình (khị = nó).

Đầu nậu = người đứng đầu một chuyện gì hay một nhóm người khác (HV:đầu não).

Hầu bao = cái ví hay cái "bóp" đựng tiền hay đựng giây tờ quan trọng.

Hẹ = "khách": tên một chủng tộc xưa ở trung nguyên TH. Họ đã di cư đến Quãng Đông, Phước Kiến, TH, nên người QĐ gọi họ là "khách". Ở VN cũng có người Hẹ.

Hò, xử, xang xê cống, líu: tên các bậc âm trong cổ nhạc (HV đọc: hà, sĩ, thượng, xích, công, lục).

Lì xì = tiền cho người khác, thường để trong giấy đỏ, tiền cho trẻ em ngày tết.

Kỉ tố = bao nhiêu? (hỏi giá cả, hay hỏi về con số).

Lạp chạp (TC) = lộn xộn.

Lậu =một loại bịnh truyền nhiễm qua giao hợp. HV : hoa liễu (bệnh).

Lè phè (QĐ đọc "lẹ phẹ") = không tỏ ra siêng năng, hay quan trọng, chỉ làm cho có. Người lè phè sống qua ngày.

Lộ (QT) = đường đi, HV cũng đọc y như vậy.

Lụ mụ = lão mẫu = mẹ già; nghĩa bóng: chậm chạp, thiếu sáng suốt.

Lứ (TC) = mầy, anh, chị (ngôi thứ ba, gọi người ngang hàng); **hóa** (Wá) = tôi, qua.

Mại = mua. Đây là tiếng "mại" của QĐ, "ngồ mại"= food to go, "mại phàn xực" = mua cơm ăn. Chữ "mại"= mua của QĐ tiếng HV đọc là "mãi". (Trong khi đó chữ "mại" của HV lại có nghĩa "bán" như "mại danh = bán danh tiếng, mãi danh = mua danh, mại mãi = bán buôn.)

Mũ = nón (đội đầu che nắng).

Múi hay **muội** = em gái, bạn học nhỏ hơn mình; tiểu muội, học muội.

Phì phà chảy = ca nhi, cô hát. Nghĩa khác là gái điếm.

Tả = đánh; tả nị xẩy = đánh mầy (ông, anh, cô v.v.) chết.

Tài lũ = anh, tiếng xưng hô để gọi một người lớn hơn mình.

Tằng khạo (TC) = người thay mặt chủ điền trông nom giùm những thửa ruộng của chủ (làm việc không công).

Tẩy chay = một cách biểu lộ sự phản đối một việc gì hay một người nào qua hình thức tránh tất cả mối liên hệ với việc hay người đó. Chúng ta hãy "tẩy chay" tiệm ăn X bằng cách không đến đó ăn, vì chủ tiệm đó có thái độ kỳ thị chủng tộc trong việc mướn nhân viên.

Thầu kê (TC) = ông chủ.

Thầu xáng = người sếp, người cầm đầu của nhóm phổ ky. HV : "đầu sanh".

Thấu cấy = ăn cắp gà. (HV: thâu kê). Nghĩa bóng là lừa gạt. Gạt gẫm người khác. Không thể tin ông ấy được vì thỉnh thoảng ông ta chơi trò "thấu cấy".

Tỉ = chị; sư tỉ = bạn học (nữ) lớn tuổi hơn mình.

Tỷ (TC) = em trai, còn là tên cho con trai. Thằng Tỷ năm nay được tám tuổi.

Xính xáng (QĐ và QT đọc gần giống nhau) = ông, thầy hay cô giáo, chồng (tiếng xưng hô). HV : "tiên sinh".

Phóng xủi = gió, nước; HV: "phong thủy" = chữ chỉ về việc phương hướng, địa thế đất đai. Thầy phóng xủi còn được gọi là thầy địa lý sống bằng cách coi xem phương hướng, địa thế coi có hạp với người cần làm một việc gì.

Xuận xủi xuận phong = thuận gió thuận nước; đây là câu chúc cho một người hay nhiều người sắp đi xa.

(VN ta cũng có câu chúc "thuận buồm xuôi gió". Phải công bình mà nói, câu chúc của Tàu hợp lý hơn của ta vì gió và hướng nước chảy là hai yếu tố chánh làm cho việc đi ghe thuyền được nhanh chóng. Nếu thuận buồm xuôi gió mà gặp dòng nước ngược thì chắc chắn là không đi nhanh được rồi. Có lẽ câu "thuận gió thuận nước" nghe không êm tai bằng câu "thuận buồm xuôi gió" nên chúng ta xài câu sau chăng? Trong ca dao VN có câu:

Dòng xuôi ngọn gió càng to
Lá buồm càng lớn chiếc đò càng nhanh.

Hai câu nầy rõ ràng là thuận nước thuận gió rồi).

3. Nhóm chữ thuộc các loại bài:

Cù lũ = tù binh; cù lũ còn là tên một mẫu trong bài "xập xám" (bài 13 lá) của Tàu. Mẫu nầy gồm gồm ba lá bài giống nhau đi chung với một đôi. (Mẫu bài gồm 5 lá bài).

Dách = một (HV: nhất, nhứt). Số dách = xố một, đứng đầu. Bài "**dà dách**" = một loại bài khi được số tổng cộng cao nhất là 21. Nếu nhà cái được 21 thì sẽ ăn tất cả tay con, trừ người có 21 thì huề nhau. Nhưng nếu nhà cái kéo thêm mà quá 21 thì gọi là "quắc". Trường hợp nầy cái chung tiền cho tất cả tay con, trừ tay con nào bị "quắc".

Mạt chược = tên một loại bài của người Tàu. Có một số dân VN cũng thích chơi loại bài nầy; Người ta thường nói "xoa mạt chượt" (dùng hai

tay xáo trộn nhưng cây bài trước khi phân chia cho những người chơi bài.)

Pha = sợ; trong bài phé (pocker), "pha" là chịu thua, không để thêm tiền vào nữa. .

Tẩy = đáy hay mặt dưới của một vật (HV: "để"). Trong loại bài "phé" (pocker), "tẩy" là lá bài úp. Những người chơi loại bài nầy quan sát vẻ mặt của đối phương và đoán lá "bài tẩy" của đối phương để quyết định "pha" hay chịu thua, hoặc quyết định "tố" tức là để thêm tiền vào thách thức đối phương có dám thêm tiền cho bàng số hoặc thêm nhiều hơn nữa để thách thức. Nghĩa bóng của chữ "tẩy" là việc được giấu kín, hay bề mặt thực sự của một việc, không muốn người ngoài hay đối phương biết; nếu họ biết được sẽ có điều bất lợi cho người dấu tẩy.

Thín cẩu = một loại bài hình thẻ của người Tàu.

Thò lò = cái bông vụ, một loại đồ chơi của trẻ em. Nó cũng là một vật dụng dùng trong bài bạc.

Thùng phá xảnh = một con bài trong bài 'xập xám". Con bài nầy gồm năm lá cùng "một nước" (cùng loại) nhau. HV gọi là "đồng hoa duẫn". Về bài sập xám, có hai hạng sau đây là hai con bài lớn: Nhứt "tứ quí (hạng nhất là bốn lá bài giống nhau như 4 lá ách, hay 4 lá tám), nhì "đồng hoa" (thùng phá sảnh).

Tố (QĐ, QT) = nhiều. Trong bài "phé", tố là thêm tiền để thách thức đối phương đánh theo. Nếu đối phương không theo là đối phương chịu thua. Nếu đối phương tố mà ta không dám theo (vì sợ nếu theo thì bị thua nhiều hơn) thì ta thua số tiền đã đặc ra ở những lần "tố" trước.

Tùng = lá bài được để ngửa lên trong một vòng của bài "cách tê" vì trong vòng đó nó là lá bài lớn nhất. "Tiêu tùng" là không có lá nào để ngửa. Tiêu tùng còn có nghĩa là mất hết cơ hội rồi. Mùa giáng sinh năm nay nếu lỗ lã nữa thì anh em ta tiêu tùng rồi, chắc phải dẹp tiệm.

Tài = lớn, (HV: đại); tài xỉu = lớn nhỏ = tên một loại cờ bạc. Tài sồi = búa lớn

4. Những chữ không có trong các nhóm bên trên.

Bạc = trắng ; vàng bạc; trắng như bạc; **bạc cấy** = gà (luộc) trắng; **bạc phàm** =cơm trắng (cơm thường, không phải cơm chiên (rang).

Bảo kê (TC = bảo đảm bồi thường thiệt hại theo khế ước thỏa thuận. Bảo kê nhân thọ, bảo kê xe cộ, bảo kê sức khỏe v.v.

Bín = bện lại với nhau như tóc thắt bín hay giác bín (HV: biện).

Cảo : vặn xoáy ra (thường là vặn theo chiều ngược). Động từ cảo thường do các thợ máy dùng.

Hắc ín = loại nhựa đen dùng trộn với đá xay nhỏ để trải đường còn gọi là dầu hắc; HV: hắc yên.

Ngám = vừa đúng theo kích thước; "vừa ngám" = vừa y, vừa triến, vừa vặn.

Xà bần : Do tiếng "chập bần" của TC = nhiều món trộn lẫn với nhau. Gạch đá xà bần là gạch đá vụng do việc đập phá sân hay nền nhà, đổ lẫn lộn nhau thành đống. "Nồi xà bần" là nồi nấu chung nhiều món ăn dư của buổi tiệc hay của bữa ăn trước.

Xế = xe. Tài xế = người lái xe.

Xí mứng (TC) = bốn cửa. Nghĩa bóng là dùng kế, hay phương cách làm người khác thi hành theo ý mình và có lợi cho mình. Td: Anh đó chơi "cú xí mứng" dễ dụ mầy hùn vốn (mượn tiền) cho ảnh làm ăn. HV đọc là "tứ môn". ((Trong quyển "Người Mỹ ưu tư", học giả Hồ Hữu Tường, khi viết về việc chánh phủ Sài gòn dẹp vụ "hỗn loạn" ở Đà Nẵng có giải thích:

"... Những người Việt chúng ta, hay xem các cuộc đấu võ, ắt biết rằng chánh phủ trung ương đánh đường quyền "xí mứng". . phá cái trận có 4 cửa. Cửa thứ nhất do tướng Nguyễn Chánh Thi.. .thủ. Cửa thứ hai do các đảng chánh trị quốc gia thủ. Cửa thứ ba do sinh viên giữ. Còn cửa thứ tư là do Phật giáo thủ. Phá từng cửa một, và với chiến thuật khác nhau, ấy gọi là đánh "xí mứng".

Xường xám = áo đàn bà, kiểu Thượng Hải, tay ngắn, hoặc dài, hai vạt trước và sau như áo dài VN nhưng bó sát gần chân , có xẻ hai bên từ hông xuống hết chiều dài của áo. Đây là một kiểu áo trông rất "sexy".

Yến (TC) = 10 cân = 6 kilô ; đơn vị đo lường ngày xưa.

Vài Câu Cuối Bài

Chữ Việt gốc Tàu là một trong những điểm đặc biệt của nền văn hóa Đồng Nai – Cửu Long. Món ăn Tàu và tiệm ăn Tàu trong đời sống dân Việt là một hiện tượng văn hóa hết sức độc đáo.

Có thể nói rằng những người Tàu di cư đến VN nói chung và người Minh Hương nói riêng, đã góp phần không nhỏ vào sự mở rộng bờ cõi VN về phương Nam qua nhiều hình thức như giúp chúa Nguyễn trong việc đối phó về quân sự với Cam Bốt, bành trướng diện tích trồng trọt qua việc khẩn hoang, góp phần vào nền văn hóa ĐN-CL qua những thế hệ kế tiếp (con cháu họ, tức là

người Việt gốc Minh Hương đã đi học trường VN, thành công, và tham gia vào guồng máy cai trị của nhà Nguyễn; đã để dùng ngọn bút góp phần vào nền văn chương "đàng trong", kể cả vùng ĐN-CL;) Một vài thí dụ điển hình là các Ông:

Mạc Thiên Tích 1710-1780 (Còn có tên là Mạc Thiên Tứ) Đô Đốc trấn Hà Tiên. Ngoài việc giúp chúa Nguyễn dẹp quân Cam Bốt (1739) và đánh nhau với Tây Sơn (1775), cò để lại nhiều thơ văn qua nhóm Chiêu Anh Các do ông đứng đầu. Nổi tiếng nhất là tập vịnh về mười cảnh đẹp ở Hà Tiên (Hà Tiên thập cảnh vịnh tập).

Ngô Nhân Tịnh: Ông đã phò chúa Nguyễn Ánh khi chúa còn trong thời gian bôn ba tránh Tây Sơn. Năm 1802 (Gia Long năm đầu tiên, Ông được làm trưởng phái đoàn ngoại giao VN đi sang Trung Hoa trong 2 năm. Ông còn là một nhà thơ được liệt vào danh hiệu "Gia Định tam thi gia" (hai người kia là Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định). Ngoài thơ văn ra, Ông còn để lại quyển Nghệ An phong thổ.

Trịnh Hoài Đức, gốc người Phước Kiến, phò chúa Nguyễn Ánh chống lại Tây Sơn. Đã đảm nhiệm các chức vụ: Tổng Trấn Gia Định, Đặc Sứ VN đại diện vua Gia Long xin cầu phong với Tàu. Phục vụ cho cả hai triều Gia Long và Minh Mạng. Cùng với Lê quang Định và Ngô Nhân Tịnh ngâm vịnh. Thi phẩm của ba ông gộp lại trong tập Gia Định tam tài. Ông còn để lại *Cẩm trai thi tập* và *Bắc sứ thi tập*.

Ngoài ba người trên, còn có một số những người gốc Minh Hương khác nữa. Họ đã để lại sự nghiệp văn chương qua nhiều bài thơ cũng như tài liệu viết khác cho kho tàng văn học VN đặc biệt là văn học có những đặc tính độc đáo và mới lạ của miền Đồng Nai Cửu Long, một miền đất tương đố quá nhỏ tuổi so với lịch sử của dân tộc VN.

Mặt khác, có thể nói cuộc sống chung đụng với người Chăm, người Cam Bốt, người Minh Hương, và người Việt đã tạo cho miền ĐN-CL một nền văn hóa có tính cách đa chủng, nhưng bao dung và phong phú. Không thấy tài liệu nào ghi nhận sự căn thẳng giữa chủng tộc Việt Nam và người Minh Hương, hay các nhóm người Tàu di cư khác trong suốt thời gian mở mang bờ cõi VN về phương Nam, cũng như cho đến hiện tại. Mặc dầu giữa người VN và người Cam Bốt đôi khi có những căn thẳng chủng tộc do hoàn cảnh chánh trị, nhưng đó chỉ là những sự kiện nhất thời, vì nói chung, dân Việt và dân Việt gốc Cam bốt vẫn sống yên lành bên nhau qua nhiều thế hệ suốt lịch sử mở mang bờ cõi của VN.

- Mình ơi, cho em hỏi câu chót. Tại sau dân ta gọi TH là Tàu?

- Mình ra phố mua cho anh DVD Paris By Night (PBN) Xuân 2005 về xem. Trong ấy MC Nguyễn Ngọc Ngạn có trả lời câu mình vừa hỏi.

- Mình "chơi gác" quá, thừa lúc em có câu hỏi, mình "dụ khị" em mua DVD PBN phải hôn? Thôi thì em chìu mình một lần vậy. Mai mốt đừng có đưa ra trò "xây cá nại" "bắt địa" em nữa nghen.

- OK. OK. Anh nghe rồi.

Sách Tham Khảo

Hồ Hữu Tường. Người Mỹ ưu tư, An Tiêm tái bản, Paris 2003.

Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ (1970). Việt Nam Tự Điển, nxb Khai Trí, Sài Gòn, VN.

Lê Ngọc Trụ (1993). Tầm nguyên tự điển Việt Nam, nxb thành phố Hồ Chí Minh, Sài Gòn, VN.

Lê Văn Lân 2001). "Tại sao người Việt Nam khoái cơm tàu?" Đặc San Lê Hoa, Lê tộc hội hải ngoại xb, San Diego, California, USA.

Ngô Thế Vinh (2000). Cửu long cạn dòng, Biển Đông dậy sóng, nxb Văn Nghệ, Westminster, California, USA.

Nguyễn Trúc Phương (1970). Văn học bình dân. Khai Trí xb. Saigon, VN.

Trần Gia Phụng (2005). Nhà Tây Sơn, nxb Non Nước, Toronto, Canada.

Trần Nguơn Phiêu (2005). "Cù lao Phố", tạp chí Thế Kỷ 21, số 189&190, Westminster, California, USA.

Tu Dinh & Vo Cao (2003). Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam, nxb Southeast Asian Culture and Education Foundation Foundation, Huntington Beach, California,USA.

Các nguồn tư liệu khác.

Trần Thượng Thủ (2005). Điện đàm giữa Gs Trần Thượng Thủ (cháu đời thứ 12 của ông Trần Thượng Xuyên) với tác giả bài nầy: Xác nhận là ông Trần Thượng Xuyên còn có tên là Trần Thắng Tài.

Các hảo bằng hữu (đồng nghiệp, nhân viên của Chương trình bảo vệ trẻ em Á Châu Thái Bình Dương, county Los Angeles, muốn dấu tên) người Mỹ-Việt gốc QĐ, TC, Hồng Kông, VN, chẳng những nói được phương ngữ TH mà còn biết rành giọng Quan Thoại: Đã điện đàm, hoặc trực tiếp bàn với tác giả bài nầy về những chữ có giọng đọc giống nhau hoặc trà trại đôi chút giữa VN và các giọng Trung Hoa. Xin cảm ta sự "giúp đỡ" của các bạn.

Trúc Lâm Thiền Viện.com

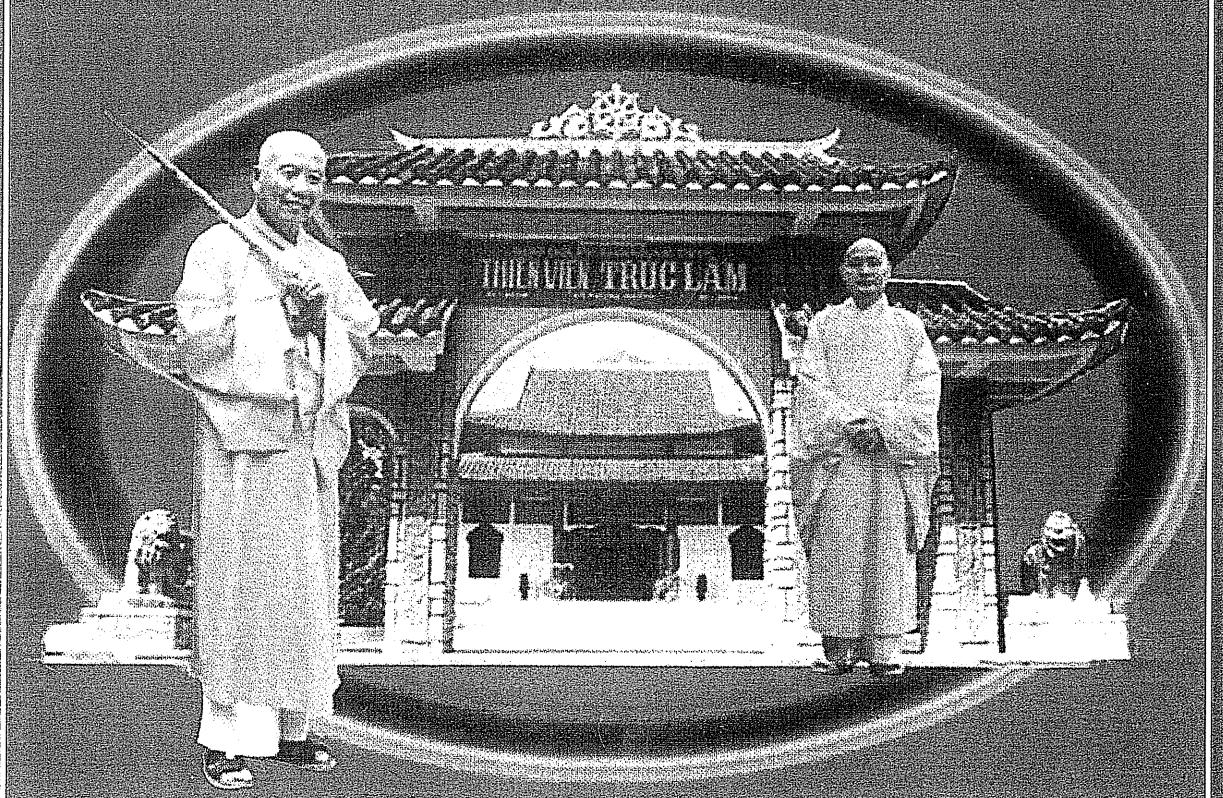

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.

Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim